BỘ 2 • SỐ 15 • THÁNG BẢY, 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

HỒ TRƯỜNG AN ▪ NGÔ NGUYÊN DŨNG ▪ ĐÀO TRUNG ĐẠO ▪ HOÀNG MAI ĐẠT ▪ BỬU KHẢI ▪ THỤY KHUÊ ▪ MILAN KUNDERA/TRỊNH Y THƯ ▪ PHẠM THỊ NGỌC ▪ THƯỜNG QUÁN ▪ NGUYỄN HƯNG QUỐC ▪ TRẦN SA ▪ MAI THẢO ▪ TAM TRƯỜNG ▪ HẠ LONG LƯU VĂN VỊNH ▪

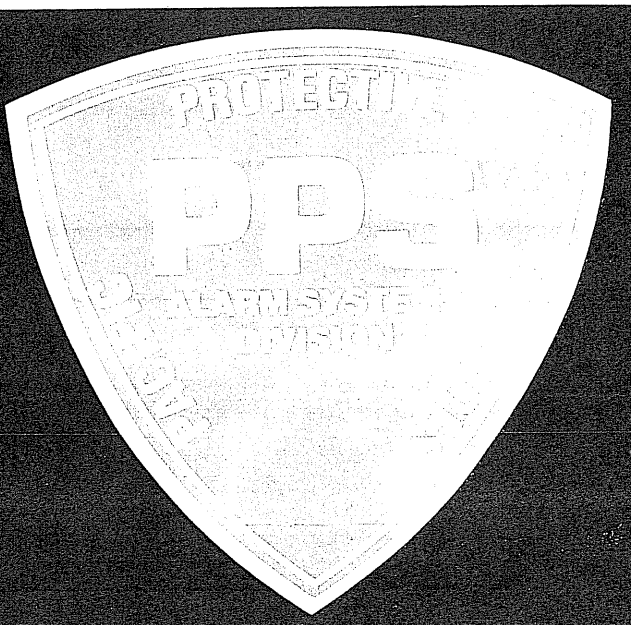

FOR ALARM SERVICE CALL:

(714) 898-7059 • 1-800-533-8512

FREE COMPLETE ALARM SYSTEM

UL LIST EQUIPMENT

Quý vị có thể tin tưởng rằng hãng P.P.S Alarm Co sẽ trang bị cho quí vị một hệ thống báo động hoàn toàn miễn phí cho nhà và cơ sở thương mại của quí vị không? ? ?

YES FREE, FREE

Vậy để đáp lại thịnh tình của quí vị dành cho P.P.S trong thời gian qua, P.P.S chúng tôi đặc biệt ưu tiên dành cho quý đồng hương Việt Nam.

P.P.S sẽ gắn cho quí ví một hệ thống an ninh hoàn toàn miễn phí

Một cơ hội mã quí vị không thể bỏ qua được

Hệ thống an ninh sẽ trực tiếp liên lạc qua tổng đài trung ương với:

- ☐ Sở Cảnh Sát khi có kẻ gian
- ☐ Sở Cứu Hỏa khi có hỏa hoạn
- ☐ Xe cứu thương khi cần

Quý vị hãy để cho nhân viên của hãng P.P.S nhiệt tình giúp đỡ và giải thích rõ ràng về tất cả Hệ Thống Báo Động hiện thời để quí vị được nắm vững trước khi gắn Hệ Thống An Ninh với P.P.S. Co. tất cả tham khảo hoàn toàn miễn phí

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT RÕ RÀNG HƠN

GỌI ÁNH NGAY (714) 898-7059

SÁU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
DO
NHÀ XUẤT BẢN **NGƯỜI VIỆT**
ẤN HÀNH

14841 MORAN ST., WESTMINSTER
CA 92683
(714) 892-9414 / 892-9316
FAX: (714) 894-1381

- GỌI BÌNH MINH
Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO
Sách dày 232 trang, giá 12.00 MK

- BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện đầu tay của BÙI BÍCH HÀ
Sách dày 195 trang, giá 12.00 MK

- ĐỔI MỚI KINH TẾ
Biên khảo của VƯƠNG HỮU BỘT
Sách dày 318 trang, giá 14.00 MK

- TUYỂN TẬP THI VIẾT VĂN HÈ 88
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 135 trang, giá 8.00 MK

- THIÊN ĐÀNG TREO
Tập truyện XHCN của XUÂN VŨ
Sách dày 286 trang, giá 14.00 MK

- TỪ MỘT GIẤC MƠ
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 259 trang, giá 12.00 MK

NHỮNG CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU
TRONG TỦ SÁCH CỦA
GIA ĐÌNH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

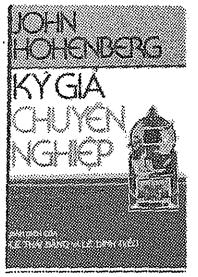

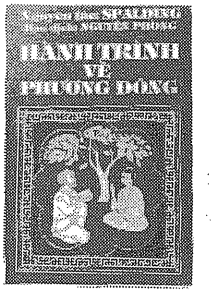

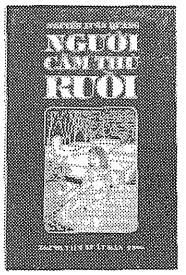

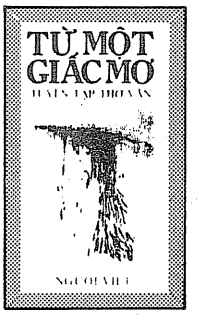

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

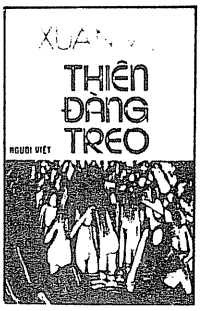

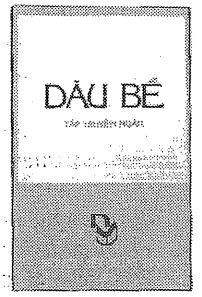

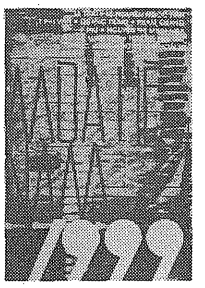

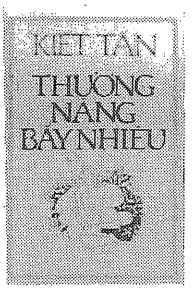

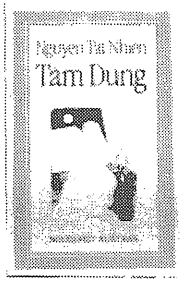

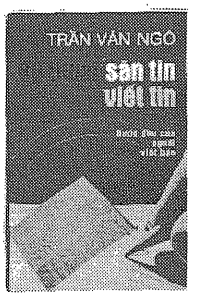

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

THƯ TÒA SOẠN

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng
Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

Bạn đọc thân mến,

Nhiều thư bạn đọc trong tháng qua có một nhận xét chung là báo đã ra trễ hơn thường lệ và hài lòng vì cách sắp xếp bài vở. Một số ý kiến cho rằng tờ báo đã "nhẹ" đi nhờ tăng cường phần sinh hoạt văn học nghệ thuật và giảm bớt lượng chính trị, kinh tế. Mặc dù vậy các sáng tác thiếu minh họa — như đã từng làm rất đẹp trong các số đầu — khiến tờ báo hơi cứng.

Xin ghi nhận tất cả ý kiến xây dựng của quý vị và các bạn và xin sẽ thực hiện dần. Tuy vậy, một số bạn đọc có ý kiến hơi khác là muốn tờ báo tăng cường trang chính trị và biên khảo. Sinh hoạt văn học nghệ thuật chỉ nên chiếm một phần ba số trang thôi, cho tờ báo cân bằng. Đây cũng là quan niệm mà tòa soạn đã đặt ra từ đầu khi bắt tay thực hiện tờ báo.

Nhưng, như quý vị và các bạn đã rõ, trong tình hình sinh hoạt của những người cầm bút hải ngoại thực sự sống bằng ngòi bút của mình hình như không nhiều nhỏi gì. Mặt khác, guồng máy xã hội kỹ nghệ đã lôi cuốn người ta vào một vòng quay không ngừng nghỉ, khiến công việc viết lách trở nên khó khăn. Thứ nữa, những người còn cầm bút và còn gửi công trình của mình đến tờ báo phần lớn là do lòng yêu mến tờ báo chứ không phải vì tiền nhuận bút. Vả chăng, nhuận bút nếu có — như tờ Thế Kỷ 21 *vẫn làm từ số ra mắt đến nay đối với truyện và biên khảo — thì cũng khiêm tốn, không xứng đáng với công trình của một biên khảo công phu hay một sáng tác có giá trị. Nhiều tác giả đã vì muốn cho tờ* Thế Kỷ 21 *tiếp tục đến với người đọc đã gửi lại tòa soạn khoản nhuận bút và đề nghị dùng nó như cước phí để gửi báo đều là đủ.*

Lời trần tình trên đây là một cách "biện hộ dở" cho những khiếm khuyết của tờ báo. Nó cũng là một lời xin lỗi gửi đến thân hữu và bạn đọc vì chưa thực hiện được đầy đủ như tất cả chúng ta cùng mong ước.

Chúc bạn đọc hưởng một mùa hè tươi đẹp. Và mong nhận được sự hưởng ứng mà quý vị và các bạn đã dành cho Thế Kỷ 21 *hơn một năm qua.* K

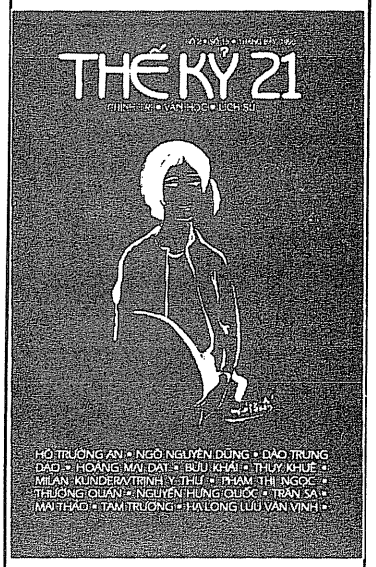

Tranh bìa

Thái Tuấn

Trình bày
Nguyễn Thị Hợp

TRONG SỐ NÀY

CHÍNH TRỊ

HẠ LONG LƯU VĂN VỊNH
Việt Nam trong thế ngũ phân thiên hạ của thập niên 90 / 7

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

MAI THẢO
Mười lăm năm sau / 11
HOÀNG MAI ĐẠT
Ngày giỗ bố / 20
PHẠM THỊ NGỌC
Những giòng sông lạc / 30
NGÔ NGUYÊN DŨNG
Ý tạm (2) / 38
MILAN KUNDERA / TRỊNH Y THƯ dịch
Nặng và Nhẹ / 45
BERNARD MALAMUD / NGUYỄN KHANH dịch
Nghệ thuật / 49
NNA
Nói chuyện với họa sĩ Khánh Trường / 52
LÊ THỊ HUỆ
Kẻ trở về một mình / 71

THƠ

LÊ BI * PHẠM QUỐC BẢO * TRẦN MỘNG TÚ * NG. T. THANH BÌNH * ĐỖ KH. * THƯỜNG QUÁN

MINH HỌA

ĐINH CƯỜNG * NGỌC DŨNG * NGUYỄN THỊ HỢP * KHÁNH TRƯỜNG

BIÊN KHẢO, TIỂU LUẬN

NGUYỄN HƯNG QUỐC
Vào cõi thơ xưa: Nguyễn Gia Thiều / 60
THỤY KHÊ
Viết, đọc và phê bình / 64
ĐÀO TRUNG ĐẠO
Đọc "Rồng Rắn" của Lê Thị Huệ / 68

KÝ SỰ

NGUYỄN XUÂN THU
Một vòng Nam Bắc Đông Tây / 78

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

GÚC *Hí họa / 9* * TAM TRƯƠNG *Bắt ma giữa chợ* * VANN PHAN *Trung Quốc nhìn dưới nhiều góc độ / 58* * VƯƠNG CÔNG TỬ *Chữ và nghĩa / 82* * ĐỖ TỈNH *Trong cõi người ta / 83* * ĐỖ QUÁN ANH *Truyện phóng tác: Đấu cờ tướng / 84* * NGUYỄN NAM ANH *Sách báo trong tháng / 86*

• VIỆT NAM TRONG THẾ GIỚI NGŨ PHÂN THIÊN HẠ CỦA THẬP NIÊN 90 / Hạ Long Lưu Văn Vịnh / 7

Tác giả đưa ra một cái nhìn về Việt Nam trong thế kỷ tới, với dân số có thể từ 64 triệu tăng lên 100 triệu, mà nếu không thay đổi kịp thời — và toàn diện — trước thế ngũ phân thiên hạ, sẽ rơi xuống vực thẳm. Tác giả cũng đưa ra những đề nghị cụ thể cho công cuộc kiến quốc.

• MƯỜI LĂM NĂM SAU / Truyện Mai Thảo / 11

Mười lăm năm sau là câu chuyện của ba người — một thiếu nữ Mỹ, một vũ nữ Việt và một người đàn ông tên Kính sống già nhân ngãi non vợ chồng với cô vũ nữ. Trước ngày Sàigòn bị mất họ đã chia tay nhau. Và giờ đây sau 15 năm xa cách người đàn ông Việt tình cờ gặp lại người phụ nữ Mỹ. Cả hai người cùng tìm cách để đưa cô vũ nữ qua California. Những sự việc là mới, nhưng thế giới tiểu thuyết của Mai Thảo vẫn mượt mà như đã từng trước đây.

• VÀO CÕI THƠ XƯA: NGUYỄN GIA THIỀU / Nguyễn Hưng Quốc / 60

Nhà phê bình văn học trẻ tuổi của văn chương Việt Nam hải ngoại qua bài viết này cho thấy ông đọc nhiều và cảm nhận sâu sắc. Nguyễn Hưng Quốc đã đưa cho nhà xuất bản *Người Việt* tập tiểu luận *Vào Cõi Thơ Xưa* của ông. Hy vọng sách sẽ ra mắt bạn đọc vào mùa đông năm nay. *Nguyễn Gia Thiều* là một trích đoạn trong tập tiểu luận này.

• TRONG NHỮNG SỐ TỚI

THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VIỆT NGỮ TRONG CÁC HỌC ĐƯỜNG ÚC / Bửu Khải • NGHĨ VỀ MỘT CUỘC CHIẾN SỚM BỊ LÃNG QUÊN / Nguyễn Xuân Thu • VẾT NỨT TRÊN TƯỜNG / Xuân Vũ • TÂM ẢNH / Trần Vũ • CẦU CỨU NHỮNG VÌ SAO / Trần Sa • CÔ GIÁO VĂN / Mai Kim Ngọc • GAI HỒNG / Nguyễn Thị Ngọc Nhung • CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG KẺ VẮNG MẶT / Khế Iêm • NHỮNG KHOẢNG CÁCH / Thái Tuấn • VƯỜN THƠM HOA BƯỞI / Hồ Trường An • DES MOINES, ĐÊM MỚI TỚI / Nguyễn Thiếu Nhẫn • THI SĨ LÀ DƯƠNG BẢN CỦA MAI THẢO / Cao Đông Khánh • GÁI HƯ / Perri Klauss, Nguyễn Khanh dịch • THƠ IOSSIP BRODSKI / Diễm Châu dịch • THƠ LEONARD COHEN, MARVIN COHEN, TENNESSEE WILLIAMS, FRANK O'HARA / Nguyễn Đăng Thường, Diễm Châu dịch.

Mục Bạn Đọc Viết kỳ này xin được phép dành cho một lời phê của một thân hữu và một đính chính về bài phân tích kinh tế trong số vừa qua. Thành thật cáo lỗi bạn đọc và xin đa tạ tri âm.

Không tóm tắt đúng ý lời phát biểu

"Cảm ơn anh đã cho góp ý trên *Thế Kỷ 21* về vấn đề phản kháng trong nước, và đã cho đăng nguyên văn lời phát biểu của tôi. Tuy nhiên, trong phần giới thiệu tóm tắt về vấn đề *"Có hay không . . . văn nghệ phản kháng"* (trang 5) anh đã KHÔNG tóm tắt đúng ý lời phát biểu của tôi đăng ở trang 33 (TK 21, số 14).

Để trả lời câu hỏi "Có hay không . . . văn nghệ phản kháng", tôi trả lời: *CÓ, nhưng không phải cánh Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo* (mà là Nguyễn Chí Thiện và những văn nghệ sĩ bị Đảng bẻ bút, bỏ tù).

Câu hỏi của anh không thể trả lời "Có hay không" đơn giản như vậy được. Nếu trả lời gọn là "không", hóa ra hoặc tôi đui mù trước Nguyễn Chí Thiện, Hoàng Cầm (Lá Diêu Bông); hoặc giả tôi có ý bao che cho chính quyền cộng sản vì . . . không hề có ai . . . chống chế độ!

Theo thiển ý, nếu muốn nhận được câu trả lời "Có hay không" một cách gọn gàng như vậy, câu hỏi đáng lẽ được đặt ra phải là: *"Những người như DTH, TMH có thực sự làm văn nghệ phản kháng chế độ hay không?"*

Tháng trước, khi nhận được câu hỏi "Có hay không . . . văn nghệ phản kháng" của anh, tôi gọi đó là một câu hỏi giăng bẫy, không biết có đúng không? Ngoài ra, anh bảo rằng "bên Mỹ chỉ có một người chống DTH, TMH", là sai. Ít nhất, tôi đã nhận được 10 lá thư trong văn giới bày tỏ ý kiến về vấn đề này, có điều họkhông chuyên về lý luận, nên chỉ có vài người phát biểu trên báo thôi. Vấn đề Việt Nam hiện thời càng ngày càng phức tạp hơn trước. Khi NVL xuống (hay chết), nếu cánh VVK không nắm được Đảng và nhà nước, những cán bộ văn nghệ "phản kháng" của Linh sẽ bị "úm" hết (và thành ra anh hùng!) Đó là tình trạng xấu nhất mà những người nhận diện DTH, TMH phải thủ thế. Anh sống với cộng sản lâu hơn tôi, chắc chia sẻ được điều này với tôi.

Tin mới trong nước cho biết, Nguyễn Huy Thiệp vừa được kết nạp vào Hội Nhà văn, và Nguyễn Mạnh Tuấn đã xin xuất hội. Linh mục Chân Tín, ông Nguyễn Ngọc Lan bị quản thúc, Huỳnh Tấn Mẫn, Nguyễn Hộ đi tù, anh đã biết tù lâu rồi. (Gần đây, đài BBC làm phim lăng-xê Trịnh Công Sơn thành Lech Walesa Việt Nam, anh nghe được không?) Việt Nam mình hơi thiếu anh hùng thời đại; nhưng những con rối kể trên không bao giờ có thể trở thành anh hùng, dù Việt Cộng có đánh bóng bất cứ cách nào đi nữa.

N.H.N.

Đính chính

Bài "Đi Tìm Mỵ Châu . . . Mỹ" của Hoàng Linh trong *Thế Kỷ 21* số 14 tháng Sáu 1990, từ trang 7 đến trang 11, có một số chữ hoặc câu bị bỏ sót, nên không có nghĩa. Xin sửa như sau:

— Trang 7, cột 1, dòng 8: tư bản kỹ nghệ nước *này*. (thay vì nước *ngoài*).

— Trang 7, cột 2, dòng 25 thêm: ". . . sự tồn tại của các xưởng *làm xe Nhật, quá nhiều tiểu bang trông cậy vào tiền thuế trực thâu . . .*"

— Trang 9, cột 1, dòng 11 thêm: ". . . không ăn khách, *không được lòng các nghiệp đoàn, chính khách* và ngân hàng, . . ."

— Trang 10, cột 2, dòng 14 thêm: ". . . đấu thầu trí trá *cho* xí nghiệp Mỹ . . ."

— Trang 10, cột 2, dòng 42: *Heary* Industries (thay vì *Heary*).

— Trang 11, cột 1, dòng 15: *Shintaro* (thay vì *Shintano*). Dòng 21 thêm: . . . "có thể hiểu rằng *không phải chính giới Nhật* không bao giờ dám nghĩ . . ." Dòng 24: ". . . nếu ta xét *theo* tiếng vang . . ." (thay vì *cho*). Dòng 2 từ dưới lên: *hiệu* kim (thay vì *hiện* kim).

— Trang 11, cột 2, dòng 11 và 12: *William Eberle* (thay vì *William Eborle*).

TK21 xin cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả.

VIỆT NAM TRONG THẾ NGŨ PHÂN THIÊN HẠ CỦA THẬP NIÊN 90

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

- **Thế liên lập quốc tế của thập niên 90**
- **Dụng ý lâu dài của Nga Xô**
- **Yếu tố Trung Cộng trong tình hình Đông Dương**
- **Kế "Bám Cành Đu Ngọn", đốt giai đoạn đưa Việt Nam dân chủ tự do vào quỹ đạo tiền tiến**

Những đột biến tại Đông Âu đã mở màn cho thập niên 1990 đi vào một chiều hướng mới: sau những xung đột ý hệ, quân sự của bốn thập niên 40, 50, 60, 70.

Thực sự chiều hướng này đã được Hoa Kỳ và Tây Âu sửa soạn từ hai mươi năm trước khi cuộc chiến Việt Nam đang bùng lửa bỗng nhiên lắng dịu bằng chuyến đi Bắc Kinh của Nixon và Kissinger. Một thế cờ mới trải ra, phải trải ra vì những yếu tố sau đây:

1 - Cuộc cách mạng điện tử điện toán đã thay đổi phẩm chất vũ khí chiến lược, khiến việc chiếm đất đổ máu không còn quan yếu như chiến lược cổ điển. Trong đường trường, sức mạnh quân sự nằm ở tay kẻ có kỹ thuật điện tử cao, và muốn có kỹ thuật cao phải có kinh tế mạnh.

2 - Trong lúc Nga, Mỹ, Tầu tranh hùng mải mê từ 1950 tới 1970, Nhật và Đức đã kiên trì kiến quốc phát triển thành thế lực kinh tế mới, làm lung lay thế đứng kinh tế độc nhất của Hoa Kỳ. Do đó Hoa Kỳ đã phải dứt bỏ những xung đột chính trị quân sự lẻ tẻ trên thế giới để tập trung vào nỗ lực kinh tế. Sau cuộc chiến vô ích ở Đông Dương, sau khủng hoảng dầu hỏa 1973 do OPEC tăng giá, Hoa Kỳ đã lấy lại được thăng bằng kinh tế với tám năm của Reagan và đồng thời chứng minh được kết quả rực rỡ của nền kinh tế thị trường tự do, kết quả này đã làm khối Cộng Sản phải suy xét và đổi mới để theo kịp đà tiến bộ, nếu không muốn thụt lùi sau Đại Hàn, Đài Loan . . .

3 - Sau cuộc trỗi dậy thần kỳ của kinh tế Nhật Bản, cộng với uy lực của phe dầu hỏa Ả Rập với khối OPEC, Âu Mỹ đã vội vã sắp xếp lại kế hoạch dựa trên căn bản Liên Lập và từ bỏ quan niệm "độc nhất quán quân." Từ đó ta thấy xuất hiện hội nghị kinh tế thượng đỉnh (Economic

Summit) với 11 quốc gia kỹ nghệ, cộng đồng kinh tế Âu châu, khối ASEAN tu chỉnh v.v . . .

Như vậy những gì xẩy ra trên thế giới hiện tại là kết quả của 20 năm sắp xếp của khối Âu Mỹ, bàn cờ thế bầy ra không có chân đứng cao cho Cộng Sản, vậy thì khối Cộng Sản phải đánh cờ lại ra sao?

Phản ứng của phe đỏ

Vì quá cổ điển và giáo điều, Mạc Tư Khoa đã phản ứng chậm mất mười năm, đáng lẽ những gì Gorbachev làm năm 1985 phải được khởi sự từ 1975 mới đúng. Người nhìn thấy bên ngoài bức màn sắt không phải là dân chúng, không phải là Politburo, mà chính là KGB mới có đủ điều kiện để theo dõi những tiến bộ của Âu Mỹ và lượng định thế mạnh yếu của hai phe. Vì thế Andropov — trùm KBG — mới sửa soạn cho Gorbachev và ở Đông Đức cũng chính những phần tử mật vụ ủng hộ phong trào cải cách.

Để tránh màn lưới của phe Âu Mỹ vây bủa, Gorbachev đã phải thực hiện có kế hoạch các bước sau đây:

1 - Trẻ trung hóa guồng máy Cộng Sản, cải tổ và đổi mới chính trị, kinh tế.

2 - Bỏ đường lối sắt máu của Đệ Tam Quốc Tế, rút quân khỏi A Phú Hãn, tài giảm vũ khí.

3 - Buông Đông Âu cho khối Âu Châu, tương nhượng với Mỹ và Tầu.

Sau năm năm (1985-90) thi hành những nước cờ cứu vãn, Mạc Tư Khoa có thể có những dụng ý lâu dài như sau:

* Biết mình không phải là đối thủ kinh tế của Hoa Kỳ, Mạc Tư Khoa đã thúc đẩy thống nhất Đức Quốc, khối non trăm triệu dân Đức này cộng với Nhật Bản sẽ thành *thế chân vạc kinh tế với Hoa Kỳ*. Khối Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu không thể bỏ rơi Đông Âu trong thập niên 90 và sẽ gián tiếp yểm trợ Nga Xô trong lãnh vực thương mại mậu dịch.

* Với tư thế đại cường, lại quá yếu về kinh tế, Nga Xô chỉ lãnh đạo được một số chư hầu nghèo đói và càng ngày càng mất ngôi vị lãnh đạo trong kỷ nguyên kinh tế của thế giới mới. Sự đổi mới theo dân chủ và thị trường tự do sẽ giúp Nga giữ được thế đại cường về cả quân sự lẫn kinh tế chính trị, vả lại trên bàn cờ thế giới vẫn cần có hai đối thủ giữ miếng với nhau, gờm nhau nhưng không đánh nhau, ở giữa các nước nhỏ được lợi vì nếu hoàn cầu chỉ có một nước bá chủ tất sẽ đi tới chỗ bá quyền, độc tôn, độc đoán.

Yếu tố Trung Cộng

Nga và Mỹ không quên được nước khổng lồ Trung Cộng đang chạy đua vũ khí hạch tâm và đủ khả năng phóng hỏa tiễn vệ tinh. Con chốt Việt Nam được cả hai, Nga và Mỹ, đồng lòng làm nút chặn mặt Nam của Trung Cộng nên Trung Cộng phải lách qua phía Cao Miên. Không may cho Trung Cộng là đàn em Pol Pot lại quá thất nhân tâm nên con cờ này loay hoay mãi không xong, vì thế diện Trung Cộng phải hiện diện ở Cao Miên, vì chiến lược Nga Mỹ phải chặn Trung Cộng ở cả Cao Miên lẫn Việt Nam. Có thể nêu giả thuyết là Nga Mỹ từ 1975 đã đồng ý dùng Hà Nội làm con chốt chặn ở Đông Nam Á nên đã hy sinh Nam Việt Nam. Tình hình tại Việt Nam hiện tại cho thấy Nga và Mỹ vẫn còn dùng con chốt này và chưa muốn khai tử Hà Nội chừng nào Trung Cộng còn là một mối đe dọa cho Đông Á Thái Bình Dương. Nếu khai tử Hà Nội như Đông Âu, Nga và Mỹ sẽ không biết dùng khối lực nào để cầm chân mặt Nam Trung Cộng. Đổi mới và cải tổ là điều cả Nga lẫn Mỹ muốn thấy ở Việt Nam nhưng cả hai đều không muốn một biến cố nào đưa tới sự hủy hoại của con chốt cần thiết, gai góc, quỷ quyệt, nhưng được việc này. Có thể đây là lý do khiến Gorbachev không tạo áp lực mạnh với Hà Nội mà lại còn bàn việc cho Mỹ trở lại Cam Ranh làm căn cứ quân sự.

Tình hình Việt Nam như vậy phải đợi bài giải ở Cao Miên xem Trung Cộng chịu nhượng tới đâu, nếu Trung Cộng chịu nhượng thì Việt Nam sẽ có đột biến, xáo trộn, có lợi cho Tự Do Dân Chủ, nếu Trung Cộng không nhượng ở Cao Miên, nói khác đi là còn ý đồ bành trướng ở Đông Nam Á, thì Việt Nam sẽ được cả Nga lẫn Mỹ hỗ trợ ngầm để cầm chân Tầu Cộng, và phe cứng rắn ở Hà Nội sẽ được nắm quyền thêm một thời gian nữa. Tất nhiên các nước Đông Nam Á tuy không ưa gì Việt Nam nhưng họ còn sợ Trung Cộng gấp bội và ngay Nhật Bản cũng không muốn Trung Cộng làm bá chủ mặt Thái Bình Dương là địa bàn kinh thương của Nhật Bản từ hai thập niên qua.

Thế ngũ phân thiên hạ trong thập niên 90

Nếu lấy kinh tế làm tiêu chuẩn phân định thế cường nhược, trong mười năm cuối của thế kỷ 20, các khối sau đây sẽ nắm quyền uy trên hoàn vũ:

1 - Khối Âu châu liên kết do Đức lãnh đạo, nhờ *tinh thần liên quốc* rất cao, nhờ nhân tài

"VĂN NGHỆ CƠI TRỜI"

đông đảo, sẽ là khối mạnh lớn đều đặn nhất của nhân loại.

2 - Khối Mỹ-Gia Nã Đại-Úc: nhờ tư bản khổng lồ tích lũy, nhờ hệ thống kinh tế kỹ thuật sẵn có, sẽ tiếp tục phát triển, nhưng không còn mạnh như các thập niên trước vì bị cạnh tranh của Âu châu và Nhật, vì bị mất dần thị trường quốc tế và nhất là vì khối dân tạp chủng không đồng đều, nên khối này sẽ có thể dần dần xuống dốc trong thế kỷ 21.

3 - Khối Nhật Bản và các nước ven Thái Bình Dương nhờ nhân lực cần cù và kỹ thuật sẵn có của Nhật, Đài Loan, Đại Hàn sẽ tiếp tục lớn mạnh. Giao hảo giữa Nhật và Đức từ đệ II thế chiến có thể hợp thành đối thủ kinh tế của Mỹ trong những năm tới. Khuyết điểm của khối này là thiếu tin cậy nhau vì tự ái dân tộc quá cao nên không có tinh thần liên quốc đoàn kết như Âu châu.

4 - Khối Ả Rập Hồi Giáo: khối này nhờ tôn giáo gắn bó keo sơn, nhờ sản xuất dầu hỏa và tài nguyên thiên nhiên, sẽ lần lượt trỗi dậy khá mạnh trong những thập niên tới. Với tài lực do dầu khí mang lại, khối này có thể trở thành một lực lượng quân sự đe dọa một thế giới đang mải mê về mặt phát triển kinh tế.

5 - Khối Nga, Tầu, hay là các nước Cộng Sản tư bản hóa, đã và sẽ cố bám vào Âu, Mỹ, Nhật để tiến bộ, một tiến bộ không đồng đều vì dân số quá đông, quá nghèo (Theo thống kê 1989 lợi tức *per capita* của Tầu hiện tại là 304 đô la, chỉ bằng 1/10 Đại Hàn 3080 đô la. Theo thống kê 1989) lại dành quá nhiều ngân sách vào võ khí, nên cán cân kinh tế sai lệch tới mức độ không thể quân bình trong thập niên tới.

Tất nhiên, ngoài "ngũ bá" nói trên phải kể tới Ấn Độ và các nước nhược tiểu như Trung, Nam Mỹ, Phi Châu, Đông Dương, Nam Dương v.v . . . (khoảng non hai tỉ dân) không biết khi nào mới thoát khỏi bùn lầy nước đọng.

Thử phác lược một thập niên kế hoạch đốt giai đoạn đưa Việt Nam vào quỹ đạo tiền tiến

Khối dân 64 triệu Việt Nam sẽ tăng lên cỡ 100 triệu vào cuối thế kỷ 20 đến 21, với tài nguyên và mức sản xuất hiện tại, cả dân tộc sẽ rơi vào vực thẳm trong thế kỷ tới nếu không kịp thời thay đổi và thay đổi toàn diện.

Lịch sử cận đại cho thấy không ai oán than độc tài Phác Chính Hy, vì đây là độc tài vì dân vì nước để sau 19 năm đã đưa Đại Hàn lên hàng

cường quốc kinh tế. Nói khác đi, cái độc tài Cộng Sản là độc tài vì đảng và vì giai cấp mới, nên đã không mảy may hữu hiệu trong việc phú quốc cường dân mà chỉ *phú cán cường đảng.* Chính Trotsky đã phải gọi là "một tế bào ung thối giữa một cơ thể trẻ trung" *un cancer au sein d'un corps jeune.* Cho nên ta thấy Cộng Sản Hà Nội có một nhóm cán bộ được ưu đãi và một đảng Cộng Sản khá vững vàng, còn lại cả nước đói rách, hành chánh không đầu không đuôi, giáo dục rất vô giáo dục, vậy mà cái "tế bào đảng ung thư" ấy vẫn hủy hoại được cả nước.

Đã tới lúc cái "ung" ấy phải được nhổ đi, nếu không có con dao để cắt nó thì cũng phải dùng loại hóa chất hoặc làm nó teo lại hoặc làm nó căng lên rồi nổ vỡ, hoặc giả cách khác là làm cho cả cơ thể tung sức đề kháng làm triệt tiêu ung thư đi.

Hóa chất đây chính là *đô la* làm hủ hóa vợ con cán bộ, làm hủ hóa chính cán bộ và sẽ làm vỡ luôn đảng.

Sức đề kháng đây của cơ thể, của toàn dân phải được khơi dậy bằng truyền thông liên tục qua đài phát thanh quốc tế, qua mỗi người từ ngoại quốc đi về làm sứ giả của tự do giầu mạnh tự nó là một thông điệp chấn động tâm não dân chúng trong nước.

Với hai phương cách trên, trước sau chế độ Cộng Sản cũng phải tan vỡ, nhưng tan vỡ rồi thì dân tộc Việt Nam sẽ làm gì để xây dựng tương lai đất nước?

Sau đây là vài điểm đề nghị "lo xa" cho công cuộc kiến quốc:

1 - Áp dụng ngay chương trình *giáo dục thực tiễn Âu Mỹ,* chương trình giáo dục này đã giúp Minh Trị Thiên Hoàng đưa Nhật lên hàng cường quốc cả thế kỷ nay, đã giúp Đại Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba, Hồng Kông . . . có một lớp người thực tế, làm việc nhiều hơn nói, chính xác khoa học hơn là mơ hồ nghệ sĩ, đẩy được đà tiến hóa xã hội theo tốc độ kỹ thuật điện tử hiện đại.

2 - Lấy nông nghiệp làm cơ bản (một bước đầu kinh tế cổ điển), bỏ kỹ nghệ nặng, đi thẳng vào kỹ nghệ nhẹ điện tử bằng cách dùng nhân lực trong và ngoài nước nối kết với kỹ nghệ điện tử Mỹ quốc, khiến Việt Nam trở thành một "Silicon Valley" tại Đông Nam Á. Với cách này ta có thể *"bám lấy cành đu lên ngọn"* mà không cần mất công trèo từ gốc lên. *Kế "bám cành đu ngọn" này cần được triệt để áp dụng trong mọi lãnh vực kỹ nghệ kinh tế để đốt giai đoạn.* Điển hình là trước 1975, ngành sản xuất Dược phẩm ở Nam Việt Nam đã đạt được tầm mức quốc tế về phẩm lẫn lượng nhờ có khối chuyên viên Dược sĩ biết "bám vào cành Dược, Pháp, Mỹ, Thụy Sĩ v.v . . . đã đu lên ngọn cao Dược Khoa quốc tế."

Với chiều hướng quốc tế hiện tại, một công ty ở Nữu Ước có thể đặt một phòng chuyên về tính tiền (billing) tại một tỉnh nhỏ ở Ái Nhĩ Lan, thì việc dùng nhân lực rẻ, thông minh, theo hệ thống giáo dục Anh Mỹ (và giữ đạo đức Á Đông), như ở Việt Nam không phải là chuyện khó làm.

3 - Các nước trên thế giới dân đã giầu mạnh như Âu châu, Mỹ, Nhật v.v . . . tất phải có chỗ đi *du lịch* giải trí, các nước lợi dụng điểm này làm giầu như Thái Lan, Tầu v.v . . . dần dần sẽ bị chán ngấy và Việt Nam như một đóa hoa rừng có thể sẽ là địa điểm du lịch lý tưởng cho du khách ngoại quốc. Do đó phải *đặt ngành Du lịch giải trí lên hàng Tổng Bộ* để có ngoại tệ. Muốn có du khách thì phải có ba điều kiện:

- *Vệ sinh sạch sẽ,* nước tốt, diệt ruồi
- Không trộm cắp, cướp giựt, *an ninh* tuyệt đối.
- Gìn giữ *cổ tích và cảnh đẹp thiên nhiên.*

Sau đó mới đến khách sạn, hàng ăn . . . Chính khối du khách tiêu tiền này sẽ làm một nước nghèo sinh hoạt theo nhịp của nước giầu, đây cũng nằm trong kế "bám cành đu ngọn" vậy.

*

* *

Sau khi đã "bám cành đu ngọn" để tạo tư bản, ngoại tệ, thiết tưởng việc kiến quốc có thể thực hiện từ căn bản được. Giản dị hóa việc xây dựng xã hội chỉ là việc chỉnh đốn:

- Trường học (giáo dục)
- Nhà thương (y tế)
- Nhà tù (pháp luật)
- Nhà ở (an sinh)
- Chợ búa (kinh tế)
- Trại lính (quân sự)

Điểm tiên quyết xây dựng thành công đất nước là tạo được một lớp người tráng kiện và minh mẫn, có sức khỏe thể xác và tinh thần tất có đủ nghị lực để cần cù làm việc. Xưa nay các nước coi trọng việc vệ sinh, biết làm hệ thống nước uống, cầu tiêu cầu tiểu . . . để giữ sức khỏe cho dân chúng như Âu Mỹ, Nhật . . . đều trở thành cường quốc cả. Thiết tưởng điều giản dị nhưng tiên quyết này phải làm mấu chốt cho mọi kế hoạch kiến quốc. Nã Phá Luân từng nói thiên tài là kiên nhẫn, mà muốn kiên nhẫn xin thêm, phải có sức khỏe để kiên trì và nhẫn nại.

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

MƯỜI LĂM NĂM SAU

MAI THẢO

Người nữ chiêu đãi viên da đen, khá duyên dáng với chiếc nơ đỏ cài trên mái tóc, sau khi kiểm soát lại bằng máy điện toán, gật đầu với Kính. Nói đúng như đã thông báo mười lăm phút trước, chuyến bay từ Bangkok, ghé Honolulu, vì thời tiết xấu, tới phi trường Los chậm khoảng trên dưới một tiếng đồng hồ.

— Còn gì nữa không?

— Có. Kính trả lời. Tôi chờ đón Ruth, một cô bạn Mỹ. Ruth Anderson. Phiền cô coi dùm bạn tôi có tên trong danh sách hành khách chuyến bay đó không.

Cái máy điện toán lại được tra hỏi. Gật đầu:

— Có. Có Ruth Anderson. Đi từ Việt Nam ra và đổi máy bay ở Bangkok?

— Đúng vậy. Cám ơn.

Vậy là Ruth đã rời khỏi Sàigòn đúng ngày như đã hẹn, Kính nghĩ thầm. Và rời khỏi khu bán vé, chàng vào thang máy đi lên tầng trên, vào một quầy rượu, chọn một đầu quầy vắng người, gọi rượu uống, đợi chờ Ruth tới.

Ruth. Ruth Anderson. Người con gái Mỹ mạnh mẽ, độc thân, đã đi khắp cùng thế giới. Đã làm việc ở Tòa Đại Sứ Mỹ trên đường Thống Nhất bốn năm. Đã rời khỏi Việt Nam mười lăm năm trước, năm 1974, vừa cùng một phái đoàn nghị sĩ, dân biểu Lưỡng Viện Quốc Hội Mỹ đi sang Hà Nội và nhân dịp trở lại Sàigòn. Ruth. Ruth Anderson. Của tiếng cười ròn rã cả khi tròng mắt vẫn còn ngấn lệ. Của một câu nửa đùa cợt, nửa tức giận, luôn luôn dùng tới: "Đàn ông các anh là một lũ sở khanh khốn nạn." Ruth. Ruth Anderson và Oanh. Khi cặp bạn gái cùng thân mật uống chung một ly nước ở một vũ trường Chợ Lớn. Khi họ nắm tay nhau đứng chọn trái cây ở cửa chợ Bến Thành. Khi họ ôm chặt lấy nhau, cả hai cùng khóc phút chia tay ở phi trường Tân Sơn Nhất. Tất cả, đã mười lăm năm. Trong trí nhớ Kính.

Thời gian đó, Kính đã sống cùng với Oanh được hai năm. Nàng còn trẻ măng, mới khoảng 16, 17 tuổi, nhưng gia cảnh nghèo khổ, cha mẹ mất sớm, không được học hành gì, lại ở với một người chị ruột độc ác, nên cái cửa ngõ vào đời đã là một cửa ngõ tối tăm không ánh sáng, nó dẫn người thiếu nữ thiệt phận tới một con đường lầy lội là đêm đêm đi làm vũ nữ ở một vũ trường tồi tệ trên đường Tổng Đốc Phương.

Kính tới nhẩy ở vũ trường này nhiều lần. Mời Oanh ngồi bàn. Thích cái lối nói chuyện còn đượm vẻ quê mùa, chất phác ở nàng. Yêu cái tâm địa còn tốt lành ở nàng mặc dầu nghề nghiệp thường làm cho xấu xa mau chóng. Nhiều lần chàng còn xúc động thành thật trước những câu chuyện kể của Oanh về những tháng ngày ấu thơ của nàng, một tuổi thơ buốt lạnh,

xám ngắt, không được yêu thương, không được che chở. Và kể tới những đoạn thương tâm, Oanh lại chảy nước mắt khóc. Giữa một nơi chốn chơi bời trác táng, nơi người ta nói tình cảm là sự mua bán bằng những chiếc tích-kê kệch cỡm, tình cảm đích thực cũng tới, dần dần. Sau những bữa ăn đêm với Oanh, đưa nàng về nhà. Sau những buổi chiều Kính đến đón nàng, hai người đi coi chiếu bóng, đi ăn tiệm rồi Kính cùng đi luôn với nàng tới vũ trường, nhiều buổi Oanh bỏ chạy bàn để chỉ ngồi với chàng, khiêu vũ với riêng chàng tới khi vũ trường đóng cửa. Tới khi đã có giá trong đám vũ nữ trẻ tuổi, chuyển từ cái vũ trường tồi tàn ở đường Tổng Đốc Phương sang một vũ trường mới mở khang trang ở đường Tự do thì Oanh không sống chung với người chị ruột nữa. Mà mướn một căn phòng trên một tầng lầu ở khu Chợ Cũ. Mua đồ đạc, giường ngủ, tủ áo. Và Kính về sống với nàng, như một sự tự nhiên.

Thời gian chung sống ấy, rất tầm thường, nhiều chuyện thảm hại là đằng khác, sau này với Kính, và đem đối chiếu với những phần thời gian khác của đời chàng, lại là khoảng thời gian lạ lùng nhất. Khoảng thời gian của một xuống dốc thê thảm, và trên hết mọi phương diện, ở Kính. Xuống tới đáy vực. Xuống tới đất đen. Xuống tới chân sóng. Xuống, xuống, tới không thể nào còn ngóc nổi đầu lên. Xâu chuỗi thất bại mở đầu bằng sự chung vốn mở một công ty xây cất và đấu thầu lớn với một người bạn khá thân mà Kính tin tưởng cả ở tài kinh doanh tháo vát, cả ở sự lương thiện và lòng ngay thẳng với chàng. Vụ hùn hạp không đi tới đâu. Công ty xập tiệm với những lỗ lã liên tiếp, và Kính trắng tay khi thằng bạn hiện rõ chân tướng bất lương đào tẩu khỏi Sàigòn, ẫm trọn theo số tiền vốn của công ty còn lại. Không một lối thoát nào còn đến với Kính nữa. Cho một người chết đuối, cũng không có một cái phao nào được ném tới. Ngày trước, tiền rừng bạc biển, bạn hữu nhiều vô kể. Bạn xa, bạn gần. Tới khi thất thế, nhìn trước nhìn sau, đời sống sầm uất bỗng biến thành một sa mạc vắng ngắt, những quen biết thân, sơ đều xa lảng hết không còn một ai. Chàng nộp đơn xin đi làm ở một số công sở. Những lá đơn bị ném hết vào xọt rác. Chàng tới gõ cửa một số người trước kia đã nhờ vả đã chịu ơn chàng. Không một cánh cửa nào mở ra, chúng đóng kín, bẵn bặt đóng kín, như một sua đuổi tàn nhẫn.

Cuối cùng là Kính đã bị gạt bắn sang một đường lề cuộc sống và nơi trú ẩn duy nhất cuối cùng chỉ còn là căn phòng khách sạn rẻ tiền của Oanh ở khu Chợ Cũ.

— Thiên hạ bỏ anh hết rồi hả? Những người bạn anh tưởng là buồn, vui cùng chia xẻ với anh, thấy anh thất thế, thấy anh cùng đường, đã lảng tránh hết rồi, phải vậy không? Một lũ khốn nạn hết. Anh cũng đừng buồn. Em còn nhỏ tuổi nhưng cũng đã hiểu được thế nào là thế thái nhân tình đen bạc. Không cần. Trong khi đợi chờ một tình trạng khả quan hơn, anh cứ về sống với em, đừng ngại. Cũng đừng nghĩ ngợi gì hết. Mọi người bỏ anh nhưng em, em không bỏ. Về ở với em và anh vẫn hoàn toàn tự do. Rồi mọi chuyện tính sau. Chẳng lẽ trời đóng cửa anh mãi mãi sao?

Sau này nhớ lại, Kính, Kính của những hoa khôi, của những người đàn bà nổi tiếng một thời, lại chỉ thấy Oanh, người vũ nữ nghèo khổ, tầm thường, xuất thân từ một vũ trường tồi tàn ở đường Tổng Đốc Phương, là người đàn bà làm chàng xúc động nhất. Với những dấu vết in hằn ở kỷ niệm chàng, ở trí nhớ chàng, sâu đậm nhất. Oanh cho Kính thấy được nhiều điều chàng không thấy được ở những người đàn bà khác. Như lòng chung thủy. Như một sáng tươi, một ngay thẳng rực rỡ nào đó của tâm địa, tính tình, nó là cái khía cạnh thánh thiện của con người Oanh, mặc dầu nếp sống phóng đãng, truỵ lạc của người gái nhảy ở vũ trường, đêm đêm làm vật bán vui cho bọn đàn ông đàng điếm.

Vậy là căn phòng khách sạn chật hẹp của Oanh đã trở thành một vùng giam cầm đời Kính, một giam cầm buồn bã nhưng cũng rất mực êm ái. Kính ở trong phòng cả ngày, không đi đến đâu, không ra khỏi cửa. Ngày ngày, Oanh xuống khu Chợ Cũ náo nhiệt ngay ở tầng dưới mua đồ ăn lên phòng, hai người ngồi ăn trên mặt sàn. Đôi khi Oanh đi chợ, làm những bữa ăn đơn giản trên cái bếp điện ở một góc phòng, những lúc đó nàng là một vợ hiền như mọi người vợ hiền khác và bầu không khí tay đôi thân mật, ấm cúng cũng giúp cho Kính nguôi

vơi được phần nào những phiền muộn riêng tây. Buổi tối Oanh sửa soạn đi làm. Kính nằm dài trên giường, im lặng nhìn Oanh chải tóc, trang điểm trước bàn phấn. Im lặng nhìn nàng mặc áo. Im lặng nhìn nàng mở sắc, cất vào một ngăn kéo chồng tích-kê lĩnh được của buổi đi làm đêm trước, im lặng nhìn nàng tới gần, cúi xuống hôn chàng với câu nói tối nào cũng lập lại: "Anh ở nhà, em đi làm nhé!" và cầm sắc mở cửa, đi xuống cầu thang.

Nằm lại phòng một mình, nghĩ đến Oanh trên đường tới vũ trường, đôi khi Kính bực bội la lớn: "Mày chỉ còn là một thằng đàn ông mạt hạng, sống bám vào một gấu váy đàn bà." Nhưng rồi chàng đành cố gắng nhịn nhục, cố gắng nhẫn nại. Với niềm hy vọng mơ hồ là tình cảnh khốn đốn và cùng đường của chàng cũng sẽ có ngày chấm dứt. Phần Oanh, ở nàng cũng có một cố gắng. Là tránh hết mọi trường hợp bẽ bàng cho Kính. Đám đàn ông quen biết gặp ở vũ trường, Oanh hẹn gặp ở chỗ khác, không bao giờ cho họ tới phòng. Đám bạn gái đồng nghiệp với nàng cũng vậy. Bọn này la lên:

— Mày dấu kép độc ở phòng hay sao mà cấm cửa hết bọn chúng tao.

Oanh nửa đùa nửa thật:

— Ừ, dấu kép độc.

— Và chơi trò độc quyền?

Oanh cười:

— Không phải vậy. Nhưng ảnh khó tính khó nết không muốn gặp ai hết, chúng mày thông cảm cho tao.

Cuối cùng dân vũ trường cũng khám phá được ra người đàn ông đang sống cùng Oanh là Kính. Họ nhao nhao với Oanh:

— Bộ đàn ông các anh là cùi hủi hết hay sao mà em kết bồ với cái thằng mạt vận và cùng đường ấy. Nó không còn là cái gì hết ngoài một thằng kiết xác đã mất hết tư cách và phải sống bám vào đàn bà.

Lúc đầu, Oanh cười cười cho xong. Sau thấy Kính bị mạt sát quá đáng, nàng nổi nóng lớn tiếng đe dọa người nào còn công kích Kính nàng sẽ bỏ đi không trở lại ngồi bàn. Và rồi Kính cũng được để yên. Nhiều đêm, Oanh rời khỏi vũ trường thật sớm trước giờ đóng cửa, về phòng đánh thức Kính dậy, đòi chàng cùng xuống đường vào Chợ Lớn ăn đêm. Hoặc ra dạo mát ngoài bến Bạch Đằng. Nhiều buổi nàng bỏ đi làm ở nhà, tươi cười nói rằng "Số tích-kê em kiếm được dư sài cho cả tháng rồi." Và "Em nhớ anh rất thích những tiệm ăn Pháp, tối nay chúng mình sang Khánh Hội thăm bà chủ nhà hàng bạn anh ngày trước ở Guillaume Tell". Kính đi. Chiều Oanh, vậy thôi. Chàng cười cho Oanh vui, nỗi buồn phiền dấu kín bằng một bề ngoài thản nhiên và bình tĩnh.

Lối chung sống già nhân ngãi non vợ chồng giữa hai người kéo dài sang tới năm thứ hai. Vẫn chưa có một cơ may nào đến với Kính, Vẫn con đường hầm tối đặc. Vẫn mọi cánh cửa đóng sập. Vẫn ngôi sao xấu trên đầu. Cho tới một buổi sáng, Oanh bất chợt cảm thấy khó ở trong người. Nàng bảo Kính kêu taxi đưa nàng đến một phòng mạch, ở đó nàng biết nàng đã có thai. Vị bác sĩ tên là Phùng, một bạn học của Kính ngày trước. Khám cho Oanh xong, để nàng nằm nghỉ trong phòng mạch, Phùng ra phòng khách nói chuyện với Kính.

— Cô ấy không sao hết, chỉ đã có thai rồi thôi. Và đã yêu cầu tôi cho uống thuốc phá thai. Thế là làm sao? Không muốn có con với anh sao?

Kính lắc đầu:

— Nhiều lần Oanh nói với tôi là đang còn trẻ tuổi, chưa muốn làm mẹ. Chúng tôi cũng không phải là vợ chồng, chung sống với nhau chỉ tạm thời, ngày nào biết ngày ấy và Oanh cương quyết không muốn có với tôi một ràng buộc lâu dài nào hết, nhất là ràng buộc ấy lại là một đứa con. Nếu không có gì nguy hiểm, anh làm theo lời yêu cầu của Oanh dùm cho.

Bác sĩ Phùng xua tay:

— Không được.

Kính ngạc nhiên:

— Tại sao không được, anh làm theo lời yêu cầu của thân chủ mà! Chuyện phá thai bây giờ cũng là chuyện rất thường đối với phụ nữ.

— Tôi hiểu vậy. Nhưng một người bác sĩ không được quyền phá thai, như thế là vi phạm kỷ luật và lời thề nghề nghiệp. Cái thai cũng đã khá lớn, trên 2 tháng rồi. Thuốc phá đã không công hiệu còn có thể nguy hiểm đến tính mệnh.

Không biết giải quyết thế nào, Kính nói:

— Anh cho tôi vào nói chuyện riêng với Oanh một chút xem sao. Tôi sẽ cố gắng thuyết phục Oanh hủy bỏ ý định.

Chàng vào với Oanh. Nàng đã mặc lại quần áo, ánh mắt cương quyết, vẻ mặt bình tĩnh. Và sự thuyết phục của Kính đã thất bại. Nghe Kính xong, nàng nắm lấy tay chàng:

— Em rất bằng lòng khi anh nói em nên giữ đứa con sau này của chúng ta. Nhưng em đã nói rõ với anh nhiều lần rồi. Và sự quyết tâm của em tới phút này không hề thay đổi. Nhắc lại với anh một lần nữa, em ở với anh chỉ một thời gian nào đó, chứ không phải ăn đời ở kiếp, và em chưa hề muốn có con với người đàn ông nào

hết, kể cả người đó là anh. Ông bác sĩ bạn anh không chịu làm theo lời yêu cầu của em thì thôi, em đi tìm một chỗ khác. Thế nào mà chẳng có.

Kính thở dài đưa Oanh ra gặp lại Phùng. Phùng từ chối không lấy tiền phòng mạch. Chỉ hỏi, khi Oanh chào và toan đi ra cửa:

— Cô đã nhất định.

Oanh gật:

— Vâng, đúng vậy.

— Tôi rất tiếc và xin lỗi đã không giúp gì cô được. Nhưng tôi có thể giới thiệu cô đến một cô bạn.

— Ai vậy?

— Một thiếu nữ người Mỹ. Đang làm việc ở Tòa Đại Sứ. Cô ấy là một thân chủ của tôi. Khoe mỗi lần tôi cho biết đã mang thai là cô ta đi phá liền. Mấy lần rồi lận, lần nào cũng an toàn. Ở một chỗ chuyên phá thai cho phụ nữ Mỹ độc thân rất an toàn và kín đáo.

Và thế là với mẩu giấy giới thiệu của bác sĩ Phùng, Kính và Oanh đã gặp người thiếu nữ Hoa Kỳ tên là Ruth Anderson.

Khi Kính đưa Oanh tới cái chung cư sang trọng bốn tầng mới xây cất trên đường Duy Tân và dành riêng cho công chức Mỹ độc thân, thì đèn chiều đã sáng trên căn phòng tầng lầu thứ bốn của Ruth Anderson, Ruth đã đi làm về và đang uống khai vị ở phòng khách. Đó là một thiếu nữ thuần túy Hoa Kỳ, còn rất trẻ, khá xinh đẹp, mái tóc vàng ánh, cặp mắt xanh biếc, thân hình nở nang, với khuôn mặt trái soan không có một dấu vết đọa lạc nào, trái lại rất tươi sáng, sự tươi sáng hồn nhiên của một sinh viên đại học. Mở cửa cho Kính và Oanh vào, Ruth đón lấy mẩu giấy giới thiệu ở tay Kính. Nhíu mày đọc, rồi cười nhìn Oanh, nhìn xuống bụng Oanh:

— Tôi O.K. với sự giới thiệu này. Bác sĩ Phùng là một bạn thân, ngay từ khi tôi mới tới Sàigòn.

Rất tự nhiên, Ruth mời Oanh và Kính ngồi xuống ghế. Mang rượu khai vị tới cho hai người. Đoạn, ngồi xuống sát Oanh, thân mật khoác vai:

— Lần đầu?

Kính gật đáp thay cho Oanh:

— Lần đầu.

— Bạn gái anh nói được tiếng Anh không?

— Chút đỉnh thôi. Rất khó khăn. Tôi xin làm thông ngôn.

— Cô bạn anh làm vẻ thản nhiên nhưng tôi biết đang lo sợ đấy.

— Chắc vậy.

Ruth cười, lắc lắc vai Oanh, nói với Kính:

— Bảo Oanh đừng sợ. Lần đầu, chẳng biết là như thế nào, tôi cũng sợ lắm, đến muốn phát khóc lên. Nhưng yên trí, mấy phút là xong, không sao đâu. Cái chỗ tôi tìm được ra, tôi đã trở lại nhiều lần và đã giới thiệu cho mấy con bạn cùng sở. Ai cũng chịu lắm. Người làm cái công việc ấy là một góa phụ người Trung Hoa, một tay nghề ngoại hạng, dễ dàng và mau chóng như trở bàn tay. Bà ta lại rất niềm nở, vui tính, loại đàn bà mới gặp đã làm cho ta yên tâm. Bây giờ tôi hỏi riêng anh. Bạn anh đã nhất quyết chưa?

Kính gật:

— Đến độ không gì làm thay đổi được.

Cô gái Mỹ nheo mắt nhìn Kính, ngờ vực:

— Nhưng anh, anh nhất định không cho thì Oanh phải nghe lời anh chứ?

— Tôi đã nói và câu trả lời của Oanh là không.

Ruth đưa một ngón tay chỉ dứ vào mặt Kính:

— Tôi ngờ lắm. Bọn nam giới các anh, người nào cũng vậy. Chỉ là một lũ sở khanh bạc tình, vô trách nhiệm.

Lời kết tội được nối tiếp ngay bằng một chuỗi cười ngửa cổ ròn rã:

— Nói đùa đấy. Tôi có am hiểu chút đỉnh về tướng mạo người. Nhìn anh, biết ngay anh không phải loại người tồi tệ. Oanh nữa, xinh đẹp ghê nhỉ! Tôi rất có cảm tình, muốn cùng Oanh kết bạn. Được, đã có sự giới thiệu của bác sĩ Phùng, tôi sẽ đưa Oanh đi, tôi có xe hơi. Và theo tôi, đã đi thì đi ngay bây giờ. Để thêm ngày nào không nên ngày ấy.

Uống cạn ly khai vị, Ruth Anderson dìu Oanh đứng lên và nhìn đồng hồ:

— Giờ này, cái bà góa phụ người Trung Hoa trong một ngõ hẻm đường Hồng Thập Tự còn chịu tiếp chúng ta. Tôi sẽ đưa Oanh vào, ở cạnh Oanh tới lúc xong.

Lại ngửa cổ cười lớn:

— Và xong xuôi rồi, hai người phải thưởng công tôi bằng một bữa ăn Tầu trong Chợ Lớn đấy nhé!

Đúng như Ruth Anderson nói, vụ phá thai mau chóng, an toàn, và theo lời Oanh, gần như không đau đớn. Kính bồn chồn hút thuốc lá, ngồi chờ ở trong xe đậu ngoài đầu ngõ, chưa tới một tiếng đồng hồ đã thấy Ruth và Oanh trở ra, hai người đàn bà nắm tay nhau như một đôi bạn thân thiết đã lâu ngày. Sau đó bằng một lối lái xe thành thạo và mạnh dạn chỉ thấy ở người

đàn bà Mỹ, Ruth chở Kính và Oanh vào Chợ Lớn. Ba người ăn cơm Tầu rồi lên phòng trà ở tầng lầu trên uống rượu, nghe nhạc. Trọn buổi tối, Ruth kể cho Kính nghe về người con gái thích sống độc lập và ở ngoài nước Mỹ ở nàng, tốt nghiệp đại học xong là xin được phục vụ ngay ở một quốc gia nào đó ở Á Châu.

— Tôi rất thích Á Châu, phần đất của thế giới đã kích thích óc tò mò muốn biết của tôi từ thời mới lớn. Đơn xin đi Nhật hoặc Đài Loan kia. Nhưng cả hai nơi đều đã đầy đủ nhân viên, bộ Ngoại Giao cho biết chỉ Sàigòn là còn chỗ trống nên đành nhận vậy. Bố tôi, một trại chủ ở tiểu bang Arizona kịch liệt phản đối sự chấp nhận này. Chẳng phải ổng ác cảm gì với Việt Nam, chỉ nói đó là một đất nước đang tan tành trong lửa đạn chiến tranh tôi một thân một mình tới đó là vô cùng phiêu lưu và nguy hiểm. Ổng lo sợ cho tính mệnh tôi. Tôi là đứa con gái duy nhất trong gia đình mà! Mẹ tôi cũng khóc nữa. Và giận tôi, không chịu tiễn chân ra phi trường.

Ruth cười, nói tiếp:

— Bây giờ thì nhị vị sinh ra tôi đều đồng ý cả rồi. Qua những hình ảnh, những lá thư tôi gửi về, cho thấy Sàigòn đẹp đẽ và an ninh không thua một thành phố nào ở Mỹ. Đầu năm, bố mẹ tôi trên đường đi du lịch Thái Lan và Miến Điện có ghé Sàigòn thăm tôi và ở lại một tuần. Cũng chịu Sàigòn lắm như con gái. Chịu, ở những đường phố Sàigòn đầy màu sắc và gió nắng, ở những tiệm ăn Chợ Lớn mà người sành ăn ở bố tôi khen là ngon hơn cả Thượng Hải, Hong Kong. Tôi tỏ ý với bố tôi là tháng sáu sang năm hết hạn kỳ phục vụ hai năm ở Sàigòn, nhiều phần là tôi sẽ xin được ở lại đây thêm một nhiệm kỳ nữa. Và đã được người O.K.

Trỏ Oanh, nói với Kính:

— Tôi có cảm tình với Oanh ngay từ phút thấy mặt. Đàn bà con gái Việt Nam người nào cũng xinh đẹp cũng dễ thương như vậy cả sao? Tôi sống một mình, rất tự do, như anh đã thấy. Bốn giờ chiều trở đi là rảnh rỗi. Hai ngày cuối tuần rảnh rỗi hoàn toàn. Anh đưa Oanh tới tôi luôn luôn đi, tôi kèm tiếng Anh cho, đổi lại Oanh dậy cho tôi nói thêm tiếng Việt. Chúng mình đi ăn tối với nhau. Đi nghe nhạc đi khiêu vũ ở chỗ Oanh làm nữa. Với chiếc xe hơi của tôi, còn có thể đi chơi xa ra khỏi Sàigòn. Như Đà Lạt, như Nha Trang mà tôi chưa được biết.

Sự thân thiết giữa Oanh, Kính và Ruth Anderson bắt đầu từ đó. Một thân thiết trẻ trung, tươi tắn. Những ngày cuối tuần, Kính đưa Oanh tới Ruth, để Oanh ở lại, buổi chiều chàng tới đón, ba người đi ăn tiệm trước khi Oanh đi làm. Đôi bạn gái gần như không rời nhau nữa. Và cô giáo Mỹ dậy cô bạn Việt nói tiếng Mỹ, và cô giáo Việt dậy lại cô bạn Mỹ nói tiếng Việt, chưa đầy nửa năm, đôi bạn đã có thể trò chuyện với nhau không cần Kính phải làm thông ngôn. Nhìn Ruth và Oanh nắm tay nhau đứng lựa trái cây trước cửa chợ Bến Thành, cùng nằm phơi nắng trên một bãi cát Nha Trang, cùng kéo nhau vừa chạy vừa cười rũ trên những sườn đồi Đà Lạt, Kính nhìn thấy hình ảnh người phụ nữ của xã hội bây giờ, độc lập và giải phóng, làm chủ đời sống và con người mình, một làm chủ hoàn toàn. Và lối sống phóng khoáng của người con gái Mỹ sinh trưởng ở Arizona chừng như đã ảnh hưởng sâu đậm tới Oanh, Oanh cũng đã trở thành một Ruth Anderson lúc nào không hay. Và càng thân với Ruth, chừng như nàng càng xa dần Kính, mặc dầu cuộc chung sống vẫn êm đềm như cũ.

Cho đến khi ở Sàigòn thêm một nhiệm kỳ hai năm nữa và nhiệm kỳ thứ hai cũng chấm dứt, Ruth Anderson trở về Hoa Kỳ. Tặng cho Oanh tất cả những đồ dùng để lại, bán rẻ cho Oanh chiếc xe hơi, đôi bạn gái đi chơi với nhau cả bảy ngày của tuần lễ cuối cùng. Rồi Kính và Oanh đưa tiễn Ruth ra phi trường Tân Sơn Nhất. Đôi bạn gái ôm chặt lấy nhau, cùng chan hòa nước mắt phút chia tay.

Kính tình cờ gặp lại Ruth Anderson ở một tiệc tân do Cộng đồng Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn tổ chức để cám ơn mấy người dân biểu Mỹ đã có những vận động tốt đẹp cho cộng đồng tỵ nạn. Gặp lại Kính, Ruth tròn mắt kinh ngạc rồi la lớn một tiếng mừng rỡ, chạy tới ôm lấy chàng, hôn chàng và rối rít hỏi thăm:

— Kính, Kính, trời ơi! Trái đất tròn hoay và thật là tuyệt diệu. Anh tới Mỹ bao giờ và như thế nào?

Kính cười:

— Kể hết ra thì dài dòng lắm. Chúng ta tìm một chỗ ngồi riêng, nói chuyện một lát được không?

— Được chứ! Được tới hết buổi tiệc tân này. Tôi chỉ đi theo một người bạn dân biểu Mỹ tới đây, không có phận sự gì hết.

Ruth đưa Kính tới một quầy rượu, ngồi riêng với chàng ở một đầu quầy. Nhìn người đàn bà Mỹ sau mười mấy năm xa cách, Kính thấy, với thời gian, Ruth Anderson không còn giữ được cái vẻ tươi mát trẻ trung đặc biệt chàng không

thấy ở một người đàn bà nào, của Ruth Anderson ở Sàigòn ngày trước. Thân hình nàng không còn tròn lẳn và đầy đặc những đường cong hấp dẫn như khi nàng đi dạo với Oanh trên những hè đường Quận Nhất. Mà đẫy đà hơn, thiếu phụ hơn. Đuôi mắt, vầng trán cũng đã có một vài nếp nhăn, khiến sự trang điểm phải gia tăng nhiều hơn sự trang điểm sơ sài ngày trước của nàng ở Sàigòn. Tuy vậy Ruth vẫn là Ruth. Với nụ cười vẫn như một nhành hoa nở. Với cặp mắt vẫn long lanh, vẫn xanh biếc như một vòm trời rực nắng.

Nắm lấy tay Kính, người đàn bà Mỹ cười:

— Tôi phải mua quà tặng cho cái chàng dân biểu bạn tôi mới được. Hắn không rủ tôi tới đây, làm sao gặp lại được anh. Chẳng biết anh có sang Mỹ không. Có sang cũng chẳng biết đâu mà tìm. Nói về tôi cho anh hay trước nhé! Ở Việt Nam về, tôi trở lại cái trang trại bát ngát của bố mẹ tôi ở Arizona. Sống ở đó một năm. Như một nghỉ ngơi. Đó là năm tôi thiếu Sàigòn và nhớ Sàigòn đến khùng luôn. Sau đó, đi làm việc lại ở Hoa Thịnh Đốn tới giờ. Vẫn ngành ngoại giao. Nhưng ở trung ương thôi chứ không đi các nước như ngày trước nữa. Đó, vắn tắt về con Ruth Anderson này mà bốn năm ở Sàigòn là bốn năm không bao giờ quên. Bây giờ, Kính, đến lượt anh phúc trình với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Kính đốt thuốc lá cho Ruth. Gọi thêm khai vị cho hai người. Và nghiêm trang kể:

— Sau khi Ruth về Hoa Kỳ, tôi kéo dài cái tình trạng thất nghiệp thêm vài tháng nữa. Rồi được một công ty về ngư nghiệp tuyển dụng, lúc phái đi làm việc ở Phú Quốc, lúc phái ra Đà Nẵng. Ngày 30 tháng Tư, 1975, miền Nam thất thủ là tôi đang ở Đà Nẵng. Tầu thuyền của công ty đã có sẵn trong tay mà kỳ cục không làm sao ra khơi được giữa một thành phố tan hoang với đám dân chúng và quân lính hỗn loạn như một bầy ong vỡ tổ. Đành chạy trở lui về Sàigòn. Bị bắt, bị giam cầm mất ba năm, vì có kẻ ác tâm tố cáo công ty ngư nghiệp là một tổ chức trá hình của tình báo Mỹ gài lại khi quân đội Mỹ đã rút lui về Mỹ. Được trả tự do tôi vượt biển luôn. Cũng phải ba lần mới đi thoát. Tới Mỹ tôi cũng không ở vùng Hoa Thịnh Đốn này đâu. Chỉ sang đây chơi với một người bạn vài tuần rồi ngày mốt lại trở về Los Angeles là nơi tôi đang làm việc.

Ruth Anderson đưa tay cắt ngang lời Kính, hỏi dồn dập:

— Thế còn Oanh? Anh chưa cho tôi biết gì về Oanh. Oanh đâu? Đang ở đây hay như thế nào? Còn ở cùng anh không?

Kính lắc đầu, giọng kể buồn hẳn:

— Không. Sau khi tiễn Ruth ra Tân Sơn Nhất rồi, Oanh về phải kiếm mướn ngay một chỗ ở khác, rộng hơn, cho có chỗ cho những đồ đạc và chiếc xe hơi Ruth để lại cho. Đến chỗ ở mới, chừng như đã thấp thoáng giữa chúng tôi một đổi thay nào đó, không còn như trước nữa. Đó là thời kỳ Oanh nhắc nhở đến Ruth luôn luôn, sống buồn hẳn, tinh thần khủng hoảng. Đó cũng là thời kỳ chừng như Oanh thấy sự chung sống với tôi không còn gì hào hứng nữa, đã trở thành một hệ lụy, một trói buộc và muốn lấy lại sự tự do cho mình. Tôi chẳng thể có một thái độ nào. Để tùy Oanh thôi, vì vẫn ở trong cái thế cùng quẫn của một gã thất nghiệp dài hạn, không mưu tính được điều gì cho chính mình đừng nói đến tương lai người khác.

Kính hút một hơi thuốc dài, nói tiếp trước Ruth chăm chú lắng nghe:

— Tấm lòng Oanh cứ xa dần như thế cho tới khi xa thêm vì tôi phải đi xa vì công việc hãng luôn luôn. Cho tới khi Oanh xa tôi hẳn sau vụ phá thai lần thứ nhì.

— Tưởng mình tôi thôi chứ! Bắt chước tôi nữa, phá thai lần thứ nhì?

Tiếng kêu lớn, thảng thốt của Ruth Anderson có một vẻ gì ngộ nghĩnh khiến câu chuyện đang kể tới một khúc khá buồn mà Kính cũng phải bật cười:

— Lạ lắm, cô Phạm Lệ Oanh bắt chước cô Ruth Anderson thật. Phá thai nữa. Săm săm đi vào cái ngõ hẻm đường Hồng Thập Tự gặp cố nhân là bà góa phụ người Trung Hoa thêm một lần nữa. Duy lần sau rất buồn không được như lần đầu có Ruth cùng đi. Vụ phá sau chừng như cũng không được êm thấm như vụ thứ nhất. Ra về Oanh khóc, và tới nhà nằm bệnh luôn, đau đến mấy tuần liền. Qua khỏi, Oanh thay đổi hẳn tâm tính. Trước tươi vui biết bao như Ruth đã biết, sau khô khan, lầm lỳ, lại như có điều hận tôi, cho mọi chuyện là tại hết tôi mà ra. Cuối cùng trước một chuyến tôi ra Đà Nẵng, Oanh nói vắn tắt: "Anh đi, em dọn nhà. Anh về, đừng trở lại đây nữa. Cũng đừng tìm kiếm em ở đâu, với ai. Anh đã đi làm, sống một mình được rồi, em trả lại tự do cho anh." Tôi đi Đà Nẵng. Oanh rời chỗ ở thật và không bao giờ tôi còn gặp lại Oanh nữa. Nghe đâu như sống với một tên thầu khoán giầu có ở đường Trương Minh Giảng.

Ruth Anderson thân mật nắm lấy tay Kính, như một cử chỉ an ủi:

— Và anh đã đi tù rồi đã vượt biển một mình. Câu chuyện kết thúc buồn nhỉ! Tôi nhớ anh và

Oanh mỗi lần tới tôi, hai người đẹp đôi biết bao nhiêu.

Đổi giọng, nghiêm trang:

— Anh còn nhớ Oanh không?

— Không bao giờ tôi quên.

— Cho tôi hỏi rõ hơn. Anh còn yêu Oanh không. Còn mong một ngày gặp lại Oanh không?

Kính cúi đầu ngẫm nghĩ. Rồi đáp, không trả lời trẳng vào câu hỏi:

— Thời gian chung sống với nhau, cả khi vừa xa nhau, tôi cứ nhớ đến sự giao ước từ đầu giữa hai chúng tôi. Là ở cùng nhau ngày nào biết ngày ấy, không phải là vợ chồng, không ăn đời ở kiếp. Để có được sự yên ổn cho tâm hồn. Hai vụ phá thai của Oanh có cũng từ cái tinh thần của lời giao ước sống như tôi vừa nói. Nhưng lạ lùng thay, càng với xa cách, càng với thời gian, tâm hồn tôi càng bứt rứt, càng không yên. Hai vụ phá thai của Oanh nữa. Tưởng chuyện thường mà không phải chuyện thường chúng ám ảnh tôi hoài. Như một ám ảnh, một ân hận, làm cho mỗi lần nhớ tới là ăn không còn ngon và ngủ không còn yên. Có như là cái thời gian không thể nào quên ấy, tôi đã sống rất không phải. Với tất cả, với chính mình và với Oanh trước nhất.

Ruth hỏi:

— Anh có kiếm tìm dấu vết của Oanh từ khi ở Mỹ?

Kính gật:

— Có chứ! Nhất là hồi gần đây có nhiều người Việt vùng tôi đang ở về Sàigòn thăm nhà, bằng ngả Thái Lan, ngả Phi Luật Tân. Tôi đã nhờ họ. Nhưng nhờ mà không cho họ được một chi tiết nào về Oanh thì làm sao họ tìm thấy được.

Hai người ngưng chuyện, lắng nghe vị dân biểu bạn của Ruth phát biểu trước máy vi âm trước những tiếng vỗ tay rào rào của cử tọa ở dưới. Rồi Ruth hỏi:

— Anh kiếm lại Oanh với mục đích gì? Nếu kiếm thấy có phải là đón Oanh sang bên này sống lại cùng anh không?

— Cũng không hẳn là vậy. Vì tôi không có mảy may một ý niệm nào về con người và cuộc sống của Oanh hiện giờ. Nếu tìm ra dấu vết Oanh, tôi chỉ đề nghị Oanh tìm đường đi Mỹ, vì ở Sàigòn lúc này, cách gì thì đời sống cũng rất là chật vật. Nếu Oanh ưng thuận, tôi sẽ cố gắng thu xếp mọi chuyện, về Sàigòn nữa, nếu cần, để đưa Oanh sang California với tôi. Cho đời sống của Oanh được thảnh thơi hơn. Vậy thôi, còn có ưng thuận lại sống cùng nhau hay không, là tùy nơi Oanh hết. Ruth hiểu rằng vấn đề tình cảm không thể bắt buộc được.

Ruth Anderson gật:

— Tôi hiểu chứ. Tôi cũng nhớ Oanh, lắm lắm. Và điều lạ lùng và không có bằng chứng nào là tôi linh cảm, linh cảm một cách chắc chắn là sớm muộn thế nào cũng gặp lại Oanh. Vậy thế này nhé! Tuần tới, ngày 12, tôi được bộ Ngoại Giao cho tháp tùng người dân biểu bạn tôi và mấy đồng viện của anh ta trong một phái đoàn đi Việt Nam tìm hiểu tại chỗ về vấn đề tỵ nạn và lính Mỹ mất tích. Phái đoàn tới Hà Nội rồi trở về Sàigòn để về Mỹ từ phi trường Tân Sơn Nhất. Chuyến đi kéo dài đúng hai tuần, đi ngày 12, ngày 26 về. Chuyến về ghé Bangkok, Honolulu và đáp xuống phi trường vùng anh đang ở đó, phi trường Los Angeles. Tôi sẽ thay anh, hai chúng mình cùng tìm kiếm lại Oanh trong thời gian một tuần tôi ở Sàigòn.

Kính thở dài:

— Oanh đã mất tích với chúng ta mười mấy năm rồi. Làm sao tìm lại được.

Ruth lắc đầu, đập mạnh vào tay Kính:

— Này Kính, đừng có thái độ bi quan và tuyệt vọng như thế chứ. Tôi vẫn tin có những phép lạ của đời và không có chuyện gì là không thể xẩy ra. Vậy cứ để tôi ở Sàigòn thăm hỏi và tìm tòi ra dấu vết Oanh. Biết đâu đấy, nếu Oanh còn sống.

Cuộc tiếp tân chấm dứt. Hai người rời khỏi quầy rượu. Ruth nắm lấy tay Kính từ biệt:

— Cứ thế nhé và chúng ta hãy cứ hy vọng. Anh ở đâu ở California cho tôi biết, về tới Los Angeles tôi sẽ liên lạc với anh ngay.

— Tôi sẽ ra phi trường Los đón Ruth nếu biết được ngày giờ trở về của chuyến bay.

— Biết được chứ. Tôi có mang theo vé máy bay trong sắc tay đây. Hay lắm, đúng hai tuần nữa ra phi trường Los. Chờ tôi đem tin tức từ Việt Nam về.

Ruth lấy vé máy bay ra cho Kính ghi ngày giờ đáp xuống của chuyến bay xa. Rồi hai người chia tay.

Đúng như người nữ chiêu đãi hàng không da đen đã cho biết bằng máy điện toán, chuyến bay Bangkok - Los Angeles ghé Honolulu vì thời tiết xấu, chậm mất một giờ. Nhưng một giờ thôi không hơn. Trả tiền rượu, từ quầy rượu trên lầu đi xuống, Kính đứng chờ chừng mươi phút thì giòng người từ chiếc phản lực liên lục địa ào ạt từ bên trong cửa gate đi ra. Kính thấy ngay Ruth Anderson. Nàng đi đầu, một cái sắc du

lịch trên vai, với một bộ đồ đi du lịch mỏng, nhẹ bằng lụa tím. Hai người ôm hôn nhau. Rồi Ruth cười, gỡ tay ra:

— Chà, cái chuyến đi trở lại Việt Nam mười lăm năm sau. Rất là nhiều chuyện. Nhưng khoan kể đã. Tôi đang khát khô cổ họng, và bây giờ là buổi chiều, giờ của khai vị rồi. Anh phải đãi ngay tôi năm, bảy ly là ít đấy.

Kính đưa Ruth trở lại quầy rượu chàng đã ngồi chờ nàng ở trên lầu. Cùng ngồi tách riêng ra ở một đầu quầy. Kính gọi rượu cho Ruth rồi hỏi:

— Chuyến đi của phái đoàn Ruth tốt đẹp không?

— Tôi chẳng hiểu chuyến đi tốt đẹp hay không, chỉ biết hai tuần quá ngắn, cho cả ra Hà Nội, cho cả vào Sàigòn. Hóa nên mọi chuyện còn bỏ dở, còn lưng chừng hết. Nhiều phần là phái đoàn phải trở lại Việt Nam một lần nữa, khoảng cuối năm nay.

— Sàigòn bây giờ dưới cái nhìn của Ruth Anderson trở lại?

Ruth giơ cả hai tay lên trời:

— Tệ hại, tệ hại vô chừng. Nó không đến nỗi quá ư lầm than và phơi bầy hết sự cùng khổ ở từng góc phố, từng chân tường như Hà Nội, nhưng đời sống tươi cười và bầu không khí đầy gió nắng của Sàigòn tôi đã ở và đã yêu 15 năm trước đây không còn nữa. Những tan hoang cùng khắp. Trên từng nét mặt, từng hình thức sinh hoạt. Dân chúng còn phải sống với Sàigòn, nhưng trên một ý nghĩa nào mọi người đã xa lìa nó. Ai cũng chỉ muốn đi. Phái đoàn chúng tôi ở khách sạn Caravelle cũ. Anh biết không, buổi sáng chúng tôi xuống phố, đã có hàng trăm người, quân nhân, dân sự đủ loại chờ chúng tôi ở bực thềm khách sạn, vây kín lấy nhờ chỉ dẫn cho cách thức nào mau chóng và hữu hiệu nhất để có thể sang Mỹ. Ăn mày đầy đường. Và Quận Nhất thanh lịch của chúng ta chỉ còn là một thứ chợ trời hỗn loạn. Tôi đã buồn vô cùng. Đã chảy nước mắt. Nghĩ như tôi trở về gặp lại Sàigòn của bao nhiêu tình yêu, bao nhiêu kỷ niệm, nhưng không còn gặp nữa. Sàigòn đã chết.

Một giây phút ngậm ngùi. Rồi Ruth trở lại tươi cười, nghiêng đầu nhìn Kính:

— Nhưng anh mất công tới tận phi trường đón tôi, đâu có phải để hỏi thăm Sàigòn hiện giờ ra sao, phải vậy không? Anh không muốn biết ngay về một người sao?

Kính gật đầu:

— Có chứ. Tôi đang chờ Ruth nói.

Người đàn bà Mỹ chép miệng:

— Tôi thật chủ quan. Và cái giác quan thứ sáu của tôi lần này sai bét, không còn hiệu nghiệm nữa. Cuộc tìm kiếm thất bại. Tôi thật có lỗi với anh vì đã không tìm ra dấu vết Oanh.

Kính nói, vẻ thất vọng hiện rõ:

— Ruth đâu có lỗi gì. Tìm gặp lại Oanh bây giờ có khác nào đi mò kim đáy biển.

Ruth nheo mắt nhìn Kính rồi vùng cười lớn, vui thú:

— Anh cất dùm ngay cái bộ mặt đưa đám của anh đi, có được không? Thôi, không đùa cợt anh nữa, và nói cho anh biết linh cảm tôi một lần nữa lại thấy là rất đúng. Tôi gặp lại Oanh rồi. Như một phép lạ vậy.

Một nguồn vui êm đềm tràn lan trong lòng chàng, với sự ấm áp của một ly rượu khai vị, một ly khai vị tuyệt diệu, Kính tấm tắc:

— Ruth tài thật. Như thế nào?

— Rất tình cờ. Trong ngày cuối cùng của tôi ở Sàigòn mới là hay chứ. Cả một tuần lễ, tôi hỏi thăm tứ tung, chẳng đi tới đâu. Một người bạn Việt Nam, ngày trước ảnh cùng làm việc ở Tòa Đại Sứ với bọn tôi, bây giờ ảnh phải đạp xích lô mưu sinh, nói có biết một cô Oanh vũ nữ. Đạp xe đưa tôi tới nhà. Nhưng không phải Oanh của chúng ta. Cùng nghề và trùng tên thôi. Ngày cuối cùng tôi chấm dứt mọi tìm kiếm, tính nghỉ ngơi ở khách sạn trọn ngày, sáng mai ra phi trường. Buổi tối, nghĩ sao, tôi lại rủ người bạn dân biểu xuống phố. Đi lang thang mãi, qua một vũ trường nhỏ trên đường Lê Lợi, tôi rủ người bạn vào vì đã thấy mỏi chân và muốn uống một ly rượu tạm biệt Sàigòn trước khi về ngủ. Vừa đẩy cửa vào thì một người đàn bà mặc áo đen, đầu cúi xuống, dáng điệu buồn bã, từ phía trong đi ra. Quay lại nhìn, thấy cái áo dài đen có một thân hình phảng phất giống Oanh, tôi buột miệng gọi bừa: "Oanh". Thế mà trúng phóc, có tuyệt không?

Đòi Kính thưởng công thêm cho nàng một ly khai vị nữa, Ruth cười khúc khích, ý chừng đang nhớ lại cái phút giây ngộ nghĩnh:

— Anh đã hiểu đàn bà chúng tôi bất ngờ và mừng rỡ gặp lại nhau sau một thời gian dài xa cách, sự biểu tỏ là như thế nào rồi. Giống hệt hai mụ điên. Rú lên. Vồ lấy. Ôm nghiến. Khiến cái anh bạn dân biểu của tôi thộn mặt chẳng hiểu ra làm sao nữa. Tôi bảo anh ta về khách sạn trước rồi kéo Oanh tới một bàn trống. Phải nói cho anh biết ngay Oanh không còn trẻ nữa. Nhưng những nét xinh đẹp, kháu khỉnh thì không bao giờ mất. Oanh nói từ ngày xa anh, đã có một đời chồng khác, nhưng hai người cũng đã bỏ nhau. Thôi hành nghề vũ nữ từ lâu rồi. Thỉnh thoảng vẫn còn nhớ cái không khí vũ

trường, đến một mình, ngồi nghe nhạc một mình, như buổi tối hôm ấy. Biết không có nhiều thời giờ và hôm sau phải ra phi trường, tôi nói ngay với Oanh về anh. Rằng anh vẫn nhớ, chưa quên. Rằng anh vẫn sống một mình. Rằng anh nhờ tôi về Sàigòn kiếm Oanh và nếu Oanh muốn, tôi và anh sẽ thu xếp đưa Oanh sang Mỹ.

— Thái độ Oanh thế nào?

— Nghe. Im lặng nghe rồi khóc. Tôi nghĩ là Oanh rất muốn đi, càng muốn đi khi biết anh còn nhớ tới. Tôi đã đưa tặng Oanh 200 mỹ kim, mãi mới chịu nhận. Và đây là thư của Oanh cho anh.

Ruth mở sắc tay, lấy ra một tờ giấy gập tư, trao cho Kính. Lá thư ngắn viết ở phía sau tờ giấy tính tiền xin ở vũ trường, tuồng chữ nguệch ngoạc, của một xúc động mạnh:

"Anh, em mừng đến phát khóc khi gặp lại Ruth. Càng mừng nữa khi nghe Ruth nói chuyện, anh nhờ Ruth về Sàigòn tìm kiếm em và hỏi em có bằng lòng sang Mỹ không. Ngày trước, em ăn ở với anh không chung thủy, không hết lòng, nửa đường bỏ đi sống với người đàn ông khác, anh đã bỏ qua cho em sự không hay không phải ấy rồi sao? Xa anh, nhưng em không quên, và đời sống sau anh chỉ toàn những chuyện rất buồn phiền. Em muốn đi Mỹ nếu Ruth và anh giúp cho mẹ con em đi được. Tới bên ấy em sẽ đi làm, tự nuôi lấy thân, sẽ không dám đòi hỏi anh điều gì, sẽ không bao giờ là một gánh nặng cho anh. Em".

Lá thư, chỉ mấy giòng ngắn ngủi, cho Kính cái cảm tưởng Oanh không còn nghìn trùng cách biệt mà đang ở trước mặt chàng, ngồi ở cạnh chàng. Như năm nào, mỗi sáng chàng thức dậy trong cái căn phòng khách sạn tồi tàn của hai người ở khu Chợ Cũ. Như năm nào, mỗi đêm Oanh từ vũ trường về, đòi chàng mặc quần áo, cùng xuống phố đi dạo trên những hè đường vắng lặng đã về khuya.

Cất lá thư vào túi áo, Kính hỏi:

— Oanh có hy vọng tới với chúng ta được không?

Ruth gật:

— Tôi nghĩ được. Nhiều hy vọng.

Cười:

— Người khác thì khó đấy, nhưng có sự can thiệp của con Ruth Anderson này với tay trong là Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ thêm vài gã dân biểu có thế lực, thì chắc phải được. Tôi cũng vừa gặp lại trong chuyến đi một người bạn cũ ở Bangkok. Hắn làm việc ở tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Thái Lan, phụ trách đặc biệt về vấn đề di trú. Nhờ luôn hắn nữa. Chỉ phải chờ một thời gian cho hoàn tất mọi thủ tục. Tôi nghĩ cũng không lâu lắm đâu. Tôi sẽ xúc tiến ngay từ bây giờ. Cuối năm cùng phái đoàn dân biểu trở lại Sàigòn chắc là biết rõ kết quả.

Kính nắm lấy tay cô bạn Mỹ, cảm động:

— Cám ơn Ruth.

Người đàn bà Hoa Kỳ đứng lên, kéo Kính đứng lên theo.

— Cám ơn vậy thôi à! Tôi đang tính đòi anh đưa về khu Little Sàigòn danh tiếng của anh, đãi tôi một bữa cơm thuần túy Việt Nam với món chả giò ngày trước Oanh và tôi cùng yêu thích. Nhưng thôi để lần khác. Vì công việc cho Oanh, đương nhiên chúng mình phải thường xuyên liên lạc với nhau. Bây giờ anh cho tôi đi. Đến nhà một con bạn cùng làm việc ở Tòa Đại Sứ Sàigòn ngày trước. Nó cũng có thật nhiều kỷ niệm với Sàigòn và đòi tôi khi trở về phải tới ngủ một đêm, kể chuyện Sàigòn gặp lại cho nó nghe. Con bạn ở gần đây thôi, ở Santa Monica. Anh khỏi phải đưa, tôi lấy taxi. Ngày mai tôi sẽ từ chỗ con bạn trở về Hoa Thịnh Đốn.

Cười tươi tắn:

— Chà, cái nàng Oanh rồi làm mất thời giờ của chúng ta nhiều lắm đây.

Kính đưa Ruth ra ngoài hiên và chia tay với nàng ở đầu cầu thang đi xuống.

Trở vào quán rượu, chàng kêu một ly rượu mới, rời quầy, tới ngồi ở một bàn nhỏ, sát khung kính nhìn thẳng xuống phi đạo. Trời đã tối. Vòm trời Los Angeles cháy sáng từ cái rừng đèn lửa từ dưới thấp hắt lên. Đỉnh trời, lác đác mấy chùm sao. Phi đạo chạy dài trước mặt chàng, phương hướng được quy định bởi hai hàng đèn vàng rực song song, cùng chạy dài theo phi đạo, tới xa hút tầm mắt. Kính châm một điếu thuốc, trầm ngâm. Nâng ly rượu uống từng hớp nhỏ. Chàng nghĩ tới Oanh, sau bao nhiêu năm sống buốt lạnh, điêu đứng giữa một Sàigòn không còn ai và chàng đã xa. Chàng nhìn xuống phi đạo, trên đó Ruth Anderson vừa tới, và một ngày nào, trên phi đạo kia, Oanh cũng sẽ tới. Chàng sẽ ra phi trường đón Oanh như chiều nay đón Ruth. Chàng sẽ săn sóc Oanh và để Oanh được sống tự do, như người bạn gái Mỹ tên là Ruth Anderson đã sống một đời như vậy. Duy có một điều chàng sẽ ngăn cấm Oanh. Tuyệt đối ngăn cấm. Đặt thành điều kiện. Đó là phá thai. Không được phá nữa, nếu có. Mà phải giữ. Kính thấy chàng bật cười, giơ một ngón tay làm một cử chỉ đe dọa và nheo mắt nói nhỏ, như nói với Oanh đang ở trước mặt: Hai lần phá đủ rồi cô nhỏ, và không được có tới lần thứ ba.

NGÀY GIỖ BỐ

HOÀNG MAI ĐẠT

Vân ngồi bật giậy trên giường, với tay lấy chiếc khăn trắng trên bàn đèn, và thấm những giọt mồ hôi đang toát ra trên trán và ngực. Tấm vải giường trắng che đôi chân nhấp nhô theo sự lay động nhè nhẹ của bàn tay cầm khăn. Thấm chưa hết mồ hôi, Vân bỗng quăng khăn vào góc phòng, đạp tung tấm vải rớt xuống với đống mền gối dưới thảm, rồi bước vội vã đến bên cửa sổ. Vân đẩy mạnh cánh cửa kính cho thêm rộng. Tiếng va chạm vang dội trong phòng lờ mờ sáng. Không có gió thổi vào phòng. Màn cửa đứng cứng đơ như bức tường trắng có nếp gấp. Vân đưa bàn tay lên vò mái tóc rối. Bên ngoài chấn song sắt che cửa sổ vài người Mễ mặc áo thun đứng tụ tập ở góc đường. Họ đăm chiêu nhìn những con đường vắng vẻ còn mờ ảo dưới những ánh đèn điện vàng, và thỉnh thoảng họ nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ.

Từ dãy núi xa xa, mập mờ đằng sau màn khói sương ô nhiễm, những tia nắng đỏ đang leo dần lên cao, đe dọa thêm một ngày nóng bức sẽ bao trùm thành phố dưới thung lũng. Cuối tháng Mười, thời tiết bỗng nóng khác thường, không lành lạnh chớm thu như những ngày trước đó. Vân quay trở vào và choàng cái áo ngủ lên người trước khi bước ra khỏi phòng. Ở cánh cửa nàng đạp phải con vịt vàng của bé Tina. Tiếng kêu của con vịt nhựa làm nàng nhớ đến con.

Đi ngang qua phòng bố, Vân đứng lại nhìn vào bàn thờ, rồi bước đến trước tấm ảnh của bố. Gương mặt của bố mấy tháng trước khi chết vì bệnh tim vẫn mím chặt môi như sắp sửa mắng con. Bố chết đột ngột ngoài sân cỏ, để lại mẹ và con, những trái cây sầu héo, khô cằn như thiếu mưa. Vân sờ những chân nhang nghiêng ngã trong lọ cắm, xong nhún vai nhìn mặt bố mím môi trước khi bước ra ngoài và đi xuống dưới nhà.

"Thật hết chịu nổi!" Vân nói lớn khi bước vào phòng khách. "Lần nào cũng quên tắt máy."

Máy truyền hình đang chiếu sáng một góc phòng với những đốm trắng nổ liên tục trên màn ảnh. Vân tắt máy video và truyền hình. Phòng khách bỗng yên tịnh. Tiếng thở đều đều của Liên như đang lớn dần trong khối không khí đọng lại sau những ngày thiếu gió mát. Vân thở dài nhìn đống mền gối nằm dưới thảm, bên cạnh ghế sofa nơi Liên đang co người trong giấc ngủ muộn. Bộ áo ngủ màu nâu trên người Liên nhàu nát như vừa trải qua một cơn ác mộng.

Tiếng ly tách va chạm từ dưới bếp đánh thức Liên dậy. Liên ngồi thẳng người trên

sofa, hướng mắt xuống bếp và càu nhàu, "Mày làm nhè nhẹ tay chứ, mới sáng sớm mà đã ồn như cái chợ."

"Có gì đâu mà ồn. Giờ này thì còn sớm cái con khỉ gì nữa," Vân vừa nói vừa bắc ấm đun nước. "Trời gì mà nóng quá!" Vân nhìn ra sau vườn. Hai màn gió đứng yên như hai pho tượng mỏng. Dưới ánh đèn bếp trắng, thân người nhỏ bé của Vân kéo lê bộ áo ngủ như con mối chậm chạp tha đồ ăn. Vừa múc hai muỗng cà phê pha liền bỏ vào ly cối lớn Vân vừa liếc mắt nhìn chị.

"Chị lại quên tắt máy tối hôm qua, để cho nó chạy cả đêm. Tôi phải tắt nó lúc nãy." Vân cất lọ cà phê lên trên tủ. "Không biết tới bao giờ chị mới trưởng thành cho mọi người nhờ."

"Đừng có nói hỗn," Liên gầm lên. Mái tóc Liên xõa xuống quá vai trông như một người điên trong bộ đồ nâu. "Tao muốn làm gì thì mặc tao, đừng có lên giọng dạy đời. Không có tao chưa chắc mày còn sống tới bây giờ. Đừng có hỗn!"

Vân không thèm nhìn chị, mắt chăm chăm ngó ngọn lửa xanh đang cháy dưới đáy ấm. "Cả ngày chỉ ăn với nằm," Vân nói nhỏ, "rồi vác phim bộ về coi cả đêm. Thế thì ai mà chịu được."

"Mày nói cái gì vậy Vân?" Liên quăng tấm mền lên trên sofa. "Hỗn như thằng Michael cũng không chịu nổi. Bỏ là phải!"

"Chị đừng có nói chuyện đó với tôi," Vân hầm hầm nhìn chị. "Gần bốn mươi tuổi đầu rồi mà chị chưa lo chuyện kiếm chồng thì đừng có xía vào chuyện gia đình của người khác."

"Tao chưa có chồng thì mặc tao. Đàn ông không có thằng nào xứng đáng cho tao lấy hết." Liên đập gối vào mền. "Mày là đứa em mất dạy, hỗn với người đã cứu mày. Đồ khốn nạn!"

"Chị nhắc cái chuyện đó hoài. Cứ nói chạm tự ái tí xíu thì lại đem chuyện vượt biển ra mà kể lể."

"Tao không kể thì làm sao mà mày nhớ? Nếu tao không xô mày té xuống nước thì mấy thằng đó đã bắm xác mày. Nếu tao không đứng lại chống cự tụi nó, để tụi nó bắt đi thì tụi nó đã lôi mày lên để mà hiếp. Đồ khốn nạn! Sao tao vô phước quá!" Liên nằm lại trên sofa. Tiếng Liên khóc từ từ thấm vào mền gối và lan dần vào bầu không khí nóng bức.

"Chán cái nhà này quá," Vân chăm chăm nhìn ngọn lửa. "Chắc tôi phải đi để chị tự do sống, muốn làm gì thì làm."

"Thì mày cút đi đi. Ai thèm nhờ mày," Liên nấc lên.

Vân yên lặng khuấy cà phê. Từ tấm gương nhỏ treo cạnh tủ lạnh Vân thoáng thấy mấy sợi tóc bạc trên đỉnh đầu. Nhiều lúc Vân nghĩ chết lúc vượt biển có lẽ may mắn hơn phải sống những ngày nóng bức như thế này. Vân phải đi làm nuôi mẹ, chị, con sau khi ly dị chồng. Ngay cả khi bố còn sống Vân cũng không hạnh phúc hơn. Những cay đắng của bố đều trút hết xuống những người chung quanh.

"Bố không đồng ý cho con lấy nó," bố giận dữ khi biết Vân quyết định lấy Micheal. "Ở Việt Nam chỉ có đĩ mới đi ăn nằm với người ngoại quốc."

Bố lạnh lùng mỗi khi nghe chị Liên khóc trong đêm vắng. Bố muốn quên sự bất lực của bố trước sự hung hăn của đám hải tặc.

"Phá cái thai đó đi!" Bố ra lệnh cho chị Liên khi sống ở trại tị nạn Pulau Bidong. Tiếng khóc của chị chém vào lòng bố những nhát dao mà chị phải chịu dưới sự hãm hiếp của đám hải tặc.

Bố yên lặng trong những bữa ăn với mẹ, người mà bố trách là "đẻ toàn con gái." Bố thèm một đứa con trai và ghét lũ con gái nhỏ bé của bố. Những đứa con gái dù giỏi cách mấy cũng không mang lại niềm vui bằng một đứa con trai. Bố hay nói bố có tội với ông nội vì không sinh được một đứa cháu nối giòng. Bố cũng tin dị đoan là mồ mả giòng họ Trịnh của bố ở Hải Dương bị người ta yểm. Bố hay nói tại sao bố phải mang vào người tội làm cho tiệt giống giòng họ Trịnh. Mẹ chỉ yên lặng cúi đầu nhai cơm khi bố nhắc chuyện con trai. Rồi như những đau khổ không có lối thoát, bố chết không một lời trăn trối, chỉ để lại mầm sầu khổ cho những đứa con bố ghét.

Vân ngồi xuống bàn uống cà phê. Tiếng khóc của Liên thỉnh thoảng vẫn nấc lên từ đống mền gối. Một tiếng khạc lớn vang lên lại với những tiếng kêu khò khan. Mẹ đã dậy. Mỗi buổi sáng bà bắt đầu một ngày mới với những tiếng khạc khô cằn. Bà thường nói lúc mới ngủ dậy bà cảm tưởng có vật gì nằm trong cuống họng làm bà khó chịu. Bà tìm cách khạc nó ra, nhưng nó nhấtđịnh không chịu ra. Rồi khi bận rộn với những chuyện trong ngày bà tạm quên nó đi. Nhưng mỗi buổi sáng bà biết nó vẫn còn nằm trong cổ. Nó gắn liền với cuộc đời bà từ khi đứa con gái đầu lòng ra đời, Liên. Mỗi bác sĩ bà đến thăm đều nói bà bị bệnh này bệnh kia, rồi cho thuốc bà uống. Nhưng rốt cuộc buổi sáng bà vẫn thức giấc với những tiếng khạc khó khăn, nghe như những tiếng cào xé từ tận đáy lòng của bà.

Vừa ló đầu vào bếp, mẹ đưa tay vuốt và quấn tóc lại thành củ tỏi đằng sau ót. Bà đứng chỉ tới nửa chiều cao của thành cửa. Những đứa con gái của bà cũng chỉ cao hơn mẹ một vài phân. Ngược lại, bố là người mập và cao. Mỗi khi cả gia đình cùng nhau đi đâu, chừng một hay hai lần trong năm khi có đám tang hay đám cưới của người thân, bố như con gà trống đi nghênh ngang giữa những con vịt con lẹt bẹt chạy chung quanh.

"Hai đứa làm gì cãi nhau ỏm tỏi vậy?" Mẹ nhìn Vân hớp cà

phê từ cái cốc lớn.

"Cũng chẳng có gì đâu mẹ," Vân lên tiếng, mắt lơ đãng nhìn ánh sáng ban mai đang tràn vào cửa sổ. "Chị Liên lại tủi thân như mọi ngày." Vân thở dài.

"Lát nữa mày rửa hộ tao mớ cam táo. Chiều hôm qua mua về còn để trong tủ lạnh." Mẹ loay hoay mở tủ lạnh và lấy đồ ra. "Mày xem này Vân. Tao mua được con gà này vừa nhỏ lại vừa còn nguyên đầu ở chợ Việt Nam. Mua ở chợ Mỹ còn lâu mới kiếm được gà có đầu."

"Con thấy gà nào cũng thế. Có đầu hay không đầu thì có chết ai đâu." Vân nhìn mẹ bỏ gà vào bồn nước.

Có tiếng Liên ngồi dậy ở sofa. Vân và mẹ yên lặng nghe ngóng.

"Mẹ lấy giùm con ly nước cam," Liên vừa nói vừa ngáp. Mắt Liên ráo hoảnh như vừa mới ngủ dậy.

"Gà không đầu ăn cũng giống như gà có đầu," Vân tiếp tục chuyện gà.

"Không có cúng giỗ với gà không đầu," mẹ lau tay và mở tủ lạnh lấy nước cam cho Liên. "Ở Việt nam bố lúc nào cũng luộc gà có đầu cúng giỗ ông nội. Giỗ bố mày mà cúng gà không đầu thì ông ấy sẽ vô vặn họng tụi bay hết."

"Mẹ đừng lo. Bố nhà mình không có thiêng đến thế đâu," Vân nhìn con gà nằm ngửa trong bồn nước. Đôi mắt nó nhắm nghiền như một thiền sư đông lạnh đang đưa hồn tan dần vào thế giới ngoại da. "Mẹ bỏ con gà vào nồi giùm con, trông nó như một xác chết. Ghê quá!" Vân nhăn mặt.

"Lại đây mà lấy nước cam," mẹ nhìn Liên, "không ai làm đầy tớ cho chị đâu." Mẹ đưa tay quấn lại cuộn tóc, rồi nói với Vân, "Phải để cho nó bớt lạnh rồi mới luộc được. Gà chứ là gì đâu mà ghê với gớm."

Trong vài giây yên lặng hiếm có, Liên lững thững cầm ly nước cam lại sofa, Vân cúi đầu hớp cà phê, và mẹ đứng yên giữa bếp, loay hoay cột túm tóc củ tỏi lại.

"Tụi bay là đồ mất dạy," mẹ nói vừa đủ lớn. "Hôm nay là ngày giỗ bố mà hai đứa bay cứ lơ là như không có chuyện gì. Chẳng đứa nào có vẻ quan tâm cả. Phải chi vợ chồng con Nga với lại con Lan mà có ở đây..."

"Mẹ cần gì thêm, chiều nay đi làm về con sẽ ghé chợ mua," Vân nói nhỏ như không muốn ai nghe.

"Có tiện thì mày mua bó nhang. Nhang cũ còn, nhưng giỗ thì tao thích dùng nhang mới cho nó thơm. Cả hai đứa Nga với Lan nói là giỗ này không về được. Con cái gì mà phát chán." Mẹ đứng cạnh cửa sổ và nhìn ra khu vườn sau nhà. "Uổng quá, mấy cây cúc vàng chết tiệt cả, nếu không thì giờ này cũng có vài đóa hoa cho bố."

"Chiều mấy giờ mẹ tính ra nghĩa trang?" Liên nằm lại trên sofa, mắt nhìn trần nhà khi hỏi.

"Khoảng năm hay sáu giờ, chứ sớm hơn trời nắng lắm. Chừng nào đám bạn của mày đến hả Liên?" Mẹ vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ.

"Ủa! Đám bạn nào vậy mẹ?" Vân ngửng đầu ngó mẹ, xong quay sang nhìn chị với đôi mắt dò hỏi.

"Thì mấy đứa Loan, Minh, Thiện chứ có ai đâu mà làm bộ hỏi." Liên lẩm bẩm trả lời.

"Cái đám thiền Vô Vi đó mà," mẹ đưa tay vuốt con gà đang nhắm mắt thiền. Bà xả nước rửa con gà một lần nữa rồi bỏ nó vào nồi.

"À, thiền. Lại thiền," Vân cầm muỗng khỏ nhẹ xuống thành cốc. "Lúc trước thì Mục sư Anderson, tối thứ Bảy ôm nhau nhảy đầm dưới hầm nhà thờ nói là để san sẻ tình yêu của thượng đế. Bây giờ thiền ông Tám, mọi người ngồi xếp bằng để nghe điển nhảy tưng tưng ở trên đầu. Em không hiểu chị tìm thấy gì ở họ mà tuần nào cũng đi dự mấy cái đạo quỷ đó."

"Mày không biết gì về thiền thì đừng có nói tầm bậy," Liên trừng mắt nhìn em. "Thiền giúp cho tao bước dần ra khỏi vòng tục lụy, hướng tâm con người về cõi thiện."

"Cõi thiện ở đâu thì em không biết. Chị còn nhớ chuyện Mục Sư Jim Jones dẫn cả bầy con chiên xuống Guyana, rồi bắt mọi người uống thuốc độc tự tử với ông ta? Rõ khùng."

"Ông Tám khác Jim Jones. Mọi người tự do đến với Vô Vi, không ai ép họ phải làm gì cả," Liên nói lớn tiếng.

"Ừ! Thì ông thánh sống nào cũng có mưu mẹo để quyến rũ tín đồ của mình. Đồ lót có thể mang nhiều hiệu khác nhau, nhưng đều dùng chung cho một việc."

"Đồ nói hỗn," Liên cầm cái ly nước cam và ném mạnh về hướng Vân. Ly chạm thành ghế và rơi xuống đất. Nước cam rơi tung tóe thành nhiều vũng giữa Liên và Vân.

Vân quay đầu nhìn chị, rồi yên lặng suy tư.

"Mày làm cái gì thế hả Liên? Có điên không?" Mẹ chùi tay vào khăn rồi vội vàng đến lượm ly lên. Cái ly chẳng chịt những đường nứt, và chỉ cần một cái khỏ nhẹ nó có thể vỡ tan tành. Khi mẹ thả ly vào thùng rác, những tiếng vỡ khô khan đè nén vang lên trong yên lặng chờ đợi của ba người.

"Đi đâu bây giờ?" Vân thầm hỏi. "Đi đâu mới thoát được những người này?" Vân yên lặng uống cà phê.

Liên quay mặt vào sofa. Tiếng nấc nhỏ từ từ vang lên và trở thành âm thanh độc nhất trong phòng. Mẹ lại yên lặng nhìn ra cửa sổ. Đôi mắt của bà như đang ngóng chờ làn gió mát hiếm có vào một buổi sáng nóng khác thường. Vân cúi mặt uống hớp càfé cuối cùng. Khi Vân đứng dậy để thay đồ đi làm, mẹ đang yên lặng rửa những trái cam và Liên ngơ ngẩn nhìn trần nhà trắng.

"Sao con không xin nghỉ ngày

hôm nay hả Vân?" Mẹ ngẩng đầu nhìn Vân vừa bước trở lại bếp trong bộ áo đen từ cổ xuống đến chân.

"Con nghỉ thì không có ai thế cho con hôm nay hết. Tuần này tới phiên con phải làm thứ Bảy." Vân vừa nói vừa đưa lược chải mái tóc còn ướt. "Với lại làm thứ Bảy được thêm tiền."

"Nhưng hôm nay không phải là ngày thứ Bảy như những ngày thứ Bảy khác," mẹ nhăn mặt lộ vẻ khó chịu.

"Con biết. Con sẽ về khoảng bốn giờ, rồi mình sẽ ra nghĩa trang." Vân lắc mạnh mái tóc qua một bên. Liếc mắt nhìn Liên, Vân thấy chị vẫn trân trân nhìn trần nhà.

"À, bao giờ mày đi đón Tina về? Tao nhớ nó quá." Mẹ ngồi xuống ghế và với lấy tờ báo mà mẹ lượm ở một tiệm tạp hóa.

"Ngày mai. Con cũng nhớ nó quá. Chẳng hiểu Michael có tắm rửa cho nó đàng hoàng không. Lần nào đi với cha về, con bé con cũng dơ như ăn mày." Vân tìm đôi giày và đứng loay hoay sỏ chân vào ở góc phòng.

"Tuần trước lúc đến đón Tina, tao nghe Michael hứa mua quần áo mới cho con Tina. Chẳng hiểu quần áo gì mà con bé cứ nhẩy cẫng cả lên." Mẹ lật lật những trang báo đầy khung hình quảng cáo.

"Không phải quần áo mới," Vân ngồi xuống ghế và sửa giày lại cho ngay ngắn. "Michael tính mua đồ hóa trang Halloween cho con bé. Hình như tối nay là đêm con nít đi xin kẹo." Vân đứng dậy nhìn lịch, rồi nói, "Đúng rồi."

"Vậy lát nữa tao cũng phải đi mua bánh kẹo, chứ không đám trẻ con đến tối nay mà không có gì thì tội nghiệp cho nó." Rồi mẹ cười cười, lẩm bẩm như nói một mình, "Tao nhớ năm ngoái có đứa bé con đeo mặt nạ đen thui, trông như quỷ sa-tăng. Vậy mà lúc thằng bé gỡ mặt nạ ra và nói *Thank you* trông nó dễ thương làm sao. Gương mặt Á Đông trắng trẻo của nó đẹp như thiên thần." Mẹ ngưng vài giây, luyến nhớ, rồi tiếp, "Mình chưa kịp hỏi nó là con ai thì nó đã chạy vụt đi mất. Thằng bé dễ thương lắm Vân ạ." Mẹ quay lại đúng lúc Vân đang chăm chú nhìn bà. Hai mẹ con cùng ngượng nghịu tránh đôi mắt của nhau.

"Biết đâu nó sẽ trở lại xin kẹo năm nay." Vân cầm gương soi mặt, cẩn thận vẽ bút chì đen dưới hai mi mắt. Đôi mắt của nàng như to hơn và sâu hơn. "Không chừng kẹo của mẹ cho năm ngoái thằng bé ăn vào và sún hết cả răng. Quỷ sa-tăng mà sún răng thì bà nội sa-tăng phải chịu trách nhiệm đấy."

Hai mẹ con cười nhẹ.

"Thôi mau đi cô, không lại trễ như mọi lần bây giờ," mẹ nhắc yêu cô con gái út. "Dược sĩ gần 32 tuổi đầu rồi mà chẳng có người lớn tí nào." Bà nhìn con đứng dậy; đôi mắt bà như chợt nhận ra Vân không còn là một đứa bé con như năm nào.

"Thôi con đi đây," Vân nhìn chị nằm trên sofa, rồi thở dài trước khi bước ra khỏi cửa.

"Nhớ lái xe cẩn thận," mẹ nói theo. Tiếng nói của bà bị tiếng máy nổ át hẳn. Cửa garage đóng ập xuống như che lại một nhà mồ ở bên trong.

*

* *

"Cô lại trễ đấy nha," bác sĩ Moore nhìn Vân tất tả cầm xách tay chạy vào cửa.

"Dạ, tại quên là sáng nay có làm," Vân mỉm cười nhìn ông ta.

"Tôi có nhắc cô sáng hôm qua," bác sĩ Moore chắp tay sau bộ áo trắng. Mái tóc bạc của ông ta óng ánh dưới ánh đèn trong hành lang.

"Ừ nhỉ. Bác sĩ có nhắc." Vân đưa tay vuốt lại mái tóc lăn lòa xòa xuống trán và vai. Ngoài xa lộ Vân đã phóng xe trên 65 dặm một giờ. Gió mát lộng vào cửa sổ không những làm Vân dễ chịu mà còn sấy cho tóc nàng mau khô hơn.

"Chắc cô lại thức khuya xem phim tối qua chứ gì?" Bác sĩ đưa ngón tay nhấn gọng kính sát lại gần mắt. "Nói thật chứ tôi cũng thích thức khuya vào đêm thứ sáu, để đọc sách chứ không phải để xem phim nhảm nhí như mấy người trẻ như cô đâu." Ông ta cúi đầu nhìn đôi mắt bên lên của Vân. "Thôi được rồi. Cô hãy vào mở phòng thuốc mau lên. Cũng may sáng nay không bận rộn lắm, chỉ mới có mười mấy mạng chết vì thiếu thuốc nhức đầu của cô thôi."

Vân phì cười.

"À, nếu được cô hãy làm thêm cho đến sáu giờ chiều nhé. Stephanie nó chuồn đi Las Vegas cuối tuần này rồi," bác sĩ Moore đứng thẳng người lại.

"Dạ vâng." Vân hấp tấp bước đi.

"Đi từ từ lại," bác sĩ Moore nói theo. "Ngày nào tôi hấp hối thì cô hãy đi nhanh như vậy. Chắc cũng không còn xa lắm đâu."

Vân quay lại nheo mắt nhìn ông ta, rồi bước chậm lại. Vân xem bác sĩ Moore như cha, một người cha khả kính mà nàng không có được trong đời. Bố chỉ là ông giám thị, hay tệ hơn là một người cai tù.

"Tụi bay phải học, không được để cho ai qua mặt," bố thường nói từ ngày các con bố còn học tiểu học ở Saigon. Bố muốn các con phải học ngành bố chọn, và "bằng mọi giá!" phải vượt qua mặt đám con trai cùng lứa tuổi. "Bằng mọi giá!" Bố thường nói mỗi đêm khi đứng kèm các con học.

Bố muốn tạo những đứa con trai từ những đứa con gái của bố. Bố tập các con thói quen ăn mạnh, nói lớn, và tranh giành quyền lợi cho bản thân của mình. Và dần dần con của bố trở thành những cô gái ăn nói sỗ sàng, mạnh bạo không thua gì con trai. Con gái của bố không biết mắc cỡ khi ngồi dạng hai chân và phóng xe Honda giữa đô thành Saigon. Họ không cảm thấy thiếu lịch sự khi thò đũa vào mâm cơm gắp những miếng thịt to nhất

trong những bữa tiệc của họ hàng. Và một điều bố hài lòng nhất là con gái của bố không bao giờ thua trong những cuộc tranh luận với con trai. Đáng lẽ bố phải được Hội Phụ Nữ Thế Giới trao huy chương. Chỉ tiếc là bố không giỏi lăng-xê tên tuổi của bố lên báo chí như những chính trị gia cùng thời.

Và cũng may là nước Việt Nam chưa tiến bộ lắm vào những năm trước 1975. Trong khi chiến tranh hung hăng chà đạp quê hương ở những vùng núi rừng xa xăm, bố hay than thở với mẹ ở bàn ăn là phải chi khoa học có cách nào "gắn cái ấy" vào con gái của bố để biến chúng nó thành con trai. Sự thèm muốn có con trai ám ảnh bố ngày đêm. Giữa lúc ngoài chiến trường người ta say mê tiêu diệt mạng sống của con người bằng những viên đạn bắn vào óc, bằng những trái mìn nổ banh xác, hay bằng những trái bom đốt người thành tro bụi, thì bố lại ước mơ bác học nghĩ ra cách "rắp" thêm bộ phận sinh dục đàn ông và thân thể con gái của bố. Bố chết đi vài ngày sau khi đọc tin tức cho biết ở bên Âu Châu người ta thành công trong vấn đề "ráp, gắn." Tội nghiệp bố!

Từ ngày có chồng, và nhất là từ lúc sinh bé gái Tina, Vân đã lấy lại những nữ tính mà nàng dấu kín. Cuộc tình của nàng với Michael không có gì là thơ mộng. Hai người gặp nhau ở đại học. Michael học giỏi, làm lương cao ở hãng chế tạo máy bay Mc Donnel Douglass. Lương dược sĩ bệnh viện Kaiser của Vân cũng ngang hàng với Michael. Sau vài lần tâm sự ở quán ăn, họ cảm thấy yên ổn về vấn đề tiền bạc, không ai có mặc cảm phải dựa vào ai, nên cả hai đồng ý lấy nhau.

Gia đình bên Michael không đồng ý cho con trai độc nhất, vừa thông minh vừa đẹp trai của họ cưới một cô gái tị nạn không biết thưởng thức vũ ballet hay xem chương trình Masterpiece Theatre như họ. Vân chỉ rành tên thuốc và tên ca sĩ Việt Nam. Bố cũng không muốn Vân lấy Michael vì hắn mũi lõ, da trắng. Gia đình cản trở, hai người càng mến nhau, không phải vì yêu mà vì họ muốn chứng tỏ họ đã trưởng thành, có đủ khả năng để chọn lựa cho cuộc sống của mình. Cho tới khi Tina ra đời, sự căng thẳng giữa hai gia đình từ từ giảm bớt. Có một đêm Giáng Sinh, bố đồng ý đến thăm cha mẹ của Michael theo lời mời của ông bà ấy. Có Tina chạy qua lại giữa đôi bên trong phòng khách, mấy người lớn tuổi tránh phải nhìn nhau và dành thì giờ đùa giỡn với đứa bé bằng thứ ngôn ngữ riêng của họ. Thế nhưng Michael và Vân đã ly dị nhau vì tiền bạc.

"Anh muốn em hùn tiền với anh để mua nhà," Michael hỏi Vân khi Tina được năm tuổi.

"Em không có đủ tiền," Vân trả lời. Số lương của Vân được dùng để trả góp cho ngôi nhà dành cho bố mẹ và chị Liên, chưa kể tiền nuôi họ và phần ở với Michael. "Hai vợ chồng có thể sống chung với mẹ và chị Liên," Vân nói.

Nhưng Michael nhất định không chịu. "Hai vợ chồng mình và Tina phải ở riêng," chàng tuyên bố.

Cuối cùng Michael về ở với cha mẹ, hàng tuần thăm con ngày thứ Bảy. Thỉnh thoảng Vân để cho Tina ở với Michael lâu hơn như tuần này.

Sau giờ ăn trưa Michael gọi. "Vân ơi, chiều nay anh sẽ mang bé Tina đến nhà em," Michael nói nhỏ nhẹ.

"Lúc nãy anh có gọi đến nhà, gặp Liên anh mới nhớ hôm nay là ngày giỗ bố. Anh muốn đi thăm mộ với mẹ và chị Liên," Michael nói âu yếm như ngày hai người mới gặp nhau ở phòng ăn của trường.

"Vậy thì cũng tốt. Nhờ anh nói hộ với mẹ là em phải làm thêm giờ chiều nay, không về kịp để ra nghĩa trang đâu." Vân cũng âu yếm nói lại.

"Anh sẽ nói cho mẹ biết."

"Tối nay anh có cho Tina đi trick-or-treat xin kẹo không?"

"Có chứ, ngay tại nơi em ở."

"Thật à," Vân muốn nói thêm với Michael. "Chuyện anh với cô Helen tới đâu rồi?"

"Anh tính tới hè năm sau sẽ cưới Helen. Anh muốn Helen có dịp gặp em."

"Vậy sao?" Vân cố giữ bình tĩnh.

"Còn em. Có gặp ai mới chưa?" Michael hỏi bình thản như những người Mỹ bạn của hai người.

"Em mới quen người này," Vân nói dối.

"Ai vậy? Người Việt Nam hả?" Michael vẫn tự nhiên.

"Việt Nam hay Mỹ thì có ăn nhằm gì đâu mà anh phải thắc mắc. Miễn sao người ấy thương em thật tình," Vân không dấu được cơn giận.

"Anh chỉ hỏi vậy thôi. Nếu em không thích..."

"Đừng hỏi thiếu tế nhị như thế nữa. Thôi chào anh," Vân đưa điện thoại ra trước mặt.

"Chào em." Tiếng đặt máy kêu lịch kịch.

Vân bỏ máy xuống và thở dài.

Bác sĩ Moore có ghé hỏi thăm Vân trước khi ông ta về. Nhìn ông ta tan dần vào ánh nắng chói chang ngoài cửa, Vân chợt ao ước có được một cuộc sống dù khác thường của ông ta. Bác sĩ Moore sống một mình.

"Ông ấy thất tình từ hồi mới ra làm bác sĩ," bà y tá Steiner có một lần kể cho Vân nghe. "Rồi từ đó ông ta sống âm thầm với mối tình xưa trong ngôi nhà khang trang gần vùng biển Laguna."

"Ông ấy là người đồng tính luyến ái," bà nấu bếp Lopez lại kể khác. "Bác sĩ Moore thích ngắm trai tơ nô đùa ngoài bãi biển."

"Tôi thích đọc sách," có lần bác sĩ Moore nói cho Vân nghe. "Mỗi buổi chiều sau khi ăn ở ngoài, tôi về nhà xem tin tức trên truyền hình, rồi đọc báo cho đến khi buồn ngủ. Thỉnh thoảng tôi đi nghe nhạc đại hòa

tấu, xem kịch hay hát opera, và có khi đi dạo ngoài công viên. Tôi chỉ cần sự yên ổn trong tâm hồn mỗi đêm ngủ. That's all."

Vân bỗng ao ước được yên ổn như bác sĩ Moore.

Đúng sáu giờ chiều Vân bỏ áo choàng trắng lại và rời bệnh viện. Nàng ghé vào một tiệm tạp hóa mua bó nhang, rồi lái xe ra nghĩa trang. Một cây thông cao vút nằm giữa những nấm mồ làm Vân nghĩ đến bố, một người cao lớn giữa đám con loắt choắt. Nghĩa trang vắng vẻ. Nhìn những cây nhang cháy dở trên mộ bố, Vân biết chị và mẹ đã ghé qua. Vân châm lửa ba nén nhang, rồi nhắm mắt quỳ trước chân dung của bố.

"Con cầu mong bố được yên nghỉ," Vân khấn thầm trong đầu, rồi nàng vái ba vái trước khi cắm nhang cạnh hình bố.

Nhìn nghĩa trang vắng lặng, Vân cảm thấy có sự xáo động vô hình nào đó đang trỗi lên từ những nấm mồ. Những người chết có thật sự yên ổn nếu những người sống vẫn nhắc đến họ với những ý nghĩ đen tối nhất? Người chết làm sao thoát được sự níu kéo của người sống? Vân thầm hỏi.

"Con muốn bố thoát," Vân thầm nói, "cho con được yên ổn."

Đăm chiêu nhìn những cây nhang tỏa khói từ mộ bố, Vân như thấy được linh hồn của bố lơ lửng bay theo hương khói trắng. Những người chết chung quanh bố chắc cũng thèm muốn được bay thoát? Phải để cho họ thoát, Vân nói thầm. Phải để cho họ thoát.

Vân châm lửa hết mấy chục cây nhang còn lại, rồi nàng cắm trên mỗi ngôi mộ lạ một nén nhang. Bóng đen của Vân di chuyển qua những ngôi mộ, để lại những làn khói trắng bay thẳng lên không. Một đứa bé chết đuối, một cô gái chết vì tai nạn xe cộ, một thanh niên bị bắn chết, một thương gia qua đời vì ung thư, một người già chết bình thường, và những cái chết tương tự khác từ từ bay thoát ra khỏi mặt đất, lên trên bầu trời chập choạng tối.

Vân đứng giữa những linh hồn siêu thoát và yên lặng nghe trái tim mình đập mạnh. Nàng chưa bao giờ xúc động như lúc này. Ngay cả khi bố chết Vân cũng không khóc. Nhưng bây giờ nàng khao khát được khóc, được giải thoát theo khói nhang, được bước ra khỏi cuộc sống hiện tại. Ngồi bên mộ bố Vân nghĩ đến bác sĩ Moore. Cái gì đã giúp ông ấy bình thản sống cho đến nay? Chắc chắn bác sĩ Moore đã một lần nào đó gục ngã trong thất vọng, như tất cả mọi người, như Vân hiện nay, nhưng ông ta đã đứng dậy và tiếp tục sống, không mạnh bạo khát sống như xưa, nhưng vững vàng trong mỗi bước đi. Chỉ cầm bám vào một niềm tin nhỏ, dù mới lóe, nàng sẽ nắm chặt lấy mà sống. Khi nhang tàn, nắng tắt, Vân như một con ma đen đứng dậy từ mộ bố và rời nghĩa trang.

Theo một đại lộ thẳng tắp đầy những quán ăn và đại lý bán xe hơi, Vân lái xe xuôi xuống bãi biển gần nhất. Gió mặn hòa lẫn với khói than cháy thổi tạt vào mặt Vân khi nàng bước ra khỏi xe. Một đám thanh niên đang cười nói chung quanh những miếng thịt nướng cháy xì xèo trên lò than. Lửa đỏ và men bia mang lại sắc hồng hào trên những gương mặt tươi cười rạng rỡ. Sau một ngày trượt sóng hào hứng, những thanh niên tiếp tục cuộc vui chung quanh lửa hồng.

Vân tháo giầy và thong thả đi xuống nơi sóng vỗ. Vân khám phá ra biển sau lần cãi nhau với bố về việc lấy Michael.

Nàng đã tức giận lái xe đi loanh quanh và cuối cùng lạc xuống biển. Vân cảm thấy thoải mái trong những lần đi trên cát một mình, để cho sóng biển ve vuốt đôi chân nhỏ bé. Michael không thích đi dạo biển với nàng. Chàng không thích thiên nhiên. Trong những giờ rảnh rỗi Michael nằm đọc báo hay xem chương trình thể thao trên đài truyền hình, hay vào garage biến chế đồ điện tử. Thỉnh thoảng Michael đưa Vân đi ăn ở một nhà hàng sang trọng nào đó hay đi xem ballet, nhưng đi dạo ở biển thì chưa bao giờ.

Vân mong có được một người đàn ông biết chia sẻ với nàng trong quãng đời còn lại. Nhưng có được một người đàn ông không những thương nàng mà còn đồng ý chia sẻ bổn phận nuôi mẹ và chị là một điều rất hiếm.

"Muốn ăn với chúng tôi không?" một thanh niên cao lớn hỏi khi Vân bước trở lại xe.

Vân đứng nhìn người thanh niên da trắng. Hắn đẹp trai, có nụ cười hồn nhiên, mắt sáng. Phải chi hắn gặp mình mấy năm trước, Vân thầm nghĩ, mình sẽ tự nhiên với hắn.

"Không, cám ơn, tôi không đói." Vân mỉm cười nhìn người thanh niên. Đôi môi của hắn đỏ hồng. Vân bỗng thèm đưa tay sờ đôi môi và vuốt mái tóc ngắn của hắn.

"Nếu không ăn thì uống bia nhé?" Hắn chìa một lon bia mời gọi. Cánh tay hắn rắn chắc, nổi đầy gân.

Vân chưa bao giờ uống bia. Nàng cho đó là tật xấu của đàn ông. Một lần nữa nàng liếc nhìn đôi môi của người thanh niên. Ngọn lửa từ lò than bỗng bừng lên cao, và Vân cảm thấy ấm.

"Uống thử đi!" Hắn mời tiếp. "Đêm nay là Halloween, đêm của quỷ sứ." Người thanh niên cười lớn.

Vân chợt nhớ đến Tina. Giờ này chắc con bé đang đi xin kẹo với Michael. "Tôi đã say rồi," Vân nói đùa để hắn thôi mời. Vân tránh nhìn ngọn lửa.

Người thanh niên chợt tắt nụ cười nửa chừng khi có giọng thiếu nữ gọi tên hắn từ đằng sau lưng. Hắn quay đi và reo to tên người con gái. Đám thanh niên tiếp tục uống và vui đùa. Vân mỉm cười rồi bỏ đi. Vân cảm thấy lạnh và kéo cửa kiếng xe lên.

Trên đường về nhà, Vân chạy chậm lại ở khu phố Little Saigon. Ngoại trừ một vài quán ăn còn mở cửa, những thương xá ở hai bên đường Bolsa nằm im lìm như một nghĩa trang vắng sự sống. Những mộ bia chằng chịt các bảng hiệu nhiều màu dựng đứng ở bên ngoài thương xá như không đủ lớn để che hết sự vắng lặng. Tiếng cười nói từ những quán ăn rơi vào khoảng không giữa những mộ bia đá. Ở một đèn vàng, Vân nhấn mạnh ga cho xe vượt qua ngã tư. Nàng không muốn bị kẹt lại đằng sau đèn đỏ ở chặng chót ra ngoài phố Little Saigon.

Rẽ vào ngã tư gần nhà, Vân thoáng thấy một bóng đen cầm túi kẹo chạy vụt qua hai ngọn đèn xe của nàng. Vân chợt nhớ đến đứa bé trai mẹ đã gặp. Vân kéo cửa xe xuống và gọi đứa bé mặc áo quỷ Sa-tăng. Con quỷ đen ngừng lại.

"Cháu là con nhà ai vậy?" Vân nhìn bộ mặt quỷ có hai con mắt long lanh. Con quỷ con này độ chừng năm hay sáu tuổi.

"Phải trick-or-treat mới được xem mặt," tiếng nói nhỏ bị nghẹt sau mặt nạ phát ra.

"Ờ quên, xin lỗi nhé quỷ con," Vân nghe tiếng cười khúc khích của đứa bé. "Tôi không có kẹo. Quỷ có lấy tiền không?"

"Lấy chứ, mấy đồng?" con quỷ tiến lại gần.

"Năm đồng, chịu không?" Vân nhìn kỹ đôi mắt của đứa bé.

"Yeah!" đứa bé reo to và hấp tấp kéo mặt nạ ra khỏi tóc. Một bé gái tóc vàng xinh đẹp. Nó xòe tay nhận tiền rồi kéo mặt nạ xuống. "Cám ơn bà. Tôi phải đi, mẹ tôi đang đợi." Nói xong nó quay lưng chạy.

"Nhớ cẩn thận khi băng qua đường," Vân nói theo. Đứa bé biến mất vào bóng đêm, nhưng đôi mắt ngây thơ của nó hiện rõ trước mắt Vân. "Tina, mẹ nhớ con." Vân vội vàng lái xe hướng về nhà.

"Mày đi đâu mà tới giờ này mới về làm tao lo quá?" Mẹ ra mở cửa cho Vân và nhân tiện tắt ngọn đèn cầy trong trái bí nhựa ngoài thềm cửa. Không nghe Vân nói, mẹ tiếp, "Michael có gọi ra bệnh viện, họ nói con về từ lâu rồi. Con có sao không Vân?"

"Con không sao hết mẹ. Michael đâu rồi?" Vân khóa cửa lại và bước theo mẹ.

"Nó đợi mày lâu quá nên về rồi."

"Tina đâu rồi mẹ?" Vân tháo giầy và nhìn lên lầu.

"Nó ngủ trong phòng mày đấy," mẹ trỏ tay lên lầu. "Lúc nãy hai bố con nó đi xin được một bịch kẹo thật lớn." Mẹ vừa cười vừa gật gù. "Này, Tina mới bây lớn mà lanh lắm đấy, Vân ạ. Nó bày kẹo ra trên bàn rồi lựa giữ hết mấy thứ kẹo ngon đắt tiền. Phần còn lại nó nói cho bà." Mẹ cười nhỏ, "Tiên sư nhà nó, chưa gì mà đã láu như mấy dì của nó."

Tina nằm trên giường của Vân với bộ áo trắng giả ma vẫn còn y nguyên trên người.

"Nó nhất định không chịu cởi áo, nói là đợi mày về cho mày xem rồi mới cởi," mẹ giúp Vân tháo đôi giày của Tina.

Vân cởi hết áo quần của con ngoại trừ cái quần lót, rồi đặt đứa bé nằm ngay ngắn trên giường. Vân hôn trán con và nắm bàn tay nhỏ xíu của Tina.

"Tội nghiệp con tôi, chắc nó nhớ mẹ nó lắm," Vân hôn trán con lần nữa, và kéo tấm vải giường lên trên người con. "Lúc nãy con có ghé nghĩa trang," Vân nói với mẹ khi theo bà ra khỏi phòng.

"Con vô thắp nhang cho bố đi rồi xuống bếp ăn cơm," mẹ nói

nhỏ như sợ đánh thức bé Tina dậy.

Vân bước vào phòng bố. Trong bóng tối Vân chỉ nhận ra bình hoa và đĩa trái cây trên bàn thờ. Rồi khi bật lửa thắp nhang, gương mặt của bố hiện ra như chờ đợi nàng từ lâu. Vân nhắm mắt và khấn, "Con mong bố được yên nghỉ, và phù hộ cho con có đủ sức mạnh để nuôi mẹ, chị Liên và bé Tina." Vân khấn ba lần rồi cắm nhang. Vân cảm thấy nhẹ nhõm khi bước xuống nhà. Trên bàn ăn mẹ đã sắp sẵn đĩa thịt gà và xôi vò.

"Ủa! Phòng khách sao trống trơn vậy mẹ?" Vân nhận thấy phòng thiếu máy truyền hình và máy video.

"Cái đám Vô Vi đến khiêng hết đồ vào phòng con Liên để có chỗ ngồi nói chuyện," mẹ tỏ vẻ không hài lòng. "Tại con Liên không có ai làm bạn nên tao mặc kệ cho nó rủ đám thiền đến chơi, chứ thật sự lúc thấy mấy đứa đầu trọc kéo vào phòng khách vừa uống bia vừa hút thuốc lá tao chỉ muốn đuổi tụi nó đi."

"Mấy đứa ấy còn nhỏ tuổi," Vân ngồi xuống bàn, "với lại ở tuổi đó dễ bị thu hút, nhất là khi gặp áp lực của cuộc sống. Hồi trước con cũng tính theo đám thiền, nhưng khi thấy tư cách sống và khoái cảm mà họ tả là đạt được qua thiền chẳng có gì là hướng thượng, nên con bỏ."

"Tao chẳng hiểu nó ra làm sao, chỉ thấy mười mấy đứa đầu trọc ngồi ăn uống, nhậu nhẹt, rồi truyền nhau coi hình ông Tám bụng phệ là tao muốn đuổi tụi nó ra khỏi nhà." Mẹ ngồi xuống nhìn Vân ăn cơm. "Buồn cười là chính chị Liên mày lên tiếng đuổi tụi nó đi."

"Ủa! Sao kỳ vậy?" Vân ngừng ăn.

"Con Liên nó khùng," mẹ nhoẻn miệng cười. "Nó cứ nằng nặc đòi xuống tóc ngay chiều nay. Mấy đứa kia không chịu, nói là khi nào cha cho phép mới được cắt tóc. Con Liên nói là bây giờ nó ngồi thiền khá lắm rồi, những lần ngồi thiền với cha nó cảm thấy sướng vì nhận được rất nhiều điểm từ cha. Nó nói nó muốn xuống tóc để theo cha."

"Rồi sao nữa mẹ?" Vân trân trân nhìn mẹ.

"Mấy đứa kia nhất định không chịu cắt tóc cho nó. Thế là nó khùng lên, đuổi tụi kia ra hết khỏi nhà. Đúng lúc ấy có Michael đến, chứ không tao đã kêu cảnh sát. Tao sợ mấy đứa kia đánh con Liên." Rồi mẹ cười ngặt nghẽo. "Michael hỏi tao ở nhà có chuyện gì mà đông người trọc đầu đến vậy. Nó còn hỏi có phải vì bố theo đạo Phật nên mỗi lần giỗ bố phải kêu sư đến. Michael nói là nó chưa bao giờ thấy sư mặc quần jeans với áo thun bao giờ." Mẹ cười to hơn.

"Sao mẹ không nói họ là con riêng của bố," Vân cười với mẹ.

"Tao đâu có đủ tiếng Anh mà nói chuyện với Michael. Chứ nếu không tao nói tụi nó là trẻ hóa trang đi xin kẹo Halloween."

Hai mẹ con nhìn nhau cười.

"Chị Liên đâu rồi mẹ?" Vân chợt hỏi.

"Nó vào phòng coi phim bộ rồi. Tội nghiệp nó. Chẳng biết tao chết đi rồi thì nó sẽ ra sao?" Mẹ thở dài và đưa tay tháo cái ghim tóc ra. "Michael có cho tao biết nó sẽ lấy Helen mùa hè năm sau."

Vân nhìn mẹ, không nói gì, rồi cúi đầu tiếp tục ăn xôi.

"Thôi, chuyện hai đứa mày đã xong rồi. Nếu bây giờ có ai thương con thì con cứ việc tiến tới với họ, đừng lo cho mẹ với chị nữa. Con còn trẻ, con cần làm lại cuộc đời trước khi quá trễ. Thôi con ăn cơm đi." Mẹ yên lặng đứng dậy và rời phòng. "Chị Nga và Lan của con có gọi hỏi thăm con chiều nay," mẹ quay lại nói trước khi lẫn vào bóng tối sau cửa. Một tiếng ho nhỏ của bà thoát ra từ phòng ngủ.

Vân không ăn hết phần xôi và gà. Trong lúc lên phòng ngủ, băng ngang qua phòng Liên, nghe tiếng máy truyền hình Vân nhẹ đẩy cửa vào phòng. Liên nằm ngủ trên giường giữa đống mền gối bừa bãi. Ở trên thảm một mớ tóc đen nằm bên cạnh cái kéo. Vân hốt dúm tóc bỏ vào thùng rác và nhẹ đặt kéo trong hộc tủ, xong tắt máy truyền hình và máy video và xếp lại mớ băng phim bộ. Ánh đèn từ ngoài song cửa chiếu xuống thân hình co ro gầy yếu của người chị. Bóng đen từ những chấn song đổ dài xuống giường bên cạnh chị. Gương mặt Liên bình thản. Hai đôi mắt hơi trũng xuống. Môi khô, thỉnh thoảng mấp máy như muốn nói điều gì. Vân nắm chặt bàn tay chị rồi cúi xuống hôn lên trán đã có nếp nhăn. Liên ú ớ gọi nhỏ, nhưng đôi mắt vẫn nhắm nghiền. Vân đưa ngón tay vuốt nhẹ đôi má trắng của chị. Chị bỗng duỗi người ra trong bộ đồ ngủ màu nâu nhàu nát.

"Hãy ngủ yên nhé, chị Liên," Vân thì thầm nói. "Hãy ngủ yên như ngày mình còn bé. Hãy ngủ yên."

Vân ngồi ôm tay chị một hồi lâu. Trước khi rời phòng chị, Vân kéo tấm vải giường che đến cổ chị. Bé Tina vẫn ngủ say trên giường mẹ. Vân thay đồ ngủ. Từ ngoài cửa một luồng gió thổi vào khiến Vân khẽ rùng mình.

"Trời đã bớt nóng," Vân thì thầm.

Hai tấm màn cửa bay nhè nhẹ trong gió. Vân nằm xuống giường và ôm con vào lòng. Đứa bé khẽ cựa mình rồi ôm chặt cánh tay của mẹ.

"Con sẽ lớn, sẽ mạnh, sẽ may mắn hơn những người đàn bà trong gia đình này. Mẹ sẽ nuôi con trưởng thành." Vân hôn má con. Rồi nàng nhắm mắt ngủ. Hơi thở của nàng dần dần hòa nhịp với hơi thở của con, hơi thở của sự bình yên còn ngây thơ và tinh khiết.

HOÀNG MAI ĐẠT

MỘT GIẤC MỘNG

THƯỜNG QUÁN

Ấy là một tang lễ
tôi còn đọc được cả tên anh
một thi sĩ
những bài thơ viết ngày tôi chào đời
những đêm hai mươi đọc lại
còn nghe hoang trống
bóng tối

Ấy là một tang lễ không nước mắt
và tôi không quá phiền muộn

Mọi người đều yên lặng và không quá phiền muộn
Dưới những tấm tôn
của một mái chùa không phên vách
nếu có những dây đèn treo
hẳn người ta phải tưởng ấy là một buổi lễ đản sinh
một trưa tháng tư

Nhưng ấy là một tang lễ
tôi còn được đến gần chiếc áo quan
thấy những vòng huệ trắng
ngửi được những vòng hương
có màu xám
và tưởng có thể sờ được tay
lên hàng chữ
tên anh

Một ai đó nói đã đến giờ hỏa táng
Một kẻ khác chỉ định
người sẽ giữ lấy chiếc quách đựng hài cốt
Họ gọi tên nàng
tôi nhìn thấy một nắm tro than
và đôi tay
nhỏ nhắn

Dường như ấy là lúc tôi bắt đầu cảm được
sự mất mát và nỗi buồn
một sức nặng nào đó
ở đôi tay
ở những vòng hương
không thể bay cao

Để trốn màu xám trĩu nặng
đang bắt đầu dấy lên xâm chiếm
tôi tìm ra hậu liêu
(nơi chốn bình thường của
lắng đọng và chấp nhận?)
tôi không chuẩn bị cho sự đau đớn

Trên nền xi măng trưa
những dấu máu
đọng thành vũng lớn
đã cũ

Không ai giải thích với tôi tại sao
mọi người đều yên lặng hay xầm xì thật nhỏ
và không có vẻ gì quá buồn bã

Rồi tôi không nhớ gì nữa
trừ cảnh tượng cuối:

Giữa những người xa lạ
trên sàn chiếu ngủ lại sau tang lễ
tôi tìm kiếm đôi giày da cũ của mình để ra về
nhưng không có

Trên những bậc thềm những đôi giày
nằm hỗn loạn
không ngay ngắn

Tôi không nón mũ và chân trần bước xuống
một khoảng sân một ngày
nắng lớn

Ở Đây Nhớ Bên Kia 1

ĐỖ Kh.

Đây về bỗng nhớ Bolsa
Nhớ em lỗ rốn nõn nà Hạt Cam
Magnolia
Mộc Lan
Duy Tân cây ngả nghiêng hàng
Bàn tay móng đắp ngỡ ngàng lá me
Hoa giấy
Bouqainvillea
Cặp đùi vớ lưới đen khoe
Thoáng qua nhún nhảy trên hè phố trưa

Ở Đây Nhớ Kia 2

Ngồi nhìn ra Biển Đông
Một bên là Cầu Đá
Một bên là Hòn Chồng
Còn Hòn Đỏ Hòn Tre
Còn Hòn Miễu Hòn Mẹ
Nha Trang miền Thùy Dương
"Năm du lịch 1990
Những nụ cười Việt Nam
Là phần thưởng của quý du khách"
Trời xanh mây xám
Con chó cụt chân
Lưỡi thè lè
Bà Ba bán ghẹ
Con Tám bán đậu phọng
Anh Bảy xích lô ngồi trầm ngâm
Chú Sáu chụp hình đợi vẩn vơ
Ầu ơ
Tiếng hát Nhật Trường
Ầu ơ
Tiếng hát Nhật Hạ
"Anh ơi em đẹp nhất đêm nay"
"Em ơi anh chưa chết đâu em"
Những cô gái cửa hàng trọ trẹ
Trước khách sạn Thống Nhất đường Trần Phú
(Có phòng 4C hai cái cô trét phấn
Đáp xe đò Tốc Hành từ thành phố ra đây ở trọ tìm khách)
Trên ghế bố lẳng lặng sớm Hè
Tôi nhớ về

Bãi biển
Không có tiếng tắc kè
Không có tiếng Ò ó o
Em mặc quần legging bó đùi da beo
Áo len thêu của Rợ Bắc những năm nào
Chân trần trên từng hòn đá bỏng
Còn ở đây tôi không thấy có gì quan hệ
Về thăm nhà
Miền Thùy Dương
Hàng dừa xanh
Về thăm nhà
Tôm lăn chiên
Tôi nhớ về

Bãi biển
Ở từng từng từng em ơi
ở tận miền
Nam California.

Bắt Ma Giữa Chợ

TAM TRƯƠNG

Trời nắng chang chang. Anh nọ mang giấy mực ra giữa chợ, rao rằng mình là vô địch bắt ma. Mồm kể, tay vẽ hình ma trên giấy, con nào con nấy to lớn dữ tợn, mặt xanh nanh vàng.
Nói khản cổ mà không mấy người nghe cho tiền, trợn mắt méo mồm mà con nít cũng không sợ. Anh ta mệt phờ nằm lăn ra thiu ngủ.
Lúc tỉnh dậy, tóc gáy dựng đứng vì chung quanh không còn ai, chợ đã tan phiên lên rồi. Quanh quẩn xa xa mấy trẻ chăn trâu, anh ta ơi ới xin nhập bọn. Hỏi, anh ta đáp "Ta là người kể chuyện ma giữa chợ đây. Trời sắp tới, ta không dám đi ngang bãi tha ma một mình". Trẻ cười. Anh ta cãi "Đời, thiếu gì người như ta, kể chuyện ma kiếm tiền, há phải người can đảm mới làm được?" Trẻ bảo "Nhà bác kiếm được bao nã. Chuyện âm u kể giữa chợ, còn ai mà sợ. Đã không sợ thì không thích. Đã không thích thì không trả tiền. Hay bác khản cổ vì muốn được danh là người can đảm".
Từ đó anh ta giải nghệ.

NHỮNG GIÒNG SÔNG LẠC

PHẠM THỊ NGỌC

Để tránh cho đoạn đầu khỏi dài dòng, tôi xin giới thiệu hai nhân vật chính: Cẩm Linh và Nguyệt, một kẻ thì ngoan và một người thì đẹp. Câu chuyện này không phải là chuyện cái-đánh-nết-chết-cái-đẹp, và dù khi tôi có cho Nguyệt đi sau Cẩm Linh, điều đó không có nghĩa là Nguyệt thua kém. Câu chuyện này có thể coi là chuyện bạn bè, bạn bè và những điều khó hiểu họ gây cho nhau.

Cẩm Linh và Nguyệt, họ quen nhau từ những ngày đầu dân tỵ nạn mình mới tới Mỹ. Ở một thành phố nhỏ, ai cũng dễ biết nhau, biết rất mau chóng. Người ta sớm biết Cẩm Linh là con ông Chủ tịch cộng đồng, và biết Nguyệt là con không cha. Nguyệt không cha vì cha nó chết trận hay nó là con hoang, điều này có lẽ không quan trọng lắm. Hoàn cảnh Nguyệt, cũng như hoàn cảnh Cẩm Linh, đều nhờ ơn chiến tranh. Người ta còn biết thêm Cẩm Linh là đứa chăm chỉ học hành, còn Nguyệt là đứa sớm biết trốn học theo trai. Cẩm Linh và Nguyệt gặp nhau cái ngày ông bố chủ tịch của Cẩm Linh tìm đến nhà người mẹ không chồng của Nguyệt. Hai đứa trẻ, không biết vì thông minh hay ngu đần mà đã dễ chấp nhận được nhau.

Cẩm Linh và Nguyệt, nếu có giống nhau ở điểm nào, thì đó là cái điểm rụt rè thiếu tự tin chẳng hiểu là từ dân tộc tính hay từ tự ti mặc cảm của một đứa không đẹp và một đứa không ngoan. Từ những ngày còn học chung một trường một lớp, họ khác nhau trong tất cả mọi chuyện. Cẩm Linh rụt rè ít nói, và chỉ nói khi cần. Nguyệt hay nói ở cuối lớp nhưng lại lặng im giữ quan điểm của mình trước những vấn đề gọi là nghiêm trọng. Trong thời gian còn chịu sự uốn nắn của nhà trường, Cẩm Linh bênh vực án tử hình, Nguyệt bênh vực tội nhân. Cẩm Linh chống phá thai, Nguyệt tin ở quyền lựa chọn của người đàn bà. Trường lớp luyện họ thành người lớn, họ phải bắt chước làm người lớn, tập chuộng, tập kháng, tập *pros and cons,*

cứ như là những vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến tương lai họ sau này. Họ được trình bày những vấn đề của người lớn mà không được ai chỉ cho sự mâu thuẫn trong những sự lựa chọn của họ.

Cho đến năm mười tám tuổi, hai đứa con gái đều nhận thấy có những chuyện họ không nên nói cho nhau nghe. Những chuyện rất con gái của con gái. Cẩm Linh năm ấy đã biết để ý đến một người khác phái, nhưng không dám nói. Nguyệt cũng âm thầm không dám nói ra cái quyết định ứng đơn xin học bổng và dự tính theo chương trình luật sau khi xong trung học.

Cẩm Linh gặp Nguyễn Văn Hiếu tại nhà Nguyệt trước đó đã lâu, vào khoảng thời gian nào nàng cũng không nhớ. Không nhớ vì Hiếu không có nét gì đặc biệt để gây sự chú ý ban đầu, nếu không muốn nói là Hiếu chìm giữa đám đàn ông thường hay lui tới nhà Nguyệt. Cẩm Linh gặp Hiếu vào trường hợp nào nàng không nhớ. Có lẽ là vào một lần Cẩm Linh tới rủ Nguyệt đi học bài, hay một lần tiệc tùng trong nhiều bữa tiệc tùng không lý do. Ngày ấy, Cẩm

Linh coi Hiếu như những người đàn ông con trai khác, bọn đàn ông thường ra ra vào vào nhà Nguyệt rất tự nhiên, không ngần ngại. Nguyệt theo ý mẹ, tiếp đãi niềm nở như một món nợ nàng phải trả cho mẹ. Cẩm Linh đến, biết ờ đó là Hiếu, cũng như biết ờ đó là Hùng, là Dũng, là Minh. Cẩm Linh đến nhưng không bao giờ ở lâu, và cũng không thắc mắc lâu về lối sống nhà Nguyệt.

Rồi một hôm, một gã đàn ông nói với Nguyệt:

"Hôm bữa Cẩm Linh tới tìm em không gặp. Chẳng hiểu thằng Hiếu nổi cơn gì trêu Cẩm Linh đỏ mặt chạy ra khỏi nhà."

Gã đàn ông vừa nói vừa cười. Nguyệt có thể tưởng tượng được cảnh Cẩm Linh đỏ mặt chạy ra khỏi nhà. Lần đó, Nguyệt đứng soi mình trong gương. Người ta bảo Nguyệt còn đẹp hơn mẹ, một sắc đẹp hoàn hảo khiêu gợi, từ mái tóc, từ khuôn mặt, xuống đến cả hình hài thon dài. Đỏ mặt? Nguyệt chưa bao giờ biết đỏ mặt. Nguyệt với sắc đẹp uy quyền chỉ biết làm người đàn ông đối diện mất tự nhiên.

Không bao giờ đỏ mặt, và chỉ có lần thấy dơ bẩn. Nguyệt vẫn nổi da gà mỗi khi nhớ lại cái lần nàng tìm đến văn phòng khép cửa của gã giáo sư vật lý. Nàng đến vì cái học bổng, và chịu đựng đôi tay lục soát tìm kiếm của gã cũng vì cái học bổng.

Hiếu trêu Cẩm Linh đỏ mặt. Làm sao lại có cái chuyện dễ thương kiểu đó xảy ra trong nhà Nguyệt. Hiếu. Hiếu ăn nói nhỏ nhẹ, nhiều lúc không nhìn thẳng người đối diện. Tiểu sử của Hiếu chỉ có bạn bè thân thuộc mới biết. Nó bắt đầu từ một người mẹ bị đuổi khỏi nhà vì lấy một người chồng không được gia đình chấp nhận. Cuộc đời người đàn bà ấy với ông cò quèn ngông cuồng chỉ biết trọng chữ liêm là cuộc đời không có những ý nghĩ vẩn vơ về má hồng, về tay ngọc. Cuộc đời của Hiếu bắt đầu dưới một mái nhà tối nằm lụp xụp đằng sau ngôi biệt thự bên ngoại, vùng đất cấm. Tuổi thơ có mẹ không biết khổ, nhưng Hiếu lúc tuổi thơ đã biết sợ lần đầu khi một lần nhìn thấy mẹ co rúm người trên giường, âm ỉ khóc dưới sức nặng của ông tỉnh trưởng. Hiếu sợ đến nỗi không thể kể lại cho ba.

Ba Hiếu — một ông cò quèn thường còng lưng đạp xe về nhà mỗi buổi chiều, chạy theo sau là đứa con trai nhỏ tên Hiếu — một người đàn ông chóng già dù không bao giờ động đến một giọt rượu mà lại có hai thằng con trai sớm biết tìm động điếm. Để rồi khi hai thằng con trai lớn lên, đứa anh thì học hành để lấy vợ con nhà giàu rồi không trở về nhà mẹ cha, đứa em thì chỉ biết đi chọc thủng con gái vô tội trong trắng, nhất là con gái tỉnh trưởng. Cho đến một đêm, Hiếu đi chơi khuya mò về nhà bị thằng con trai tên tỉnh trưởng cùng một lũ bạn bè hắn đón đường đánh gập người ở đầu ngõ. Hiếu chảy nước mắt vì đau, cơn đau không có bên nội bên ngoại ở gần, không anh không em. Trong nhạt nhòa của nước mắt, của cơn đau, Hiếu chỉ có thể nhớ đến cha mẹ. Nhớ, để rồi chàng ghét sự chịu đựng của mẹ, chàng rủa cái liêm sỉ của cha.

Năm "cách mạng chiến thắng," Hiếu vừa vặn hai mươi. Cái liêm của cha Hiếu năm ấy đưa ổng vào tù. Vài năm sau, Hiếu ôm cha trong tù khóc lần cuối. Rồi không từ giã mẹ, Hiếu đi cho khuất mắt bả bằng đường vượt biên.

Nãy giờ tôi kể hơi nhiều về Hiếu. Hắn không phải là nhân vật đáng được nhiều chú ý như vậy. Vì sự thật là không lâu sau khi mối tình giữa Hiếu và Cẩm Linh tan vỡ, hắn đi đâu không ai biết, trong khi đời sống của Cẩm Linh, của Nguyệt vẫn tiếp tục trước mắt mọi người. Cả đời, Hiếu chỉ biết dàn xếp mọi đổ vỡ bằng cách đi cho khuất mắt người khác, chứ không bao giờ nghĩ đến chuyện hàn gắn gì với ai. Hiếu bỏ đi, nhưng cũng chẳng có mấy ai đặt câu hỏi về sự ra đi của hắn. Mà hình như có kẻ bảo rằng Hiếu trượt chân té xuống sông trong một lần đi câu uống rượu say. Có chết không, tôi không biết.

Hiếu trêu Cẩm Linh đỏ mặt bỏ chạy ra ngoài. Một sự việc nhỏ thôi nhưng đã làm Cẩm Linh phải nghĩ đến Hiếu nhiều hơn nàng muốn. Càng nghĩ thì Cẩm Linh lại càng cảm thấy không nên đến nhà Nguyệt nữa. Không đến nhà Nguyệt, nhưng mỗi lần nghe Nguyệt nhắc về Hiếu, nói bất cứ chuyện gì về Hiếu, Cẩm Linh luôn cảm thấy hồi hộp, và thầm trách Nguyệt rằng sao Nguyệt không thể nói về Hiếu một cách tử tế hơn.

Ở tuổi mười bảy, Cẩm Linh không chú trọng đến việc chải chuốt dung nhan. Nàng không đẹp, nhưng thanh tú và có nét hiền lành ân cần biểu lộ qua khuôn mặt. Đời sống nàng trắng tinh như một trang giấy mới, lúc nào cũng chỉ biết xoay quanh sách vở, và chỉ ra ra vào vào thế giới gia đình. Mộng mơ thường lung linh qua đôi mắt tinh sáng. Con người Cẩm Linh nhiều ưu điểm hơn khuyết điểm nhưng lại dễ bị mất tự tin vì những khuyết điểm. Mỗi lần thấy Nguyệt đi từ xa, Cẩm Linh thường tưởng rằng Nguyệt còn sáng hơn ánh nắng, để nàng phải nhìn lại sự tầm thường của mình rồi thôi

không nghĩ nhiều về chuyện tình cảm. Những lúc bâng khuâng trong lòng, Cẩm Linh biết vùi lấp đi bằng sách vở. Ở giai đoạn đầu, chuyện vùi lấp không có gì là khó khăn. Cuối năm trung học, Cẩm Linh được trao thưởng cái học bổng lớn đủ để bao hết phí tổn cho bốn năm đại học tới. Tại quãng đời này, sự thành đạt của Cẩm Linh đã vượt xa, vượt trên những thất vọng của nhiều bạn bè cùng lớp.

Có lẽ người thất vọng nhiều nhất là Nguyệt.

Nguyệt đã nhốt mình vào trong nhà tắm, vặn nước chảy, và ngồi im lìm hằng giờ chỉ để nhìn nước chảy. Bạn đừng nghĩ là Nguyệt không xứng đáng, là Nguyệt đã trèo cao. Mẹ Nguyệt nghĩ như vậy cũng đủ rồi. Mẹ Nguyệt, bà chỉ có thể thấy đời con bà là một tiếp nối, một lập lại không tránh khỏi từ đời bà. Khi Nguyệt lau khô được nước mắt, nàng đứng lên và ra khỏi nhà tắm. Chiều hôm đó có Hiếu đến chơi, Nguyệt rủ Hiếu đi chơi tối. Khi họ trở về nhà Nguyệt thì nàng đã say mềm. Tỉnh giấc sáng hôm sau, nàng lờ mờ cố nhớ lại nàng đã làm những gì tối hôm trước. Nàng nhớ hình như nàng đã đòi hôn Hiếu khi họ còn đứng khuất sau những rặng trà mi. Nàng nhớ hình như Hiếu có hôn nàng phớt lên môi, lên mắt, và bảo rằng thôi Nguyệt say rồi, Nguyệt vô nhà đi.

Tối khuya hôm đó, khi Nguyệt bỗng dưng nắm tay Hiếu và kéo sát chàng vào người, Hiếu đã biết rằng họ không thể nằm xuống sau những rặng trà mi. Nhưng khi ôm Nguyệt vào lòng và nhìn sâu vào đôi mắt, chàng nghe cơn thèm muốn chợt khựng lại trước ánh mắt đó, và nghe một nỗi xót thương lách vào lòng. Chàng gỡ tay đứa con gái, hôn lên mắt nàng và bảo Nguyệt nên vào nhà thì hơn. Nguyệt không có bố, và cũng chẳng có anh. Ngủ với Nguyệt rồi sáng hôm sau sẽ chẳng có ai tìm chàng mà dợt đòn.

*

* *

Khi Hiếu gặp lại Cẩm Linh thì Cẩm Linh đã trở thành một loại con gái gương mẫu cho nhiều đứa con gái noi theo. Hôm đó, trời đã mưa trút xuống thành phố, xui họ gặp nhau khi Hiếu trú mưa trong một quán pizza nằm dưới mặt đất. Từ giờ phút đó, và trong một thời gian thật dài, Cẩm Linh giữ hoài cái cảm giác mà sự hiện diện của Hiếu đã đem đến, cái cảm giác làm tim nàng nhảy, làm tay nàng run khi Hiếu đẩy cửa kính bước vào cái quán tránh cơn mưa nặng hột. Hiếu và một cơn mưa. Mãi về sau,, mỗi lần chạnh lòng nhớ lại cuộc tình, Cẩm Linh chỉ có thể nhớ những lần cuộc tình đã đong đưa từ thái cực này cho đến thái cực kia, từ cực vui

Hạnh Phúc

TRẦN MỘNG TÚ

Chàng rắc hạnh phúc lên mặt giấy
Cỏ dư hương và tuyết ngập tình
Hơi thở thơm lừng mùi gió núi
Tiếng cười trong vắt như thủy tinh

Trên đường chàng đi có chim hót
Có người yêu vai dựa vào vai
Trên đồng xanh có tiếng trẻ cười
Có tuyết tan thành giòng suối nhỏ

Chàng yêu đời, được đời yêu lại
Nên chàng sống như người nằm mơ
Tay ôm hạnh phúc tay ôm gió
Ngửa mặt nhìn mây chàng làm thơ

Thơ chàng ngon như một miếng bánh
Lát hạnh nhân ngậm mãi trên môi
Thơ chàng ngọt như một viên kẹo
Bóc viên kẹo ra có nụ cười

Ôi! Giận quá anh chàng thi sĩ
Không bao giờ biết khóc bằng thơ.

Chiêm bao

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Trái tim có những ngày không nắng
Tình yêu có những mùa giá băng
Người có khi mờ hơn sương trắng
Mờ như chưa đụng đã hương tan.

cho đến cực buồn, luôn luôn đong đưa vào những cơn mưa. Những lần đong đưa chóng mặt. Những cơn mưa xóa nhòa nước mắt, nhòa bóng hình. Ngày đầu gặp lại, Hiếu tránh được cơn mưa bên ngoài, nhưng chàng đã chẳng thể nào thấy trước được rằng khi gặp Cẩm Linh, chàng đã bước vào một cơn mưa lòng triền miên.

Ngày đầu gặp lại, Hiếu bị cúm nhẹ, và khi chàng ngồi xuống đối diện người con gái mẫu mực nhất cộng đồng ấy, chàng đã không thể ngăn được một tràng hắt-xì. Rồi khi Cẩm Linh phê bình về lối ăn mặc phong phanh của chàng, bảo tại vì ăn mặc thiếu ấm nên bị cảm, Hiếu đã nhăn mặt gắt nhẹ rằng không phải tại thiếu ấm mà người ta bị cảm. Sự gay gắt của Hiếu khiến Cẩm Linh im lặng không nói thêm, lại chỉ làm cho Hiếu thấy càng bực bội tại sao chỉ vì chàng thiếu nhã nhặn mà nàng im lặng. Hiếu rút một nắm giấy dùng lau tay từ cái hộp sắt trên bàn, lau mái tóc ướt đang nhỏ những giọt nước mưa xuống sống mũi. Chàng nghĩ, dù có đụng phải một người chàng không bao giờ thấy thích gặp vẫn còn đỡ hơn đi ngoài mưa. Hiếu thường không thấy hứng thú gì về những đứa con gái mẫu mực. Theo Hiếu, con gái mẫu mực thường hay thiếu một sự tế nhị tối thiểu. Dù sao, gặp lại Cẩm Linh, Hiếu nhận thấy rằng đứa con gái ấy đã lớn.

"Nghe Nguyệt nói em đang học thuốc?" Hiếu hỏi xã giao sau khi chàng đã ngồi yên được trong ghế.

"Vâng. Ngành thuốc."

"Nghề thuốc ở đây rất được quần chúng tin cậy. Thống kê cho biết người hành nghề thuốc còn được tin cẩn hơn cả một nhà hướng dẫn tinh thần. Em nghĩ sao?"

"Em nghĩ rằng . . . em đáng được tin cậy."

"Thế hở. Thế thì em đã chọn đúng ngành rồi đấy."

Câu nói mỉa mai của Hiếu được trả lời bằng một cái nhìn như muốn nói lên anh không phải ngồi ở đây nếu anh không thích. Cẩm Linh nhìn Hiếu, rồi cúi xuống đọc tiếp quyển sách bị bỏ dở từ khi Hiếu đến.

"Em đang đọc gì vậy?"

"Đọc về phong trào hippy của thập niên 60."

"Rồi sao?"

"Thì họ sống tập thể, họ sống với lý tưởng của họ, chia ăn chia uống, chung áo chung quần, chung cả chồng cả vợ."

Hiếu phá ra cười:

"Thế hở? rồi lỡ quần mặc không vừa, áo mặc không vừa làm sao?"

Ngày ấy gặp lại nhau, Cẩm Linh đã thành một đứa con gái gương mẫu. Nàng bước vào chặng đời mới với một tâm hồn nuôi dưỡng bao mộng mơ. Nhưng Hiếu, ôi Hiếu, chàng không còn gì để mơ. Tôi thấy được điều đó. Từ ngày ấy, Hiếu cũng đã thấy được điều đó. Nhưng, Cẩm Linh thì không.

Và, cuộc tình bắt đầu. Trong cuộc tình này, nàng luôn là kẻ phải nói, và chàng luôn là kẻ lặng im. Hiếu đã lặng im khi Cẩm Linh bảo chàng là kẻ bệnh hoạn nên lúc nào cũng chỉ thấy cuộc đời là bệnh hoạn. Chàng bảo chàng là kẻ sống còn, nhưng lặng im khi nàng bảo thật ra chàng chết rồi trong đầu óc bệnh hoạn.

Ôi, Cẩm Linh! Nàng chưa nhìn thấy được nàng như ngày ấy Hiếu đã thấy nàng. Nàng mù loà trong lý tưởng, dễ dàng yêu nhưng chưa biết giữ được tình yêu. Trong những lần đứa con gái gương mẫu trút cơn giận hờn như trút nợ, Hiếu vẫn lặng im để càng chìm sâu vào trong tối tăm của chính chàng, không lối thoát. Nhưng chàng đã chẳng lặng im như vậy nếu đã chẳng có một ngày trong đời, khi dưới một cơn mưa chiều, chàng đã nếm được môi nàng run. Chàng đã chẳng lặng im nếu đã chẳng có một ngày hiếm hoi trong đời, khi nàng vui, nàng bảo nàng sợ nếu có một ngày không có chàng nữa trong đời nàng. Chàng chọn để lặng im vì nàng đã nói rằng em không hiểu được anh.

Sinh nhật của Hiếu, họ đi ăn ở một cái quán đông khách. Hiếu gọi cà-phê đen và gọi cho Cẩm Linh cà-phê đường. Khi người bồi bàn trở lại, hắn đã đưa nhầm cà-phê đường cho chàng, và đưa nàng cà-phê đen.

Hiếu đổi ly cho Cẩm Linh khi nàng đã uống được nửa ly.

"Em cố uống làm gì," chàng nói.

"Sao anh không đổi cho em từ lúc đầu?"

"Anh muốn coi em cố được đến đâu."

Nàng cười nhẹ:

"Anh tưởng em là con nít, không uống được cả cà-phê?"

"Em cố làm gì?"

"Anh thử em làm gì? Mà thôi, hôm nay là sinh nhật anh."

"Em ngu lắm. Em hay muốn làm thánh? Thánh tử đạo nữa, phải không?"

"Hôm nay là sinh nhật anh."

"À, hôm nay em hiền với anh đấy, hở. Trời, anh ước gì một năm sinh nhật ba trăm sáu mươi lăm ngày!"

Rồi Hiếu im lặng. Rồi chàng nắm tay Cẩm Linh, nói thật bất ngờ:

"Em, anh sắp phải đi xa."

Cẩm Linh cựa người trong ghế. Nàng cúi mặt.

"Em nghe sao giống tiểu thuyết. Cuối cùng chàng đi xa, hoặc nàng đi xa, rồi hết chuyện."

"Cẩm Linh, anh không đùa."

"Em biết. Anh đi đâu?"

"Anh bắt liên lạc trở lại với người anh. Ba anh ở nhà viết thư sang bảo anh em phải ở gần nhau. Anh em không gần gũi nhau lắm, nhưng ý bố anh như thế, phải chiều ổng vậy . . . Anh sẽ về thăm em đều." Cẩm Linh im lặng rút tay về. Anh sẽ về thăm em đều. Hình như khi người ta phải hứa một điều gì là đã có, hay sẽ có, một điều gì không vững. Nàng muốn nói với chàng như vậy.

Khi họ rời khỏi nhà hàng, Hiếu có nói câu gì đó, nhưng lời chàng đã bị át đi bởi tiếng hú của một chiếc xe cứu thương chạy ngang. Cẩm Linh không buồn hỏi, mà rồi Hiếu cũng lập lại.

"Anh chưa nói cho Nguyệt biết. Chắc là phải báo cho Nguyệt biết."

Nguyệt. Cẩm Linh loáng thoáng nhớ đến Nguyệt khi Hiếu hôn nàng trước khi lên xe. Bấy lâu nay, dưới những ân cần của Hiếu, Cẩm Linh đã quên đi được cái đẹp của Nguyệt và cái tầm thường của mình. Cẩm Linh nhớ đến Nguyệt, trong vòng tay của quá nhiều người, không hiểu có bao giờ Nguyệt thấy trọn vẹn và đầy đủ. Nguyệt, chúc mày được vui. Cẩm Linh đã nói với Nguyệt vào dịp Nguyệt mừng sinh nhật thứ hai mươi. Khi Hiếu buông nàng ra, Cẩm Linh còn thấy tiếc. Nhưng nàng vẫn không nói với Hiếu rằng chàng đã lấn vào đời nàng với một hạnh phúc quá ngọt ngào mà nàng sẽ không dám giữ.

Nàng tưởng rằng Hiếu không phải. Có những điều cảm thấy được mà không bao giờ nên. Hiếu sợ điều chàng cảm thấy được, cho nên không bao giờ nói, nhưng lại luôn nghĩ rằng chàng vẫn sẵn sàng khi nào bị hất vào cái ngày mà điều chàng sợ trở thành sự thật.

Nhưng khi ngày ấy đã đến, Hiếu thấy rằng chàng chưa sẵn sàng để đỡ lấy cái hất thật êm ái, cái hất không cần xô đẩy của một lần cuối nàng thất hẹn. Ngày cuối cùng của chàng ở thành phố, nàng hứa sẽ đến. Ngày hôm ấy trời mưa, mưa suốt từ sáng đến tối, nhưng trước khi cơn mưa ngớt hột, chàng đã biết nàng sẽ không đến. Chàng ngồi nhìn những giọt mưa trút xuống mặt đường phản chiếu ánh đèn đêm, nhớ lại bao nhiêu lần nàng thất hẹn. Ồ, em bận học thi. Ồ, em bận làm *overtime*. Ồ, em bận. Sau những lần thất hẹn, nàng lại tìm về với chàng, luôn luôn với một lý do làm nàng thất hẹn, để chàng lại luôn luôn nắm lấy cổ tay, kéo nàng lại gần và nhìn vào đôi mắt trong. Ồ, Cẩm Linh, không phải tại bận mà em không thể đến. Chàng đã muốn nói, nhưng vẫn không thể nói. Chàng không nói được rằng chàng hiểu nàng rồi, và còn hiểu thêm rằng nàng còn đang phải chờ một cơ hội thuận tiện nhất để hất chàng một cái hất nhẹ nhàng. Ngày cuối cùng ở thành phố, Hiếu ngồi nhìn cơn mưa không ngớt hột từ sáng đến tối. Cả một ngày, chàng không hề bước ra đường, không tìm gặp ai. Mãi đến khuya, khi căn phòng bên dưới phòng chàng đã tắt đèn thì Hiếu mới thấy mệt. Nhưng chàng vẫn biết, biết trước khi căn phòng bên dưới tắt đèn, là Cẩm Linh sẽ không đến.

Rồi cuối cùng chàng đứng lên rời chỗ ngồi, đứng lên và còn tự hỏi ngày mai em có gọi? Ngày cuối cùng ở thành phố, chàng sẽ dứt khoát hộ Cẩm Linh.

Rời khỏi nhà, Hiếu không biết nên đi đâu, dù chỉ trong một thành phố nhỏ. Thành phố tỉnh lẻ sớm tắt đèn, nhưng khi Hiếu tìm đến chỗ Nguyệt thì Nguyệt hẵn còn để đèn. Chàng đứng trước cánh cửa đóng im lìm hồi lâu rồi mới gõ. Có tiếng chân bên trong bước gần đến, nhưng không có tiếng hỏi. Hiếu lên tiếng trước.

"Nguyệt? Hiếu đây."

Cánh cửa mở hé, Nguyệt nhìn ra với đôi mắt đầy ngạc nhiên. Nguyệt có cần lời giải thích không. Hiếu nhìn Nguyệt và hy vọng Nguyệt sẽ không bắt chàng giải thích tại sao chàng đến.

"Nguyệt, anh cần có em trong lúc này."

Hiếu nói rồi đưa tay vuốt tóc Nguyệt. Nguyệt có hơi né tránh nhưng rồi lại đáp ứng khi Hiếu vuốt lên má.

Nàng mở rộng hơn cánh cửa, rộng vừa đủ để Hiếu bước vào mà bỏ lại gió mưa bên ngoài.

"Anh vào đi," Nguyệt nói khẽ, "rồi mai kể cũng được."

*

* *

Cẩm Linh đến tìm Nguyệt như Hiếu đã bảo. Nàng lẩm bẩm trong đầu rằng thật ra nàng không phải đến tìm Nguyệt làm gì, nhưng nàng muốn lấy một vật của nàng mà Hiếu đã để lại. Cũng không cần phải lấy lại làm gì, nàng nghĩ, nhưng nếu để nó lại trong tay Nguyệt nàng lại càng không muốn. Đến gặp Nguyệt, Cẩm Linh không biết nói gì và nghĩ chắc Nguyệt cũng chẳng có gì để nói với nàng.

Cẩm Linh đã tìm gọi cho Hiếu, sau khi chàng đã đi, và lại giải thích thì Hiếu đã bảo nàng không cần phải giải thích gì cả. Chàng hỏi nàng gọi đến khuya như vậy làm gì, để phá giấc ngủ

của những người trong nhà. Chàng hỏi nàng "em còn muốn gì nữa," để sau câu hỏi đó là một thoáng im lặng vì Cẩm Linh không thể nhanh nhẹn trả lời câu hỏi của chàng. Khi nàng trả lời là nàng muốn gặp chàng, Hiếu cười khô khan trong ống điện thoại và bảo chàng sẽ không bao giờ về nữa.

"Anh sẽ không bao giờ về nữa. Đêm trước hôm đi, anh đã gửi chiếc vòng của em ở nhà Nguyệt. Em nhớ tới đó mà lấy."

Tôi sẽ không kể lại chi tiết cái cảnh Cẩm Linh và Nguyệt "tìm nhau," vì thật ra cũng chẳng có gì gây cấn như bạn tưởng. Họ là những đứa con gái có học, bạn hiểu không, và ngay chính Cẩm Linh cũng tự kiềm chế vì cho rằng Hiếu không xứng đáng, Nguyệt không xứng đáng. Không còn gì xứng đáng nữa với nàng. Cẩm Linh gặp Nguyệt, và qua vài câu trao đổi, họ đã cho nhau biết họ thực sự nghĩ gì về nhau.

Cẩm Linh cầm lấy chiếc vòng và nói rằng trong bao nhiêu năm qua, Nguyệt không hề thay đổi, không bao giờ biết nghĩ đến người khác, luôn chiều lòng như một con vật.

Nguyệt trả lời lại rằng cái gương mẫu của Cẩm Linh chỉ làm cho người ta thấy buồn nôn, vì Cẩm Linh chỉ biết dựa trên cái gương mẫu đó để đi nói xấu người khác.

*

* *

Nguyệt thường buông một tràng cười mỗi lần nhớ đến lời Cẩm Linh nói: mày sẽ không khá đâu. Câu nói nghe gần giống như một lời nguyền rủa, nhưng không làm cho Nguyệt thấy đau chút nào. Mẹ Nguyệt, trong những lần không hài lòng về đứa con gái, hay sau những lần bòn chài thất bại, thường hay rủa con nhiều câu độc hơn. Nguyệt nghĩ tới Hiếu nhiều hơn. Chàng không gọi lại sau đêm đó, làm Nguyệt thấy thắc mắc dù vẫn tự nhủ rằng Hiếu không có bổn phận phải gọi. Nguyệt nhớ, và nhớ hơi nhiều, về cái buổi sáng thức dậy bên cạnh Hiếu. Sáng đó, lúc Nguyệt thức giấc thì Hiếu vẫn còn ngủ say. Có một lúc nàng đã đứng lặng yên nhìn Hiếu nằm ngủ và tưởng rằng cả một đời "không ra gì" của chàng được thể hiện qua thế nằm. Hiếu nằm co. Chân co, tay co, những ngón tay co, mắt ngủ khép không kín. Nhìn Hiếu rồi Nguyệt thở dài. Nàng sửa soạn để đi học, và đến giữa trưa khi nàng trở về thì Hiếu không còn ở đó nữa. Chăn gối đã được chàng dọn lại gọn gàng. Hiếu không để lại một vết tích nào của chàng ngoại trừ một bao thuốc lá hút dở và một cái hộp diêm. Nguyệt giữ lại cái hộp diêm, bỏ bao thuốc lá. Hiếu đi như thế nào? Ân hận không? Nàng nghĩ, nếu nàng có ở đó lúc Hiếu đi, và nếu Hiếu có ân hận điều gì, nàng sẽ hôn lên trán chàng và nói rằng anh không phải ân hận về chuyện gì cả, anh có thấy bất cứ người nào ân hận về việc họ làm bao giờ không?

Phải đến vài tuần sau Nguyệt mới gọi tìm Hiếu ở nhà người anh, chỉ để chúc Hiếu được vui ở chỗ mới. Nguyệt gọi, và anh của Hiếu trả lời rằng Hiếu không ở đó nữa. Hiếu ở đâu người anh không biết, nhưng không lấy làm lo ngại lắm. Không lâu sau, Nguyệt được biết Cẩm Linh cũng đã ra đi. Đi là dễ nhất, đi là hợp lý nhất. Tất cả đều bỏ đi, còn một mình Nguyệt ở lại, nhiều lúc nhìn quanh để nhận thấy nàng còn gì nữa đây, còn ai nữa đây.

Mày đã gỡ gạc được gì hả, Nguyệt. Nguyệt nhớ cơn đau trong mắt đứa bạn tuổi thơ. Trước đây, Nguyệt thường nhìn vào đôi mắt hạt nhãn ấy, và lấy làm lạ rằng tại sao nó không nhìn thấy được hạnh phúc! Câu hỏi của Cẩm Linh dù sao cũng đã bắt Nguyệt phải nhìn lại chính nàng. Mày đã gỡ gạc được gì hả, Nguyệt. Cẩm Linh đã hỏi. Nguyệt biết Cẩm Linh sẽ cho là nàng ngụy biện nếu nàng có nói Cẩm Linh ơi mày gương mẫu cho lắm nên mày không thể thông cảm được sự kém gương mẫu của kẻ khác. Một kẻ kém gương mẫu luôn luôn làm điều trái lương tâm, mức tệ nhất là không còn là con người nữa mà là một con vật. Nguyệt lập lại, một con vật. Cẩm Linh đã nói những điều nó phải nói, và Nguyệt mừng vì nó đã nói ra. Nếu Cẩm Linh không nói gì cả, cứ lẳng lặng mà đi thì lương tâm Nguyệt sẽ bị dằn vặt đến chừng nào!

Nguyệt đã ngồi trong phòng hằng giờ khi biết Cẩm Linh đã bỏ đi. Trong khoảng thời gian đó, nàng thấy như kiệt quệ. Mày đã gỡ gạc được gì hả, Nguyệt. Tao đã gỡ gạc được gì sao mày không ở lại mà xem.

*

* *

Cẩm Linh đi, ít nhất cũng tránh được những câu hỏi "tại sao" của những kẻ biết chuyện. Những câu hỏi "tại sao" tò mò thường làm cho người trả lời phải ấp úng. Tại sao. Tại tôi là tôi, tại người ấy là người ấy, và tại câu chuyện là như vậy. Cẩm Linh đi vì mong sự thay đổi sẽ giúp nàng thoát được những ràng buộc cũ. Căn gác của nàng, trong một khu apartments, là một cái lỗ trong một cái tổ ong khổng lồ. Cửa sổ phòng ngủ quay về hướng đông, sáng ra có ánh nắng rọi vào mắt, chiều về lâu lâu có đàn cò lượn trên mặt giòng sông.

Đó chỉ là một nhánh sông thôi, nhánh sông

bắt nguồn từ đâu, và đổ về đâu, tôi không biết. Nhưng nếu những điều này là quan trọng, tôi cũng chưa thấu triệt trọn vẹn tầm quan trọng đó để nói cho bạn nghe. Tôi chỉ muốn nói về nhân vật của chúng ta đã ngồi nhìn ra nhánh sông lạc đó mỗi khi ngày sắp tàn. Nàng ngồi và nghe những giây phút lại trở về, khi nàng phải ngăn lại dĩ vãng, ngăn lại tương lai, ngăn lại những than thân trách phận. Ngăn lại hết tất cả, nhưng không thể ngăn được sức nặng của hiện tại trống không, sức nặng của hiện tại rỗng tuếch đè lên tim. Những lúc đó, nàng đã tìm nhưng không gặp, đã gõ nhưng không được mở ra cho.

Bây giờ, nếu tôi giới thiệu thêm một nhân vật nữa ở đoạn gần cuối của câu chuyện này, bạn sẽ cho là quá muộn. Nếu là Cẩm Linh, nàng sẽ bảo tôi thôi đục bỏ đoạn này đi, sẽ hỏi tôi đoạn này có cần thiết lắm không. Tôi nghĩ, đôi khi người ta chỉ nhìn thấy được mình qua con người của một kẻ khác. Và nhìn thấy được mình, dù không được lâu dài, vẫn là điều quan trọng nhất.

Cẩm Linh gặp Chuẩn một lần nàng xuống phố đi chợ. Bạn nghĩ à đây lại là một khuôn mặt để thay thế, để-điền-vào-chỗ-trống? Không, đây chỉ là một chuyện tình cờ, dù khi người ta cứ nhất định là không. Tối đó, tôi gặp Chuẩn lần đầu, Cẩm Linh đã đứng chứng kiến cảnh Chuẩn ra tay nghĩa hiệp phụ giúp một cặp vợ chồng trẻ bị hư xe ở siêu thị.

"Ông bà có cần giúp đỡ không?" Chuẩn hỏi người chồng đang loay hoay trước cái xe hư.

Người vợ mang thai nhìn Chuẩn lạnh lùng. Người chồng xắn tay áo toan đẩy xe đi. Ông ta quay trả lời Chuẩn, một người lạ tốt bụng:

"Không. Tại vì đã có dân như mày mà chúng tao phải khổ như vầy."

Câu trả lời bất ngờ làm cho người nghe sững sờ mất một lúc. Nhưng chuyện đã chẳng thành chuyện nếu không có đến một lúc sau khi Chuẩn cũng phải loay hoay trước cái xe hư của Chuẩn, chiếc xe giữa đường tắt máy.

"Tôi không đẩy xe hộ anh được, nhưng tôi có thể chở anh đi lấy phụ tùng."

"Cô tin tôi được à?" Chuẩn hỏi khi đã ngồi vào xe nàng.

"Anh tin tôi được à? Tôi nghe cái câu thằng cha hồi nãy nói với anh. Anh không nói lại thằng chả được sao?"

"Thôi, xin cô. Tôi đi có một mình. Nói bậy bạ nguy hiểm lắm."

Cẩm Linh mỉm cười xã giao. Hôm ấy đầu óc nàng chưa sẵn sàng lắm để bàn về vấn đề giữa các chủng tộc.

Từ đó, Chuẩn bước vào đời nàng, thừa ân cần. Nhưng những tháng ngày có Chuẩn là những tháng ngày phải qua. Đến thành phố mới, nàng không định sẵn sàng cho một việc gì, đón một người nào. Cho đến một tối nọ, khi Chuẩn làm một việc bạo dạn hơn thường ngày, khi Chuẩn đến nhà nàng, Cẩm Linh đã không sẵn sàng để đón tiếp Chuẩn. Chuẩn đến, Chuẩn bước vào dù đã thấy Cẩm Linh ngập ngừng sau cánh cửa, nét ngập ngừng của mỗi lần Chuẩn vuốt nhẹ bàn tay nàng mà Chuẩn hằng cho là nét e thẹn đáng yêu. Chuẩn đến, Chuẩn bước vào, Chuẩn lướt mắt thật nhanh qua cái thế giới đối với chàng còn nhiều bí mật. Trong lúc mà Chuẩn quan sát căn phòng nàng thì Cẩm Linh cũng kịp quan sát Chuẩn. Chuẩn trông hài lòng vì hành động đẩy cửa vừa rồi, Chuẩn trông ngạc nhiên trước cái thế giới chàng vừa khám phá, và sự khám phá ấy khiến cho Chuẩn có một nét thương hại của người hay ra tay nghĩa hiệp. Tối đó Chuẩn viện lẽ cho Cẩm Linh mượn sách, sách của một tác giả Chuẩn bảo là nàng cần phải tìm hiểu thêm.

Trong tình bạn mới mẻ ấy, Chuẩn đã tìm cách lấn sâu vào tâm tư, vào ý nghĩ nàng. Chuẩn gọi nàng buổi sáng, Chuẩn tìm nàng buổi trưa, Chuẩn đưa nàng đi ăn chiều, và lại gọi vào buổi tối. Trong tình bạn mới mẻ ấy có được những gì. Những lần gặp gỡ không bao giờ đi xa hơn phạm vi phố phường. Những câu chuyện không bao giờ đi xa hơn những đề tài cao thượng. Chuẩn nói chuyện cao thượng rất hay, và nàng cũng hay không kém. Họ nói về thượng đế, thượng đế có hay không có. Họ nói về con người, con người sinh ra để làm gì. Họ nói về quê hương, quê hương muôn đời và quê hương tạm bợ.

Rồi đến một ngày chàng để ý nàng im lặng. Chuẩn hỏi sao nàng không hay nói nữa. Nàng bảo là nàng không ngờ là nàng thay đổi nhiều như vậy. Chuẩn cười, bảo do ảnh hưởng tốt của chàng đó. Nàng bảo nàng thay đổi nhiều quá, chàng không hiểu được đâu.

Chuẩn lại cười và nói trên đời này ngoài chàng ra còn ai hiểu được nàng nữa.

Một đêm, Chuẩn gọi. Nàng bảo chàng vừa đánh thức nàng ra khỏi một cơn mơ. Trong cơn mơ, nàng thấy nàng cầm dao đâm chết một người bạn.

Chuẩn nói chàng sẵn sàng chết dưới tay nàng.

Nhưng chẳng phải vì Chuẩn đã tuyên bố như vậy mà nàng đã cười thật dài. Đêm đó, nàng,

ngồi nhìn ra giòng sông sau nhà. Mặt sông phản chiếu ánh trăng nhòe đi trong mắt cay.

Chuẩn lại ghé thăm vào một buổi tối. Tối ấy chàng đến gần và nắm tay Cẩm Linh khi nàng đang gọt một quả cam. Chuẩn nắm tay nàng bất thình lình nhưng nàng không giật mình, không ngạc nhiên, không bối rối. Nàng không rút tay về để Chuẩn phải bối rối buông tay nàng ra. Chuẩn quay đi, rồi lại quay lại để nói bằng một giọng gay gắt:

"Anh . . . em . . . you have no right . . ."

"Anh nói gì?"

"Ngày hôm qua em để tôi chờ suốt trưa. Sao em không đến?"

"Mình có hẹn gì với nhau không?"

"Tôi tưởng chuyện mình gặp mỗi buổi trưa là chuyện đương nhiên, không cần phải hẹn trước nữa."

"Hôm qua . . . bận."

"Nếu tôi có là một người quan trọng trong đời em thì chắc tôi chẳng phải chờ như vậy. Nhưng mà, Cẩm Linh, em rất quan trọng trong đời tôi."

"Cám ơn anh."

"Không. Không phải tôi nói để em phải cám ơn. Tôi biết em cần thời gian. Tôi tin rằng thời gian sẽ giúp em thấy. Chỉ có nhiều lúc tôi như mất kiên nhẫn vì chờ."

Nàng im lặng. Chàng tiếp:

"Tôi biết em có một dĩ vãng dở dang. Tôi còn biết cả người bạn trai cũ của em."

Lần này, câu nói của Chuẩn gợi được ở Cẩm Linh một phản ứng. Nàng nhìn Chuẩn như chờ đợi chàng nói thêm. Chuẩn cười một nụ cười mỏng.

"Tôi biết những điều đó để nhiều khi điều tôi biết khiến tôi phải đặt dấu hỏi về sự lựa chọn của em. Tôi không ngờ . . . Tôi không ngờ . . ."

"Anh biết gì không, Chuẩn. Anh làm tôi nhớ đến tôi ngày xưa. Cái tôi của ngày xưa tôi tẩy xóa hoài mà tưởng như không bao giờ sạch. Anh về đi, đừng đến nữa. Chắc có lẽ còn lâu lắm tôi mới có thể nói chuyện lại với anh."

Hôm đó, Cẩm Linh chợt tỉnh giấc nửa đêm. Nàng nghe tâm hồn bỗng nhẹ nhàng. Trời bên ngoài lúc ấy có cơn mưa êm đềm để nàng hình dung ra được những giọt mưa rơi rớt trên mặt sông. Tiếng mưa nỉ non tựa như tiếng hát nàng đã nghe thấy trong giấc ngủ, tiếng hát thật ngọt ngào làm nàng bừng tỉnh vì nhịp đập của trái tim. Đêm ấy, nàng trỗi dậy và mở cửa bước ra ngoài. Nàng muốn thấy mặt sông lốm đốm những giọt mưa êm đềm rơi. Nàng đi vào cơn mưa vì đêm ấy lòng nàng đã nếm được ơn giải thoát. Thôi không còn buồn, thôi không còn sợ.

*

* *

Còn về phần Nguyệt, thua bạn, nàng lấy chồng sau ngày tốt nghiệp. Nàng lấy chồng để rồi thấy được sự tuyệt vời của cuộc đời, của đời nàng, khi mỗi ngày ý nghĩ về chồng chiếm trọn đầu óc. Thân thế, sự nghiệp của chồng nàng? Tôi nghĩ chuyện này không quan trọng.

Trong hạnh phúc đã tìm thấy, niềm hạnh phúc mãi mãi là của nàng, Nguyệt đã lấy được can đảm để nhìn lại những năm trước đó, những năm của đổ vỡ và buồn phiền. Tìm được hạnh phúc bên chồng, Nguyệt mới đủ can đảm tìm gặp người bạn cũ.

Tìm để làm gì? Để cho Cẩm Linh thấy rằng Nguyệt đã khá rồi đây? Đã ăn ra làm nên rồi đây? Để cho Cẩm Linh thấy rằng Nguyệt không phải là một con vật? Không, không đâu bạn. Nguyệt chỉ muốn tìm bạn nàng.

Nguyệt tìm đến chỗ Cẩm Linh vào một ngày mưa. Đứng trước cửa đóng im lìm, Nguyệt thấy mình sao quá đường đột. Nàng sẽ hiểu nếu Cẩm Linh có đóng sập cửa lại trước mặt nàng. Nhưng sau một lần rồi nhiều lần gõ, không có người mở cửa. Ở phòng bên có người mở cửa sổ nhìn ra. Một đứa con gái da trắng nhìn ra và nói bằng một thứ tiếng Anh còn ngọng:

"Mày tìm con Cẩm Linh, hả? Nó không có ở nhà. Nó hay về khuya. Mày có thể để note lại."

"Cám ơn mày. Tao là bạn Cẩm Linh. Lâu rồi tao không gặp nó. Tao sẽ trở lại."

Nguyệt nói rồi quay đi. Nhưng chưa đi được mấy bước, nàng ngừng chân. Cửa sổ đứa con gái da trắng vẫn chưa đóng.

"Mày nhớ nói lại với bạn tao là có Nguyệt tới tìm, nhớ nhe."

Từ sân ra đến xe, những giọt mưa bay lất phất vào mặt. Nguyệt mở cửa vào xe vội vã. Chồng nàng đã chờ ở đó.

"Không gặp?" Chồng nàng hỏi.

"Không gặp, anh," Nguyệt trả lời. Nàng thấm những giọt mưa trên mặt. Nàng muốn khóc khi có bàn tay chồng vuốt lên mái tóc.

"Mình sẽ trở lại. Không sao đâu em."

"Ờ, thôi mình đi."

Khi chiếc xe lăn bánh, Nguyệt quay qua hỏi chồng anh muốn đi ăn gì không, và nghĩ đến lần tới tìm Cẩm Linh nàng sẽ đi một mình. K

PHẠM THỊ NGỌC

Tháng Hai, 1990

Ý TẠM (2)

Bút ký

NGÔ NGUYÊN DŨNG

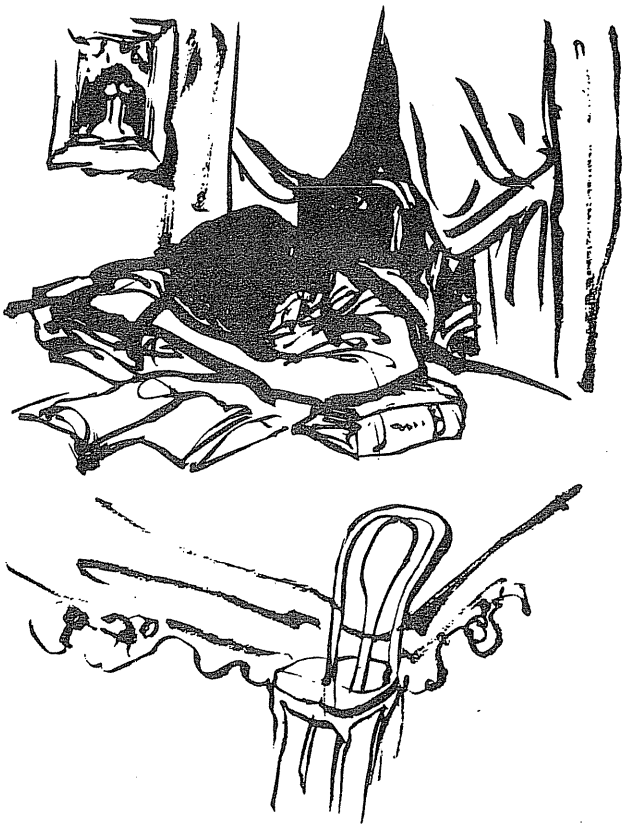

Chuyến bay trở về Tây Đức không còn một chỗ trống. Mười hai tháng Mười, một chín tám chín, nhằm ngày thứ Năm. Tôi không mê tín dị đoan, nhưng hôm ra phi trường Toronto đổi vé máy bay với anh Nguyễn Hữu Nghĩa, cô tiếp viên da màu ghi cho tôi chuyến bay ngày 13 thứ Sáu, tôi đã từ chối.

Chiều hôm đó thời tiết đẹp bất thường. Nắng đầu thu màu hổ phách trong vắt. Lòng tôi nôn nao như trên đường về lại quê nhà. Không ngờ, mảnh đất miền Trung Âu đầy chuyển biến trong thế kỷ 20 này, cuối cùng vẫn là nơi cho tôi trở về trú tạm. Với một chút quyến luyến, một chút lo lắng, tôi nhắm mắt lửng lơ suốt chuyến bay dài bảy tiếng đồng hồ. Trong trí tôi, chập chờn hỗn độn hình ảnh những tháng vừa qua.

Đầu tháng Tám, tôi và Nguyên Nghĩa khăn gói đi Montréal lần thứ nhì. Trong chuyến đi trước, tôi vẫn chưa gặp được anh tôi vì gia đình anh đã đi nghỉ hè. Lần này, Montréal đón chúng tôi với một chút nắng hanh. Cả hai thèm một tô phở nên rủ người bạn cho quá giang xe tới quán Quê Hương. Tôi điện thoại cho Trinh. Giọng Trinh thúc hối ở đầu dây bên kia, bọn này đang chờ hai ông đây, Bắc Phong "mòn mỏi" quá, bỏ đi rồi, sẽ trở lại sau. Tôi chỉ còn có nước cười trừ, xin lỗi ríu rít.

Tại nhà vợ chồng Kinh-Trinh, vẫn Hồ Đình

Nghiêm, vẫn Lê Quang Xuân, nhưng có thêm Bắc Phong. Chúng tôi trò chuyện trên trời dưới đất một hồi rồi phác họa chương trình cho lần ghé thăm Montréal này. Tôi giao Nguyên Nghĩa cho các bạn khác "trông" giùm tối mai, vì anh tôi sẽ tới đón tôi về nhà anh chơi vào chiều hôm sau.

Nhà anh ở tận St. Mont Hilaire, phải băng qua sông Laurent có doi đất giữa dòng, trải dài một con đường hẹp. Trước khi về nhà, anh tôi ghé đón thằng con trai lớn, Van Ryan, 9 tuổi, đang theo học khóa huấn luyện thủ môn *Icehockey*. Anh tôi kể lể, nó mê *Icehockey* quá, đòi anh tặng quà sinh nhật nó bằng khóa học này . . . Trong đám nhóc đứng dàn trận trên sân nước đá, y phục độn trong bọc ngoài kệch cợm, nón sắt tròng đầu và gậy gỗ cầm tay, thằng Van là đứa nhỏ con nhất bọn. Tôi nô nức chờ xem mặt cháu tôi, hy vọng tìm lại được vài nét ấu thơ của tôi 30 năm về trước.

"Hi." Tôi và Ryan chào nhau. Nó ngó tôi, cười mỉm, với một chút bỡ ngỡ. Còn tôi thì không biết nói gì thêm, vì vốn liếng Anh ngữ của tôi thời trung học đã trôi tuột đâu mất. Mà thằng Van thì chỉ nói rành tiếng Pháp. Thôi thì có gì nhờ anh tôi thông dịch vậy.

Van giống mẹ nhiều hơn cha. Chỉ có con bé Catherine, em thằng Van, tên gọi ở nhà là Kit, có khuôn mặt phảng phất vài nét đông phương. Nhưng có một cái mà cả hai giống anh chị em chúng tôi như đúc: cái trán vồ. Anh tôi cười bảo, hồi nhỏ trán tụi nó còn vồ hơn nữa kìa! Trời ơi, cái trán lì lợm, cái trán dừa khô, vầng trán bướng bỉnh trên cái đầu thầy chùa lưa thưa vài sợi tóc của anh chị em tôi thuở xa xưa đây mà! Tôi cảm thấy vừa tức cười vừa cảm động. Giống như chơi với một người bạn lâu ngày, lần đầu tiên tới nhà, thấy ông già nó sao mà . . . giống nó quá, giống tới độ nực cười.

Chỗ anh tôi ở đẹp nhưng buồn. Chung quanh nhà là những cánh rừng non, thưa cây thấp lá. Xa xa, rặng St. Hilaire nhô hai đỉnh tròn, trông như vòm ngực đàn bà. Khung cảnh thật thi vị. Không có tiếng ồn phố thị. Chỉ nghe lào xào tiếng lá rừng bạch dương chạm vào nhau. Thằng Van dẫn tôi đi coi chuồng nuôi gà, nuôi thỏ. Nó chỉ tôi mấy con *"rabbit baby"* rồi cười hồn nhiên. Gia đình anh tôi nuôi gà và thỏ để ăn thịt. Tới mùa hè, họ lên luống, dựng giàn trồng su su, dưa leo, nhiều loại rau cải để dành ăn quanh năm. Họ nuôi một con chó, một con mèo, sống hài hòa với thiên nhiên mà không ai cảm thấy bị thôi thúc phải trở thành . . . văn hay thi sĩ. Riêng tôi, bị khung cảnh ấy gây ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi đã dùng nó làm phông cho truyện ngắn *"Mùa Hè Indian."* Đấy là chiếc võng mắc giữa hai thân bạch dương trong cánh rừng con cạnh ngôi nhà gỗ. Đấy là chỗ Nhuận cởi trần ra sân bửa củi để sưởi cho mùa đông sắp tới. Đấy là chiếc bàn gỗ, nơi Trung ngồi ghi lại những bài thơ còn sót lại trong trí nhớ. Đấy là thửa đất trồng rau trái của Marie; là nhà kho nuôi gà, thỏ; là những vạt nắng hè muộn sẫm màu rơi rụng trên cành lê trĩu trái. Tôi gởi một phần tâm tình mình trong nhân vật Trung, đêm đầu tiên ngủ trọ nơi đây, tôi đã bềnh bồng mê tỉnh, rồi tung mền tới quỳ bên khung cửa đêm, trông ra con đường tắm mình quạnh quẽ dưới ánh đèn vàng lạnh. Đã bao lần, cái cảm giác lâng lâng ngây ngất đó xâm chiếm tâm hồn tôi, đẩy tôi vào cõi hoang mang không tưởng. Hư hư thực thực. Tuồng như cảnh vật trước mặt được phủ bằng voan vải trắng. Tôi thao thức trăn trở trọn đêm.

Sáng hôm sau, tôi theo anh về lại Montréal. Từ đó cho tới lúc rời Canada, tôi không tới nhà anh thêm lần nào nữa.

Tôi "bắt cóc" con Kit theo tôi về phố chính. Chúng tôi đi xem hát, rồi lòng vòng qua mấy cửa tiệm bán đồ chơi trẻ con. Tôi mua cho Kit một con chó vặn dây thiều nhảy lưng tưng và sủa gâu gâu.

Trở lại Montréal lần thứ nhì, tôi có những kỷ niệm khác hẳn lần trước. Thành phố có vẻ thân mật hơn, gần gũi hơn, không phải là hợp ảnh của nhiều thành phố nổi tiếng trên thế giới nữa. Thân tình như buổi ăn tối với một số bạn văn, bạn thơ, bạn nhiếp ảnh tại quán cơm có cái tên thật đẹp: "L'Harmonie d'Asie." Lần đầu, sau mười chín năm xa quê hương, tôi ăn lại món mắm chưng. Thuở thiếu thời tôi hay bám quanh dì tôi và người chị bà con, thường ngồi thu lu coi dì tôi làm bếp, nên tôi biết cách làm món này, mặc dù chưa tự tay bắt chước bao giờ. Này nhé, mắm cá lóc mua về, lọc lấy thịt, bằm nhỏ, trộn với tròng trắng trứng vịt và thịt ba chỉ cũng băm nhỏ; gia vị với đường cho dịu, chút tiêu cho cay, chút hành lá xắt nhỏ cho thơm; đổ tất cả vô tô sứ; tròng đỏ hội vịt khuấy đều, tráng lớp mỏng trên mặt; rồi đem chưng; món này ăn với cơm kèm rau sống, dưa leo, khế chua và chuối chát. Theo tôi, nên có rau dấp cá trong mớ rau sống thì ngon hơn, vì mùi tanh tanh, cay cay và cái

hậu vị ngọt chát của loại rau này dường như thích hợp với món mắm chưng cá đồng hơn hết. Món mắm chưng tối hôm đó không có rau dấp cá, nhưng vẫn đậm đà vì có những người bạn hiền. Người xưa đã không nói, món ăn ngon chưa đủ, còn phải có nầy có nọ mới đúng điệu đó sao?

Ngày hôm sau, tôi đi cùng gia đình Kinh-Trinh, gia đình Hồ Đình Nghiêm, Nguyên Nghĩa và một người bạn khác tới viếng Ottawa, thủ phủ của vương quốc Canada. Ottawa xinh xắn, sạch sẽ, ngăn nắp như một thành phố kiểu mẫu. Tòa nhà quốc hội cổ kính nằm trên đồi cao nhìn xuống dòng sông lấp lánh nắng chiếu ngăn chia hai tiểu bang Québec và Ontario. Ở đó có loại sóc lông đen mướt, đuôi màu nâu đỏ, dạn dĩ như những bạn thân lâu năm mới gặp lại. Cả lũ ve sầu ở công viên Hog gần trường đại học nữa. Bộ muốn trêu ghẹo tôi hay sao mà khi tôi từ phòng vệ sinh chui ra, chúng đồng loạt ngân nga một chuỗi dài. Rồi im bặt. Tôi ngơ ngác, tưởng mình nghe lầm. Chợt biết, chúng chỉ chọc cho tôi bối rối vài giây thôi, vì nghe kìa, điệp khúc râm ran ấy lại vang lên lần nữa. Lại đứt ngang. Tôi hoang mang ngó quanh, hỏi Hồ Đình Nghiêm, như vừa nhớ ra một điệu nhạc ưa thích đã mười chín năm quên bẵng: "Có nghe gì không Nghiêm?" Nghiêm lắc đầu. Tôi vui vẻ: "Tiếng ve kêu. Trời . . ." Nghiêm cũng chắt lưỡi: "Vậy à?" Nhưng trễ rồi, tôi đã "xí" tiếng ve sầu rã rượi trong công viên Hog xế trưa ấy làm của riêng, bỏ vào túi, để lâu lâu nhớ tới, mở ra cho âm thanh những ngày hè xưa lắc xưa lơ đồn dập quay về nô đùa trong ký ức.

Bên hồ nước, trên bãi cỏ mướt, có vài gia đình Hồi giáo đang kính cẩn quỳ xuống cầu nguyện, quay hướng về Mekka. Gió chiều gấp nếp mặt nước màu chì non. Hàng lệ liễu phất phơ rũ tóc theo gió. Không giống như Tây Đức, xứ này là đất tạp chủng. Ra đường, tôi không có cảm giác bất an, bị sắc dân tóc vàng mắt xanh dòm ngó xoi bói. Tôi gởi bưu thiệp về cho bạn bè bên Tây Đức, viết: "Sự thoải mái rõ ràng nhất ở Canada là không có ai là người ngoại quốc cả. Ở đây chỉ có vấn đề kỳ thị chủng tộc, chứ không có chuyện kỳ thị người ngoại quốc." Vậy mà, không hiểu tại sao, tôi vẫn sống được ngần ấy năm dài ở miền đất Âu châu già nua đầy định kiến kia. Và cũng thật lạ lùng, từ 1975 tới giờ, tôi chưa hề bận tâm suy nghĩ về chuyện "trở về." Không lẽ ý thức chính trị trong tôi cực đoan đến vậy sao? Hay tôi đã từ từ nhận ra cái liền lạc giữa nội giới và ngoại cảnh. Nội giới mình xáo trộn thì sinh sống ở đâu cũng thế thôi. Đó là chưa nói tới các ảnh hưởng khác.

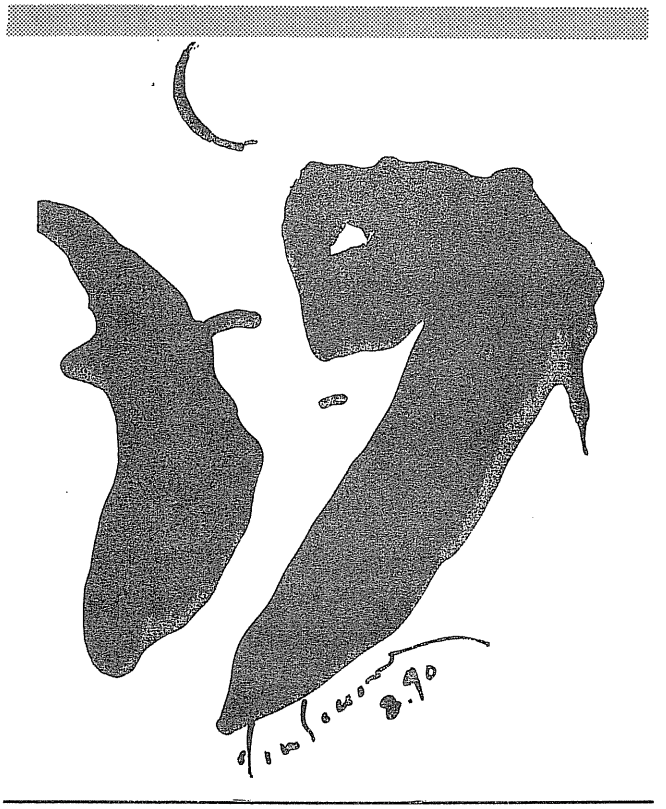

Tôi và Nguyên Nghĩa trở về Toronto bằng xe lửa, có Bắc Phong, Hồ Đình Nghiêm và Lê Quang Xuân theo cùng. Xe lửa ở đây lạ thật, toa nào cũng có máy lạnh, còn được cho ăn, cho uống như trên máy bay. Tới nơi, lạ lùng hơn nữa, hành khách còn được báo cho biết, "vì xe lửa tới trễ, nên trong chuyến đi tới, giá vé sẽ được giảm 50%, yêu cầu mọi người giữ vé lại." Vui quá, dù chưa biết, có còn dịp nào để tôi du hành bằng xe lửa trong nội địa Canada nữa không.

Trong chuyến xe chiều thứ Sáu ấy, nửa đường mưa đổ ào ạt. Bọn tôi chia làm hai nhóm vì không có cơ hội ngồi chung. Phong, Nghiêm và Nghĩa ngồi riêng. Còn tôi ngồi cạnh anh

Lê Quang Xuân, mải mê nghe anh kể chuyện "rượu bìm bịp" và chuyện Bến Tre, quê nội tôi. Không phải như một số người nghĩ lầm, rượu bìm bịp là thứ rượu ngâm loại chim bìm bịp thông thường, mà cách thức ngâm rượu làm sao cho có dược tính "ác ôn" lắm kia! Tôi sực nhớ hai câu ca dao: *"Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi. Buôn bán không lời, chèo chống mỏi mê."* Chim bìm bịp thường làm tổ trên cây bần, bên các xẻo nước. Thức ăn khoái khẩu là rắn lục và cá. Mỗi chiều khi nước dâng, cá trồi lên ăn mống, lũ chim bìm bịp nhốn nháo gọi nhau cùng bắt mồi cho vui. Mấy ông thầy thuốc nam, sau khi tìm ra ổ chim bìm bịp, rình đợi chim mẹ đi săn mồi mới bắt chim con bẻ cánh, bẻ chưn lặt lìa lặt lọi, rồi cột dưới gốc cây. Chim mẹ trở về, thấy chim con bị thương, vội vã bay tìm các loại lá cây có dược tính đặc biệt, đem về mớm cho con ăn. Sau đó ông thầy thuốc tóm chim con về ngâm rượu, nhờ vậy mà nên thuốc. Câu chuyện của anh Xuân làm tôi thích thú, bèn ghi vào sổ tay, định bụng sẽ viết thành một truyện ngắn có hơi hướng miền Nam.

Cùng các bạn ở Montréal về Toronto lần này, chúng tôi đàn đúm ở nhà gia đình Nguyễn Ngọc Ngạn, gia đình Nguyên Hương-Nguyễn Hữu Nghĩa, gia đình anh Nguyễn Tăng Chương. Trong dịp này, có thêm sự tham dự dễ mến của Trần Sa, và anh bạn nhạc sĩ Hoài Ân. Trước khi về Toronto, tôi cứ "khoác lác" với Hồ Đình Nghiêm, rằng phố Tàu ở Toronto có rất nhiều nét Chợ lớn và nhộn nhịp gấp mấy lần phố Tàu ở Montréal. Với anh Lê Quang Xuân thì tôi "quảng cáo" các tòa nhà chọc trời giăng đèn sáng trưng ở phố chính Toronto, và hẹn sẽ tháp tùng anh đi săn ảnh vào nửa đêm. Rốt cuộc, từ chiều thứ Sáu tới chiều Chủ nhật, Nghiêm không thấy mặt mũi phố Tàu ra sao, anh Xuân cũng chẳng có dịp chụp hình nhà chọc trời chọc đất, vì cả bọn cứ lếch thếch từ nhà người này sang nhà người khác, hết nói chuyện tầm phào tới ăn uống, ca hát, ngủ nghê. Một cuối tuần, vì vậy, ngắn ngủi quá.

Rồi những ngày nghỉ thường niên của Nguyên Nghĩa cũng trôi qua. Vợ con Nghĩa nghỉ hè bên Cali trở về lại. Cuộc sống thường nhật bắt đầu. Để thay đổi không khí, tôi tới ở trọ nhà ông bà chủ nhiệm, chủ bút Làng Văn, nhân tiện thu xếp một vài công việc trong tòa soạn. Tôi viết chương cuối cho quyển tiểu thuyết *"Đêm"* tại đây, tự tay xếp chữ lấy. Khi đặt bút xuống quyển tập mở rộng trước mặt, tôi cảm thấy bứt rứt khó tả, vì một vài phản ứng của độc giả về những chương trước đã được đăng trên nguyệt san *Làng Văn*. Có người bạn biên thư trách tôi, ngỏ ý . . . nghỉ chơi. Độc giả khác lại cho rằng tôi viết "dâm thư" để cổ xúy chuyện tình dục đồng tính. Tôi ngơ ngác quá đỗi. Không lẽ những dòng tôi ghi lại trong *"Đêm"* mơ hồ tới độ không ai hiểu những điều tôi muốn nói sao? Có hay không một "cái đẹp tuyệt đối" trong tình bạn? Đẹp đến nỗi khiến nhân vật này lẫn lộn giữa tình yêu và tình bạn, giữa giống đực và giống cái, giữa tính lành và tính dữ, giữa cái xấu và cái tốt . . ., để hắn ta mải miết đi tìm một chân lý hoàn toàn không có thật; còn nhân vật kia vẫn thản nhiên với bản tính trời cho, đau khổ trước nghịch cảnh và hưởng thụ trọn vẹn những khoái lạc bẩm sinh. Cũng may, không phải ai cũng "dị ứng" với *"Đêm."*

Từ những kinh nghiệm văn chương này, tôi bắt buộc phải nghĩ về mối tương quan giữa tác giả và độc giả. Thoạt đầu tôi còn dùng dằng, không biết viết đâu mà cứ phải đắn đo tư lự, bỏ cả công ăn việc làm, lao mình vào cuộc hành trình vô định. Nhưng dần dần tôi đã "sờ" được cái ý nghĩa của từ ngữ. Đừng đặt một mục tiêu nào cả. Sức mạnh của văn chương chỉ có thể đưa ông Havel làm tới . . . tổng thống là cùng. Giả tỷ như không có cơn sốt xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, địa vị của ông chắc không được rực rỡ như vậy đâu. Khi cầm bút soạn kịch, chắc chắn ông ta đâu có mơ mộng hão, sẽ trở thành tổng thống Tiệp Khắc một ngày nào đó. Vì vậy, đối với tôi, viết trước tiên là cho . . . mình, để giải tỏa một vấn đề, một suy tư thầm kín hay đưa ra một quan niệm sống. Giống như bà nội trợ vừa pha chế một món ăn mới, nấu nướng bày ra mời thực khách, hồi hộp chờ đợi sự phê phán.

Những ngày lông bông ở Toronto, tôi có thêm một người bạn mới, Nguyễn Việt. Việt có bài đăng trên *Làng Văn*, và mới đây, trên *Thế Kỷ 21*. Chúng tôi la cà gần hết các quán cà-phê ở Toronto. Thứ này ở Tây Đức làm gì có, vì người Việt mình vừa ít ỏi, vừa sống rải rác. Ngăn cách địa dư làm người Việt ở Đức mất đi lần hồi tính chất lãng mạn . . . lười biếng, không đủ kiên nhẫn ngồi vài tiếng đồng hồ bên ly cà-phê sữa đá. Các đạo luật lao động, xã hội tương đối dễ dãi tại đây tạo nên những phiền toái mới: sự hội nhập của người tỵ nạn vào đất và

người nơi họ định cư đã bắt đầu có . . . vấn đề! Vấn đề thì ở đâu cũng giống nhau. Chỉ có nguyên nhân đưa tới thì ở Bắc Mỹ và ở Tây Âu khác nhau xa quá.

Và tôi quyết định ở lại Canada cho tới đầu tháng Mười, hết hạn cư ngụ đã đóng trong sổ thông hành, để chờ gặp anh Nguyễn Văn Ba, diện kiến vợ chồng ông Võ Phiến, nhân tiện lên Montréal thêm lần nữa để góp mặt trong Đại hội Văn bút Việt Nam Hải ngoại.

Anh Nguyễn Văn Ba từ Saskatoon tới Toronto vào cuối tháng Chín, vài ngày trước khi đi dự Đại hội Văn bút. Thời tiết đã bắt đầu gây gây lạnh. Cây phong bên kia đường, không biết từ lúc nào, chẳng để ý, vu vơ nhìn lại thấy đã vấy đỏ. Những cơn mưa dường như ấm đạm hơn. Có chiều, tôi nằm một mình trong sa-lông ngoài phòng khách, trông ra ngoài trời, thấy vài cánh hải âu — dân miệt biển gọi là chim nhàn — giang cánh chao liệng trên không. Chúng kêu "chét, chét," nghe như vừa đánh mất một cái gì. Có con trổ tài hát xiệc, đứng yên trong không khí. Tôi nghĩ tới những con chim thằng chài lông xanh óng ả trong *"Rừng Mắm"* của Bình Nguyên Lộc. Tôi nhủ thầm, có lẽ lũ chim đói mồi, từ hồ Ontario bay vào thành phố kiếm ăn. Rồi lâu lâu, một ngọn đèn chớp tắt xa lắc trên nền trời xanh thẫm, phát xuất từ phi trường Toronto, nhắc tôi ngày trở về không còn bao xa. Gần bốn tháng lêu bêu, thật dài mà cũng thật ngắn. Đã gặp những người mà tôi muốn gặp. Lang thang ngoài phố Tàu với anh Nguyễn Văn Ba. Rồi chúng tôi chia tay nhau trước khi lên đường đi Montréal. Tôi tháp tùng xe van của Nguyễn Hữu Nghĩa và Nguyên Hương chở ông bà Võ Phiến đi xem thắng cảnh Canada vào thu. Lại 1000 Islands. Và Ottawa. Chiều ghé ngang Parc de Gatineau, ngắm rừng phong đổi màu quan san.

"Màu quan san" chưa thật sự đổi. Vẫn còn nhiều lá xanh trên lũng đồi chập chùng. Nhưng đây đó đã lốm đốm những những mảng đỏ rực, trông như cái lỡ tay của người họa sĩ. Tất cả ùa xuống. Máy ảnh được bấm "lắc cắc." Con đường vắng, lâu lắm mới có một cua-rơ cong lưng vút ngang. Thiên nhiên lúc nào cũng mang bộ mặt vừa thân mật vừa ngạo mạn, xa cách. Như người cha nghiêm khắc, thương con nhưng thỉnh thoảng lại cau mày, tia nhìn đầy trách móc. Chiều cuối tháng Chín, trong lâm viên Gatineau, không còn tiếng ve sầu tấu nhịp mùa hè, cũng không nghe tiếng chim ríu rít gọi hoàng hôn. Trời lại im gió, không xua lá cựa mình xào xạc. Chỉ có những tiếng động lúc rụt rè canh máy ảnh, lúc vồn vã bắt gặp một vòm phong đỏ thắm màu triện son. Giữa thiên nhiên tĩnh lặng là những âm thanh tầm thường của loài người. Một chút vô tư lẫn nhạt nhẽo. Lúc nào cũng vậy, con người chỉ mải miết đi tìm. Thấy thì vui mừng. Không thì đau đớn thất vọng. Hành động ấy kéo dài suốt đời người. Tức cười nhất là đôi khi cũng có người loanh quanh lên đường, mà không biết đi tìm cái gì.

Tới Montréal lần thứ ba, tôi có hân hạnh gặp thêm nhiều người. Đi trước như các anh Viên Linh, Thế Uyên, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, chị Vi Khuê. Ngoài các văn thi hữu mà tôi đã tiếp xúc rồi, tôi còn biết thêm các anh Phạm Nhuận, Hoàng Xuân Sơn, Phan Tấn Hải, bác sĩ Lê Văn Lân là tác giả nhiều bài biên khảo dí dỏm, họa sĩ Vi Vi Võ Hùng Kiệt. Đặc biệt là cuộc gặp gỡ với các bạn trẽ trong nhóm chủ trương tạp chí Tuổi Trẻ. Các bạn ấy là hình ảnh tôi mười, mười lăm năm về trước, và cũng là tâm trạng mà tôi muốn giữ mãi trong lòng: tâm hồn đam mê đầy lý tưởng, đặt mục tiêu trọn vẹn vào cứu cánh văn chương.

Văn chương? Tôi cười nhẹ. Văn chương là những cuộc họp như vậy sao? Văn chương là những xáo trộn, là đại dương đầy đá ngầm như thế sao? Chắc là không phải. Bây giờ, văn chương không còn là thời đại huy hoàng diễm lệ của những tuyệt tác nổi tiếng thế giới vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, lúc người viết còn dùng các áng văn chương cho một mục đích duy nhất: phục vụ nghệ thuật. Cuối thế kỷ 20, văn chương đã lấn sang các lãnh vực khác nhiều lắm rồi. Có lúc thì hay ho, ngoạn mục, nhiều anh hùng tính. Đôi khi lại thấy văn chương trân tráo, đáng thương như cô gái ham chơi, đã quá nửa khuya vẫn chưa chịu về, để hiện nguyên hình thành con bé lọ lem rách rưới. Đôi lúc tôi thất vọng quá, ngay với chính tôi, thấy mình giống như gã đàn ông bất hạnh, lấy nhằm người vợ có tật nghiến răng. Đêm đêm vợ nhà cưa cây dũa sắt véo von, người chồng không ngủ được, trằn trọc thao thức để rồi trở thành văn thi sĩ từ đấy.

Suốt kỳ Đại hội Văn bút, vì ham chơi, tôi không tham dự buổi hội thảo nào cả. Tôi theo anh chị Nghĩa-Hương và ông bà Võ Phiến đi thăm Làng Cây Phong. Làng nằm trong một cánh rừng tịch mịch, chơi

vơi giữa điệp trùng thu phong và mây mù đá núi. Tôi hình dung ra khung cảnh Phương Bối Am trong núi rừng Bảo Lộc qua *"Nẻo Về Của Ý"* của Thích Nhất Hạnh. Cái tâm trạng mất chỗ "trụ" của những người con Phật theo khói lửa chiến tranh lại trở về. Tôi bay theo những đám mây mù ôm lấy đỉnh núi xanh rì, tí tách trầm trầm cơn mưa núi lê thê. Thiền viện của Làng Cây Phong còn đang xây dở dang. Mái đỏ, tường trắng, trông đồ sộ lắm. Từ ngoài lộ đất rẽ vào, có con đường dài vài trăm thước, hai bên mọc toàn phong và bạch dương. Đầu đường có hồ nước rộng, thấp thoáng vài mái nhà sau chòm lau sậy bên kia bờ. Xa hơn là dãy núi màu lục đục ngầu. Hồ nước khiến tôi nhớ tới những nhân vật hư cấu trong một số truyện ngắn. Tôi thường xúc động vẩn vơ trước một vài cảnh trí: hồ nước dưới trăng, mưa tạt vào khung kính, phố đêm giăng đèn dưới lũng thấp . . .

Trưa hôm sau, sau khi cùng vợ chồng Nghĩa-Hương đưa ông bà Võ Phiến ra phi trường về lại Los Angeles, tôi "bổ lẻ" đi theo các bạn khác đi dạo phố chính, vào quán uống cà-phê, la cà chờ tới giờ hẹn tại nhà hàng Long Mỹ do anh Phạm Nhuận thết đãi. Thú thật, tôi chưa hề nghe tên anh từ trước. Gặp anh tại Montréal, được bạn bè giới thiệu, tôi cũng không biết là ai, cứ thắc mắc, không hiểu anh viết truyện hay làm thơ. Hỏi Hồ Đình Nghiêm, mới rõ anh là một nhà thơ hào phóng nhất Huế, thường hay chiêu hiền đãi sĩ. Tôi cười, ngẫm nghĩ, ồ phải chi có một Cao Tiệm Ly hiện đại, tầm người "tam khí," võ dõng cao siêu, đáp . . . phi cơ về Thái Lan, tìm cách vượt dòng Cửu long thủy, trở lại đất Việt hành sự thì hay biết mấy. Ờ, mà ai sẽ tự nguyện làm Phan Ô Kỳ đây?

Bữa cơm tối ở quán Long Mỹ kéo dài tới nửa khuya. Tôi chỉ uống cầm chừng, vậy mà cũng mém xỉn. Bắt tay từ giã anh Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm. Ôm giả từ anh Phạm Nhuận. Đêm Montréal đầu thu lướt thướt gió. Ngọn đèn đường quét lên vỉa hè vũng ánh sáng vàng tái. Một chút hiu hắt dâng trong hồn tôi. Nỗi buồn vô cớ của thi nhân, hay đó chính là nỗi sầu tha hương bám lấy tôi dai dẳng ngần ấy năm dài? Đêm ấy, tôi mới thật sự tạm biệt Montréal. Chào Jardin Botanique. Chào quán bánh cuốn nằm rụt rè bên hè phố. Chào những đám mây màu đá núi nơi Làng Cây Phong. Chào câu chuyện bằng vần t " . . . thượng tọa Thích Thịt Trâu thất tình túng tiền trần truồng treo trên tường tự tử . . ." với Nguyễn Đức Bạt Ngàn. Chào Kit và Van. Chào những giơ-tông thẩy vào thùng lúc anh tôi băng ngang cầu St. Laurent. Chào bình hoa cúc mười hai đóa chưng trong phòng ngủ tại nhà Kinh-Trinh . . . Tôi về lại Toronto lần cuối, cặm cụi viết *"Mùa Hè Indian"* với những cảm xúc bất thường.

Đầu tháng Mười, truyền hình Canada thông báo về những biến chuyển chính trị ở Đông Âu. Hung Gia Lợi mở cửa biên giới dẫn sang Áo. Người dân Đông Đức lợi dụng thời cơ lũ lượt tràn qua Tây Âu. Cửa biên giới Đông Đức và Hung gia lợi đóng lại. Tòa đại sứ Tây Đức tại Tiệp Khắc đón nhận hằng ngàn người Đông Đức tới xin tỵ nạn. Cửa biên giới Đông Đức và Tiệp Khắc lại đóng . . . Tình hình cứ thế mà xoay. Dù sao, đã có những ngọ nguậy trong phần đất xã hội chủ nghĩa cứng ngắt kia. Tôi nói đùa với Nguyên Nghĩa, lần này nhất định tôi phải về lại Âu châu, chậm chân, Tây Đức không cho tôi nhập cảnh thì khổ.

Mọi chuyện không đến nỗi thê thảm như tôi nghĩ. Phi cơ đáp xuống lãnh thổ Tây Đức vào một sáng thứ Sáu. Đất đai, phố xá, sinh vật vẫn còn ngái ngủ trong ngày tôi về lại vùng đất nhiều biến động trong thế kỷ 20 này. Có lẽ nhiều biến động hơn Việt Nam nữa. Đệ nhất rồi đệ nhị thế chiến. "Đêm pha lê" năm 1938, khởi đầu chính sách bài trừ người Do Thái. Phe trục Đức-Ý-Nhật thua trận năm 1945. Đất nước bị chia cắt lần mòn. Bức tường biên giới Đông và Tây Đức được dựng lên năm 1961. Khi ấy tôi mới vừa mười tuổi, đâu đã biết gì. Chỉ nhớ có lần được cậu tôi dẫn đi coi phim chiếu cảnh trại tập trung của Đức quốc xã giam giữ dân Do Thái. Những thân người trần truồng, ốm lỏng khỏng; những thây người chết chất thành núi; răng giả, mắt kiếng, tóc, giày dép . . . chồng đống như những món hàng vô giá trị. Lịch sử là vậy đó. Là lòng ngưỡng mộ hôm qua, là cái gớm ghiếc hôm nay. Cả thế giới thấp thỏm hướng về Âu châu. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Có một cái gì đang vỡ ra từ cái quái thai xã hội chủ nghĩa, chiếc mặt nạ đạo đức giả đắp lên ý thức cộng sản đã trở nên vô nghĩa vì cái bao tử lép xẹp.

Bây giờ, bốn tháng đã trôi qua. Tình hình Đông Âu thay đổi như trở bàn tay. Chỗ tôi ở cách Bá linh xa quá, không có cơ hội chạy ra biên giới xem người dân Đông Đức tràn qua

Tây Bá linh như đê vỡ trong ngày 9-11-89. Tuy xa, nhưng cảm giác bồi hồi đồng điệu vẫn có. Tôi bắt lấy những tín hiệu trên vô tuyến truyền hình với tâm trạng của một người trong cuộc. Ơ hay, không lẽ tôi đã "bị" hội nhập vào xã hội này rồi sao? Đâu có lý nào . . . Khi được tin 150 người Việt Nam làm nghĩa vụ lao động bên Đông Đức thừa dịp trốn qua Tây Bá linh xin tỵ nạn chính trị, tôi cảm thấy nửa mừng nửa lo. Mừng cho một số người vượt thoát thành công. Lo giùm cho tương lai họ, không biết sẽ về đâu, vì điều kiện để được tỵ nạn chính trị tại đây khắt khe lắm rồi. Đôi lúc, thế giới tự do vô cùng nhân đạo. Cũng có khi, họ hờ hững vô cùng. Tôi bùi ngùi nghĩ tới hoàn cảnh bi đát của hàng trăm ngàn người đồng hương khắc khoải chờ đợi định cư trong các trại tỵ nạn ở Đông Nam Á. Đêm giao thừa dương lịch, truyền hình chiếu cảnh đốt pháo bông đón mừng năm mới ở Bá Linh, trên Brandenburger Tor. Giây phút khởi đầu thập niên cuối cùng của thế kỷ 20 tưng bừng náo nhiệt chưa từng thấy. Không biết trong biển người nhốn nháo, dưới bầu trời hoa đăng rực rỡ ấy, có người Việt nào đang lén lút sợ sệt vượt biên giới từ Đông sang Tây? Chắc có, vì sau đó, một tuần trước Tết ta, tôi nhận được lá thư đầu tiên của một người lạ gởi từ Đông Đức, nhờ tôi giúp họ vượt biên. Người ấy tỏ vẻ hối hận vì đã không vượt trốn trong đêm giao thừa huyên náo, cửa biên giới không kiểm soát. Tôi điện thoại định "bán cái" cho vài người quen ở Bá linh, nhưng không ai dám giỡn mặt với cảnh sát biên phòng Đông Đức cả. Họ mách cho tôi vài "mánh" vượt cổng biên giới để tôi biên thư trả lời người bạn mới quen kia. Rồi thêm vài lá thư nữa, cũng hỏi về những vấn đề tương tự. Cứ cái đà này, tôi trở thành người "mánh mung" mất thôi!

Tôi thường nghĩ ngợi bâng quơ, thỉnh thoảng trí nhớ lùi về những năm đầu tiên ở hải ngoại sau ngày 30-4-1975. Trong một buổi họp gọi là Đại hội Báo chí Âu châu năm nọ, tôi nhớ có một ông, tên gì đã quên mất. Nhớ, không phải vì ông nói chuyện chính trị và văn hóa hay ho hấp dẫn. Cũng không phải vì ông có một khuyết điểm gì đó trên gương mặt. Mà chỉ vì . . . hai chòm lông mũi. Thiệt là kỳ cục! Những sợi lông nhú ra hai lỗ mũi ông dám tới nửa phân lắm à! Không biết những người khác nghĩ sao, riêng tôi, mỗi lần nhìn ông, tôi cảm thấy ngứa ngáy khó chịu vô cùng. Tôi có cái tính hơi lạ đời, cứ đinh ninh rằng, muốn làm chuyện lớn thì không nên có bộ dáng bê bối,cẩu thả. Văn sĩ, thi sĩ thì phải có hai lỗ mũi vén khéo. Những sợi lông mụt ruồi, dù đó là "tướng tốt" gì gì đi nữa, cũng phải cắt tỉa cẩn thận. Các tu sĩ bản xứ nên nhổ những sợi lông mọc tua tủa quanh lỗ tai đi! Các chính trị gia thì nên có bộ mặt nhẫn nhụi, đầu tóc gọn ghẽ, áo quần sạch sẽ, như vậy, mới có thể chiêu cảm được người khác. Những sợi lông mũi, lông lỗ tai, lông mụt ruồi, theo lối ví von cẩu thả của tôi, chính là những điểm không thể chấp nhận được trên khuôn mặt xã hội chủ nghĩa. Mỗi sáng, các lãnh tụ đảng đều soi gương, đã quá quen thuộc với những nét xấu ấy. Giống như người vừa bước vào nhà xí, một lát sau không còn cảm nhận được mùi hôi nữa. Chính những người khác phải có bổn phận nhắc nhở họ; nhổ những sợi lông mũi, lông lỗ tai, lông mụt ruồi . . . ấy đi! Và phải giựt nước, lau chùi cầu tiêu cẩn thận sau khi bài tiết!

Bốn tháng lêu bêu nơi xứ"Lá Phong," trở về Tây Đức, bốn tháng sau tôi mới nghiệm lại một vài "biến cố" của riêng tôi và của vùng đất Âu châu để hoàn tất bài viết này. Tôi không nghĩ rằng chỉ "ưu tư" về tình hình chính trị thế giới hay tình hình chính trị trì trệ tại quê nhà mà có thể làm được một cái gì. Ý nghĩ này cũng tức cười nếu có ai đó cho rằng: "Tôi yêu nước nhiều hơn anh" hay "tôi chống Cộng đúng, còn anh chống Cộng sai." Ngòi bút lại quá yếu ớt, có lẽ không đủ để góp thành cơn lốc ngôn ngữ cuốn trôi bạo lực, nhất là để đối đầu với sự tự mãn và ngu dốt của nhà nước cộng sản Việt Nam. Muốn cho họ thức tỉnh, phải tạo điều kiện. Các con thú chỉ làm xiếc khi được thưởng công bằng miếng ăn. Cho kẻ sắp chết đói lựa chọn giữa bánh mì và quyển sách, chỉ có kẻ điên mới cầm quyển sách cho vào miệng. Văn chương đã tham dự như thế nào trong cuộc chính biến ở Đông Âu vừa qua? Nếu có thì cũng rỉ rả, lỏng cỏng như hệ thống điện nước tại các quốc gia xã hội chủ nghĩa. Có người cho rằng Thiên Chúa giáo đã châm ngòi cho cuộc cách mạng dân chủ lớn lao tại Đông Âu cuối năm 1989 nổ bùng. Liệu đức Dalai Lama có thể hướng dẫn người Tây Tạng nổi lên đối đầu với cộng sản Trung hoa bằng một cuộc cách mạng ôn hòa không? Còn Việt Nam mình? Nhớ tới những sợi lông mũi, tôi bật cười vu vơ.

Tây Đức, 13 tháng Hai, 1990
NGÔ NGUYÊN DŨNG

NẶNG VÀ NHẸ

MILAN KUNDERA
TRỊNH Y THƯ dịch

Milan Kundera

1

Trở về vĩnh cửu là một ý niệm thực bí ẩn. Với nó, Nietzsche thường làm điên đầu các triết gia khác: hãy suy niệm rằng mọi việc tái diễn y hệt như những gì xảy ra và sự tái diễn đó chính nó lại tái diễn đến vô tận! Nhưng cái huyền thoại điên khùng này có bao hàm một ý nghĩa gì không?

Một cách tiêu cực, huyền thoại trở về vĩnh cửu phán rằng: đời sống một khi đã hoàn toàn tan biến, không trở về nữa, thì nó giống như cái bóng vô trọng lượng, chết trước khi được khai sinh và dù nó có kinh khiếp, đẹp đẽ, linh hoá đến đâu chăng nữa thì sự kinh khiếp, vẻ đẹp đẽ, sự linh hóa của nó cũng không hề có một ý nghĩa nào đáng kể. Chúng ta không cần ghi chép về nó cũng như chúng ta chẳng bao giờ để ý đến cuộc chiến tranh giữa hai vương quốc Phi châu vào thế kỷ mười bốn, một cuộc chiến không chút ảnh hưởng đến vận mạng thế giới dù cả trăm ngàn người da đen đã bị chôn vùi dưới những nỗi thống khổ tột cùng.

Với ý niệm trở về vĩnh cửu, liệu cuộc chiến giữa hai vương quốc Phi châu vào thế kỷ mười bốn có bị thay đổi nếu nó cứ tái diễn hoài hoài?

Có chứ: nó sẽ trở nên một khối lượng đặc cứng, vĩnh viễn phình nở ra, và hư tính của nó sẽ vô phương cứu chữa.

Giả sử cuộc cách mạng Pháp tái diễn đến vô tận thì chắc các sử gia Pháp sẽ bớt hãnh diện về Robespierre. Nhưng vì chuyện gì xảy ra sẽ không bao giờ trở về nên những năm tháng đẫm máu của cuộc cách mạng biến thành một mớ chữ, một mớ lý thuyết, một câu chuyện trao đổi hằng ngày. Chúng nhẹ như lông chim, chẳng làm ai sợ hãi. Có sự khác biệt vô hạn giữa một Robespierre xuất hiện một lần duy nhất trong lịch sử và một Robespierre trở về vĩnh cửu, chặt đầu dân Pháp.

Do đó, chúng ta hãy đồng ý rằng ý niệm trở về vĩnh cửu bao hàm một viễn ảnh mà từ đó sự vật không giống với điều chúng ta ý thức về chúng: chúng xuất hiện nhưng bản chất di động của chúng không ở lì trong một trạng huống khinh thoát. Chính cái trạng huống khinh thoát này đã không cho phép chúng ta đi đến một

phán quyết nào. Bởi vì làm sao chúng ta kết án được những sự việc xảy ra chỉ trong một thoáng chốc phù du? Giữa bóng hoàng hôn của sự tan rã, mọi vật, kể cả chie 160c máy chém, như bị chói lòa bởi tinh khí của lòng hoài niệm.

Cách đây không lâu, có lần tôi bắt gặp trong tôi một cảm giác vô cùng kỳ lạ. Trong lúc lướt đọc một quyển sách nói về Hitler, tôi bị chấn động bởi vài ba hình ảnh của ông ta. Chúng làm tôi nhớ đến thời ấu thơ của tôi. Tôi lớn lên giữa khi đang còn chiến tranh và gia đình tôi có mấy người bỏ mạng trong các trại tập trung. Nhưng những cái chết này có ý nghĩa gì không nếu chúng ta đặt chúng bên cạnh cái trí nhớ của một thời kỳ đã hoàn toàn tan biến trong đời số ng tôi, một thời kỳ không bao giờ trở lại?

Sự hòa giải này với Hitler để lộ ra điều sai lầm vô cùng sâu đậm về đạo đức của cái thế giới dựa trên căn bản không có sự trở về. Bởi vì trong thế giới này, cái gì cũng được tha thứ trước nên người ta sẵn sàng cho phép chúng xảy ra một cách đầy vô tâm.

...NHƯNG TRONG THI CA TÌNH ÁI CỦA MỖI THỜI ĐẠI, LÚC NÀO NGƯỜI ĐÀN BÀ CŨNG MONG ĐƯỢC THÂN HÌNH NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÈ XUỐNG...
MILAN KUNDERA

2.

Nếu mỗi giây phút trong đời sống chúng ta cứ lập đi lập lại đến vô hạn thì chúng ta sẽ bị đóng đinh vào vĩnh cửu như Chúa Giê-su Ki Tô bị đóng đinh vào thập giá. Quả là một viễn ảnh kinh khiếp! Trong thế giới của sự trở về vĩnh cửu, đè lên mỗi động tác chúng ta là những trách nhiệm vô cùng nặng nề và đó là lý do tại sao Nietzsche gọi sự trở về vĩnh cửu là hệ lụy nặng nề nhất của những hệ lụy (das schwerter Gewicht).

Nếu sự trở về vĩnh cửu là hệ lụy nặng nề nhất của những hệ lụy thì đời sống chúng ta vẫn đủ sức đứng vững cho dù nó bị chiếm cứ bởi sự khinh thoát rạng rỡ.

Nhưng có thực nặng nề thì đáng bị vất bỏ còn khinh thoát thì rạng rỡ, tráng lệ?

Hệ lụy nặng nề nhất của những hệ lụy nghiền nát chúng ta ra. Chúng ta chìm xuống tận đáy nó, nó đè dí chúng ta xuống đất. Nhưng trong thi ca tình ái của mỗi thời đại, lúc nào người đàn bà cũng mong được thân hình người đàn ông đè xuống. Do đó, hệ lụy nặng nề nhất cùng lúc lại là hình ảnh của sự thỏa mãn đầy đủ nhất. Hệ lụy càng nặng, đời sống càng gần mặt đất bao nhiêu thì chúng ta càng sống thực, càng thấy gần gũi với chân lý bấy nhiêu.

Ngược lại, sự vắng mặt tuyệt đối của hệ lụy khiến con người nhẹ hơn không khí. Hắn bay bổng lên cao, tách lìa khỏi mặt đất và xa rời hẳn cái hiện tính tầm thường của hắn. Hắn chỉ có thật một nửa, mọi động tác của hắn không bị gò bó nữa và chúng trở nên vô nghĩa.

Như thế chúng ta nên chọn phía nào? Nặng hay nhẹ?

Chính câu hỏi này đã được Parmenides đặt ra từ thế kỷ thứ sáu trước công nguyên. Theo ông nhận xét thì thế giới được chia thành những cặp phạm trù đối nghịch: nhẹ/nặng, đẹp đẽ/thô tạp, nóng/lạnh, hiện tính/phi hiện tính. Ông gọi một bên là cực dương (nhẹ, đẹp đẽ, nóng, hiện tính) và bên kia là cực âm. Có thể chúng ta thấy cách chia thành hai cực âm dương này của Parmenides đơn giản một cách trẻ con, nhưng chúng ta gặp ngay một nghi vấn khá gay go: cực dương thuộc căn t 51nh nặng hay căn tính nhẹ?

Câu trả lời của Parmenides: nhẹ thuộc về dương và nặng thuộc về âm.

Parmenides đúng hay sai vẫn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp. Chúng ta chỉ biết chắc được một điều: sự đối kháng giữa nặng và nhẹ là cái gì bí ẩn nhất, mờ mịt nhất của sự vật.

3.

Hình ảnh Tomas lởn vởn trong đầu tôi từ nhiều năm nay, nhưng chỉ vào những lúc được soi sáng bởi dòng suy ngẫm hồi tưởng này tôi mới thấy anh thực rõ rệt. Tôi thấy anh đứng bên khung cửa sổ, phóng tia mắt nhìn vào bức tường đối diện, ở bên kia khoảng sân rộng trước nhà, lòng rối bời không biết phải làm gì.

Anh gặp Tereza lần đầu tiên tại một tỉnh lỵ nhỏ miền quê nước Tiệp. Gặp nhau chưa đầy

tiếng đồng hồ, cô gái đưa anh ra bến xe, đứng đợi bên anh cho đến lúc anh bước chân lên toa tầu. Mười ngày sau cô tìm đến nhà anh. Họ làm tình ngay hôm cô đến. Đêm đó cô lên cơn sốt và nằm rũ liệt trên giường anh suốt tuần với cơn cảm cúm tai ác.

Bỗng nhiên anh thấy mình yêu say đắm người con gái hoàn toàn xa lạ này, một tình yêu anh không sao cắt nghĩa được. Với anh, cô gái như đứa bé, một đứa bé được ai đó đặt trong chiếc thúng cói trét nhựa thông rồi thả theo dòng nước trôi giạt đến chân anh và anh vớt chiếc thúng lên ngay tại chân giường bên bờ dòng sông.

Cô ở lại nhà anh hết tuần lễ, đến khi thấy khỏe khoắn trong người mới trở về tỉnh lỵ nơi cô cư ngụ cách Prague chừng một trăm hai mươi lăm dặm. Đây là lúc tôi vừa nhắc đến và xem đó là thời điểm định đoạt số mệnh đời Tomas: đứng bên cửa sổ, nhìn qua khoảng sân rộng trước nhà, mắt đập vào bức tường đối diện, anh đắn đo suy tính.

Anh có nên ngỏ ý mời cô gái về sống hẳn với anh không? Anh sợ trách nhiệm. Nếu anh ngỏ ý mời cô về thì chắc cô sẽ không từ chối đâu. Cô sẽ hiến dâng cuộc đời cô cho anh.

Hay anh nên tự kềm chế, không nên tiến gần thêm nữa? Để rồi cô gái tiếp tục sống bằng nghề hầu bàn trong khách sạn của cái tỉnh lỵ nhỏ bé đó của cô và anh sẽ không bao giờ trông thấy mặt cô nữa.

Anh muốn hay không muốn cô gái về đây?

Qua khoảng sân rộng trước nhà, mắt đập vào bức tường đối diện, anh tìm kiếm câu trả lời.

Đầu óc anh cứ bị ám ảnh mãi bởi hình ảnh cô gái nằm trên giường anh. Trông cô không giống bất cứ người con gái nào anh từng gặp trước đó. Cô không phải là tình nhân mà cũng không phải là vợ anh. Cô là đứa bé anh vớt lên trong chiếc thúng cói trôi giạt đến bên chân giường. Cô chìm vào giấc ngủ. Anh quỳ xuống bên cạnh cô. Hơi thở cô nồng ấm vì cơn sốt mỗi lúc mỗi dồn dập. Từ miệng cô thoát ra những tiếng rên nho nhỏ. Anh áp mặt mình lên mặt cô gái và khe khẽ vỗ về, dỗ cô đi vào giấc ngủ. Một lúc sau, anh thấy hơi thở cô điều hòa trở lại và khuôn mặt cô bỗng mơ hồ rướn lên, như được sai khiến bởi vô thức, chạm vào mặt anh. Anh ngửi thấy hơi hướm nồng nàn của cơn sốt và anh hít mạnh làn hơi nóng đó vào buồng phổi như đang muốn tận hưởng những gì thầm kín nhất trên thân thể cô gái. Bỗng nhiên, anh tưởng tượng mình đã chung sống với cô gái từ nhiều năm trời và bây giờ cô đang bị lươ 0i hái tử thần dẫn đi. Anh chợt thấy rõ anh không sao sống được nếu mất cô gái. Anh muốn nằm xuống và cùng chết với cô. Anh vùi đầu vào chiếc gối bên cạnh và cứ giữ yên như thế một lúc rất lâu.

Giờ đây, đứng bên cạnh cửa sổ, anh hồi tưởng lại giây phút đó. Cái gì đã xảy ra nếu đó không phải là tình yêu dõng dạc lên tiếng trong anh?

Nhưng đó có thực là tình yêu không? Cảm giác muốn chết bên cạnh cô gái rõ ràng chỉ là cảm giác cường điệu: trước đó anh gặp cô gái một lần duy nhất trong đời! Hay dây chỉ là cơn điên loạn của người đàn ông biết rõ tâm trạng không thể yêu được của mình nhưng lại bị thôi thúc bởi nhu cầu muốn ngụy tạo nó. Vô thức của anh hèn nhát đến nỗi nó đã chọn người con gái đáng thương ở cái tỉnh lỵ bé nhỏ đó cho vai trò chung đóng trong vở hài kịch c ỏn con, một người con gái không bao giờ anh có thể tưởng tượng sẽ đi vào cuộc đời anh!

Phóng mắt qua khoảng sân rộng, nhìn vào bức tường dơ bẩn trước mắt, anh thấy mình không hề có ý niệm phân biệt được đây là tình yêu hay chỉ là cơn điên loạn.

Anh thấy sầu não hết sức về cảnh huống mà một người đàn ông cứng cỏi khác sẽ biết ngay cách phải hành động như thế nào. Anh cứ trù trừ, do dự mãi và vì thế đã đánh mất đi những giây phút tuyệt đẹp nhất anh từng có được (quỳ bên cạnh giường tưởng tượng cùng chết với cô gái).

Anh bực mình với chính anh cho đến khi anh nhận thức ra một điều là, đối với anh, không biết muốn gì cũng là chuyện tự nhiên mà thôi.

Chúng ta không bao giờ biết được chúng ta muốn gì, bởi lẽ, đời sống chỉ có một lần và chúng ta không thể so sánh nó với những kiếp trước hay hoàn thiện nó cho những kiếp sau.

Có Tereza trong đời sẽ làm đời sống tươi đẹp hơn cuộc sống độc thân như vầy?

Thử xem quyết định nào tốt đẹp hơn chẳng đem lại ý nghĩa gì cả vì chúng ta hoàn toàn không có căn bản nào cho sự so sánh. Mọi thứ chợt đến chợt đi trong đời sống, không có dấu hiệu báo trước gì cả như người diễn viên diễn xuất một mình. Và đời sống có đáng giá gì nếu buổi tập diễn đầu tiên cho đời sống lại chính là đời sống? Đó là lý do tại sao đời sống lúc nào cũng chỉ là một bức phác họa. Không, "phác họa" cũng không đúng nữa, v 179 phác họa cho thấy cái đại cương của sự vật, cái nền tảng của bức hình, trong khi bức phác họa đời sống là bức phác họa không có gì cả, một đại cương vô

hình tượng.

Einmal ist keinmal, Tomas nhủ thầm. Câu phương ngôn Đức nói cái gì xảy ra chỉ một lần, tốt hơn nên đừng xảy ra bao giờ. Chúng ta sống có một lần, tốt hơn đừng nên bao giờ sống cả.

4.

Nhưng rồi một hôm tại bệnh viện, trong giờ nghỉ giữa những ca mổ, anh được người y tá gọi cho biết có điện thoại. Giọng Tereza phát ra từ ống nghe. Cô gọi cho anh từ trạm ga thanh phố. Anh sung sướng đến tột độ. Chẳng may, tối đó anh bận việc và anh phải hẹn cô đến nhà vào ngày hôm sau. Lúc gác máy điện thoại, anh tự trách mình đã không bảo cô gái đến thẳng nhà ngay ngày hôm nay. Anh vẫn có đủ thì giờ để hoãn lại buổi hẹn tối nay mà! Anh cố tưởng tượng những gì Tereza s ẽ làm ở Prague trong suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ đằng đẳng trước khi đến gặp anh. Anh đã định nhảy lên xe chạy khắp đường phố tìm kiếm cô gái.

Tối hôm sau, cô xuất hiện trước ngưỡng cửa nhà Tomas, xắc tay đeo lủng lẳng trên vai, trông cô tươi trẻ, thanh nhã hơn lần trước. Cô ôm trong tay một quyển sách dầy cộm, quyển *Anna Kerenina.* Cô có vẻ tươi vui, cười nói huyên thuyên, và ra điều cho anh biết cô chỉ tạt ngang đây thôi. Cô lên Prague có việc (tới ây cô trở nên lờ mờ khó hiểu), hình như cô lên để đi tìm việc làm.

Sau đó, khi hai người nằm cạnh nhau trên giường, anh hỏi cô ngủ đêm ở đâu để anh đưa cô về vì lúc đó đã gần nửa đêm. Cô có vẻ ngượng ngùng, trả lời là cô chưa tìm được khách sạn và chiếc va-li lớn cô còn gửi ở trạm ga.

Mới hai ngày trước đây, Tomas còn e sợ là nếu anh ngỏ ý mời cô gái lên Prague thì cô sẽ hiến dâng cuộc đời cô cho anh. Khi cô nói với anh chiếc va-li cô còn để ở trạm ga, ngay tức khắc, anh biết chiếc va-li đó chứa đựng cả cuộc đời cô gái và cô để nó lại trạm ga cho đến khi nào cô hiến dâng xong cuộc đời cô cho anh.

Hai người lái xe đến trạm ga, Tomas vào trình giấy tờ lấy chiếc va-li ra (chiếc va-li to lớn đềnh dàng và nặng chình chịch) rồi anh lại lái xe đưa cô gái cùng chiếc va-li về nhà.

Làm thế nào để anh có một quyết định đột ngột và chóng vánh như thế trong khi mới hai đêm trước đây anh còn phân vân không biết có nên gửi một tấm bưu thiếp hỏi thăm sức khỏe cô gái?

Chính anh cũng phải ngạc nhiên về điều đó. Anh đã tự phá vỡ những nguyên tắc do chính anh đặt ra. Mười năm trước, sau khi ly dị vợ, anh đã ăn mừng như người ta ăn mừng ngày cưới. Anh hiểu ra một điều là anh không thể sống chung với bất cứ người đàn bà nào và chỉ trong đời sống độc thân anh mới là anh một cách đầy đủ mà thôi. Anh cố xếp đặt đời sống để không bao giờ có cảnh một người đàn bà bước chân vào ngưỡng cửa nhà anh vơ i chiếc va-li xách trên tay. Đó là lý do tại sao anh sắm một chiếc giường độc nhất trong nhà. Mặc dù chiếc giường khá rộng, Tomas bao giờ cũng cho những cô tình nhân của anh biết là anh không ngủ chung được với ai. Thường anh lái xe đưa họ về sau khi ân ái. Và vì thế, trong lần thăm viếng đầu, không phải vì Tereza bị lên cơn sốt mà anh không ngủ chung với cô. Đêm đầu tiên anh ngủ trong chiếc ghế bành rộng, những đêm sau anh lái xe đến ngủ tại bệnh viện, trong văn phòng làm việc nơi anh có đặ t một chiếc ghế bố nhỏ.

Nhưng lần này, bên cạnh Tereza, anh đã ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, khi thức giấc, anh thấy cô gái còn đang say ngủ, hai tay cô ôm chặt tay anh. Hai người tay trong tay ngủ như thế suốt đêm ư? Thực là một điều khó tin!

Và trong khi cô gái vẫn còn nhắm nghiền mắt say sưa ngủ, hai tay ôm chặt lấy tay anh (chặt lắm, anh không sao gỡ ra được) thì chiếc va-li to lớn đềnh dàng vẫn lặng lẽ đứng bên cạnh giường.

Anh không dám gỡ tay cô gái vì sợ sẽ đánh thức cô dậy. Anh khẽ nghiêng mình qua một bên kỹ lưỡng quan sát cô gái.

Một lần nữa đến với anh ý tưởng Tereza là đứa bé trong chiếc thúng cói trét nhựa thông bị thả trôi sông và giạt đến chân anh. Anh không thể để chiếc thúng với đứa bé trong đó trôi tuột về cuối dòng sông đầy sóng gió kia được! Nếu người con gái của Pharaoh không vớt chiếc thúng đựng cậu bé Moses từ dưới dòng nước lên thì làm gì có Cựu-ước, làm gì có nền văn minh chúng ta đang có ngày nay! Biết bao nhiêu huyền thoại cổ xưa bắt đầu bằng chuyện một 164ứa bé bị bỏ rơi được cứu vớt! Nếu Polybus không cứu cậu bé Oedipus thì Sophocles đã không sao hoàn tất vở bi kịch tráng lệ nhất của ông!

Lúc đó Tomas không nhận thức được một điều là ẩn dụ thường rất nguy hiểm. Ẩn dụ không phải là cái gì chúng ta có thể bỡn cợt, xem thường. Chỉ cần một ẩn dụ thôi cũng đủ để tình yêu ra đời.

Trích từ TheUnbearable Lighteness of Being

TRỊNH Y THƯ *dịch*

NGHỆ THUẬT

BERNARD MALAMUD
NGUYỄN KHANH dịch

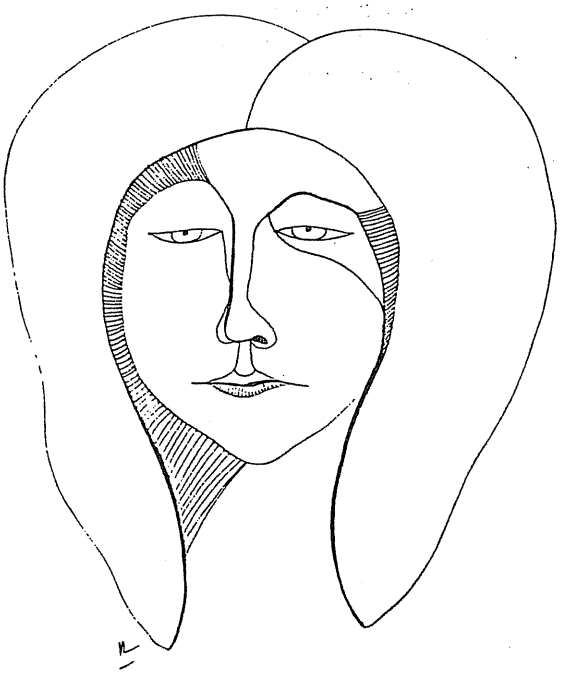

Một buổi sáng, Ephraim Elihu gọi điện thoại cho Hội Sinh Viên Nghệ Thuật nhờ tìm hộ một cô người mẫu có kinh nghiệm để ông vẽ tranh khỏa thân. Nói chuyện với bà thư ký của hội ở bên kia đầu giây ông bảo: "Tôi nhờ bà giúp hộ. Tôi muốn cô nào khoảng chừng ba mươi tuổi thôi."

"Tên ông nghe lạ lắm," bà thư ký trả lời. "Ông có liên lạc với chúng tôi lần nào chưa? Hội chúng tôi có một số sinh viên sẵn sàng làm mẫu cho các họa sĩ, nhưng thông thường chúng tôi chỉ làm việc với các họa sĩ mà chúng tôi biết thôi." Ông Elihu trả lời từng câu hỏi một. Trước hết ông chưa hề liên lạc với hội để nhờ tìm người mẫu bao giờ cả, thứ hai ông chỉ là một họa sĩ thuộc hạng *tay mơ* cho dù đã từng ghi tên theo học lớp hội họa do hội tổ chức.

"Thế ông có phòng vẽ không?"

"Tôi vẽ ở ngay trong phòng khách, rộng và đầy đủ ánh sáng," Elihu trả lời. "Vả lại, tôi cũng không có trẻ trung gì cho lắm. Bỏ cọ bao lâu nay rồi bây giờ mới cầm lại, tôi muốn vẽ khỏa thân để gợi hứng cho mình tiếp tục đi trên con đường nghệ thuật đó mà. Thú thật với bà, tôi không phải là một họa sĩ lành nghề, nhưng tôi không coi thường nghệ thuật. Nếu bà cần phải có bằng chứng, tôi sẵn sàng cung cấp ngay cho bà tin."

Ông Elihu hỏi thêm là giá tiền ông phải trả cho cô người mẫu như thế nào, bà thư ký ngập ngừng một lúc rồi trả lời "sáu đô la một giờ." Ông cho biết với giá đó, ông thấy không có gì trở ngại cả và tiếp tục muốn nói chuyện với bà thư ký. Dĩ nhiên, bà này đâu có thời giờ để nói chuyện tầm phào với người lạ mặt. Bà hỏi tên, địa chỉ của ông và bảo sẽ tìm cho ông một người mẫu như ý muốn trong một vài ngày sắp tới. Ông Elihu cám ơn, câu chuyện kết thúc.

Hôm đó là ngày thứ Tư. Đến sáng thứ Sáu, cô người mẫu xuất hiện. Tối hôm trước, cô gọi điện thoại cho ông và cả hai đồng ý sẽ gặp nhau vào sáng hôm sau. Khoảng chín giờ nghe tiếng người gõ cửa, Elihu vội chạy ra. Tuổi độ bảy mươi, tóc đã bạc màu, sống đơn độc trong căn nhà màu

nâu ở đại lộ số chín, người họa sĩ tài tử và già nua này mừng rỡ khi gặp cô người mẫu cho tác phẩm mà mình có ý định sẽ thực hiện.

Người mẫu là một thiếu phụ khoảng chừng ba mươi tuổi, không có gì đặc sắc cho lắm ngoại trừ đôi mắt tuyệt đẹp. Hôm đó, trời đã vào xuân, khí hậu thật ấm áp, nhưng cô vẫn khoác lên người một chiếc áo choàng màu xanh. Mới nhìn thấy cô, ông Elihu đã cảm thấy mến rồi, dù cô chỉ ngước mắt nhìn thoáng qua ông và tự nhiên bước vào trong nhà. Ông mở đầu câu chuyện:

"Trời tốt quá cô nhỉ?"

"Dạ, vâng."

"Tôi thích mùa xuân lắm, cô ạ," ông nói tiếp. "Vạn vật nảy mầm như sống lại vậy đó cô. Quên cô tên gì vậy?"

"Tôi tên là Perry. Tôi thay quần áo ở đâu hả ông?"

"Cô vào phòng tắm, hoặc trong phòng của tôi cũng được. Cô đi thẳng về hướng này, phòng đó hồi xưa tôi ở, bây giờ bỏ trống nhưng ấm hơn phòng tắm nhiều."

Cô người mẫu nghe ông nói xong, cho biết sao cũng được nhưng có lẽ thay quần áo trong phòng tắm thì tiện hơn.

"Vâng tùy cô."

"Bà nhà đâu hả ông?"

"Nhà tôi mất rồi cô ạ," Elihu đáp. "Chúng tôi có mỗi một mụn con gái, cũng chết vì tai nạn xe cộ, giờ tôi chỉ có một mình."

Cô người mẫu ngỏ lời chia buồn với ông, bảo: "Ông đợi tôi một tí. Tôi vào thay quần áo xong mình bắt đầu làm việc."

"Vâng, cô cứ từ từ, không có gì phải vội cả," ông Elihu trả lời, đồng thời cũng nói thêm ông rất hân hạnh được cô nhận lời làm mẫu cho buổi vẽ ngày hôm nay.

Cô người mẫu bước vào phòng tắm cởi quần áo, một chốc sau trở ra trên người chỉ khoác chiếc áo ngủ. Khuôn mặt và đôi vai của cô trông thật cân đối. Ông Elihu lúc đó đang đứng ở chiếc bàn vẽ gần ngay cửa sổ, tay cầm hai ống sơn nhỏ, nặn và trộn chung màu vào với nhau. Trên bàn còn ba ống sơn khác ông không đụng tới. Cô giơ tay cầm điếu thuốc hút dở đưa lên môi bập một hơi dài trước khi dụi tắt trên chiếc nắp hộp cà phê để trên bàn.

"Tôi hút thuốc có làm phiền ông không?"

"Không sao đâu cô," ông Elihu đáp. "Lúc nào tôi nghỉ tay, cô muốn hút thì cứ hút."

"Vâng, cám ơn ông." Vừa nói, cô vừa đưa mắt nhìn ông họa sĩ pha màu và hỏi ông muốn cô ngồi ở chỗ nào.

Ông Elihu không nhìn ngay vào thân thể của cô, thản nhiên ông bảo ông muốn cô ngồi trên chiếc ghế ông đặt gần cửa sổ. Với chỗ ngồi đó, cả hai người đều nhìn ra sân sau, nơi có tàng cây cổ thụ đang mọc mầm chào đón mùa xuân.

"Ông muốn tôi ngồi thế nào? Gác chân lên nhau hay để thõng hai chân xuống?"

"Sao cũng được cô. Gác chân hay không gác chân không quan trọng với tôi lắm. Tùy cô, cô thích thế nào cũng được cả."

Nghe ông trả lời, cô người mẫu tỏ vẻ khá ngạc nhiên. Nhưng cô vẫn ngồi lên chiếc ghế ông kê, gác hai chân lên nhau tạo thành một dáng điệu tuyệt đẹp cho buổi vẽ.

"Như vậy được không ông?"

"Được cô," ông Elihu gật đầu trả lời. "Cô ngồi như vậy đẹp lắm."

Tuy cầm chiếc cọ nhúng vào chỗ sơn đã được trộn màu, ông đưa mắt nhìn cô người mẫu và bắt đầu vẽ. Vừa vẽ, ông vừa liếc nhìn thật nhanh rồi vội quay đi chỗ khác, tựa hồ như ông ngại nhìn lên sẽ làm cho cô khó chịu. Ông từ tốn đưa cọ lên giá vẽ, cố gắng thu nhận hình ảnh và nét đẹp của người ngồi trước mặt. Lúc đầu hình như cô chẳng để ý gì đến công việc làm của ông, đưa mắt lơ đảng ra ngoài vườn một lúc lâu, trước khi nhìn

ông họa sĩ.

Phải nói là cô người mẫu chăm chú nhìn ông họa sĩ thì mới đúng. Cô nhìn và chú ý sự di động của đôi mắt, của bàn tay cầm cọ đưa lên đưa xuống. Cái nhìn lạ lùng này khiến cho ngay cả Elihu phải lo ngại, không biết mình có làm điều gì trái hay không. Chừng một giờ sau đó, cô người mẫu với dáng điệu bực dọc đứng dậy bước ra khỏi ghế.

"Cô mệt hả," ông Elihu hỏi.

"Không, tôi không có mệt gì cả," cô trả lời với giọng không mấy vui. "Tôi hỏi thật, ông làm cái trò gì vậy? Nói ông đừng giận, tôi dám chắc là ông chẳng biết một tí gì về hội họa cả. Đúng không?"

Nghe cô người mẫu hỏi với vẻ giận dữ, Elihu giơ tay với tấm khăn che bức họa đang thành hình dang dở. Mãi một lúc sau, ông mới ngập ngừng cho biết lúc nói chuyện với bà thư ký của Hội Sinh Viên Nghệ Thuật, ông đã thẳng thắn trình bày ông không phải là một họa sĩ chuyên nghiệp và cố gắng giải thích là ông đã nói rõ điều này rồi cho cô nghe. Sau đó, ông nói tiếp:

"Tôi xin lỗi cô. Tôi tiếc là đã mời cô đến làm mẫu ngày hôm nay. Đúng ra, tôi phải thử cầm cọ lại trước khi cô đến, để khỏi làm cô mất thì giờ. Tôi bỏ vẽ lâu quá rồi cô ạ! Tôi nghĩ chắc cô cũng thấy tôi muốn vẽ lắm nhưng không làm được . . ."

"Tôi không cần biết ông có cầm cọ, có thử vẽ hay không. Đó là chuyện của ông, ông phải lo. Điều tôi thấy rõ là ông chẳng chú ý gì đến nghệ thuật cả, chỉ lo dán mắt vào thân xác trần truồng của tôi cho thỏa cái ước mơ nào đó của ông. Tôi không hiểu ông thèm khát điều gì, nhưng tôi hiểu chuyện ông thèm muốn chẳng dính dáng gì đến nghệ thuật, đến hội họa cả."

"Lỗi tại tôi cả," Elihu trầm giọng nói.

"Đương nhiên là lỗi tại ông," vừa trả lời cô vừa đưa tay với chiếc áo ngủ khoác lên người. "Nói cho ông hay tôi là một họa sĩ, chỉ vì nghèo mà tôi nhận lời làm người mẫu cho ông."

"Tôi xin lỗi cô," ông Elihu trả lời. "Đúng ra tôi phải nghĩ kỹ càng hơn mới đúng. Cô hiểu cho năm nay tôi đã hơn bảy mươi tuổi rồi, lúc nào tôi cũng quý trọng phụ nữ cả, vậy mà giờ đây bằng này tuổi đầu không có lấy một người bạn gái để tâm sự. Đó là lý do khiến cho tôi quyết định cầm cọ trở lại dù tôi biết là tôi không có tài. Bây giờ tôi mới biết thêm là không những thế, tôi còn quên cả những căn bản của hội họa, nhất là khi vẽ phụ nữ khỏa thân. Tôi cứ ngỡ nhờ qua khung vải đời sống của tôi sẽ bớt tẻ nhạt hơn, nào ngờ. Tôi xin lỗi đã làm mất thì giờ của cô, làm phiền cô."

"Thì giờ mất không đáng kể với tôi, vì tôi ngồi làm mẫu cho ông, ông phải trả tiền. Điều tôi bực nhất là ông đã khinh tôi khi mời tôi đến đây để cho ông nhìn, ông ngắm."

"Xin cô nghĩ lại cho, tôi đâu dám có ý xấu như thế."

"Tôi không biết. Rõ ràng là ông có ý gian. Bây giờ đến phiên ông cởi hết quần áo ra."

"Tôi?" ông Elibu ấp úng hỏi. "Tôi . . . tôi . . . cởi quần áo ra?"

"Đúng! Đến lượt ông cởi quần áo ra cho tôi vẽ."

Nghe cô ra lịnh, ông Elihu cố giải thích là trời mới sang xuân còn vương lại cái lạnh mùa đông, ông thì tuổi già thành ra cởi quần áo không tốt. Cô người mẫu không nói năng gì, mặc kệ cho ông đứng lải nhải. Cuối cùng ông đành phải ngượng ngùng cởi hết áo quần đứng làm người mẫu.

Tay cầm cọ, cô người mẫu nhìn ông già trước mặt mình, nhanh nhẹn bắt đầu họa những nét đầu tiên và chỉ một lát sau cô đã hoàn thành những đường nét tiêu biểu của bức tranh. Sau đó, cô quệt chiếc cọ vào đống màu đen vừa nặn trong ống màu ra, thẳng tay bôi vào bức vẽ, hủy bỏ công trình tạo dựng của mình bằng những bệt màu đen lem luốc. Chẳng nói chẳng rằng, cô đưa tay vứt chiếc cọ vào sọt rác trước khi bước vào phòng tắm mặc quần áo, để mặc cho ông già Elibu đứng như trời trồng.

Ông Elihu viết tấm chi phiếu trả tiền, ngượng đến mức độ không dám ký tên trên tờ chi phiếu. Nhưng vẫn phải ký, trao cho cô kiểu mẫu. Cô cầm tờ chi phiếu bỏ vào bóp bước đi, không nói một lời từ giã.

Còn lại một mình, Elihu chợt nghĩ cô người mẫu trông cũng xinh đấy chứ, chỉ mỗi tội là hơi thiếu lịch sự. Ông tự hỏi mình: "Bộ không còn gì nữa hay sao? Chả lẽ cuộc đời mình chấm dứt một cách kỳ quặc như thế này sao?" Câu trả lời có lẽ là *đúng, hết rồi,* và người đàn ông gục đầu xuống khóc cho tuổi già đơn độc của chính mình.

Một lúc sau ông trở lại giá vẽ, đưa tay giở tấm khăn che bức họa dở dang của mình, cố gắng lục lọi trong trí nhớ khuôn mặt của cô người mẫu để ghi lại trên khung vải. Đã trễ rồi, ông không còn nhớ được một nét nhỏ nào nữa cả. ■

BERNARD MALAMUD

NÓI CHUYỆN VỚI HỌA SĨ KHÁNH TRƯỜNG

NNA

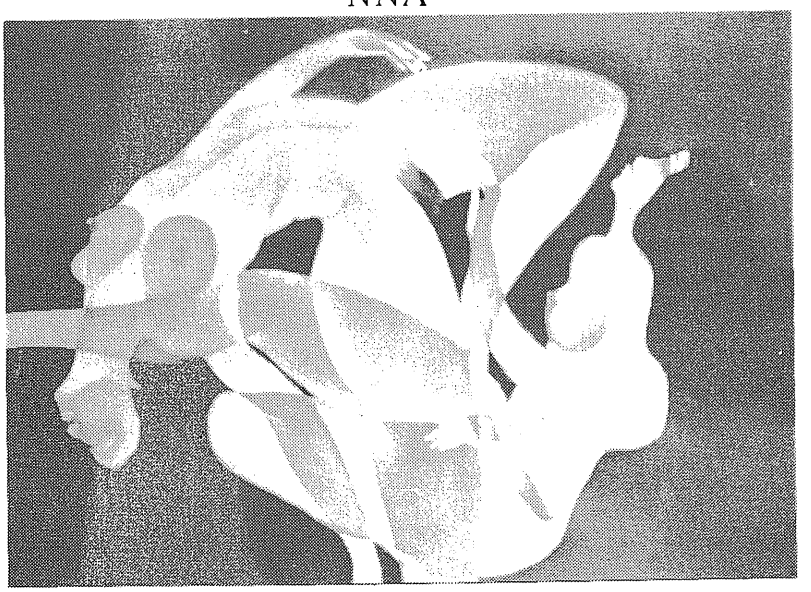

*Họa sĩ Khánh Trường sinh năm 1948 tại Trung phần Việt Nam. Đến Mỹ cuối năm 1986. Hiện sống tại thành phố Garden Grove, California. Ngoài công việc chính: Hội họa, ông còn làm thơ (*Sống Mới *xuất bản năm 1988: Đoản Thi Khánh Trường), viết văn (Thế Giới Lưu Vong Hôm Nay xuất bản năm 1989: Tác Giả Tác Phẩm, tuyển tập thơ văn viết chung với bảy tác giả; Tân Thư xuất bản năm 1990: tập truyện ngắn Có Yêu Em Không? Trong ban chủ biên tạp chí* Văn Học.*) Đã cộng tác với các báo* Văn, Văn Uyển, Thế Kỷ 21, Người Việt, Sóng . . . *và hầu hết báo chí tại Orange County, San Jose . . .*

Hiện ông đã hoàn tất một loạt tranh mới, sẽ ra mắt người thưởng ngoạn vào thượng tần tháng Bảy năm 1990 tại Orange County.

Sau đây là nội dung buổi nói chuyện giữa họa sĩ Khánh Trường và tạp chí Thế Kỷ 21.

Từ ngày định cư ở Hoa Kỳ đến nay, ông đã triển lãm bao nhiêu lần?

Sau hai cuộc triển lãm tại Mã Lai Á và Phi Luật Tân, đến Mỹ, từ cuối năm 1986, gần như tôi ngưng hẳn sáng tác, chỉ thỉnh thoảng minh họa, trình bày sách báo, cốt làm vui. Năm ba tháng, thèm lắm, vẽ chơi một vài bức, vẽ xong, nhìn đi nhìn lại cảm thấy thất vọng quá! Bởi vì hầu hết những bức tranh đã vẽ trong thời gian này vẫn còn quẩn quanh ở cách tạo hình và những đề tài cũ, đại loại theo kiểu "xa quê hương nhớ mẹ hiền", hoặc "thiếu nữ với trăng, hoa" . . ., màu sắc tối ám u uất, trong rầu thúi ruột. Nói chung, chẳng ra ngô khoai nếp tẻ gì ráo. Gần bốn năm, tôi tưởng mình đã mất hẳn cảm hứng sáng tạo!

Chắc hẳn phải có lý do?

Một phần bởi hoàn cảnh khách quan, áo cơm, công ăn việc làm lận đận, sự xung đột giữa cái cũ (Việt Nam) và cái mới (Mỹ) trong suy nghĩ và đời sống . . . Nhưng quan trọng nhất có lẽ do sự thiếu vắng "không khí" để tạo hứng khởi. Hội họa Việt Nam ngoài nước, ngoại trừ một vài vị vào được thị trường ngoại quốc, họ không còn hoặc rất ít tiếp xúc với cộng đồng, số còn lại hoặc đổi nghề, hoặc chỉ gắng gượng sáng tác một cách thiếu hào hứng. Thỉnh thoảng lắm mới có được một cái triển lãm, nhưng trông èo uột đến xót ruột. Năm ba họa sĩ, mỗi người góp vài bức — đa số đều là tranh cũ — khung khám cái đực cái cái (thường mua ở Good Will hay Garage Sale!), móc đại lên bốn vách tường trống của tòa soạn một tờ báo nào đó, hoặc một quán cà phê nào đó, hệ thống ánh móc đại lên bốn vách tường trống của tòa soạn

một tờ báo nào đó, hoặc một quán cà phê nào đó, hệ thống ánh sáng thiếu tiêu chuẩn, "kkhông gian" chật hẹp . . . Làm, cốt cho . . . xong chuyện! Và khách thưởng ngoạn? Quanh đi quẩn lại cũng chỉ năm mười anh em văn nghệ quen biết, tới, không phải để xem tranh, mà tới, để có dịp gặp nhau đấu hót! Những cuộc triển lãm như thế chẳng những không gây được âm vang trong quần chúng — chỉ quần chúng Việt Nam thôi chứ đừng nói chi đến quần chúng Mỹ — mà còn làm cho tinh thần của họa sĩ sa sút trầm trọng. Làm sao vẽ được với một "viễn tượng" như thế?

Một phần khác có tính cách chủ quan: Có bước chân ra khỏi quê hương mới nhìn thấy cái bao la bát ngát của nghệ thuật tạo hình nhân loại, họ đã lìa bỏ và vượt qua bao nhiêu biên thùy, trong khi mình vẫn lẹt đẹt quẩn quanh trong vòng rào của lũy tre xanh, với con trâu, cái cày, áo dài khăn đóng lướt thướt. Tự thấy cũ kỷ và sơ đẳng đến tội nghiệp! Xin cho tôi ra ngoài phạm vi câu hỏi một chút, tôi không phủ nhận hình ảnh áo dài, khăn đóng, con trâu, cái cày, lũy tre xanh, cây đa đầu làng, mái tranh với khói lam chiều lãng đãng như hư như thật là không đẹp. Nó đẹp lắm chứ, nó là những biểu tượng đặc thù của dân tộc đó chứ, nhưng cái đẹp đó, chỉ đẹp trong trái tim chúng ta, trong máu huyết chúng ta, chỉ riêng đối với chúng ta thôi, còn cứ mang ra ngoài mà khua chuông đập trống ầm ỉ, bắt thiên hạ phải xem nó cũng đẹp như ta bảo đẹp thì . . . tội nghiệp cho thiên hạ chứ. Vả lại, khác với văn chương, thi ca và một số bộ môn nghệ thuật khác, cái đẹp của hội họa truyền đạt trực tiếp từ khung bố đến khách trưởng ngoạn bằng thứ ngôn ngữ phi quốc gia, thứ ngôn ngữ câm của màu sắc, vậy, cái đẹp đó phải được thể hiện cách nào để ai cũng có thể cảm được. Đi xa hơn một chút, khi khách thưởng ngoạn, của bất cứ quốc gia dân tộc nào cảm được tranh chúng ta, thì dù chẳng có khăn đóng áo dài, chẳng có con trâu cái cày, chẳng có nón quai thao, tóc trái đào, Chùa Một Cột, Lăng Ông . . . Nói chung, chẳng có tí xíu nào dính dáng đến "hồn dân tộc" của Việt Nam thì liệu họ có thể phủ nhận được không cái gốc gác Việt Nam của chúng ta? Nước PHáp là môi trường tốt để hạt mầm thiên tài Picasso nẩy nở, nước Pháp cũng đã hãnh diện có được một Picasso, nhưng nước Pháp đâu phủ nhận được giòng máu Tây Ban Nha chảy trong huyết quản của thiên tài này? Và nước Tây BAn Nha không hãnh diện khi có được một hạt trân châu quý báu như vậy sao? Cho nên theo tôi, chúng ta có thể vẽ bất cứ cái gì, bằng bất cứ cách nào, không một thứ "luân lý" và biên giới nào bắt buộc người họa sĩ phải noi theo. Có chăng, chỉ một "luân lý" duy nhất mà tự thân mỗi họa sĩ phải xem như một thứ kim chỉ nam, đó là nỗ lực không ngừng để tìm tòi khám phá những chân trời mới hầu mang lại cho nhân loại, nói chung, và cho dân tộc, nói riêng, cái Đẹp (chữ Đẹp viết hoa). Đó là mục đích duy nhất và tối thượng của hội họa. Đó cũng là cái dễ nhất của hội họa, nhưng đồng thời cũng là cái khó nhất của hội họa.

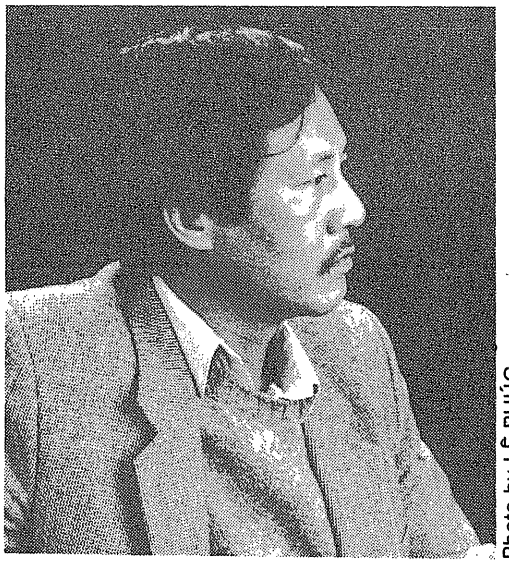

Photo by LÊ PHÚC

Họa sĩ Khánh Trường

Trở lại c âu hỏi của ông, khi đi ra ngoài, khi nhìn thấy những bước tiến không ngừng của hội họa nhân loại, tôi bèn cảm thấy . . . run tay khi mỗi lần cầm đến cây cọ. Không mặc cảm tự ti, nhưng đó là một sự thật, ít nhất, đối với cá nhân tôi. Vẽ gì bây giờ, chẳng lẽ cứ nhai đi nhai lại một số màu sắc đường nét và đề tài gần như đã mòn trơ đến độ không còn một chút sinh khí? Chẳng lẽ cứ "ăn gian", đánh lừa khách thưởng ngoạn bằng cách vẽ lăng nhăng lằng nhằng, rồi moi óc tìm một cái nhan cho thật . . . bí hiểm để đặt tên cho tranh, đại loại theo kiểu: "Ký ức của loài . . . rong", "Mặt trời xanh trong góc nhớ vàng" . . ., chẳng lẽ cứ lạm dụng một số kỹ thuật đã học được ở các bậc tiền bối (cạo sơn, đắp sơn, trộn sơn với cát, với kim loại, đổ xăng, a-cê-tôn lên mặt tranh vừa ráo để tạo "chất" . . . hầu che đậy sự nghèo túng của tâm hồn. Những trò nhập nhằng này tôi đã làm, và bây giờ cảm thấy rất

xấu hổ. Văn học nghệ thuật không chấp nhận những con đường tắt. Vẽ quái dị Picasso vào lúc cuối đời, chúng ta không thấy chướng, bởi vì ai cũng đã từng biết, vào thời kỳ hồng, xanh, và trước đó, ông ta cũng đã từng vẽ "đàng hoàng" như ai.

Vậy tại sao, động cơ nào khiến ông trở lại với cọ sơn, màu sắc?

Cái nghiệp ông ạ. Nghệ thuật, nó như một thứ ma túy, bỏ thì thương, vương thì tội. Biết mình tài hèn sức kém, biết rằng để có được một tiếng nói, dù nhỏ nhoi, trong môi trường sinh hoạt nghệ thuật đa dạng và phong phú của thời đại này, là một việc làm quá khả năng. Nhưng không làm không chịu thấu, không làm thì ăn mất ngon, ngủ mất yên. Vào khoảng ba tháng nay, nhu cầu sáng tạo bỗng thúc bách. Câu hỏi cũ lại trở về: Vẽ gì bây giờ? Hỏi thì hỏi, nhưng làm thì vẫn phải làm. Một chuyện tình cờ, không dính dáng gì đến hội họa nhưng lại là động cơ giúp tôi chọn được chủ đề trọng tâm cho loạt tranh sắp hoàn tất: Một truyện ngắn của tôi đăng trên tờ *Văn Học* số 46, truyện "Có Yêu Em Không?" đã bị một số độc giả gửi thư về toà soạn la mắng, thậm chí có vị lôi cả bà cụ thân sinh ra tôi cho đi làm . . . điếm và đe dọa nếu "mầy còn viết lách vẽ vời thì sẽ bị trừng trị!" Tính tôi, từ nhỏ, vốn cứng đầu (cho nên phản ứng bao giờ cũng . . . trẻ con!), bèn lục lại, viết thêm một số truyện có liên quan đến vấn đề tình dục, chính kiến, quân đội . . ., cấp tốc cho xuất bản, để xem vị độc giả kia "trừng trị" tôi cách nào! Đồng thời nẩy sinh trong tôi cái chủ đề tranh khỏa thân như anh đang xem.

Chọn xong chủ đề, tôi mới thấy mình . . . ngu. Bởi vì, vẽ khỏa thân, thường phải có người mẫu, trong hoàn cảnh của tôi hiện tại, chuyện này xem ra rất . . . viễn mơ, hơn nữa, chỉ tiêu 40 mươi bức, lại khổ lớn (cái nhỏ nhất 30 x 40 in., cái lớn nhất đến 70 x 110 in.) và chỉ một đề tài duy nhất: *nude*, thì không cẩn thận sẽ "đồng dạng" ngay. Nhưng đã lỡ phóng lao, phải theo lao, bèn bắt tay vào thực hiện.

Như vậy có nghĩa là ông bắt đầu loạt tranh này chỉ mới vài tháng trở lại đây?

Vâng, ba tháng đóng cửa không bước chân ra khỏi nhà, ngoại trừ đi mua sắm vật liệu. Mỗi ngày thức dậy từ bảy giờ, vẽ miệt mài có khi đến một giờ khuya. Và chỉ tạm nghĩ vẽ mỗi tuần một hai ngày để làm những công việc chẳng lấy gì thích thú cho lắm như trình bày bìa tape nhạc, video, poster cho các trung tâm sản xuất băng nhạc, hoặc vẽ chân dung (có khi khỏa thân — Lại khỏa thân! Cái này thì thích là cái chắc!)

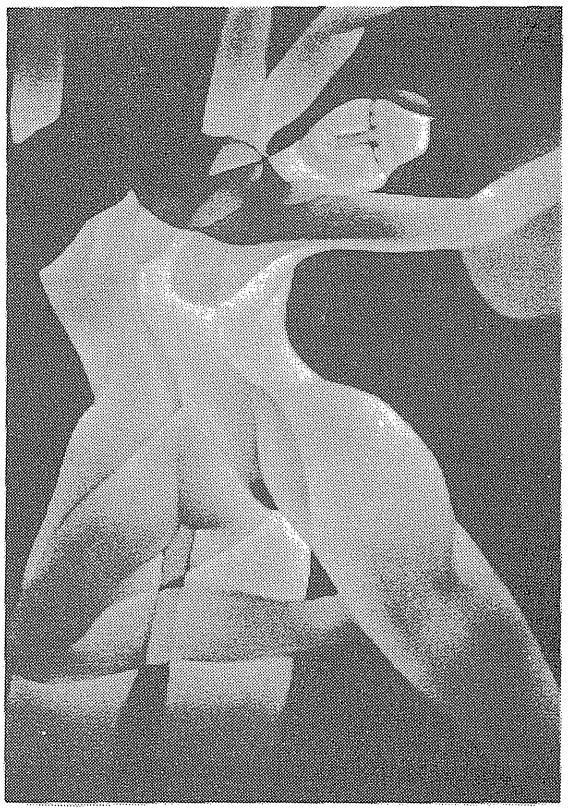

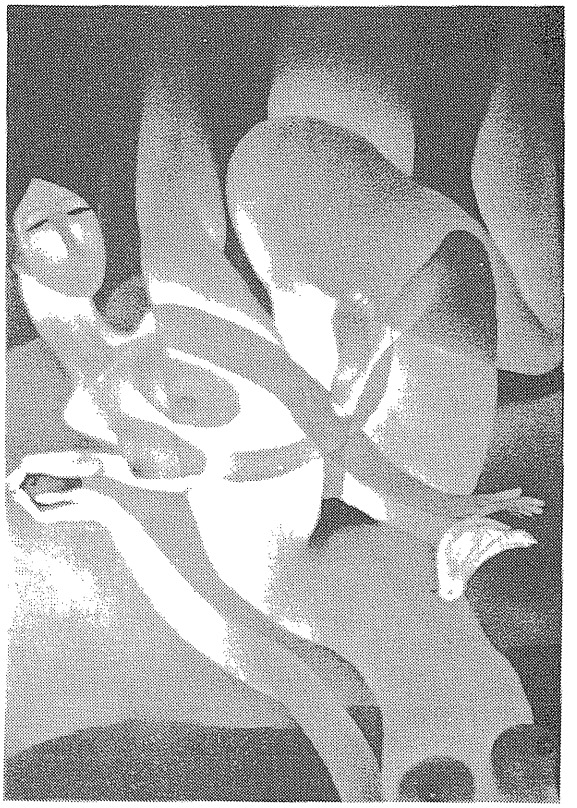

cho quý vị nữ lưu Mỹ-Việt hầu giải quyết một số những nhu cầu vật chất. Cho đến hôm nay, như ông thấy, tôi đã thực hiện xong 35 bức, chỉ còn năm bức nữa là đủ "chỉ tiêu". Sẽ ra mắt khách thưởng ngoạn vào đầu tháng Bảy năm nay.

Ông có thể cho độc giả biết trong quá trình sáng tác, có những vấn đề, những chuyển biến nào đã đến với ông?

Trong quá trình sáng tác loạt trang này, tôi phát hiện ra nhiều điều thích thú, từ những mò mẫm ở những bức đầu, dần dần đã định hình được một phong cách mới. (Mới, xin lỗi các bậc đàn anh, cái này rất chủ quan, chỉ mới đối với cá nhân tôi mà thôi), và những "gam" màu cũ, cũng qua từng bức, dần dần bị loại bỏ hẳn, không còn cái vẻ tối ám buồn rầu rất . . . dân tộc nữa. Và nhất là chủ đề của tranh, không còn là chuyện . . . ghê gớm làm nhức đầu buốt óc. Bốn mươi bức tranh, không có nhan đề, chỉ đánh số từ Nude 1 đến Nude 40. Trọng tâm của chủ đề tranh chỉ nhằm một mục đích duy nhất: làm thế nào tạo được cho người xem cái cảm giác vui vẻ thích thú trước những "gam" màu sáng, những đường cong uyển chuyển, những bố cục lạ. Nói một cách khác: Làm thế nào để người xem cảm thấy Đẹp. Chữ Đẹp hiểu theo cái nghĩa giản dị mộc mạc nhất, không "trăn trở", không "tư duy", không "siêu hình", không "triết lý", và càng không có . . . "hồn dân tộc". Xin đừng tìm ở tranh tôi bóng dáng của quê hương, của lịch sử oai hùng bốn nghìn năm dựng, giữ nước. Lại cũng rất không nên tìm ở tranh tôi những khát vọng đấu tranh giải phóng dân tộc. Tôi không đủ sức gánh vác những sứ mệnh cao cả đó. Xin nhường cho những vị đầy đủ tài trí hơn. Tôi chỉ xin, nếu được, làm một bông hoa dại mọc bên vệ đường, giúp cho mắt nhìn và tâm hồn những lữ hành dịu xuống, dưới cái nắng chói chan của dặm xa thiên lý.

Đó là quan niệm sáng tác và những chuyển biến về mặt kỹ thuật, còn những khó khăn?

Khó khăn? Có chứ. Cái khó đầu tiên, cũng là cái khó lớn nhất, đã khiến nhiều ngày tôi phải ngồi không ôm đầu loay hoay khổ sở, là . . . hết tiền mua bố. Bố, cho một cái size lớn cỡ 70 x 110 in. (khoảng 2m x 3m), tính cả khung căng bố, nẹp viền ngoài v.v. cũng đi đứt 150. Mà khả năng làm tiền của tôi, nếu tính cho . . . "sâu sát" thì gọp chung lợi tức của một năm giỏi lắm cũng chỉ bằng lương một tháng của một kỹ sư mới ra trường. Cái khó thứ hai, dù cứng đầu hạng nặng, vẫn đôi khi không thể không "chao đảo" bởi dư luận chung quanh loạt tranh tôi sắp trình làng. Ngay cả một người bạn, hơn thế, một đàn anh cùng ngành, một người tôi rất yêu mến về tài năng cũng như phong cách sống, trong buổi gặp mặt một người bạn chung, nghe người bạn chung này nói tôi đang vẽ loạt tranh mới với chủ đề Nude, nhiều cái . . . rùng rợn lắm, vị đàn anh họa sĩ đã lắc đầu quầy quậy, nói rằng, trong đời một họa sĩ chỉ có thể vẽ tối đa là . . . 10 bức khỏa thân, bởi vì đề tài này chẳng lấy gì hay cho lắm. Khi nghe kể lại, tôi vô cùng ngạc nhiên, chẳng biết người bạn họa sĩ của tôi nói đùa hay nói thật? nếu ông ấy nói thật thì hóa ra ông ấy đã quên mất rằng sáu trăm năm trước, cả một thời đại danh họa Michelangelo chỉ vẽ đàn ông, đàn bà, thánh thần, Chúa Trời . . . ở truồng đó sao? Lại vẽ ngay trên nóc vòm nhà thờ nữa đấy chứ! (Ban đầu, nhà đại danh họa vẽ nguyên con, trần xì đầu *100% em ơi*, sau, các Đức Giáo Hoàng mới đề nghị phủ lên một lớp vải mỏng ở những chỗ . . . cấm kỵ, cho . . . phải đạo!). Và sau Michelangelo, có biết bao nhiêu họa sĩ khác đã xem đề tài khỏa thân như một nguồn cảm hứng chủ lực trong suốt cuộc đời họ. Một người bạn khác, khi đến nhà tôi chơi, đã la toáng rằng tôi đang "bệnh". Bộ hết đề tài để vẽ rồi sao, vẽ chi cái loại tranh dâm ô đồi trụy này? Đất nước đang trong cơn đầu sôi lửa bỏng, phải vẽ cái gì có tính đấu tranh hoặc ít nhất cũng phải có chút tình tự quê hương chứ. Cái này mà đem bày ra trước cộng đồng thì cầm chắc sẽ bị ném cà chua trứng thối tối mày tối mặt cho mà xem. Tôi nghe, kính nhi viễn chi nhưng không khỏi buồn năm phút.

Ông có nghĩ điều người bạn của ông tiên đoán sẽ là sự thật không?

Chắc không đến nỗi trầm trọng như thế, nhưng rất có thể tôi sẽ bị các vị đạo đức (thật cũng như giả) lên án nặng nề. Biết thế nào bây giờ? Đành làm một con chốt mở đường vậy! Tuy nhiên, cũng xin ông cho tôi được bày tỏ với khách thưởng ngoạn một đôi điều.

Đa số người Việt chúng ta hình như chưa quen với loại đề tài này. Khi xem tranh khỏa thân, họ thường không xem cái dụng công khổ nhọc của người học sĩ khi cố thể hiện lên mặt bố những màu sắc, đường nét, bố cục, phong cách tạo hình hay lạ mà chỉ chầm chập vào những phần vốn thường được che kín trên thân thể con người rồi la toáng lên rằng như thế là phi đạo đức, là dâm ô, đồi bại Tội nghiệp cho bọn họa sĩ chúng tôi quá phải không ông?

Nhưng hãy khoan nói đến cái khổ nhọc để đi tìm những "gam" màu, những phương cách xử lý ánh sáng, đường nét, bố cục . . . lạ. Nghĩa

là hãy khoan nói đến cái đẹp thuần túy có tính chất nghệ thuật mà người xem tranh cần phải có một căn bản tối thiểu về hội họa để cảm thông với tác giả, chúng ta chỉ nói đến cái đề tài khỏa thân tôi đang thực hiện cho loạt tranh này. Tôi nghĩ rằng, khi thượng đế tạo ra muôn loài, muôn vật, chắc hẳn người nữ là "tác phẩm" toàn bích nhất của Ngài. Ngoài cái đẹp của thân xác, họ, những người nữ, là mẹ của nhân loại, chính từ người nữ, nhân loại đã được khai sinh, chính từ người nữ, chúng ta có những thánh nhân, những vĩ nhân, những thiên tài, những anh hùng kiệt xuất . . . Do đó, ca tụng người nữ, qua thân xác họ, há không phải là một việc làm cao đẹp hay sao. Huống chi, tự cấu trúc của thân xác người nữ đã có vô số những đường cong nét gãy mà cả đời một họa sĩ, chưa chắc đã khai thác hết. Nói nhỏ với ông, tôi mê đàn bà lắm. Đàn bà, dù thuộc loại "em là gái trời bắt xấu", hay thuộc loại "chằn ăn trăn quấn", với tôi, vẫn là những bí mật đầy sức quyến rũ. Bởi vậy, như ông thấy, tôi đã tìm cách thể hiện hình ảnh người nữ lên mặt bố với tất cả sự say mê của tôi, sự uyển chuyển mềm mại của họ, những phần kín của thân xác được cường điệu, thăng hoa để trở thành một thứ hoa thứ trái tươi mọng. Tại sao không, khi xem đó như những hoa những trái? Từ hoa, sinh ra trái, từ trái nẩy mầm ra cây, và từ cây sinh sản ra hoa . . . Cái vòng luân hồi nhiệm màu khởi đi từ thân xác người nữ. Phải chăng họ, những người nữ, là hình ảnh trọn vẹn và cụ thể nhất của thượng đế? Và như ông đã nhận ra ngay lúc mới bước vào chỗ làm việc của tôi, cách xử lý ánh sáng trong loạt tranh này không theo cái quy luật cổ điển, trường ốc nữa, mà tôi đã cố làm thế nào để tự thân những hình thể trên tranh phát ra ánh sáng, nhất là những trọng điểm của tranh. Tôi muốn tạo cho khách thưởng ngoạn cái cảm giác rằng thân xác người nữ chẳng khác chi một khối ngọc, tự nó sẽ tỏa sáng và chi phối toàn thể mặt bố.

Nhưng hình như những phần kín của thân thể ông vẽ . . . hơi bạo. Có cần thiết lắm không?

Tôi đã trình bày với ông ở trên, tôi xem những phần đó như hoa, như trái, tạo ra dòng chảy liên tục của đời sống. Nói tóm lại, tục hay không tục, dâm ô đồi trụy hay thánh thiện cao vời . . . tất cả đều nằm trong chủ quan của mỗi người thưởng ngoạn. Khi tâm đã đục thì nhìn đâu cũng thấy rác rến lều bều. Ngược lại, thăng hoa được cái tục, đẩy cái tục đến chỗ cao vời để thấy ra cái lẽ nhiệm màu của uyên nguyên trời đất. Đó mới là vấn đề cốt lõi. Nếu tôi không làm nổi điều đó thì lý do giản dị là tại vì tôi kém không chở nổi cái tâm mà thôi.

Ngoài một số những phê phán nghiêm khắc, chắc ông cũng nhận được những khích lệ chứ?

Vâng, cái này khiến tôi rất vui. Làm nghệ thuật, ở thời đại nào và ở bất cứ nơi nào cũng vậy, người nghệ sĩ luôn luôn phải đối đầu với những thua thiệt mất mát lớn, nhất là trên xứ Mỹ này, bao nhiêu cái lỉnh kỉnh của nhu cầu vật chất nó đòi hỏi, nó thúc hối, vậy mà cứ giam chân mãi ngoài cái hiên sau nhà với bố, với sơn cọ thì lấy gì giải quyết ổn thỏa những nhu cầu lỉnh kỉnh kia? Vật chất đã vậy, tinh thần còn bị "tra tấn" nữa thì có mà chết! Cũng may, một số anh em, khá đông, đã cho tôi những khích lệ ngọt ngào. Nhạc sĩ Lê Uyên Phương khi thấy tôi chữa lại một bức tranh mà một người anh em khác cho rằng không được vì . . . quá bạo, đã rất nghiêm khắc với tôi: "Tại sao? Anh yếu bóng vía quá, xóa mất cái màu đỏ kia đi, bức tranh mất hẳn sự sinh động. Anh hãy cứ việc vẽ như anh muốn, đừng có bị giao động bởi những lời ong tiếng ve chứ." Nhà văn Phạm Quốc Bảo: "Dĩ nhiên sẽ gây nhiều tai tiếng rồi đó, nhưng không sao, tôi ủng hộ hết mình." Vợ chồng họa sĩ Thái Lãng: "O.K., O.K., coi được đấy, không đến nỗi tệ đâu, làm tới đi." Nhà văn Hoàng Khởi Phong: "Tôi không rành lắm về hội họa, nhưng tôi chịu cái cách làm việc hết mình và độc lập của ông", và cười rất . . . trẻ thơ: "Lại phải chuẩn bị để viết bài bênh vực ông nữa rồi, cứ chơi khó anh em mãi." Nhà văn Mai Thảo: "Làm việc như thế là tốt, một nghệ sĩ mà không làm việc thì còn ra cái đếch gì." Thi sĩ Trầm Phục Khắc: "Chắc chắn là anh rách lắm phải không? Vậy để tôi mua trước cho anh một bức, trả ngay để có tiền mua bố chứ, phải không?" Thi sĩ Nguyễn Văn Hưng: "Em nhất định sẽ mua của anh một lúc, chưa biết bức nào nhưng vẫn cứ đưa trước anh tí tiền cơm để anh có phương tiện tiếp tục" . . .

Nhân tiện ở đây, tôi xin trân trọng gởi đến tất cả những anh em đã vì tôi mà có lời chê tiếng khen lòng biết ơn chân thành nhất. Chê, nhờ đó, tôi sẽ cẩn trọng hơn trong công việc. Khen, tôi có thêm nghị lực để vượt qua những khó khăn.

Ông còn điều gì muốn nói thêm với độc giả?

(Cười) Xin quý khách thưởng ngoạn muốn đến xem tranh tôi ở cuộc triển lãm, nhớ đừng mang theo các cháu dưới tuổi vị thành niên. K

T.K.21

CUỘC NỔI DẬY Ở THIÊN AN MÔN GỢI HỨNG CHO BETTE BAO LORD

"TRUNG QUỐC NHÌN DƯỚI NHIỀU GÓC ĐỘ"

VANN PHAN

Là phu nhân của đại sứ Hoa Kỳ tại Trung Quốc, nhà văn Bette Bao Lord từng đảm nhiệm vai trò cố vấn đặc biệt cho Hệ thống Truyền hình CBS tại Bắc Kinh trong suốt bảy tuần lễ sinh viên phát động cuộc tuyệt thực ôn hòa của họ tại Quảng trường Thiên An Môn hồi mùa Xuân năm rồi.

Chỉ bốn ngày sau khi bà Lord trở về Mỹ, Công trường Thiên An Môn đã vang dội tiếng súng tự động bắn xối xả vào hằng trăm nghìn dân chúng đang cùng tham gia vào đoàn biểu tình đòi dân chủ.

Cũng giống như hằng triệu người Mỹ khác từng theo dõi Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung quốc thảm sát thường dân trong hai ngày 3 và 4 tháng Sáu, bà Lord đã chứng kiến cuộc thảm sát này từ phòng thu hình của Hệ thống Truyền hình CBS tại Nữu Ước.

Bà Lord, sinh quán tại Thượng Hải, cho biết rằng giả dụ như bà vẫn còn lưu lại Bắc Kinh khi xảy ra cuộc tàn sát thì, theo lời bà, "tôi cũng chẳng làm được việc gì cả. Tôi đã từng bất lực trước những điều trông thấy trên đường phố rồi mà. Những người dân kia là một phần trong đời sống của tôi."

Rồi giữa những ngày tháng mà dư âm của tiếng súng còn đang vang dội thế giới, bà Lord bắt đầu viết quyển "Di sản của chúng ta: Trung Quốc nhìn dưới nhiều góc độ" (Legacies: A Chinese Mosaic). Những thiên ký sự giá trị dùng ngôi thứ nhất để kể chuyện về đời sống ở Trung Quốc từ 40 năm qua đã được một tay điểm sách của tạp chí "Time" mô tả là "một bức tranh tổng hợp linh hoạt và chấn động về những cuộc tranh đấu chính trị báo hiệu cho cuộc nổi dậy ở Quảng trường Thiên An Môn."

Bà Lord cho biết rằng "khi cuộc thảm sát xảy ra, tôi cảm thấy mình phải kể lại câu chuyện của họ để cho người ta không thể quên được những gì đã xảy ra tại quảng trường đó cũng như để nói ra những gì chứa chất trong lòng họ, mặc dù hiện nay Trung Quốc đang đành chịu câm nín — mục đích là để cho thấy trong thâm tâm dân chúng cảm nghĩ ra sao và tình cảm thật sự của họ là gì."

Trong một cuộc phỏng vấn qua điện thoại từ nhà của bà ở Nữu Ước nơi bà cùng chồng là Winston Lord hiện đang viết sách và diễn thuyết, bà Lord đã nói rõ bằng cách nào bà bắt đầu nghề cầm bút viết tùy theo hứng của mình.

Nhà văn Bette Bao Lord

"Tôi là một cây viết tình cờ, quý vị có thể cho là như thế, bởi vì tôi không nuôi hoài bão trở thành một nhà văn," đó là lời tuyên bố của bà Lord, 52 tuổi. "Và hễ mỗi lần tôi cầm bút thì đó chính là lúc mà câu chuyện tôi được nghe buộc tôi phải kể lại."

Bà Lord đã viết quyển sách đầu tay "Vầng trăng thứ tám"

(The Eighth Moon) vào năm 1964. Đây là một câu chuyện thật về cuộc đời của người em gái bà sinh ra và lớn lên tại TrungQuốc.

Năm 1946, khi mới lên tám, bà và song thân rời Thượng Hải để sang Mỹ. Ông thân sinh của bà, một công chức, đã được chính phủi gởi sang đây để mua đồ trang bị cho Trung Hoa. Bà Lord kể rằng họ đã để người em gái ở lại, lòng cứ nghĩ là họ sẽ lưu lại Mỹ chừng một vài năm thôi. Nhưng gia đình bà đã ở lại luôn ở Brooklyn, bà kể tiếp, "bởi vì phe cộng sản đã thắng cuộc nội chiến, và chúng tôi không muốn trở về nước."

Bà cho biết rằng câu chuyện về cuộc đời của người em gái bà ở Trung Quốc "bắt buộc phải kể ra" sau khi bà và người em gái đoàn tụ trở lại 17 năm sau đó.

Năm 1981, bà viết quyển "Trăng Xuân" (Spring Moon), quyển sách thứ hai và cũng là tiểu thuyết đầu tay của bà sau khi bà đã du lịch năm bảy bận sang Trung quốc trong những năm 1970. Quyển sách này, nói về nước Trung Hoa từ cuối thế kỷ 19 cho tới thập niên 1970, đã nằm trong danh sách các sách bán chạy nhất suốt 31 tuần lễ liền.

"Câu chuyện đó cũng bắt buộc phải kể ra, bởi vì tôi cảm thấy rằng nếu muốn hiểu được Trung Quốc ngày nay thì quý vị thật sự phải biết tới những gì đã xảy đến cho nước Trung Hoa trong quá khứ," bà nói vậy.

Quyển sách thứ ba của bà, "Năm Hợi và Jackie Robinson" (The Year of the Boar and Jackie Robinson), xuất bản năm 1984, là một truyện dành cho trẻ em về việc hội nhập vào đời sống Mỹ của một người mới di cư tên là Shirley Temple Wong.

"Câu chuyện này bắt buộc phải kể ra, bởi vì tôi cảm thấy có thật nhiều dân di cư tới đất Mỹ đã gặp trở ngại trong việc học tiếng Anh", bà Lord cho biết thế. "Đây là một sự thật được tiểu thuyết hóa về chính năm đầu tiên của tôi tại Hoa Kỳ."

"Di sản của chúng ta" (Legacies) thoát thai từ ba năm rưỡi bà sống tại Trung Quốc trong tư cách một vị phu nhân tai mắt của Đại sứ Mỹ.

Trong khi sống tại Bắc Kinh, bà Lord đã bắt đầu ghi âm những cuộc phỏng vấn dân chúng thuộc mọi ngành nghề trong xã hội — từ một nữ diễn viên cho tới một nhà báo, và từ một học giả cho tới một nông dân.

Vào thời gian trở về nhà tại Nữu Ước hôm 30 tháng Năm năm 1989, bà đã thu thập được 600 giờ phỏng vấn có thu băng.

Bà cho biết là bà đã có ý định dùng các băng ghi âm này "để tham khảo thi viết tiểu thuyết, và tôi cũng nghĩ rằng đây là một tài liệu có giá trị lịch sử lý thú. Tôi đã từng có ý định trao tặng các băng ghi âm này cho một thư viện lịch sử chuyên tàng trữ tài liệu bằng lời nói (oral history library)". Rồi bà cười, nói thêm: "Dĩ nhiên là các băng đó toàn bằng tiếng Trung Hoa. Tôi không biết có bao nhiêu người có thể dùng các băng đó."

Nhưng sau vụ thảm sát tại Quảng trường Thiên An Môn, bà đã bỏ ý định viết một quyển tiểu thuyết.

"Tôi quyết định phải viết về dân chúng ở nơi đó," bà nói vậy. "Tôi cảm thấy câu chuyện của họ bắt buộc phải nói ra, bởi vì tôi cho rằng người Mỹ chỉ thấy cái đám đông ở Quảng trường Thiên An Môn chứ không biết tới từng cá nhân với câu chuyện riêng của họ."

Betty Bao vẫn hy vọng về tương lai của nước Trung Hoa.

"Vâng, tôi hy vọng, bởi vì người ta vẫn chưa hề thỏa mãn được cái lý do vì sao mà dân chúng lại cảm thấy họ phải tiến ra quãng trường. Và kể từ một năm qua sau vụ thảm sát ở quảng trường đó, những cuộc đàn áp công khai chỉ làm tăng thêm mối hận thù và làm cho dân chúng xa lánh chính quyền hơn."

Đối trước các diễn tiến mới đây tại Đông Âu, bà Lord cho biết: "Tôi nghĩ đây chỉ là vấn đề thời gian trước khi các biến chuyển khởi sự từ quảng trường đó được kết thúc ở Trung Quốc."

Bà Lord so sánh guồng máy cai trị cộng sản ở Trung Quốc với một con tàu mà dân chúng chính là biển cả.

"Thời gian trước năm ngoái thì họ đã ủng hộ guồng máy đó," bà cho biết vậy. "Bây giờ tôi nghĩ rằng vì tâm tư của quần chúng đã bị kích động thì họ cũng thừa khả năng để lật nhào con tàu đó."

"Đây không phải là mục đích của những cuộc biểu tình hồi năm ngoái đâu. Những người biểu tình hồi đó ôn hòa và họ muốn sinh hoạt trong hệ thống chính trị nhà nước. Nhưng hễ chừng nào mà chế độ cộng sản còn tiếp tục coi những người chỉ trích họ là bọn quá khích thì mối hiểm nguy họ sẽ bị lật nhào vẫn còn đó."

Bà Bette Bao Lord, phu nhân đại sứ Hoa Kỳ, tác giả "Trung Quốc nhìn dưới dưới nhiều góc độ". K

VÀO CÕI THƠ XƯA

NGUYỄN GIA THIỀU (1741-1798)

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Trong nền văn học Việt Nam thế kỷ 18, hai nhà thơ lớn nhiều tài hoa, tính tình phóng dật nhưng lại nhiều dằn vặt trong nội tâm nhất: Phạm Thái và Nguyễn Gia Thiều.

Xuất thân từ dòng dõi trâm anh, cha là Nguyễn Gia Ngô, một võ quan được phong tước Đạt vũ hầu, mẹ là Công chúa Quỳnh Liên, con gái An đô vương Trịnh Cương, Nguyễn Gia Thiều, ngay từ nhỏ, được sống và học hành trong phủ chúa. Mười tám tuổi, Nguyễn Gia Thiều giữ chức Hiệu úy quản trung mã tả đội, bốn mươi mốt tuổi, Nguyễn Gia Thiều được chúa Trịnh phong tước Ôn Như Hầu: tước hiệu này trở thành tên gọi phổ biến nhất của ông.

Nguyễn Gia Thiều không những giỏi về thơ văn mà còn am hiểu nhiều ngành nghệ thuật khác nhau. Ông là một họa sĩ: bức tranh Tống sơn đồ của ông được nhiều người khen ngợi. Ông là một nhạc sĩ: nhiều bài ca của ông được lưu hành rộng rãi, đặc biệt hai bản Sở từ điệu và Sơn trung âm. Ông là một nhà kiến trúc: việc xây dựng chùa Thiên Tích năm 1780 và tất cả những việc trang hoàng trong phủ chúa đều do ông đảm trách. Dĩ nhiên, ông còn là người võ nghệ cao cường.

Thời gian làm Tổng binh Hưng Hóa, hình như có điều gì bất mãn với chúa Trịnh, Nguyễn Gia Thiều đâm ra bi quan và hay uống rượu. Ông chuyên chú vào việc nghiên cứu triết học Phật giáo. Lúc này, ông tự xưng là Hy Tôn Tử và Như Ý Thiền, lấy biệt hiệu là Tân Thi Viện Tử và Sơn Nhân.

Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt Trịnh, Nguyễn Gia Thiều trốn lên miền núi xứ Hưng Hóa. Năm 1789, Nguyễn Huệ lại kéo quân ra Bắc, đánh tan quân Thanh, lập nên triều đại mới, kêu gọi các nho sĩ Bắc Hà ra làm việc trở lại, nhưng Nguyễn Gia Thiều từ chối. Ông giả bệnh và giả điên, suốt ngày uống rượu say nhè. Mười năm sau, ngày 22 tháng Sáu năm 1798, ông mất, thọ 57 tuổi.

Tác phẩm của Nguyễn Gia Thiều, về chữ Hán, có *Ôn Như thi tập* nghe nói đến cả nghìn bài nhưng đều thất lạc hết; về chữ Nôm, có *Tây Hồ thi tập, Tú Trai thi tập* chỉ còn giữ được vài bài và một bản trường ca: *Cung Oán Ngâm Khúc*.

Nói đến Nguyễn Gia Thiều, người ta nghĩ

ngay đến *Cung Oán Ngâm Khúc*. Với tác phẩm này, ông trở thành một trong những tên tuổi kiệt hiệt nhất trong nền thơ Việt Nam.

Cung Oán Ngâm Khúc được viết theo thế song thất lục bát, dài 356 câu. Chỉ có một nhân vật: cung nữ. Chỉ nó một giọng điệu: độc thoại. Chỉ có một bút pháp: trữ tình. Cả khúc ngâm là một lời than ai oán triền miên của một người thiếu nữ cực kỳ tài sắc được sung vào cung vua, thoạt đầu được sủng ái sau dần dần bị lãng quên, phải sống quạnh quẽ trong cảnh *"đêm năm canh lần nương vách quế"*. Cô đơn và buồn não nề.

Về phương diện xây dựng tác phẩm, *Cung Oán Ngâm Khúc* mắc nhiều khuyết điểm nghiêm trọng. Thứ nhất là kết cấu không chặt: trên tổng số 356 câu thơ, Nguyễn Gia Thiều dành ra 87 câu, từ câu 45 đến câu 132, để triết luận, mạch thơ thành ra hẫng, cái thế của khúc ngâm thành ra chơi vơi. Thứ hai là việc trình bày tâm lý của người cung nữ có phần hơi giả tạo: những suy nghĩ về cuộc đời trong 87 câu triết luận vừa nhắc ở trên thật ra hoàn toàn không vừa tầm đối với một người con gái mới lớn. Ở phương diện này, rõ ràng không hoàn chỉnh bằng *Chinh Phụ Ngâm*.

...CÓ NGƯỜI PHÊ BÌNH HƠI VĂN CỦA NGUYỄN GIA THIỀU NẶNG NỀ, KIỂU CÁCH, LỐN NHỐN ĐIỂN CỐ VÀ CHỮ HÁN. LỜI PHÊ BÌNH ẤY KHÔNG PHẢI KHÔNG CÓ CĂN CỨ...

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Không khó khăn gì việc tìm kiếm nguyên nhân của hai khuyết điểm ấy: với Nguyễn Gia Thiều, số phận của người cung nữ chỉ là cái cớ. Để qua đó, ông gửi gấm tâm sự u uẩn của mình. Để qua đó, ông giải bày những dằn vặt, những nung nấu của mình về nhân sinh, về thế sự. *Cung Oán Ngâm Khúc*, khác với *Chinh Phụ Ngâm*, là một bản trường ca đầy tính chất luận đề.

Tính chất luận đề này sẽ là cơ sở phương pháp luận cho vấn đề nghiên cứu *Cung Oán Ngâm Khúc*: ở *Cung Oán Ngâm Khúc*, phần triết luận quan trọng hơn phần hình tượng. Cái gọi là "ý nghĩ quan của tác phẩm", nói theo ngôn ngữ của giới lý luận văn học cộng sản, ở đây, chỉ có vị trí thật khiêm tốn.

Nguyễn Gia Thiều là người bi quan. Trong lịch sử văn học Việt Nam, không ai đi đến tận cùng sự bi quan như ông. Dưới mắt Nguyễn Gia Thiều, cuộc đời hiện lên một cách âm u và buồn thảm vô vùng:

Mùi tục lụy lưới tê tân khổ
Đường thế đồ gót rổ khi khu
Sóng còn cửa bể nhấp nhô
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh.

Con người, trong cái cõi đau thương ấy, chỉ là bèo bọt:

Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ bèo dầu bến mê.

Tất cả đều được thiên định:

Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Tất cả đều là ảo mộng:

Giấc Nam Kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.

Và tất cả đều vô nghĩa:

Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.

Trên nguyên tắc, Nguyễn Gia Thiều cổ vũ cho lối sống thoát tục:

Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong
Đa mang chi nữa đèo bòng
Vui gì thế sự mà mong nhân tình
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một góc thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.

Tuy nhiên, Nguyễn Gia Thiều lại ý thức một quy luật khác của cuộc đời:

Kìa điểu thú là loài vạn vật
Dẫu vô tri cũng bắt đèo bồng
Có âm dương có vợ chồng
Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê

Âm dương, vợ chồng... hẳn chỉ là một trong muôn vàn những quy luật khác bắt con người không thể mãi mãi thoát ly nhân sinh. Trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, người cung nữ buông tay. Nguyễn Gia Thiều cũng buông tay:

Thôi thôi ngoảnh mặt làm thinh
Thử xem con tạo xoay vần nơi nao.

Người thiếu nữ trở thành cung nữ. Nguyễn Gia Thiều trở thành quan lại trong triều. Cả hai đều một thời tắm đẫm trong ơn mưa móc của vua, của chúa. Tưởng là ân phúc thật. Té ra là ảo ảnh. *"Bừng con mắt dậy thấy mình tay không"*. Nguyễn Gia Thiều chắc chắn không đến nỗi bị bạc đãi như người cung nữ thất sủng, song mối quan hệ giữa ông và chúa Trịnh có lẽ càng ngày càng bớt đằm thắm đủ để khiến ông ít nhiều cảm thấy cay đắng, phải tìm quên trong men rượu. Trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, có nhiều câu thơ nghe đến nhói lòng. Nỗi đau càng lúc càng cồn cào. Lúc đầu, người cung nữ thảng thốt, xót xa:

Nghĩ mình, mình lại thêm thương nỗi mình

Sau, tức tối:

Dang tay muốn dứt tơ hồng
Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra

Sau nữa, tuyệt vọng:

Nghĩ mình lại ngán cho mình
Cái hoa đã trót gieo cành biết sao

Cuối cùng, phẫn uất:

Chống tay ngồi ngẫm sự đời
Muốn kêu một tiếng cho dài kẻo căm

Tội nghiệp nhất là người cung nữ bỗng dưng đâm ra thèm thuồng từng chút hạnh phúc, dù nhỏ nhoi, trong lam lũ, giữa thôn dã, miễn là có thật:

Miếng cao lương phong lưu nhưng lợm
Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon
Cùng nhau một giấc hoàng môn
Lau nhau ríu rít cò con cũng tình.

Có điều, chỉ là ước mơ thoát qua. Người cung nữ lại trở về với giấc mộng được hạnh phúc trong phú quý, với những quyền uy:

Giấc chiêm bao những đêm xưa
Giọt mưa cửu hạn còn mơ đến rày.

Cho nên, *Cung Oán Ngâm Khúc* chập chùng những mâu thuẫn. Người cung nữ và có lẽ chính Nguyễn Gia Thiều nữa, dùng triết lý Phật giáo để giải thích những khổ đau của cuộc đời, nhưng dường như không coi đó là một biện pháp để giải thoát những đau khổ. Người cung nữ, và có lẽ chính Nguyễn Gia Thiều nữa, một mặt, ý thức rõ những giá trị của những niềm vui trong cuộc sống bình thường thanh đạm, nhưng mặt khác, lại không nguôi nuối tiếc cảnh giàu sang, xa hoa dưới ân huệ của triều đình. Người cung nữ, và có lẽ chinh Nguyễn Gia Thiều nữa, tư tưởng đậm màu bi quan, nhưng trong tận cùng tâm khảm, lại nung nấu mãnh liệt một niềm khao khát hạnh phúc.

Cái mới của Nguyễn Gia Thiều so với tất cả những nhà thơ trước ông, là, trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, hạnh phúc không được hiểu như một cái gì trừu tượng, siêu hình. Người cung nữ ở đây tìm kiếm hạnh phúc không những trong tình yêu nói chung, mà cả trong ân ái cụ thể. Được sáng tác trước *Truyện Kiều* của Nguyễn Du trên dưới nửa thế kỷ, *Cung Oán Ngâm Khúc* là tác phẩm văn học đầu tiên tại Việt Nam dậy lên mùi hương thơm tho của xác thịt:

Đệm hồng thúy thơm tho mùi xạ
Bóng bội hoàn lấp ló trăng thanh
Mây mưa mấy giọt chung tình
Đỉnh trầm hương khóa một cành mẫu đơn
Tiếng thánh thót cung đàn thúy dịch
Giọng nỉ non ngón dịch đan trì
Càng dàn, càng địch, càng mê
Càng gay gắt điệu, càng tê tái lòng
Mày ngài lấn mặt rồng lồ lộ
Sắp song song đôi lứa nhân quyền . . .

Nghệ thuật biểu hiện bằng cảm giác mà chính Nguyễn Gia Thiều là người khai phá đã được ông sử dụng triệt để. Nguyễn Gia Thiều mô tả tâm tình bằng những động tác. Những niềm vui, những nỗi buồn, sự oán giận của người cung nữ tự bộc lộ qua những hình ảnh, những đường nét thật cụ thể và giàu màu sắc. Trong thời điểm xuất hiện của nó, vào thế kỷ 18 *Cung Oán Ngâm Khúc* chứa đựng rất nhiều yếu tố táo bạo và mới mẻ, làm rạng vỡ không ít nguyên tắc thẩm mỹ cũ. Tả một mỹ nhân, Nguyễn Gia Thiều viết:

Tài sắc đã vang lừng trong nước
Bướm ong càng xao xác ngoài hiên
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn
Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng.

Tề Tuyên chính là vua Tuyên Vương nước Tề ngày xưa, người có câu nói bất hủ: "Quả nhân hữu tật, quả nhân hiếu sắc" nghĩa là: tôi có một tật xấu là hiếu sắc. Trong ngôn ngữ văn học, "bệnh Tề Tuyên" được hiểu theo nghĩa gần gần như là lòng dâm dục.

Ngòi bút của Nguyễn Gia Thiều không ngại ngần dùng lại cả những nơi những nhà thơ cùng thời phải giả tảng "thông qua":

Cái đêm hôm ấy đêm gì
Bóng dương lồng bóng đồ my chập trùng.

Một đặc điểm khác về nghệ thuật của *Cung Oán Ngâm Khúc:* Nguyễn Gia Thiều đã sử dụng, hơn nữa, tận dụng biện pháp đối ngẫu để tạo nên tính chất hô ứng, hài hòa trong tác phẩm. *Cung Oán Ngâm Khúc* trở thành một công trình kiến trúc tinh vi và chặt chẽ, ở đó, từng yếu tố, từng yếu tố được xếp đặt một cách đăng đối, thượng hạ tương thừa. Có thể nói, trong nền

văn học cổ điển Việt Nam, chưa có một tác phẩm nào được chạm khắc một cách kỳ khu đến như vậy.

Trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, hai câu thất thường đối với nhau: đối về từ loại, về thanh điệu:

Chìm đáy nước, cá lờ đờ lặn
Lửng da trời, nhạn ngẩn ngơ sa

Câu hát thường chia làm đôi, nửa này đối với nửa kia:

Tây Thi mất vía / Hằng Nga giật mình
Lửa cơ đốt ruột / dao hàn cắt da
Sơn hà cũng huyễn / côn trùng cũng hư.

Rồi hai khổ song thất lục bát lại đối với nhau:

Hình mộc thạch vàng kim ố cổ
Sắc cầm ngư ủ vũ ê phong
Tiêu điều nhân sự đã xong
Sơn hà cũng huyễn, công trùng cũng hư
Cầu Thệ Thủy ngồi trơ cổ độ
Quán Thu Phong đứng rũ tà huy
Phong trần đến cả sơn khê
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.

Ở cặp song thất đầu tiên, Nguyễn Gia Thiều còn sử dụng cả hình thức tiểu đối giữa hai nhóm từ: "vàng kim" đối với "ố cổ" và "ủ vũ" đối với "ê phong".

Nhưng đặc điểm nổi bật nhất của *Cung Oán Ngâm Khúc*, yếu tố quan trọng nhất làm nên giá trị của *Cung Oán Ngâm Khúc*, chủ yếu là ở phương diện ngôn ngữ. Ngôn ngữ trong *Cung Oán Ngâm Khúc* cực kỳ chải chuốt, điêu luyện, một trong những thành tựu toàn bích nhất của ngôn ngữ thi ca dân tộc. Nguyễn Gia Thiều làm thơ như một nhà điêu khắc: ngôn ngữ được chạm trổ hết sức tinh vi, nhiều lúc thành cầu kỳ, song lúc nào cũng rực rỡ, đầy âm vang. Dường như với Nguyễn Gia Thiều, mỗi chữ là một đắn đo, mỗi câu là một cân nhắc. Lý Văn Phúc từng nhận xét về nghệ thuật *Cung Oán Ngâm Khúc*: "Trăm nghìn lần điêu luyện, lời lời làm kinh người" (*thiên đoàn bách luyện, ngữ ngữ kinh nhân*).

Nguyễn Gia Thiều có khuynh hướng thích dùng những động từ mạnh, sắc, dữ dội. Nguyễn Gia Thiều sẽ không bao giờ viết "hoa tàn", "nhụy phai", ngòi bút ông sẽ cường điệu lên một chút, thành "*Để gầy bông thắm, để xơ nhụy vàng*". Khi người khác viết "phất phơ", Nguyễn Gia Thiều sẽ dùng chữ "tơi tả": "*Xiêm nghe nọ tả tơi trước gió*". Nguyễn Gia Thiều tả hành động trang điểm của người cung nữ: "*Nghiêng bình phấn mốc mà dồi má nheo*". Tập trung hơn cả là trong đoạn thơ sau đây:

Cuộc thành bại hầu cần mái tóc
Lớp cùng thông như đốt buồng gan
Bệnh trần đòi đoạn tâm can
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da
Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng nám mùi dâu
. . . . . .
Mùi tục lụy lưỡi lê tân khổ
Đường thế đồ gót rổ khi khu . . .

Mỗi động từ thường có một hai trạng từ kép đi kèm theo sau để tăng cường độ tượng hình và biểu cảm cho câu thơ. Với Nguyễn Gia Thiều, dế kêu phải là kêu "rỉ rả", quyên kêu phải là "kêu ra rả", cá lặn phải là "lờ đờ lặn", nhạn sa phải là "ngẩn ngơ sa", ngồi thì phải là "ngồi trơ", đứng phải là "đứng rũ", cười thì phải "cười gà ra gắt".

Sóng cồn cửa bể nhấp nhô
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh

Ngôn ngữ thơ Nguyễn Gia Thiều nhiều hình ảnh. Những tư tưởng siêu hình trở thành cụ thể, gần gũi, rất dễ tiếp nhận:

Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê
. . . . . .
Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Tất cả những đặc điểm trên, không phải có ở những nhà thơ khác, tuy nhiên, hầu như không ai sử dụng một cách đậm đặc và già giặn như Nguyễn Gia Thiều. Có người phê bình hơi văn Nguyễn Gia Thiều nặng nề, kiểu cách, lổn nhổn điển cố và chữ Hán. Lời phê bình ấy không phải không có căn cứ. Nó là nguyên nhân chính gây ra tình trạng ít được phổ biến của *Cung Oán Ngâm Khúc* so với *Chinh Phụ Ngâm* hay *Truyện Kiều*. Dù vậy, sẽ là hành động ngây thơ nếu từ đó, phủ nhận vẻ đẹp huy hoàng và đài các của khúc ngâm này. Cống hiến của *Cung Oán Ngâm Khúc* đối với lịch sử văn học Việt Nam không phải nhỏ. Thứ nhất, cùng với bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* hiện hành, *Cung Oán Ngâm Khúc* là một mẫu mực hoàn chỉnh nhất của một thể thơ: thể song thất lục bát. Thứ hai, *Cung Oán Ngâm Khúc* là tác phẩm hiếm hoi thể hiện được tư tưởng Phật giáo bằng một ngôn ngữ thơ ca đầy nghệ thuật và đầy rung cảm. Thứ ba, cùng với nhiều tác phẩm khác của Đặng Trần Côn, của Nguyễn Du, của Hồ Xuân Hương, của Phạm Thái . . . *Cung Oán Ngâm Khúc* là một trong những đỉnh cao nhất của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa trong nền văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19. ■

NGUYỄN HƯNG QUỐC

VIẾT, ĐỌC VÀ PHÊ BÌNH

THỤY KHUÊ

Một tác phẩm văn chương, vừa hoàn thành, tác giả mới đi được nửa đường: tác phẩm chỉ bắt đầu "sống" khi độc giả đầu tiên đọc xong trang cuối quyển sách . . . thế giới thứ nhì mở ra: mỗi lần một người mở tác phẩm, là một lần tác phẩm lại được "sống", với những mảnh đời muôn mặt khác nhau, tùy môi trường, tùy hoàn cảnh, tùy hiện trạng nội tâm, tùy cảm xúc . . . của người đọc mà tác phẩm được "thể hiện" mỗi lần: người đọc đưa tác phẩm thực thụ vào đời.

Cho nên, từ lâu ý niệm người đọc cũng sáng tác" không xa sự thật. Nói một cách khác: người đọc là cộng sự viên, là chất xúc tác, là nguồn cảm hứng của tác giả. Không có người đọc, chắn chắn không có văn chương. Và trong một môi trường người đọc không được tự do phán đoán, hoặc phán đoán với đầy thành kiến: văn chương không còn giá trị.

"Không thể viết cho một công chúng đầy thành kiến có sẵn. Nghệ thuật là hình thức cao nhất trong cách tiêu thụ thuần túy (consommation pure). Nghệ thuật không giảng dậy gì hết, không phản ảnh một chủ thuyết nào và nhất là không bao giờ là nhà luân lý: trước Gide, đã bao nhiêu người viết "với những tình cảm hay, người ta làm một thứ văn chương dở."

(Qu'est-ce que la littérature, Sartre)

Người đọc cũng cần tự do như tác giả, đương nhiên ngoài những thứ tự do thông thường theo nghĩa hẹp như tự do đi lại, tự do tư tưởng . . . mà còn cần cả tự do theo nghĩa rộng: tự do trong chính nội tâm mình.

Nghệ sĩ sáng tác, người đọc hoàn thành tác

phẩm: qua lương tâm và rung cảm của người đọc: nghệ sĩ nắm được thực chất tác phẩm của mình. Người viết không bao giờ "đọc" tác phẩm của mình như một độc giả, vì tác giả chỉ tìm thấy ở tác phẩm những điều mình đã biết rồi: kiến thức của mình, nghị lực của mình, những khó khăn, sơ hở, chỗ kém cỏi của mình. Tóm lại, người viết tìm thấy trong tác phẩm: chính mình và sự chủ quan của mình. Người viết chỉ có thể "thích" nhưng không bao giờ "rung cảm" hay "hưởng thụ" tác phẩm của mình.

Người đọc đem đến cho tác phẩm cái giá trị khách quan của nó: Sartre gọi đọc sách là sáng tác có định hướng (création dirigée). Viết là kêu gọi sự tự do của độc giả, để họ cộng tác với tác giả trong việc hoàn thành tác phẩm. Sách không phải là phương tiện để đạt tới một cứu cánh nào đó. Sách lấy tự do của độc giả làm cứu cánh. (Qu'est-ce que la littérature).

Muốn tìm ra cái giá trị khách quan của một tác phẩm, người đọc không những cần tự do, mà còn phải vận dụng khả năng suy tưởng: giá trị nghệ thuật vĩnh cửu của Kim Vân Kiều cũng như hồn thơ mãnh liệt, dào dạt như dòng cuồng lưu trong Hàn Mặc Tử, cuồn cuộn những đam mê, bệnh não, thương đau và dục lạc . . . không phải ngẫu nhiên mà thấy. Ngoài mối rung cảm tự nhiên, người đọc còn phải tra vấn mình, tìm hiểu tác giả, đi sâu vào chữ nghĩa, mới tìm thấy những khía cạnh không cùng của vũ trụ văn chương.

"Yêu một tác phẩm nghệ thuật giống như yêu một người đàn bà ở điểm là mỗi lần yêu chúng ta khám phá ở người tình một trinh tiết mới. Yêu một tác phẩm là sáng tạo một trinh tiết mới cho tác phẩm.

Một người không thể đọc được một tác phẩm hai lần, cũng như không thể tắm hai lần ở một dòng nước như lời một triết nhân Hy Lạp. Vì ở cuối dự định trở về một tác phẩm, người đọc sẽ bắt gặp một tác phẩm khác: tác phẩm tự nó đã thay đổi ý nghĩa với thời đại, và người đọc tự họ *cũng đã thay đổi nhãn quan với thời gian. Niềm vui phóng khoáng mỗi lần khám phá như thế chính là yếu tính của nghệ thuật trong tác phẩm và khả năng lãnh hội nghệ thuật trong độc giả.*

Yêu một tác phẩm và yêu một người đàn bà khác nhau ở chỗ đó. Từ đấy sinh ra một hiệu ứng khác: Yêu một người là muốn người ấy thuộc về mình, yêu một tác phẩm là muốn chia sẻ tác phẩm ấy với người khác.

Chúng ta yêu Thúy Kiều, và Kim Trọng yêu Thúy Kiều bằng hai mối tình không giống nhau."

(Đặng Tiến, *Vũ Trụ Thơ*, trang 9-10, Giao Điểm xuất bản)

Tình yêu đến với con người bằng cảm xúc, đôi khi ngẫu nhiên, trời định . . .

Tình yêu đến với tác phẩm, cũng qua cảm xúc, nhưng không ngẫu nhiên, thường có lý do, lý trí và nhiều khi cả lý luận . . . nhúng vào.

Tình yêu đối với tác phẩm không bao giờ ích kỷ, là thứ tình yêu chia sẻ, là thứ tình yêu càng cho càng đầy.

Nhưng tình yêu đối với tác phẩm đôi khi không tự nhiên bột phát, còn phải có chất xúc tác, có động lực thúc đẩy, có người mở cửa dẫn vào.

Động lực ấy, chất xúc tác ấy, người mở cửa ấy, sự trung gian ấy là nhà phê bình.

Mối tương quan giữa người đọc và tác phẩm tuy gần gụi mà không hiển nhiên.

Có thể tôi ưa *"Hồn bướm mơ tiên"* nhưng tôi không biết tại sao ưa? Vũ Ngọc Phan đã chỉ cho tôi những đoạn hay, giải thích tại sao hay? Tại sao tôi cảm.

Có thể tôi yêu thơ Huy Cận. Nhưng tôi không hiểu nỗi sầu Huy Cận. Hoài Thanh đã mở cửa cho tôi vào với nỗi sầu mênh mang, cho tôi ngụp lặn trong *sóng cuộn tràng giang buồn điệp điệp.*

*

* *

2. Nửa thế kỷ trước, Vũ Ngọc Phan nhận định vai trò của nhà phê bình: phê bình là nói lên cái hay của một tác phẩm, giải thích tại sao hay và cũng nói lên cái dở của tác phẩm, giải thích tại sao dở. Hướng dẫn người đọc, để người đọc có một ý niệm đứng đắn về tác phẩm.

Hoài Thanh muốn bỏ chữ phê, giữ lại chữ bình. Chỉ muốn nói lên cái hay, không muốn nói đến cái dở, và nếu có nêu lên cái dở, cũng chỉ để làm bật cái hay.

Quan niệm của Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh và các nhà phê bình cổ điển, tới nay tuy đã xa, nhưng không lỗi thời, vẫn giữ phần chủ yếu, và những ý niệm mới về phê bình, đến sau, mở rộng thêm, đi sâu thêm, đưa phê bình vào những nẻo đường khác của văn hóa: triết học và ngôn ngữ học.

Sartre ví nhà phê bình như người gác dan, trông coi nghĩa địa: nghĩa địa hay tủ sách không khác gì nhau: đều là nơi yên giấc ngàn thu của những người đã khuất. Người đời, thỉnh thoảng viếng lại người xưa, nhờ những sách của người đi sau viết về người đi trước, tuy tất cả đều đã vĩnh viễn ra đi. Nhưng cứ luân chuyển hồi sinh

Hai đoạn thơ còn nhớ từ một giấc mơ

PHẠM QUỐC BẢO

1.— Lúc ta đi
tiếng cười rền pháo nổ
để khi về
nụ sầu chín đỏ

Thương cho những đợt sóng vỡ
chập chùng
đưa nhiệt tình ta
từ tít ngọn trường giang
mất hút về biển cả
bao la

2.— Lúc ta đi
tình vương gót tương phùng
để khi về
đập vỡ ảnh trong gương

Thương cho những đóa dọc đường
ta như ăn cháo lú
bao kỷ niệm
sôi nổi thời quá vãng
trôi tuột vào lãng quên đời.

2 giờ sáng
13 tháng Năm, 90

như thế, từ thế hệ này qua thế hệ khác: Mãi mãi, nhà phê bình giữ nhiệm vụ trung gian: nối liền cõi sống với phía bên kia . . .

Hiện thực hơn, Barthes xem nhà phê bình như một nhà văn, nhưng khác nhà văn ở chỗ: họ không đòi quyền có một "lối nhìn", một "cách viết" mà họ đòi hỏi quyền phát biểu gián tiếp. (Roland Barthes, Essais critiques)

Qua tác phẩm, nhà phê bình, dù khen, hay chê, cũng gián tiếp phô bầy nhân sinh quan của mình, đôi khi niềm tâm sự, nỗi rung động, đôi khi chính bản thân mình. Nhìn như thế nhà phê bình gần gụi nhà văn lắm.

Mở rộng chân trời luôn: nhà phê bình theo quan niệm mới từ chối sự lựa chọn một con đường duy nhất để tìm thấy sự thật trong tác phẩm.

Chúng ta có ảo tưởng mỗi tác phẩm chỉ có một cách hiểu, một cách nhìn đúng đắn.

Dường như không. Sự thật không đơn giản thế.

Vẫn biết nhà văn khi viết, họ đã có mục đích rõ rệt. Nhưng khi tác phẩm hoàn tất, được đọc, được sống, nó đã vượt ra ngoài tầm tay của tác giả, và chính tác giả cũng không kiểm soát được giới hạn ảnh hưởng tác phẩm mình tạo ra. Nói theo Blanchot "tác giả bị xô đẩy vào một cuộc thử thách vượt quá sức mình."

Tuy nhiên, tác phẩm không bao giờ "nói lung tung" vì một lẽ dễ hiểu là người viết có chủ đích "viết về một vấn đề gì." Do đó, nhà phê bình phải tìm ra những lối đi gần nhất đến tác phẩm, hoặc mở những cửa ngõ đặc biệt nhất, dẫn người đọc đi vào tác phẩm.

Tôi vẫn đọc thơ Bà Huyện Thanh Quan, nhưng chưa bao giờ cảm thấy thơ bà có *một mùi da thịt đàn bà nồng nàn nhưng mát dịu lẩn quất bên tôi và ôm lấy giấc ngủ của tôi; tôi có mơ thấy mình đi qua cảnh Đèo Ngang, thăm đống gạch vụn hoang tàn thành Thăng Long, thăm chùa Trấn Bắc, thỉnh thoảng đi với một người đàn bà, thường thường là với những người đàn bà ban ngày tôi hằng mơ ước"* như Đặng Tiến, trong Vũ Trụ Thơ cái màu sắc lãng mạn, nồng nàn, đặc biệt ấy, nhà phê bình đã đem lại cho thơ, cho Thanh Quan thêm một đời sống thứ nhì, tưởng như ảo giác, mà không, dường như thật. Đặng Tiến ướp vào người đọc thêm phần khắc khoải, cô đơn, trống vắng của mình.

Tôi đọc *Ngựa nản chân bon* của Nguyễn Mộng Giác, tìm thấy trong nhiều nhân vật nỗi khổ, niềm đau, luân lưu, trăn trở, không lối thoát, như chính tâm trạng tôi, những người bao năm quẩn quại trong sự xâu xé của quê

hương, chia lìa của đất nước, nhưng Võ Phiến đã cho tôi biết thêm, ngoài những thứ ấy, còn có cái *thàng hậu* của miền Bình Định. Cái *thàng hậu* ấy ở Nguyễn Mộng Giác, hay chính tâm tư Võ Phiến gói trọn vào trong? Chúng ta giầu thêm về chữ nghĩa, giầu thêm về tình cảm, và tính chất con người.

Do đó, viết *tựa* và *bạt* cũng là hình thức viết phê bình, nặng về bình, nhẹ về phê.

Tại sao cần viết tựa và viết bạt?

— Thường thường nhà văn mới ra lò, muốn nhờ một bậc đàn anh, giới thiệu tác phẩm mình, hy vọng tác phẩm sẽ được nhiều người chú ý. Như Sartre viết cho Nathalie Sarraute, Võ Phiến viết cho Mai Kim Ngọc, Phan thị Trọng Tuyến . . . Nguyễn Mộng Giác viết cho Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Đình Nghiêm . . .

— Đôi khi tác giả muốn sự hiện diện của một nhà văn giá trị đi trước trong tác phẩm mình như một dấu vết kỷ niệm, hay một tín hiệu của cảm tình và đồng điệu: Nguyễn Hiến Lê viết cho Võ Phiến, Võ Phiến viết cho Nguyễn Mộng Giác.

— Cũng có khi chính nhà văn viết tựa cho mình để giải thích, phân trần những gì sẽ trình bầy trong tác phẩm: nhất là những sách biên khảo hoặc những tác phẩm có thể va chạm với thực tại cuộc đời.

Cách nào đi nữa, tựa hay bạt cũng là một hình thức phê bình: giới thiệu tác phẩm, mở rộng tác phẩm, đưa đường cho người đọc đi vào tác phẩm hoặc tìm hiểu tác phẩm cặn kẽ, sâu xa hơn . . .

Nhưng tựa và bạt chỉ là một hình thức phê bình rất chủ quan: người viết tựa vì một lẽ dễ hiểu không thể nêu lên cái "dở" của tác phẩm. Có đôi khi tác phẩm "dở" cũng phải tìm ra chỗ "hay."

Do đó, tựa và bạt chỉ có một giá trị tương đối trong lãnh vực phê bình. Không thể hoàn toàn khách quan, tựa và bạt là lối phê bình nặng về tình, nhẹ về lý.

Nền văn học nào cũng có nhiều người viết tựa và bạt. Nhưng viết chuyên về phê bình, nước ta, cho đến nay, vẫn hiếm.

Nửa thế kỷ trước, Vũ Ngọc Phan đã ngậm ngùi: văn học nước ta thiếu người phê bình.

Nhưng gia sản Vũ Ngọc Phan để lại cho thời kỳ văn học trước 45, đến nay, chưa ai thay thế được.

Gia sản ấy, tuy quý giá vô ngần, nhưng cũng chỉ là công việc của một người, một đường lối, một cách nhìn.

Văn chương cần nhiều đường lối, cần nhiều cặp mắt tinh tế, hướng dẫn cũng có và cần sự đa dạng cũng có.

Văn chương không có phê bình cũng như vườn cây cứ mọc, cứ vươn lên, cây mạnh đè cây yếu, cho dù cây yếu là loài kỳ hoa dị thảo, và cây mạnh chỉ là thứ cỏ dại hoang đường.

Cho nên, Võ Phiến trước khi vào tập *Văn học miền Nam* cũng đã hoang mang lo lắng:

"Cả một thế hệ văn học không có phê bình, toàn bộ thành tích văn nghệ phản ảnh những cảm nghĩ băn khoăn, những buồn vui khóc cười của hai mươi triệu đồng bào trong suốt thời gian hai mươi năm rồi lây lất phôi pha với năm tháng, chẳng ai màng xét đến, tìm hiểu đến. Buồn biết mấy!"

(Võ Phiến, *Văn học miền Nam*, trang 19)
Văn nghệ xuất bản

Tuy Võ Phiến có nhắc đến sự hiện diện của Đặng Tiến, cây bút phê bình xuất sắc của miền Nam, nhưng Đặng Tiến viết ít, ông lại không ở trong nước, và nhất là Đặng Tiến không chịu nhận công việc theo dõi, tìm tòi thời kỳ văn học miền Nam 54-75. (Sau này tôi được biết Đặng Tiến không có thì giờ và không đủ sức khỏe) nên Võ Phiến phải xông vào, mặc dù ông đã giao hẹn:

"Trước hết mình không phải là một nhà phê bình nhà biên khảo gì ráo mà tự dưng xông ra làm công việc biên khảo phê bình là chuyện không nên"

(Văn học miền Nam, trang 15)

Chuyện chẳng đặng đừng . Nước mình có biết bao nhiêu chuyện chẳng đặng đừng như thế.

Võ Phiến cố làm công việc miễn cưỡng ấy, là muốn để lại cho mảnh đất sức mẻ của quê hương, chỗ lành, chỗ rách, chỗ đau thương, tan nát, một gia sản tinh thần: ít nhất một nửa mảnh trời văn học phía dưới, tay không lành lặn, nhưng quang đảng, chưa pha trộn hai mầu: giáo điều và cưỡng bách.

Mai đây, muốn hàn gắn nốt: chẳng biết ai kia, sẽ tiếp tay Võ Phiến, gột rửa mảnh trên, vá hai làm một.

Công việc ấy, chúng ta nhờ cậy những nhà phê bình đang đến và sẽ đến cho thế hệ tương lai: thế hệ không có văn chương hải ngoại, không có văn chương trong nước, chỉ còn có một: văn chương Việt Nam.

Ngày ấy còn xa hay sẽ rất gần?

Yên cô, tháng Giêng, 1990.
THỤY KHUÊ

RỒNG RẮN: BẢN LUÂN VŨ NGÔN NGỮ/ TÍNH MỆNH/QUÊ HƯƠNG

ĐÀO TRUNG ĐẠO

"Hành vi viết, vào lúc khởi đầu, được gắn liền với kinh nghiệm về sự biệt tích, với cái cảm thức đã đánh mất chiếc chìa khóa mở vào thế giới, đã ném mất chiếc chìa khóa đó rồi."

Hélène Cixous

Rồng Rắn của Lê Thị Huệ là một luân vũ tính mệnh mở ra những ngả đường vào một quê hương biệt tích. Quyển sách gồm những *khâu chuyện* nối vào nhau linh động uyển chuyển như trò chơi rồng rắn, một nhịp luân vũ đuổi / bắt: rồng rắn / thầy thuốc, con người / lịch sử, tình yêu / sự chết, ở lại / ra đi, ánh sáng / bóng tối, trong / ngoài được phóng xa nhằm lấp đầy khoảng cách chia lìa như *"Qua ngấn lệ mờ ảo, người thiếu nữ nhìn về hướng song cửa hiên nhà."* (RR.273) cũng tương tự như hoàn cảnh nàng Scheherazade gắn liền tính mệnh mình với sự mở đầu những câu chuyện, trước hết là chuyện mình. Bản luân vũ chuyện kể cũng là nhịp điệu của một trò chơi đuổi bắt được phóng xa nhằm trì hoãn một kết thúc tính mệnh. Ai cũng hiểu là câu chuyện rồi cũng phải kết thúc, cuốn sách sẽ được gấp lại, niềm ước mơ như một mất mát phong kín, ngôn ngữ rơi vào niềm im lặng biệt tích.

Chúng ta hãy hình dung ra trò chơi Rồng Rắn, một trò chơi mang ẩn dụ phóng chiếu thực tại tính mệnh quê hương: rồng rắn là một tập thể liền lạc tối thiểu gồm ba đơn vị đầu - mình - đuôi. Đây là một trò chơi khá phổ thông của trẻ em ở quê nhà. Em bé làm đầu thường là một em khá thông minh nhanh nhẹn. Em bé làm đuôi út ít thật đấy nhưng vai trò lại là định đoạt nhịp luân vũ đuổi bắt. Ở giữa có thể là một hay một số em bé luôn luôn chịu đựng sự quằn quại của đầu của đuôi. Những em bé ở khúc giữa khúc đuôi níu áo em đứng trước — sự níu áo tính mệnh — : các em là rồng rắn *từ đất lên trời* đi tìm thầy thuốc xin thuốc cho con. Đã tìm thì không thể không gặp. Nhưng thầy thuốc và rồng rắn đều có mỗi bên một định ý khác nhau: rồng rắn muốn có thuốc và thầy thuốc muốn một đánh đổi (lấy đầu lấy giữa lấy đuôi). Dĩ nhiên là rồng rắn phải từ chối bất kỳ một sự đổi chác nào với thầy thuốc. Từ chối bằng phơi lộ bản chất của đầu của giữa của đuôi. Sau từ chối là thách đố đuổi bắt, đuổi bắt tận cùng.

Hình tượng Rồng Rắn rất dễ làm liên tưởng tới hình thể Việt Nam: Đầu-Giữa-Đuôi / Bắc-Trung-Nam. Thuốc (Pharmakon, chữ dùng như Derrida): thuốc thang, thuốc giải bệnh, giải cứu, giải thoát, giải pháp, thuốc độc. Sinh mệnh gắn liền với đi tìm một giải cứu, đi tìm Pharmakon. Có được không? Câu trả lời nằm trong bản luân vũ lịch sử.

Người đọc chú ý tới định ý của Lê Thị Huệ trong việc mở rộng những giới hạn của thể loại tiểu thuyết trong tiểu đề *chuyện dài* ở phía dưới Rồng Rắn. *Chuyện* chứ không là *truyện, chuyện dài* chứ không là *truyện dài.* Ta thường dùng nói chuyện, thuật chuyện nhưng lại nói truyện Kiều, truyện Phạm Công Cúc Hoa, truyện Phan Trần, truyện Trầu Cau. Vậy chuyện là động từ, là động tác, diễn tác. Và truyện là danh từ, gắn thêm một tính từ như ngắn, dài thì ta có truyện ngắn, truyện dài. Nhưng đó chỉ là một phân biệt trên từ nghĩa. Đặt sự phân biệt đó trong khung cảnh môn kể chuyện (narratology) sự phân biệt lại có một tầm quan trọng khác. Tiểu thuyết được xây dựng bằng kỹ thuật kể chuyện (narrative): "Chữ kể chuyện nhằm chỉ tất cả những văn phẩm nào có hai đặc tính để phân biệt là: sự có mặt một câu chuyện và một người kể" (R. Scholes & R. Kellogy, The Nature of Narrative, 4). Lịch sử của tiểu thuyết là lịch sử những đổi mới cách kể chuyện. Đấy là những cơ may cho sự thành công đầy cẩn trọng hoặc sự thất bại rất rực rỡ như nhận xét của William Faulkner. Khi dùng chữ chuyện dài thay vì truyện dài Lê Thị Huệ muốn đi tìm một cơ may (thành công cẩn trọng hay thất bại rực rỡ?) cho tiểu thuyết của ta. Về thể loại tiểu thuyết của ta kể từ truyện Kiều đến những tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn và những nhà văn độc lập thời 1930-1945 rồi đến những tác phẩm tiểu thuyết của cả hai miền Nam Bắc giai đoạn 1955-1975 và hiện nay nói chung không thấy có những đổi mới triệt để như ở tiểu thuyết Tây phương, nhất là tiểu thuyết hôm nay. Những nỗ lực làm mới văn chương tuy đã có nhưng chủ yếu chỉ quan tâm về viết văn — chỉ là một trong những yếu tố quan trọng của tiểu thuyết — hoặc không khí tiểu thuyết, tâm lý nhân vật nhưng *chưa thấy* sự đổi mới về quan điểm và kỹ thuật tiểu thuyết. Quan điểm (huyền thoại - nhận thức - hữu thể) và kỹ thuật gắn liền với nhau, không thể tách rời. Cũng vì những tiểu thuyết của ta không có những đổi mới quan trọng nên người đọc vẫn quen với những *lối mòn của tiểu thuyết cổ điển* và đó cũng là một trở ngại lớn lao cho những ý định đổi mới. Không gian văn chương tiểu thuyết của ta quả thực chật hẹp ở cả người viết lẫn người đọc. Cho đến hôm nay những thí nghiệm đổi mới vẫn thường nhận được những phản ứng rất tiêu cực từ phía người đọc. Từ một nhận định khái quát trên chúng ta thấy định ý đi tìm một cơ may cho tiểu thuyết của ta nơi Lê Thị Huệ là một cố gắng rực rỡ, một lên đường chấp nhận sự khắc nghiệt của văn chương.

*

* *

Bản viết Rồng Rắn ghi lại những kinh nghiệm, những đời sống một thời ở trong một quê hương nay đã biệt tích, kỷ niệm kẻ mất người còn. Những kinh nghiệm những đời sống đó phơi mở những tầng cấp thực tại đan kết và liên tục nhưng hiện đã nằm trong đáy thẳm ký ức đang chờ đợi được ngôn ngữ làm sống lại trong bản chất khai mạc luân vũ ngôn ngữ / tính mệnh / quê hương.

Rồng Rắn bắt đầu với khâu chuyện "Ngày giỗ đầu", là sinh hoạt của những nhân vật nằm trên cái nền của *một sự vắng mặt.* Bối cảnh xuất phát của những người những chuyện là Hội An, *"thành phố bé nhỏ có những tiếng guốc kêu leng keng ngoài hè phố mà trong nhà đã nghe"* (RR, 9) Hội An như chiếc đũa thần ma quái:

H - O - I - A - N / H - A - N - O - I /

"Hội An từng được khách phương xa âu yếm gọi là một Hà Nội thu nhỏ . . ." (RR, 9)

— Hồn Ai — (Ngày Giỗ Đầu).

Rồng Rắn là tiểu thuyết dựng trong khung hình vắng bóng người đàn ông . . . (Vậy) viết tiểu thuyết có bề dày lịch sử là tái tạo hình thể lịch sử, làm quá khứ thành hiện tại bằng ngôn ngữ văn chương mới ...

Từ tên một thành phố nhỏ bé với năm mẫu tự H, O, I, A, N ta có thể có nhiều thứ: Hà Nội, Hồn Ai, Nhớ Ai, A(i)nh ơi, Nói: Hả?, Hàn-oi: *"Giòng sông ở cuối phố thổi lên những con gió làm mát dịu cơn nắng hè . . ."* . . .

Vậy thì tên một thành phố là của cải đầu tiên qua đó ta nghe thấy niềm bí mật nhiệm màu của ngôn ngữ mở vào những thế giới những cuộc đời. Nay ta đã mất đi Hội An, Hội An đã bị vùi lấp trong tro bụi vĩnh cửu của ký ức. Ta đã không thể trở về với Hội An, nhưng ta có thể tái tạo Hội An bằng hành vi *viết.* Hội An đã trở thành bản viết và sự vắng mặt của một người cha đã khuất là một cánh cửa ma thuật mở vào thế giới: Ngôn ngữ trở thành quê hương. Quê hương đó là địa ngục và cũng là thiên đường. Thiên đường như tình yêu huynh đệ "yêu

thương sống cùng nhau", như tình bạn níu áo của tuổi thơ học trò và địa ngục như những chia lìa, như nỗi thống hận của người con gái tuổi Dần tên Oanh một thời chống trả với nỗi ám ảnh khắc nghiệt về sắc đẹp nữ giới như một nghiệp chướng nặng nề, một địa ngục chiến tranh dai dẳng và khốc liệt.

Rồng Rắn là tiểu thuyết dựng trong khung hình vắng bóng người đàn ông. Từ Thạch (chồng của Xuân Hòa), Luận (bạn Thạch), đến Quảng và Hương (con của Hòa và Thạch). Những người đàn ông còn ở lại như Phương, David, cha của Liễu, cha của Bích Chi, Quý (chồng Liễu), Lợi (bạn Phương), Châu (chồng Thanh) . . . tuy có đấy nhưng sự có mặt của họ chìm vào khoảng trống rỗng của đời sống bị cắt đứt bằng những tiếng động gần xa của chiến tranh. Đây là một *topos* cổ điển tìm thấy ở Chinh Phụ Ngâm Khúc, Cuốn Theo Chiều Gió (Margaret Michelle), Con Đường Đau Khổ (Alexis Tolstoi) v.v. Khung hình vắng mặt người đàn ông vây bủa nỗi ám ảnh hụt hẫng của tình yêu *dong đưa tính mệnh*. Có mặt / Vắng mặt, Ánh sáng / Bóng tối, Trong / Ngoài được nối kết bằng bản viết bằng chữ nghĩa trong Rồng Rắn. Khung hình này cũng có thể khái quát trên những mặt khác như Cộng sản = Bóng tối, Vắng mặt; những hành động khốc liệt của Oanh (Ngoài) và nỗi thống hận về sắc đẹp của Oanh (Trong), Tình yêu của Phương đối với Bích Chi và giấc mơ Từ Thức ở kịch bản của chàng (Trong) đối với hành vi cưới Cẩm Sa của chàng (Ngoài). Bản viết Rồng Rắn nỗ lực vượt qua giới hạn trong-ngoài đó, một giới hạn đã đóng khung cuộc chiến tranh oan nghiệt dai dẳng là cuộc nội chiến 55-75 rõ nét và 45-55 mập mờ. Bằng hành vi viết từ những *xốc nổi tận cùng của đời sống* thực chất lịch sử mới được tái tạo qua những dấu chỉ của thực tại vốn bị che đậy bằng thứ ngôn ngữ băng hoại của chính trị: đó là một cuộc nội chiến vô nghĩa và tàn bạo nhất trong lịch sử Việt Nam.

*
* *

Ý định dùng ngôn ngữ tiểu thuyết nhằm phát lộ sự thực lịch sử trong tác phẩm của Lê Thị Huệ là một trong những cái mới của tiểu thuyết hậu hiện đại (postmodernist fiction): Robert Coover với *Public Burning*, Gabriel García Marquéz trong *One Hundred Year of Solitude*, Salman Rushdie với *Midnight Children* và *Satanic Verses* v.v. Ý định văn chương này trước hết là một chống lại sự khẳng định chân lý lịch sử là một và được diễn tả trong sử học. Heyden White trong những khảo cứu công phu và có giá trị thuyết phục đã chỉ ra cho thấy bản văn sử đã lấy lại cấu thức bố cục và diễn đạt từ văn chương để tái tạo những thời đại lịch sử, để viết sử. Vậy bản văn lịch sử chưa hẳn là bản văn duy nhất nói lên sự thực lịch sử. Nếu có một sự thực lịch sử thì sự thực đó là cái *chưa biết*. Nhất là trong thời hậu hiện đại ngày nay thế giới tràn ngập "tin tức", dữ kiện, sự chọn lựa sắp xếp các tin tức rồi trình bày bằng bản viết sẽ chỉ nói lên một tầng cấp thực tại lịch sử, một số khía cạnh của toàn bộ thực tại đó. Đấy là chưa nói tới ngôn ngữ sử học sử dụng cũng chỉ là một hiện tượng văn hóa luôn biến đổi. Trong *"Public Burning"* Robert Coover cho độc giả thấy Richard Nixon "khỏa thân" giữa Time Square. Trong *Midnight Children* Salman Rushdie cho rằng nữ Thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi cho lệnh tấn công đền thờ của người Shik là có mục đích muốn tiêu diệt toàn thể những người đã ra chào đời vào đúng nửa đêm ngày Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thánh Gandhi đã dành lại độc lập. Phải giết hết những người này vì trong bọn họ có một kẻ có khả năng *nhìn rõ tương lai*. Gabriel Garcia Marquéz trong *Trăm Năm Hiu Quạnh*, theo Carlos Fuentes, viết về Macondo với ý định phơi mở thực tại Mỹ Châu, một thực tại khác với sự thực trong các bản văn lịch sử viết về Mỹ Châu của người Tây phương. Nói như Carlos Fuentes, người khám phá ra Châu Mỹ không phải là Columbus mà là Gabriel García Marquéz. Vậy viết tiểu thuyết có bề dày lịch sử là tái tạo hình thể lịch sử, làm quá khứ trở thành hiện tại bằng ngôn ngữ văn chương mới.

*
* *

Người đọc khi đọc xong Rồng Rắn — trang cuối gấp lại, tia nhìn bâng khuâng — cũng có thể hiểu được người kể chuyện thấp thoáng ẩn hiện dàn trải suốt quyển sách là Mẹ. Mẹ là Nước, đất nước, quê hương. Mẹ cũng là Tiếng Nói, là ngôn ngữ. Mẹ cũng là cưu mang trong tối thẳm, là địa ngục và là ngả vào thiên đường. Mẹ là kẻ nối liền trong ngoài. Là người tạo hình thực tại, là những bước chân tuyệt vời nghệ thuật của tâm hồn rong chơi với thiên nhiên. Là muôn đời những "ngấn lệ mờ ảo", những ngấn lệ long lanh ngôn ngữ chuyên chở ta đi xa hơn, đem ta vượt qua tính mệnh đến Sự Hy Vọng.

ĐÀO TRUNG ĐẠO

KẺ TRỞ VỀ MỘT MÌNH

LÊ THỊ HUỆ

Chiến tranh gia tăng khốc liệt sau tháng Giêng ta ăn Tết vừa xong.

Trời đang chớm tới mùa xuân. Những mảng đất đỏ quanh tường nhà sắp sửa ráo. Mùa xuân chỉ còn thỉnh thoảng phất phới vào những buổi chiều mây xám giăng. Những ngày thứ Bảy và Chủ Nhật trời tinh mơ, lành lạnh. Nắng mới tràn ngập trên giàn lá non sau chiếc cửa sổ phòng nàng. Những hàng thông hai bên con đường lá xanh tắp rũ mình tắm gội một mùa mưa nàng đi dạy về, nay trở mình vi vu đón nắng mới trong vắt mỗi sớm mai nàng đến lớp gặp lại những khuôn mặt học trò nay đã thuộc tên.

Một tuần lễ nay mọi sinh hoạt bình thường ấy đã đột ngột thay đổi.

Bích Chi về nhà.

Một mình nàng lui cui ra phi trường khi mọi người đã rộn ràng di tản xuống quốc lộ 19. Xuống Quy Nhơn. Gia đình nào sung túc hơn thì di tản bằng máy bay vào Sàigòn.

Đầu tháng Ba. Mặt trận sôi động từ khắp nơi. Cộng sản tấn công mọi nơi. Tấn công miền giới tuyến Quảng Trị. Tấn công cao nguyên Kon Tum. Tấn công đồng bằng An Lộc. Và dân chúng tá hỏa tam tinh chạy di tản. Quảng trị chạy về Huế về Đà Nẵng. Kon Tum chạy về Pleiku. Pleiku chạy đi Quy Nhơn chạy đi Sàigòn. Tỉnh này di chuyển sang tỉnh khác. Dân chúng bám vào bất cứ thứ gì có thể bám được. Máy bay, xe hơi, xe đạp, cả con đường xa lộ chân trần, để di tản.

Người ta chạy trốn hai thứ: bom đạn và cộng sản.

Ngôi trường trung học Bích Chi đang dạy đã đóng cửa. Mấy hôm nay hai người đàn bà ở nhà lóng ngóng. Chị Bông hết chạy ra phố lại chạy qua nhà hàng xóm. Mỗi lần bước vào nhà là một lần ré lên:

"Ai cũng đi tản cư hết rồi cô ơi."

"Trời ơi mấy cái nhà trước đường người ta thuê xe rau dọn hết giường tủ chó mèo con cái đi sạch bách."

"Thôi rồi. Anh Tư em với trung úy vậy là kẹt lại trận Kon Tum rồi. Nghe nói đang đánh nhau trên trển lớn lắm."

Những chiếc bánh chưng bọc lá chuối xanh, những bịch bánh kẹo mức dưa của gia đình gửi lên cho Hưng. Bích Chi mang lên sau Tết vẫn còn bày ra đấy. Lần gặp nhau cuối cùng là hôm hai mươi lăm tháng Chạp, chàng còn ở hậu cứ. Từ hôm nàng về ăn tết lên đến nay, nàng chưa gặp lại chàng.

Nhận được điện tín của cha mẹ đánh lên gọi con gái về gấp. Bích Chi ra nhờ người bạn lấy

vé máy bay về Đà Nẵng.

Chị Bồng quê ở Phú Yên, chạy hết quốc lộ 19 là về đến quê. Nhưng chị ở lại đợi tin chồng. "Thôi để em ở lại, chị nói, cô cứ về nhà đi. Em giữ mấy thứ này cho. Hễ trung úy về đây được em nói trung úy là cô chờ lâu quá hổng được. Giờ cô về dưới rồi."

"Mà cô đi ngược ra đó chi. Chị tiếp. Người ta đi vô chớ ai đi ra đâu cô."

"Dầu sao ngoài kia cũng còn ba má tôi." Bích Chi nói.

Chị Bồng nhìn Bích Chi chăm chút gói những gói quà của Hưng vào những tờ giấy báo.

"Gói này là cà phê tôi mang lên, Bích Chi dặn. Đây là kẹo và bánh tôi mới làm cho anh ấy."

"Nhiều khi em thấy cô với Trung úy em thương ghê." Chị Bồng chép miệng. "Trung úy cứ đi hành quân hoài. Chắc cô buồn."

"Anh Bồng cũng đi hành quân hoài vậy."

"Em quen rồi cô ơi. Nguyên cả họ hàng nội ngoại nhà em chỉ có bà cô thứ hai của em là sống đến ngoài sáu mươi còn chồng. Còn mấy bà cô mấy bà chị em người nào không góa chồng thì cũng không ở chung với chồng. Cả cái làng em giờ chỉ còn ba phần đàn bà một phần đàn ông ở nhà làm rẫy thôi hà."

"Thời buổi chiến tranh." Chi nói.

"Đâu phải mới bây giờ thôi đâu cô. Chị Bồng nhọn mỏ lên tiếp. Bà cố ngoại em cũng chồng đi kháng chiến. Bà ngoại em chồng cũng đi kháng chiến. Ba em đi tập kết từ hồi nào đến giờ em có thấy mặt mũi ổng đâu. Còn mấy chị em em. Người có chồng bên này người có chồng bên kia. Hổng ai có chồng ở nhà hết."

"Nói vậy chị có nhớ anh Tư không."

"Quen rồi cô ơi. Em thấy cả làng cả họ em ai cũng có chồng mà cũng như không. Riết rồi quen rồi cô ơi. Em có con em út kế chưa lấy chồng. Má em nói thôi đừng có lấy chồng làm chi. Ở vậy với má em cho rồi chớ đàn ông lấy họ, họ ưa đi đánh nhau. Mất công chờ họ hà."

Phi trường nhộn nhịp nhưng ai cũng tranh giành mua vé về Sàigòn. Không ai mua vé ra miền giới tuyến khói lửa. Chuyến bay rộng thênh thang.

Chiếc xe xích lô đậu lại trước nhà. Bà Hoài Sơn ôm chầm lấy con:

"Út của mẹ về đây."

Gia đình các anh chị Bích Chi phân nửa đã chạy vào Sàigòn. Đà Nẵng tiếp đợt dân từ Quảng Trị và Huế chạy vào. Người ta chạy lòng vòng trên một đất nước khói lửa và bom đạn mù mịt như đám kiến chạy lòng vòng trên miệng chén nước đầy.

Ngôi nhà chỉ còn cha mẹ Bích Chi chờ cô con gái út. Ông Hoài Sơn ở nhà. Ngôi trường tiểu học của ông nay thành trạm tiếp cư. Ông hết đi ra phố mua báo để gặp người này người kia, lại về nhà ôm đài nghe bình luận tin chiến sự.

Mẹ Bích Chi đi xuống nhà dưới rồi lại đi lên nhà trên. Thấp thỏm không biết có nên đi Sàigòn không.

"Thấy có người cũng ở lại." Bà Hoài Sơn nói. "Đi đâu cho xa xôi. Thời buổi chiến tranh. Có chỗ nào yên nữa mà đi."

Ngồi nghe tin chiến sự quanh cái radio ở bàn ăn, Bích Chi hỏi cha:

"Cha nghĩ là cuộc chiến này khi nào mới chấm dứt?"

Ông Hoài Sơn nhìn đứa con gái nhỏ nhít ngày nào. Bây giờ đã trở thành giáo sư sử địa trung học.

"Cha ước gì cha có thể trả lời cho con câu hỏi này." Ông nói. "Cuộc chiến này nó không đưa đất nước này đến đâu cả. Nó không phục vụ đất nước này. Có những lúc chiến tranh cần thiết để phục vụ sinh mệnh quốc gia, để giữ gìn bờ cõi, để giải phóng con người, để mang lại tự do, để mang lại cơm no áo ấm cho người dân. Cha chưa nhìn thấy một mục tiêu nào kể trên trong cái cuộc chiến hiện đang xảy ra ở xứ sở này. Đất nước chia đôi vì sự xếp đặt của ngoại bang và vì sự hèn kém của chúng ta. Và cuộc chiến này đang phục vụ cho những tham vọng cá nhân. Chỉ vì ông Hồ Chí Minh có giấc mộng biến nước Việt Nam thành một nước cộng sản mà ông ta đã xô đẩy bao nhiêu người vào cuộc nội chiến giữa hai miền này. Đó là tham vọng của riêng ông Hồ Chí Minh. Một tham vọng rơi đúng vào tham vọng của những người muốn bành trướng chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Những người ở tận nước Nga, ở Tàu, ở Âu Châu. Và những người Mỹ đã đến đất nước này cũng chỉ vì quyền lợi của họ. Họ tranh giành quyền lực với người Nga người Tàu. Họ đổ bao nhiêu vũ khí tối tân vào xứ sở này để thử tàu bay tàu bò bom đạn mới chế tạo để phô trương quyền lực của họ. Tất cả bọn họ cấu kết lại thành một thứ hàm răng cá mập nuốt chửng hết bao nhiêu mạng người ở xứ sở này. Chẳng ai thương tiếc gì dân ta đâu nếu ta không biết thương dân ta."

"Chỉ vì tham vọng của những cá nhân." Bích Chi nói. "Chỉ vì quyền lợi của những quốc gia ở mãi đâu đâu. Mà đất nước này lao vào cơn lốc chiến tranh. Thật là kinh khủng."

"Đừng đổ lỗi cho ai hết con ạ." Cha nàng

nói. "Chính chúng ta đã phải trả giá cho sự ngu dốt của mình."

Buổi tối cha nàng thường theo dõi tin chiến sự cho đến khi ông gục thiếp ở chiếc phản phòng ngoài. Bích Chi nằm trò chuyện với mẹ. Nàng nằm trên chiếc giường của mẹ. Đã lâu lắm rồi nàng mới nằm cạnh mẹ. Nàng ôm ngang bụng mẹ. Cái áo trắng cánh tay của mẹ thơm mùi vải sạch và mềm mại quen thuộc.

"Con ốm quá Chi à." Mẹ nàng nói. "Từ ngày con đi lên đó con sụt ký. Năm ngoái còn đỡ. Năm nay thì ròm quá sức rồi."

Bích Chi nằm im thin thít nghe mẹ nói. Một lúc sau mẹ nàng mới hỏi:

"Hưng thế nào?"

Bích Chi ngập ngừng:

"Con . . . chưa gặp lại anh ấy."

"Chưa à."

"Anh ấy bận hành quân liền tù tì."

Người mẹ im lặng một lúc lâu rồi mới nói:

"Chi à, có khi nào con lên chỗ trại ở của anh ấy chưa."

"Anh ấy đóng xa lắm. Mà để làm gì chứ?"

"Lên coi thử anh ấy có đi hành quân thật không."

"Hứ. Sao mẹ lại nói vậy?"

Bà mẹ vuốt những ngón tay xương xẩu của mình và nói:

"Con thật thà lắm Chi à. Làm sao mà con tin đàn ông con trai được. Lỡ hắn về hắn đi thăm con nào rồi làm sao con biết được."

Rồi bà đọc ca dao tục ngữ cho con gái nghe:

Đàn ông năm bảy lá gan
Lá ở cùng vợ lá toan cùng người.

"Không đâu mẹ ạ." Con gái của bà nói. "Làm gì có chuyện đó."

Bà đưa tay vuốt tóc con gái. Những sợi tóc đen thẳng và mượt như mái tóc của bà thời con gái.

"Hưng thương con lắm." Bà nói. "Mẹ biết. Nhưng con phải biết hắn là lính tráng. Tương lai biết ra sao. Con phải nghĩ đến thân con. Nếu lập gia đình với Hưng con có chịu được cảnh chồng một nơi vợ một nẻo. Rồi nói dại lỡ có chuyện gì xảy ra con thành góa bụa à."

Thấy con gái không nói gì, bà lại tiếp:

"Mẹ thấy anh Trí con ông Tâm để ý con. Cũng là giáo sư đi dạy như con."

"Thôi mẹ." Bích Chi nói. "Ai lại làm như vậy."

"Con ngu lắm Chi à. Mẹ nàng nghiêm giọng. Con tự ràng buộc con với thằng Hưng . . ."

Rầm. Rầm. Rầm. Hai mẹ con lật đật lăn xuống giường. Những loạt nổ mạnh. Tranh ảnh trên tường rơi xuống sàn. Cha Bích Chi đi vào. Những tiếng đại bác thật gần. "Mẹ con chui vô hầm ngay." Ông la lớn. Cả ba chạy băng vào cái hầm tránh pháo kích được chất bằng những bao cát ở sau vườn. Hỏa châu sáng rực phía núi Non Nước.

Ngày hôm sau trong khi Bích Chi dọn dẹp những ly tách và khung kính vỡ trên sàn nhà. Cha mẹ nàng đang thấp thỏm không biết nên di tản hay ở lại. Nàng biết cha mẹ tuy lo âu thấy tình hình chiến sự một lúc một gia tăng. Mặt trận phía Bắc, Quảng Trị đang diễn ra khốc liệt. Nhưng ông bà không muốn rời khỏi ngôi nhà này để đi đến một nơi xa lạ.

"Hễ cha mẹ không đi." Bích Chi nói. "Con cũng ở lại."

Người phát thư đi ngang nhà. Ông ta gõ cửa.

"Có thư đây."

"Thư ai vậy. Mẹ nàng nhốn nháo. Có thư mấy đứa trong Sàigòn không?"

"Có thư Sàigòn . Có thư cô Chi nữa đây."

Bích Chi mở lá thư có đóng dấu KBC. Lá thư viết trên mảnh giấy học trò mà đã có lần nàng đã cuộn một quyển và nhét vào ba lô Hưng trước khi chàng đi hành quân.

Kon Tum ngày . . . tháng . . . năm . . .

Bích Chi,

Anh viết vội cho em mấy giòng. Vì anh nghĩ có lẽ giờ này em cũng đã tìm cách về với gia đình. Anh rất mong tin em. Nhận được thư này hãy viết cho anh biết tin của em. Anh đang ở trên đồi Phượng Hoàng. Chung quanh đây những ngôi làng chỉ còn nhà trống toang hoang và những súc vật chạy rong hoặc đã chết không ai lôi đi. Dân chúng trong làng đã bỏ đi gần hết. Những người còn lại không ai dám bước ra khỏi nhà. Bom đạn nổ rền rền hai mươi bốn trên hai mươi bốn. Đã có người đồng đội thân cận nhất của anh ngã xuống bên tay phải anh. Những đêm liền không ngủ. Anh không còn có khái niệm gì gì đó được gọi là thời gian và không gian ở nơi này nữa. Giữa tất cả những gì đang xảy ra này anh nhớ em. Nhớ em rất nhiều. Anh mong mọi điều an toàn cho em và mọi người. Bích Chi thương, dù thế nào đi nữa, dù ở tư thế nào đi nữa, thì anh vẫn tin và tự nhủ với anh rằng anh đang chiến đấu vì em và cho em. Yêu em. Hưng.

Ôi Hưng. Bích Chi ép lá thư vào ngực. Lần đầu tiên trong đời em muốn cầu nguyện. Em cầu nguyện với trời phật cho anh sống sót để trở về. Làm sao em có thể buông bỏ anh trong lúc này. Làm sao em có thể bỏ anh được.

Chiến tranh đang giang tay giang chân vơ vét

hết vốn liếng của đời anh và đời em. Nó đang lấy hết ngày xanh, niềm tin, và tình yêu của chúng ta. Nó đang bắt chúng ta ngã quỵ. Nó ham hố. Nó tàn ác. Nó liếm sạch hết bất cứ nơi nào mà bàn chân nó bước tới.

Anh yêu, em nhớ mãi lời anh nói "Phải chiến đấu. Nếu không chúng ta sẽ gục ngã thảm hại", trong một đêm khuya nào đó ở đầu đường Quang Trung trước khi anh vào trại. Em đã nhớ áo anh còn đầy mùi thuốc súng. Anh vừa từ mặt trận phía Bắc trở về. Đất cát bụi bặm còn vương đầy mũ áo. Lời nói thẳng thốt trong một phút giây bất ngờ đã lay động tận cùng trong em. Trong một phút giây em mới biết rằng chúng ta không còn là đôi trẻ thơ ngày nào òa vỡ những trận cười và tung tăng những bước chân sáo trên bãi biển Cửa Đại. Trong một phút giây em đã cảm nhận ra rằng em đã lớn dậy cùng với anh. Chúng ta đã phải lớn dậy trong một cuộc chiến thảm khốc để quá tỏ tường rằng nó đang quyết liệt giật anh ra khỏi em. Giật em ra khỏi anh.

Ôi Hưng, em biết cả những lúc anh quơ tay hất đổ những chai bia trên mặt bàn. Đấy không phải là anh. Cả những lúc anh lỗi hẹn không về kịp. Đấy cũng không phải anh. Em còn nhớ mãi những buổi chiều trên biển Cửa Đại anh xắn quần đi bắt còng về cho em nuôi trong những hố cát. Nụ cười không ngừng trên môi anh. Những câu chuyện nổ giòn giữa hai đứa. Tuổi thơ không có lớp màng đời bao phủ. Em đã nhìn thấy anh quá sức hồn nhiên những lúc em tập xe đạp. Em té lên té xuống giận hờn anh lung tung vậy mà anh vẫn nở nụ cười khoe hàm răng đều đặn khỏe khoắn. Em đã lỡ nhìn thấy một khuôn mặt yêu đời và lạc quan trong anh. Em đã trộm nhìn thấy một khuôn mặt mạnh mẽ tươi tắn và hồn nhiên của anh trong suốt bao nhiêu năm tuổi thơ và những năm dậy thì. Cho đến ngày anh đột ngột vào lính.

Em không tin rằng anh đang xa dần em. Bởi vì em tin rằng cả những yếu đuối trong anh vẫn không làm sụp đổ được con người nguyên thủy yêu đời và vươn đôi cánh cao cả của anh. Em muốn hiểu anh hơn ai hết. Em muốn yêu anh hơn ai hết. Chúng ta gặp nhau trong định mệnh của nhau. Đó là một điều hơi buồn thảm. Có lẽ vì vậy mà em tin tưởng. Có lẽ vì vậy nên em sẽ không buông bỏ anh. Em không thể để cho anh lẻ loi chiến đấu. Hãy bám lấy nhau mà sống. Chúng ta là cái biên giới cuối cùng. Buông bỏ nhau là chúng ta sẽ trở thành những kẻ chiến bại . . .

Một buổi sáng cả nhà vừa điểm tâm xong. Tám giờ sáng, giới nghiêm vừa xả. Súng vẫn còn nổ đì đẹt ở hướng núi Hòa Cầm. Ông Hoài Sơn đi ra sạp báo mua tờ báo Chính Luận. Lúc trở về, ông báo tin:

"Nghe nói anh Châu chồng của cô Thanh con bà Hòa chết ngày hôm kia trong Hội An."

"Ai nói. Ai nói." Mẹ Bích Chi nhao lên. "Đường đang kẹt mà. Tin ở đâu bay ra đó."

"Tôi gặp ông Hai ngoài sạp báo. Ông ta đi theo xe nhà binh mới ra đây tức thời. Nghe nói chết vì bị trúng đạn pháo kích vô ngay tiểu khu."

Oanh và Bích Chi đón chuyến xe đò mở đường đầu tiên về Hội An.

Xe sắp qua cầu Cẩm Lệ, lính chận lại xét giấy. Đám đàn ông và thanh niên bị hỏi từng người một. Một nông dân mặc bộ đồ đen, đội cái mũ sụp, chìa tấm giấy ra. Người lính nhìn mặt người thanh niên và nói: "Mặt này mà mười bảy tuổi sao. Quê Gò Nổi. Trốn lính hả".

Oanh nhìn qua cửa sổ và buột miệng nói:

"Đ.M. Cái chỗ toàn Việt Cộng."

"Sao mày biết?" Bích Chi nhìn sang bạn và nói.

"Ông Quảng từng giấu giấu diếm diếm hẹn với bà già tao ở đấy."

Chi nhìn sững con bạn. Lần đầu tiên nghe Oanh chửi thề. Oanh không nhìn bạn, nói tiếp:

"Đ.M. Lâu lâu chửi thề một cái cho đỡ giận."

Từ lúc đến báo tin cho nó hay anh rể nó mất, mà trước đấy nó đi đâu mất tiêu người nhà không biết ở đâu mà mò, cho đến khi hai đứa ra bến xe về Hội An. Mặt của Oanh tỉnh như sáo sậu.

Oanh mặc một cái áo thun màu chuối non bó sát người. Bước đến đâu là những cặp mắt ngó theo đến đó. Cái cổ áo khoét rộng và đôi ngực nhún nhẩy. Oanh cột tóc đuôi ngựa. Cả một mảng vai,ngực và cổ lồ lộ ra. Trên cổ đeo một sợi dây chuyền vàng tây có hình đầu con thỏ.

Oanh đeo kính râm đậm to gọng lên. Mở xách tay lấy điếu thuốc Salem ra phì phèo.

"Chi," Oanh nói, "mày thấy tao dạo này thế nào."

"Trông mày đẹp ra." Bích Chi nói.

"Mới đi bơm ngực tốn hơn vạn bạc đó mày ơi."

"Nhìn xem. Hễ mày đi đến đâu là bao nhiêu cặp mắt chiếu tướng."

"Khen thật không đấy?"

"Thật mà!"

"Nghe từ chính miệng mày khen là sướng nhất."

"Sao vậy?"

Oanh không trả lời bạn, tiếp tục hút thuốc lá.

Một lúc sau nó mới nhìn sang Bích Chi đang lơ đễnh nhìn ra ngoài cửa kính xe. Chiếc xe chạy chầm chậm nhúc nhích từng quãng một.

"Chuyện mày với ông Hưng đến hiệp thứ mấy rồi?" Oanh nói. "Kể nghe chơi."

"Vậy vậy." Bích Chi nói.

"Vậy vậy là làm sao?" Oanh nhìn xéo qua con bạn.

Bích Chi trở người. Không trả lời.

"Dạo này mày chì há." Oanh nói.

Con bạn nó cũng không mở miệng.

"Nhưng mày có chì hơn," Oanh tiếp, "thì mày cũng không còn nghĩa lý với tao như ngày xửa ngày xưa."

Bích Chi quay sang nhìn Oanh và sẵng giọng:

"Sao mỗi lần gặp tao mày ưa xách tao ra nói chì nói chiết. Có bao giờ tao nghĩa lý gì với mày đâu Oanh. Mày sống thế nào mặc kệ mày. Có bao giờ tao phê bình gì về cuộc sống của mày đâu. Có như vậy thỉnh thoảng tụi mình mới còn gặp nhau. Vậy mỗi lần gặp tao mày cứ nói tao thế này tao thế nọ. Tao mệt quá."

"Mày lúc nào chẳmg là bà nội tao." Oanh đốp chát.

Hai đứa không nói gì với nhau một lúc lâu. Oanh hút hết điếu thuốc nữa rồi mới bắt chuyện lại.

"Hồi trong năm tao có lên Pleiku." Oanh nói.

"Sao không đến tao?"

"Tao gặp ông Hưng trước. Định sẽ gặp mày sau. Nhưng rồi sau khi gặp ông Hưng tao đã bỏ ý định gặp mày."

"Không nghe nói gì cả."

"Định hôm nào gặp mày nói luôn một thể."

"Nói chuyện gì vậy?"

Oanh chéo hai chân lại, chéo hai tay lên chiếc ví cá sấu trên đùi, rồi tuôn dài giọng:

"Mày nghe tao nói nghe Chi. Mày đừng cắt ngang lời tao. Mày cứ để cho tao nói một hơi. Những điều tao chưa bao giờ nói cho mày nghe cả. Nhưng tao biết có một ngày nào đó tao sẽ nói với mày. Sẽ nói hết. Nói sạch. Sẽ không giấu giếm gì nữa. Một lần trong đời."

Nó bắt đầu từ cái thủa xa xưa. Từ lúc tao với mày còn bé kìa. Từ lúc tụi mình còn chơi chung bộ ba tao mày với ông Phương kìa. Tao đã để ý mọi chuyện từ cái lúc ấy. Nhưng mà thôi. Để tao bắt đầu chuyện từ cái hôm tao đi Pleiku gặp ông Hưng. Mày biết tao đi Pleiku làm gì không. Thúc giục ông Hưng lấy vợ. Lấy mày. Tao lanh chanh tao đi chứ ai mà bảo. Một hôm tao về nhà tình cờ nghe bà già than phiền là giục ông Hưng làm đám cưới với mày hoài mà ông ấy cứ lần lửa. Thế là tao ra lại Đà Nẵng nhờ máy bay quân sự của cha kia nhảy lên Pleiku. Lên đến nơi tao đi máy bay trực thăng đến thẳng trại của ông Hưng ở ngay Cầu Số Ba. Ông Hưng thấy tao đi với xếp lớn cũng hơi trố mắt ngạc nhiên. Nhưng đến khi nghe tao nói chuyện bà già bảo tao lên nói như vậy ông ấy mắng cho tao một trận rồi đuổi về. Về đây hai tuần lễ sau tao mới là lò dò kể chuyện cho ông Phương nghe. Ông Phương thì bao giờ lại chẳng chịu nghe chuyện của mày. Tao hỏi ông Phương nghĩ sao.

"Ông Phương nói sao?"

Bích Chi nói khi bỗng nhiên Oanh ngưng ngang và quay sang nhìn nàng chằm chặp.

Oanh cười một chút nhỏ trong miệng sau khi quan sát con bạn.

"Mày biết ông Phương nói sao không?" Oanh tiếp. "Ông Phương nói nghĩ rằng mày thông minh đủ để biết tất cả những chuyện như vậy. Tao còn nhớ ông ấy nói với một giọng buồn buồn. Tối đó hai anh em ngồi nhắc lại nhiều chuyện về mày. Chuyện thời xa xưa. Tao phải chờ vợ ông ấy đi ngủ mới nói chuyện được. Mày biết sao không Chi? Nói mày đừng giận chứ nhìn thấy hai ông anh tao đối xử với mày vậy tao có phần mãn nguyện. Hả hê thì đúng hơn. Tao biết mà. Tao biết ông Phương thương mày từ thuở bé. Từ năm học lớp ba mày đến nhà chơi ông Phương đã để dành những sợi dây thun xanh đỏ tím vàng mới nhất cho mày. Cho đến một lần mà tao không bao giờ quên. Lần ông Phương về nhà một buổi chiều thứ Bảy. Tao đưa xấp hình tao chụp ông Hưng với mày đi chơi ở chùa Thiên Mụ ngoài Huế. Nhìn bức hình mày ngồi với ông Hưng dưới tam cấp chùa, ông Phương hỏi tao nghĩ sao. Tao nói liền tại chỗ. Tao nói mày với ông Hưng xứng đôi vừa lứa quá chứ còn gì nữa. Ông Hưng rất thương mày còn mày cũng đã từng tâm sự với tao là mày có thương ông Hưng. Cứ nhìn tấm hình xem, hai anh chị đi chơi với nhau cười tươi như hoa mới nở sớm mai đây này. Tao không nói thật trong bụng tao đã nghĩ gì về mày cho ông Phương nghe. Tao nghĩ gì à. Tao chỉ mong mày đừng được hạnh phúc. Để cho mày biết thế nào là bất hạnh. Để cho mày biết thế nào là đau khổ. Không biết có đúng không nhưng từ hồi còn nhỏ tao đã thấy mày với ông Phương hợp nhau dễ sợ. Coi vậy chứ mày với ông Hưng không hợp rơ bằng. Tính tình ông Hưng vất vả dễ làm khổ người khác mà ông này lại không biết quan tâm để ý đến kẻ khác như ông Phương."

"Tao không ngờ một đứa như mày," Bích Chi nói khi Oanh dừng lại và châm tiếp điếu thuốc khác, "lại để ý đến những chuyện như vậy. Thật là tao đã không biết nhiều về mày như đã nghĩ."

"Chứ sao nữa." Oanh tiếp. "Tao biết mày với ông Phương mới hợp nhau thôi. Tao đã để ý từ hồi nhỏ đến giờ trong cách mày và ông Phương nói chuyện với nhau luôn luôn có một giọng khác. Giọng thân mật âu yếm đặc biệt. Giọng tâm đầu ý hợp tự nhiên như hai người ca sĩ trời cho cái giọng ăn rơ để hát đồng ca với nhau. Tao không nói điêu đâu. Bởi vậy hồi nhỏ tao thấy ông Phương thương mày còn hơn thương tao làm tao ứa gan. Hồi bà già tao mới chỉ có ý định đi hỏi vợ cho ông Phương là tao đã xúi vào rồi. Tao nói với ông Phương là tao biết khi nào mày cũng ráng giữ gìn cái hình ảnh con gái đáng yêu dễ thương của mày như bà tiên dịu dàng đi ban phát tình thương cho người khác. Nên mày không nỡ bỏ ông Hưng đâu. Vì mày là đứa sẽ không bao giờ làm một chuyện như vậy. Dưới mắt mày, ông Hưng là người cần mày ghê lắm. Tao nói tao cũng không biết ở đâu mà mày có cái ý nghĩ quái đản này. Ôi tao nhớ là tao đã nói lung tung nhiều điều về mày. Đại khái là tao chỉ muốn xúi ông Phương nên quên mày đi. Lấy vợ đi cho rồi. Mày không bao giờ biết đâu Chi. Tao đã ghen với mày từ lúc còn nhỏ. Từ lúc tao biết tao thua kém mày nhiều thứ. Tao không quên được những năm tuổi nhỏ tao như cái bóng lu chìm ở bên mày. Mày có hết trong khi tao không có gì cả. Mày được bao nhiêu thầy cô thương. Mày được bao nhiêu phần thưởng nhất nhì trong lớp. Tao cứ phải nhìn mày thấy mắt mày hai mí, má mày lúm đồng tiền, mày xinh đẹp như búp bế Nhật. Mày ở trên ngôi cao như một công chúa xinh đẹp ngự trị hết bao nhiêu năm tuổi nhỏ tuổi lớn của tao. Tao đã từng mơ ước thèm thuồng được một góc của mày. Những lúc soi gương, những lúc bị bỏ rơi giữa lớp học, những lúc bị bỏ rơi ngay với chính những người trong nhà vì ai cũng khen mày ngoan mày đẹp mày học giỏi. Tao tức giận tao thù mày biết là dường nào."

Nói sôi nước miếng nước mồm. Nói đến những sợi gân trên trán nổi dây nhợ xanh. Oanh mới hạ giọng và ngưng lại. Nó nhìn sang con bạn đang nín khe, thở cũng nhẹ, tay đan tay cũng nhẹ, vạt áo dài tím than thẫm đường chiều vắt ngang đùi không nhúc nhích lay động.

Oanh hút hết hơn nửa bao Salem, châm một điếu nữa, rồi quay sang Bích Chi và bỗng dưng nói:

"Tao tò mò muốn hỏi mày điều này."

"Điều gì vậy?" Bích Chi nói.

"Mày đã ngủ với ông Hưng chưa?"

"Lạng quạng có bầu như chơi." Bích Chi nói nhỏ.

Oanh bật cười khẩy một chùm tiếng lách cách khô khan.

"Phá." Oanh mạnh giọng. "Tao phá sạch."

Bích Chi rên khẽ:

"Làm vậy tội chết Oanh ơi! Oanh ơi!"

Đứa con gái tên Oanh ca lên một tiểu khúc:

"Tội . . . tội . . . lội xuống sông."

Một khoảng im lìm trôi qua. Hai đứa con gái chong mắt nhìn ra cửa sổ xe. Những ngôi nhà cũ kỹ và xơ xác dọc quốc lộ đi qua và đi qua.

"Điều có một lần tao kẹt." Oanh nói.

"Rồi mày làm sao?" Chi nhìn sang bạn nói.

"Tao đẻ ra chứ sao."

"Trời đất. Sao không ai hay biết gì hết. Rồi con mày đâu?"

Oanh thở ra, giọng nhỏ hơn trước.

"Đẻ xong tao giao cho cô nhi viện của mấy bà sơ Sao Biển bên Mỹ Khê liền." Oanh nói. "Không biết mấy bà nuôi làm sao mà con nhỏ xanh lè, ốm trơ mắt tróc bụng. Tuần trước tao mới đi thăm. Nó được ba tuổi hơn rồi. Tao sang ký giấy tờ để mấy bà làm thủ tục cho nó đi Mỹ. Có hai ông bà mục sư Tin Lành nào đó muốn xin làm con nuôi. Tao mong đời nó đổi thay sẽ khấm khá hơn đời tao."

Nước mắt tự nhiên lăn tràn trên gò má đứa con gái ngồi bên cạnh. Xe đã qua Vĩnh Điện và đang quẹo vào hướng Hội An.

"Mày không biết hết những chuyện của tao đâu Chi." Giọng Oanh quành lại tông cũ, không chút ngập ngừng. "Bởi thế giới của tao khác xa thế giới của mày. Mày không bao giờ biết tao đã có những năm tuổi nhỏ và dậy thì đầy những ám ảnh khốn khổ riêng tư. Tao thù ghét thậm tệ cuộc đời của một đứa con gái dưới trung bình tất cả mọi phương diện."

"Tại mày xem chuyện nhan sắc bề ngoài quan trọng quá. Bích Chi nói và mắt vẫn còn đỏ hoe." Nên mày lao theo nó . . .

"Mày im đi." Oanh cắt lời Chi. "Đừng tưởng bây giờ tao vẫn còn ôm mơ ước cổ lỗ sĩ là mong muốn trở thành xinh đẹp như búp bết thời xa xưa ấy. Còn lâu. Tao đã biết được điều bí mật của đời tao kể từ khi thân xác con gái này trổ mã. Cho đến ngày tao ngủ với đàn ông, tao mới khám phá ra được bọn đàn ông đã mang lại cho tao những thứ mà tao khao khát. Chỉ có những tên đàn ông nào ngủ với tao rồi mới mê tao. Bọn họ quỵ lụy cái thân xác của tao. Đàn ông. Tao không chắc mày biết về đàn ông bằng tao.

Đàn ông là một sinh vật dữ tợn mà lại đáng yêu nhất đời. Họ là giống vật thông minh khoái quỷ quyệt và ưa phiêu lưu. Hung bạo luôn luôn là cái gì đó hấp dẫn họ. Đàn ông mà làm chuyên thánh thiện gương mẫu là họ chậm chạp ngượng nghịu từ tay chân cho đến đầu óc. Cái đầu của họ như dàn máy xe hơi hoặc như dàn máy radio đàn bà không ưa nổi. Họ ham chiến thắng hết mọi chuyện trên đời nhưng lại bại trận vì cái giống yếu đuối trên giường ngủ. Lột bỏ lon lá địa vị, quyền uy áo quyền trên chiến giường, dưới mắt tao, đàn ông là phái yếu. Mày nói cái gì. Làm sao tao chắc chắn những điều này à. Bằng cách nào à. Bằng cách tao ngủ với cả đống đàn ông. Mày chỉ có thể thật sự biết được hết cái tốt lẫn cái xấu của một tên đàn ông khi nào mày ngủ với họ. Và tao cũng đã khám phá ra đàn ông mê mông mê ngực mê đùi của tao. Tao cho họ không tiếc. Tao ban phát cho họ không nương tay. Những lúc như vậy tao thấy mình như một bà hoàng được từ một lão đại tá già cho đến một gã thiếu niên nứt mắt trung học phủ phục tôn thờ cái thân xác tao. Tao sống hả hê. Và tao đã tìm thấy hạnh phúc trong chính cái thân xác mà trước đây tao đã thù oán thậm tệ. Bỗng dưng hôm nay nhìn lại mày, tao thấy không còn gì để ghen với mày nữa. Tự nhiên tao đâm ra tội nghiệp mày. Tao bỗng thấy tao là đứa sống đủ, chứ không phải mày. Bởi vì tao sống thỏa thuê ngụp lặn theo những ước muốn của tao. Còn những đứa như mày lúc nào cũng phải cố gắng để trở thành những bà tiên những bà thánh trong sạch và cao cả. Mày không bao giờ hưởng được cái hạnh phúc trong phong phú nhất của cuộc đời là hạnh phúc phạm tội, hạnh phúc tàn phá, hạnh phúc đâm thủng cuộc đời không tiếc nuối không sợ hãi không giữ gìn không ngán ngẩm bất cứ một điều gì nữa."

Oanh mở ví, vất chiếc khăn tay sang cho con bạn.

"Lau mấy giọt nước mắt của mày đi." Oanh nói. "Tao không cần những giọt nước mắt ấy."

Xe sắp đến bến. Giọng Oanh bỗng đằm thắm:

"Chi, có bao giờ ông Hưng tỏ ý muốn xin đổi về gần đâu đây chưa?"

"Có tao tỏ ý thì có. Nhưng mày cũng biết tính ông anh của mày."

"Ông Hưng làm khổ mày lắm sao?"

"Đâu có sao."

"Dẹp cái giọng cao cả ấy đi."

Rồi nó bỗng thở ra một hơi dài thườn thượt và nói:

"Chi, mày biết ai chạy cho chồng bà Thanh về Hội An không?"

"Ai?"

"Tao đây chứ ai."

"Mày làm nhiều chuyện động trời quá Oanh ơi!"

"Động trời. Hm. Mày thử nghĩ xem. Con người ta ai chẳng có lúc động lòng. Ai chẳng có lúc muốn làm lành lánh dữ, muốn làm phúc chuộc tội. Tao tưởng tao đã làm phúc cho bà Thanh. Đ.M. Ai ngờ hễ tao ra tay cứu vớt người nào là nghẻo người đó."

"Mày nói cái gì tao không hiểu."

Bích Chi vừa nói vừa đứng dậy. Xe đã đến bến. Hành khách lục đục đi xuống xe.

Oanh lửng thửng theo sau bạn.

"Đây không phải là lần thứ nhất." Oanh nói. "Biết không Chi. Đây không phải là lần thứ nhất tao ra tay cứu giúp người khác."

Chiếc quan tài đặt chính giữa sân. Hai hàng bạch lạp đổ sáp nhễ nhại xuống trên mặt lá cờ Quốc Gia vàng ba sọc đỏ. Chân dung người lính có cái hoa mai thiếu úy ở hai bên cổ áo. Cánh cổng mở rộng đón khách đến phúng điếu. Tiếng mõ lẫn tiếng nam mô của vị sư đang tụng niệm rền rền đều đều.

Oanh và Bích Chi vừa vào đến sân, những đứa con của Thanh reo lên:

"A cô Oanh với cô Chi về."

Hai người đàn bà mặc đồ tang trắng đang phủ phục tụng niệm cạnh bàn thờ ngước nhìn lên. Oanh bỏ đi ra phía sau nhà. Bích Chi đến cạnh bà Hòa. Người đàn bà đứng dậy. Bàn tay xương xẩu như xác mắm khô nắm lấy bàn tay Bích Chi.

"Cháu ơi, bà rưng rưng nói, người ta đi trận đi mạc thì không sao. Còn chồng nó được về ngay thành phố thì lại chết bom chết đạn giữa ban ngày. Nhà này thật vô phước. Đại vô phước."

Bà choàng tay qua vai đứa con gái. Bích Chi tựa vào vai bà. Thân thể người đàn bà gầy còm khẽ run lên theo từng tiếng nấc. Bích Chi để mặc cho những giòng nước mắt lăn tràn trên gò má. Để mặc cho rào rào âm thanh vỡ bờ sóng nhỏ bên trong cổ họng bên trong làn môi.

Qua ngấn lệ mờ ảo, người thiếu nữ nhìn về hướng song cửa sổ hiên nhà. Nàng thấy Phương đang tựa vào gốc cây trong vườn. Chàng vận chiếc áo sơ mi trắng, đang đứng hút thuốc lá. Chàng nhìn nàng. Họ nhìn nhau. K

LÊ THỊ HUỆ

MỘT VÒNG NAM BẮC ĐÔNG TÂY

NGUYỄN XUÂN THU

LTS.— Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thu, hiện giảng dạy tại đại học Úc. Ông còn chủ trương xuất bản sách báo văn chương và học thuật Việt Nam. Bài này ông viết cho Thế Kỷ 21. *Tòa soạn đặt tựa và chia làm hai phần, đăng trong hai số liên tiếp.*

Vào đầu tháng Hai năm nay, trường đại học kỹ thuật Phillip được Bộ Giáo dục, Nhân dụng và Huấn luyện Liên bang Úc tài trợ một ngân khoản để nghiên cứu việc đưa vào giảng dạy ở bậc đại học bộ môn Đông dương học (Indochinese Studies). Theo dự án này, tôi được miễn dạy học trong sáu tháng để đi khảo sát tình hình nghiên cứu và giảng dạy bộ môn Đông dương học ở Hoa Kỳ và Pháp, sau đó soạn thảo giáo án và các văn kiện cần thiết, trình Hội đồng Học vụ, để được chấp nhận giảng dạy môn học mới này tại đại học năm tới.

Nhằm giúp cho công trình nghiên cứu đạt được hiện năng tối đa, một Ủy ban về Đông dương học (Committee for Indochinese Studies) gồm các giáo sư và chuyên viên trong địa hạt này được thành lập. Theo đó, mục tiêu của chuyến quan sát ở nước ngoài của tôi kỳ này được ấn định như sau:

— Quan sát các viện đại học ở Hoa Kỳ và Pháp có giảng dạy và nghiên cứu ngành Đông dương học,

— Tiếp xúc với những vị có thẩm quyền để tìm hiểu thực trạng nghiên cứu và giảng dạy ngành này và lập quan hệ trao đổi các công trình nghiên cứu sau này, và

— Tìm kiếm thư tịch ngành Đông dương học ở những nước đến quan sát.

*

Kim chỉ nam hướng dẫn cho chuyến quan sát của tôi tại Hoa Kỳ là tập *Giáo Trình Các Môn Học Về Đông Nam Á* (1) do Ronald D. Renard và ba vị khác cùng soạn. Tập tư liệu này giúp tôi biết các đại học nào tại Hoa Kỳ có mở các môn học liên hệ đến Việt Nam và các nước khác ở Đông dương.

Trung tâm Đông Nam Á thuộc Đại học Hawaii ở Manoa là trạm viếng thăm đầu tiên của tôi. Tại đây tôi gặp Tiến sĩ Thomas W. Gething, giáo sư Lào học, kiêm Phụ tá Phó Viện trưởng; Tiến sĩ Trương Bửu Lâm, nguyên Giám đốc Viện Khảo cổ tại Sàigòn cho đến năm 1964 và hiện là giáo sư môn Sử Đông Nam Á hiện đại; Tiến sĩ Christine White, giáo sư Sử Việt Nam và là tác giả của nhiều quyển sách và bài viết về Việt Nam; và bà Nguyễn Kim Thư, phụ trách môn Việt ngữ, thay Tiến sĩ Steve O'Harrow, giáo sư môn Việt học, hiện đang đi quan sát ở nước ngoài. Tại Honolulu, tôi còn dành khá nhiều thì giờ để xem các sách và tư liệu ở thư viện đại học. Để biết rõ hơn tình hình sinh hoạt của các cộng đồng Đông dương, tôi còn tiếp xúc bằng điện thoại hoặc gặp mặt một số vị làm việc trong cộng đồng Lào và Việt Nam, như cụ Trần Duy Chánh, Chủ tịch cộng đồng, Tiến sĩ Nguyễn Chương, bà quả phụ Linda Liêm, bà Sengedao Rattamasamay và bà Lo Sanaikone.

Trạm quan sát thứ hai là tiểu bang California, đầu tiên là học khu Santa Ana. Tại đây tôi được Tiến sĩ Khamchong Luangpraseut, Điều hợp viên chương trình giáo dục sắc tộc của Hạt và là Chủ tịch của Hội Giáo dục và Thăng tiến các Công dân Hoa Kỳ gốc Miên, Lào, Việt (National Association for the Education and Advancement of Cambodian, Laotian and Vietnamese Americans), trình bày cho biết tình hình giáo dục của các cộng đồng Đông dương trong học khu Santa Ana và các hoạt động cũng như đường hướng tương lai của Hội NAFEA. Tại các thành phố thuộc miền Nam California này, tôi còn có dịp tiếp xúc với quý vị điều hành tạp chí *Văn Học, Thế Kỷ 21* nhà xuất bản Văn Nghệ, Xuân Thu, Đại Nam và đặc biệt là nhà văn lão thành Võ Phiến.

Rời miền Nam California, tôi đến các thành phố thuộc Vùng Vịnh (Bay Area) ở phía Bắc California gồm San Francisco, Oakland và San Jose. Tại đây tôi gặp được nhiều vị giáo sư quan tâm đến sự duy trì và phát triển ngành Đông dương học và quan sát được một số hoạt động quan trọng liên hệ trực tiếp đến lãnh vực này. Ba vị tôi được gặp trước tiên là cụ Nguyễn Khắc Kham, nguyên giáo sư Đại học Văn khoa Sàigòn và Giám đốc Nha Văn khố của miền Nam trước đây; Tiến sĩ Huỳnh Đình Tế, nguyên Khoa trưởng Đại học Văn khoa Huế, giáo sư và trưởng ban Anh ngữ tại Đại học Văn khoa Sàigòn, hiện là Cố vấn cho một chương trình giáo dục sắc tộc và là tác giả của một số bài và

sách về Đông dương và Việt Nam. Ở Oakland đặc biệt tôi gặp Giáo sư Douglas Pike, một trong những nhân vật chủ yếu mà tôi dự định gặp trong chuyến đi này. Tiến sĩ Douglas Pike là giáo sư của Viện Đại học University of California tại Berkeley, kiêm Giám đốc Chương trình Đông dương học của Đại học, Trưởng Dự án Văn khố Đông dương (Indochina Archive Project), chủ nhiệm tờ *Niên Đại Đông Dương* (Indochina Chronology) và là tác giả của năm quyển sách và trên 20 bài nghiên cứu về lịch sử và cuộc chiến Đông dương. Phụ giúp Tiến sĩ Pike còn có nhiều vị khác, trong đó có ông Stephen Denney và ông Hà Quốc Bửu.

Tại San Francisco, tôi viếng thăm Cơ quan Văn hóa Á Châu (The Asia Foundation) và gặp lại một số viên chức mà tôi đã quen biết từ 20 năm trước. Tôi đã có dịp tiếp xúc với ông Allen C. Choate, nguyên Phụ tá Đại diện Cơ quan Văn hóa Á Châu tại Sàigòn, nay là Giám đốc Trung tâm Á Châu Thái Bình Dương vụ (Center for Asian Pacific Affairs), và tìm hiểu các hoạt động của Cơ quan này liên quan đến những chương trình tài trợ các dự án phát triển giáo dục đại học ở các nước Đông dương.

Rời San Francisco, tôi đến Portland thuộc tiểu bang Oregon vào một buổi chiều mưa lất phất để tham dự Đại học kỳ XI của Hội NAFEA và gặp quý vị làm việc trong các chương trình liên hệ đến các cộng đồng tị nạn Đông dương. Trước ngày Đại hội, tôi lợi dụng một buổi chiều rảnh rỗi để đi thăm các thắng cảnh của Portland. Mùa xuân ở miền Tây Bắc Hoa Kỳ phủ một màu xanh thật đẹp và thật êm đềm, nhắc nhở tôi những ngày tháng trên vùng cao nguyên của quê hương năm xưa. Buổi tối trước ngày Đại hội và những ngày kế tiếp sau đó, tôi có dịp tiếp xúc với nhiều vị giáo sư và chuyên viên đến từ nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ, Canada và Pháp, am tường các lãnh vực Đông dương học, giúp rất nhiều cho công cuộc nghiên cứu của tôi.

Một số vị chuyên viên ưu tú về Miên học (Cambodian Studies) không thể không nhắc đến là giáo sư Tiến sĩ Sam-Ang Sam, nhà âm nhạc học cổ truyền Miên, giáo sư âm nhạc tại Đại học Washington, Seattle; ông Nady Tan, giám đốc Trung tâm Tài nguyên về Đông Nam Á, chủ biên bản tin của hội NAFEA, chị Thida Khus, giám đốc điều hành thuộc Hội đồng Miên (Cambodian Network Council) ở Texas (2); ông Jeff MacDonald, điều hợp viên chương trình gia đình Lào, Miên và Mường (Lao, Mien, Hmong Family Project) ở Portland.

Những vị ưu tú trong cộng đồng Lào có Tiến sĩ Khamchong Luangpraseut, vị lãnh đạo xuất sắc của cộng đồng Lào ở Hoa Kỳ và là nhân tố chính của sự hợp tác giữa các cộng đồng Đông dương trong hội NAFEA; ông Chansamone Voravong, một vị lãnh đạo của cộng đồng Lào ở Pháp và giám đốc sáng lập của cơ quan ngôn luận Lào Agence Midi-Pyrenees; giáo sư Tiến sĩ Bounlieng Phommasouvanh, chuyên viên giáo dục Anh ngữ, thuộc Bộ Giáo dục Tiểu bang Minnesota; ông Puongpun Sanaikone, Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành Cơ quan Tham vấn Canh nông Á Châu và là một vị lãnh đạo đầy uy tín của cộng đồng Lào ở Honolulu; và chị Tou Meksavanh, đặc trách chương trình song ngữ trong hệ thống trường công tại Portland.

Trong cộng đồng người Việt, đáng kể nhất là chị Lê Thị Ngoan, tân chủ tịch của hội NAFEA, là một trong những người Việt Nam thuộc giới trẻ có nhiều uy tín và thành công tại Hoa Kỳ: chị là Phụ tá Đặc biệt của Thống đốc Tiểu bang Illinois, ông James R. Thompson. Ngoài ra còn có chị Tiến sĩ Trần Hương Mai, nguyên Chủ tịch hội NAVAE, giám đốc Trung tâm Tài nguyên Đa Văn hóa thuộc các tiểu bang miền Đông Hoa Kỳ; giáo sư Tiến sĩ Vũ Đức Vượng, giám đốc Trung tâm Định cư Tị nạn Đông Nam Á tại California; đặc biệt là cô Jenny P. Đặng, một người Mỹ-Á (Amerasian), đến Hoa Kỳ đã được năm năm. Cô kể lại tâm sự và niềm thao thức của mình trong những ngày mới định cư ở Mỹ vừa cay đắng, xót xa, vừa đầy cả niềm tự hào của một con người được sinh ra và lớn lên trên đất nước Việt Nam thân yêu, dù mảnh đất này đã bị chiến tranh và sự hận thù xói mòn sự sống. Và còn biết bao nhiêu tinh hoa khác mà vì kích thước của bài này tôi không thể kể ra hết được.

Sau những ngày đại hội ở Portland, tôi bay qua các tiểu bang miền Đông và qua Pháp. Viện Đại học Yale và thư viện của trường này tại New Haven thuộc tiểu bang Connecticut là nơi tôi viếng thăm trước tiên. Tại đây tôi gặp giáo sư Huỳnh Sanh Thông, nhà học giả được giải MacArthur năm 1987 về những công trình nghiên cứu văn học và văn hóa Việt Nam của ông trong thập niên 1980. Hiện giáo sư Thông đang dồn nỗ lực nghiên cứu nguồn gốc ngôn ngữ loài người. Ông đang say sưa nghiên cứu để chứng minh giả thuyết của ông về nguồn gốc của ngôn ngữ và văn hóa loài người là bắt nguồn từ những người mẹ và loài rắn (3). Bên cạnh công trình nghiên cứu ngôn ngữ học này, vị học giả họ Huỳnh còn bận rộn dịch một số thơ Việt Nam ra Anh ngữ và phụ trách xuất bản tờ *The Vietnam Forum*. Ngoài những hoạt động ấy, viện Đại học Yale hiện nay không có bất cứ một chương trình giảng dạy hay nghiên cứu nào liên quan trực tiếp đến ngành Đông dương học. Tôi rời khuôn viên Đại học Yale và thị trấn New Haven trong một buổi chiều trời u ám. Chiếc xe lửa đưa tôi về đến New York vừa đúng lúc thành phố lên đèn. Suốt một buổi tối hình ảnh của nhà trí thức cô đơn cứ lớn vởn trong trí tôi.

Sáng sớm hôm sau, tôi đáp máy bay từ phi trường Newark thuộc tiểu bang New Jersey lên

Ithaca, nơi đây viện đại học Cornell có số sinh viên đông hơn dân số của thành phố. Cornell University là một trong những đại học được thành lập trong buổi đầu của lịch sử lập quốc Hoa Kỳ và hiện nay rất nổi tiếng về nhiều ngành, đặc biệt là những bộ môn về Á Châu học, trong đó phần thư tịch về Trung Hoa và Việt Nam không có một thư viện nào trên thế giới có thể sánh kịp. Số lượng tên sách về Việt Nam tại đây gấp bốn lần số sách về Việt Nam tại Thư viện Quốc hội (Library of Congress). Lúc tôi vừa đến phi trường Ithaca, ông Đỗ Văn Gia, giáo sư môn Việt học và là người đã trụ trì tại viện đại học này từ trên 10 năm nay, cho tôi biết một tin hết sức đột ngột: giáo sư Tiến sĩ Sử học Huỳnh Kim Khánh vừa qua đời ngày hôm trước vì bệnh tim. Tôi bàng hoàng kinh hãi. Giáo sư Khánh còn quá trẻ, chưa có gia đình và sự nghiệp đầy hứa hẹn. Giáo sư Đỗ Văn Gia đưa tôi đến gặp Tiến sĩ Keith Weller Taylor, giáo sư Việt sử và tác giả quyển "The Birth of Vietnam" (4), một tác phẩm được nhiều nhà sử học Việt Nam đánh giá cao. Giáo sư Taylor và tôi đã dành trọn cả những buổi trưa để trình bày các việc làm của mỗi bên và thảo luận về những chương trình hợp tác trong tương lai.

Buổi chiều tôi được đưa đến thăm thư viện và gặp một số vị thủ thư, trong đó có bà Bùi Yến, chuyên viên đặc trách về các sách và tư liệu thuộc các quốc gia trong khu vực Đông dương. Buổi tối giáo sư Đỗ Văn Gia, giáo sư Vũ Thế Thạch và tôi trao đổi với nhau về công việc giảng dạy, các giáo trình, những khám phá mới trong các lãnh vực văn học và ngôn ngữ. Giáo sư Gia còn độc thân và có dáng dấp của một đạo sĩ ê chề núi rừng. Sau 10 năm luyện sách vở ở thành phố hẻo lánh, Ithaca, ông dự định sẽ hạ sơn vào tháng Sáu này và sẽ trực chỉ về thủ đô của người Việt tị nạn để thực hiện mộng ước của đời người và hoàn thành nghĩa vụ của kiếp nhân sinh.

Washington DC là trạm quan sát sau cùng của tôi. Tại đây ngoài thì giờ tham khảo sách vở và tư liệu tại thư viện Bộ Ngoại giao và Thư viện Quốc hội, tôi còn có quá nhiều người cần gặp nhưng thời gian thì có hạn, thành thử những cuộc gặp gỡ và trò chuyện xảy ra quá chóng vánh. Một trong những vị tôi cần gặp là Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng, giáo sư Chính trị học và Giám đốc Học viện Đông dương (Indochina Institute), thuộc viện đại học George Mason University. Học viện Đông dương có chương trình tổ chức một khóa tu nghiệp năm tuần lễ vào mùa hè này từ 2 tháng Bảy đến 3 tháng Tám, về "việc giảng dạy chiến tranh Việt Nam" (Teaching the Vietnam War) cho các giáo sư hiện đang giảng dạy hoặc sẽ giảng dạy các giáo trình về cuộc chiến Việt Nam. Khóa tu nghiệp nhằm giúp các tham dự viên biết cách thức giảng dạy các khía cạnh và các vấn đề then chốt của cuộc chiến Việt Nam.

Ngoài buổi tiếp xúc ngắn ngủi với giáo sư Hùng, tôi còn có dịp chuyện trò với Tiến sĩ Trần Văn Dĩnh, giáo sư về ngành truyền thông và chính trị quốc tế, cố vấn ban biên tập Bách khoa Quốc sách và bài viết về Việt Nam. Giáo sư Dĩnh đã từng là đại sứ của Việt Nam Cộng Hòa tại Washington DC dưới thời Đệ nhất Cộng hòa và mới đây, tác giả bài "Huế: My City, Myself" trong tạp chí National Geographic (5). Giáo sư họ Trần đã sống trên 30 năm ở Mỹ nhưng luôn luôn vẫn thấy mình xa lạ trên xứ người. Những bài thơ, điệu hát, những câu kinh, dòng kệ vẫn còn thổn thức mạnh mẽ tâm hồn con người của xứ sông Hương, núi Ngự năm xưa.

Đối với thế hệ trẻ, tôi cũng hân hạnh được gặp hai vị luật sư tiến sĩ Việt Nam lỗi lạc, hoàn toàn trưởng thành trong nền giáo dục Hoa Kỳ, nhưng vẫn còn giữ nguyên vẹn tâm tính và phong thái của người phụ nữ Việt Nam. Đó là chị Dương Như Nguyện và cô Đinh Từ Bích Thúy. Cả hai đang hàng ngày tiếp xúc với những giới đầy quyền lực ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nhưng vào những lúc một mình các cô vẫn còn sống lại với những mảng đời đầy thơ và mộng xa xưa, trên quê hương Việt Nam.

Sau cùng, trước hôm giã từ thành phố thủ đô này, tôi được anh chị Nguyễn Nhân dẫn đi thăm một vòng thành phố và cho ăn một bữa cơm tối tại nhà trong tình thân mật. Anh Nhân là một vị tiến sĩ chuyên trách về lãnh vực tâm thần và chị Minh Châu phó Chủ tịch của Công ty Opportunity Systems. Cả hai là những người đã có mặt trên đất nước Hoa Kỳ gần 40 năm nay. Tôi xin chân thành cám ơn anh Nhân, chị Châu.

NGUYỄN XUÂN THU

(Kỳ tới:Nghĩ Về Một Cuộc Chiến Sớm Bị Lãng Quên)

Ghi Chú:

(1) Renard, R.D., et al., Southeast Asia Course Outlines: A Collection, Southeast Asia Paper No. 31, University of Hawaii at Manoa, 1987.

(2) Cambodian Network Council là một tổ chức vô vị lợi do cộng đồng Miên thành lập, chuyên trách các vấn đề văn hóa, giáo dục, từ thiện và nhân đạo. Trụ sở trung ương đặt tại San Antonio, Texas.

(3) Xin xem "Mother's Tongue and Slang: Why and How Thought, Language, and Culture Began", Huỳnh Sanh Thông, Yale Weekly Bulletin and Calendar, November 6-13, 1989.

(4) Tên sách đầy đủ là: "The Birth of Vietnam: Sino-Vietnamese Relations to the Tenth Century and the Origins of Vietnamese Nationhood."

(5) "Hue: My City, Myself" trong tạp chí National Geographic, Vol. 176, No. 5, November 1989.

THỜI SỰ TRONG THÁNG

LÊ THỤY

Việt Nam: Tình hình nhiễu nhương, mê tín

Tình hình kinh tế, xã hội, và tinh thần . . . tại Việt Nam tiếp tục đi xuống trong tháng qua, khi hậu quả của việc xuất cảng gạo ào ạt trong năm qua (đến cả triệu tấn), nhờ bóp mồm, bóp bụng của dân chúng, khiến nạn đói giờ đây đã bắt đầu xuất hiện tại nhiều nơi ở trong nước.

Điển hình là ở vùng Nghệ Tĩnh, thuộc miền Trung Việt Nam, đã có một triệu rưỡi dân "cầm hơi bằng rau cháo", theo như hai tờ "Đại Đoàn Kết" (Hànội) và "Tuổi Trẻ" (thành Hồ) cùng ghi nhận, trong những số báo đầu tháng Sáu 1990 này.

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng Nghệ Tĩnh, chính là quê hương "Bác Hồ", luôn được yểm trợ hết mức và cũng thường được khoe là kiểu mẫu về mọi mặt, nay là điển hình của nạn . . . đói, trong khi Hànội vác mặt lên khoe với cả thế giới, "trong vòng hai năm đã biến Việt Nam, từ một nước nhập cảng sang một nước xuất cảng gạo lớn hàng thứ . . . ba (?) trên thế giới" (chỉ thua Hoa Kỳ và Thái Lan!)

Trong khi đó chiến dịch đàn áp, bắt bớ diễn ra khắp nước, mà cộng sản Việt Nam nói rằng để "diệt trừ tội phạm, các vi phạm trật tự an ninh, xã hội".

Người ta đã nói đến con số hàng ngàn người bị bắt, bị "xử lý hành chánh . . ." trong khi Hànội khoe đã khám phá được hơn 100 công ty thương mại ở trong nước "đã có những liên hệ bất hợp pháp với các công ty ngoại quốc", và "nhiều gián điệp ngoại quốc, núp dưới danh xưng nghiên cứu việc đầu tư, đã lợi dụng chính sách khuyến khích của nhà nước, để gây nguy hại cho an ninh quốc gia (?)".

Đài phát thanh Hànội cũng loan báo cùng lúc đó là: "Lực lượng an ninh nhân dân đã phá vỡ năm tổ chức chống đối, bắt giữ hàng chục phần tử nguy hiểm, tịch thu được 500 tài liệu, ấn loát phẩm chống đối, khám phá hơn 200 trường hợp nhập cảnh bất hợp pháp của người ngoại quốc (?)"

Sự chống đối trong nội bộ!

Người ta cho rằng đây cũng còn là một dấu hiệu cụ thể cho thấy có sự chia rẽ, trống đánh xuôi kèn thổi ngược trong nội bộ đảng cộng sản Việt Nam, khi phe đổi mới đòi mở cửa buôn bán với ngoại quốc, khuyến khích ngoại quốc Việt kiều, đầu tư để vực dậy nền kinh tế tơi tả trong nước, thì phe bảo thủ, cứng ngắc, lại đối đầu lại, bằng cách tạo nhiều khó khăn, bắt giữ các người ngoại quốc, Việt kiều về du lịch đầu tư, làm ăn này, chụp cho những cái nón "gián điệp, phá hoại" . . . làm nản lòng các nugười này.

Trong khi đó, dân chúng chán nản, thất vọng, không còn biết tin vào ai, khi nhà nước lừa đằng nhà nước, và dân chúng lừa đằng dân chúng (công ty tín dụng ma, úp hụi, lừa đảo công khai . . .) đành quay về tin vào thần quyền,

cùng các sự mê tín dị đoan khác.

Một lá thư luân lưu, không biết xuất xứ từ đâu, nhưng ghi chú là do "Chùa Quán Sứ ở Hànội phổ biến" được lén lút phổ biến, truyền tay nhau khắp nước, đã làm cho nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam cuống cuồng hoảng sợ, nhờ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đính chính giùm, là không hề cho phổ biến một thư luân lưu tương tự.

Lá thư này (được sao chép nhiều lần) được chuyền tay hay gởi qua đường bưu điện, có tựa đề là "các lời dạy của Đức Phật và Phật bà Quan Âm", trong đó phán rằng đất nước (Việt Nam) sắp gặp nhiều tai họa, như giông bão liên miên, thiên lôi, quỷ sứ sẽ xuống trần gian trừng phạt những kẻ hung dữ có tội, dân chúng phải ăn chay, niệm Phật, không được đi thăm nơi đâu hay đi làm trong một số ngày nào đó . . . đã gây hoang mang trong dân chúng, tạo thêm nhiều tin đồn có hại cho nhà nước cộng sản Việt Nam, vốn đang gặp nhiều bối rối và khủng hoảng . . .

Một hòn đảo cho người tị nạn?

Trong những ngày cuối tháng Sáu, 1990, đã có nhiều tin tức cho biết sau khi thảo luận với ông Francis Maude, Bộ trưởng Anh quốc đặc trách về Hong Kong, các giới chức Hoa Kỳ đang cứu xét để thiết lập một trung tâm tạm cư cho người tị nạn Việt Nam, tại vùng Thái Bình Dương.

Theo ông F. Maude, Hoa Kỳ không đồng ý giải pháp thiết lập trung tâm tạm cư tại đảo Guam, vì đó là vùng đất của Hoa Kỳ, nhưng có chiều hướng lựa chọn các quần đảo ở Thái Bình Dương, như:

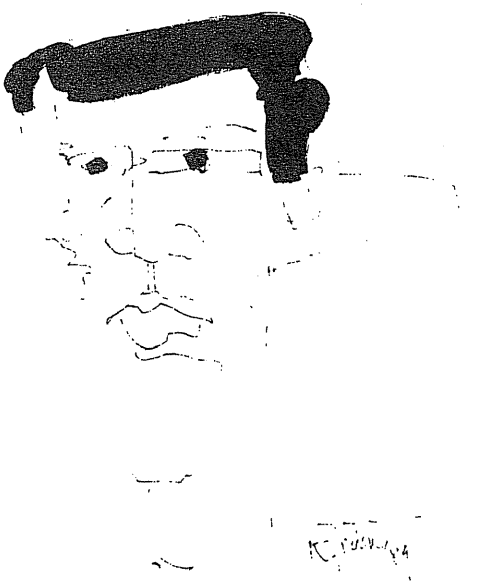

Bên Kia

LÊ BI

Bên kia những dòng thơ
Có đọc ra gì khác
Tự thân đã như mơ
Tiếc gì phần lưu lạc.

Ta có những mùa trăng
Hóa thành nơi thường trú
Tiếng sóng mười lăm năm
Vẫn qua. Như hơi thở.

Bên kia những cơn mưa
Quen hơi như giường mẹ
Từ những chén cơm xưa
Đã thấm thành ngôn ngữ.

Em đã thành lời kể
Để nuôi chuyện hoang đường
Ta đọng một giọt sương
Đang nhìn ra trần thế.

Bên kia những biển dâu
Đã chôn dần huyền thoại
Cờ xí có đổi màu
Sầu ta! Sầu như một.

Mấy trăm năm sông Gianh
Nối vào sông Bến Hải
Bên kia! Bên này mãi
Sử xanh cũng rùng mình.

Bên kia nửa vòng quay
Hồn cạn dần dưỡng chất
Mây Tần lại về đây
Trời cao đầy vết cắt.

Em chỉ là một nửa
Như huyền sử đã ghi
Ta cũng là một nửa
Nói gì chuyện ra đi.

Bên kia bước phong trần
Đoạn trường nào mới đủ
Sầu nuôi sẵn trong trăng
Vẫn theo người lữ thứ.

Nếu sông còn có sóng
Cứ vỗ tiếp cho ta
Nếu sóng có tạt qua
Nhắc sầu ta còn động.

Bên kia cả đại dương
Biết bờ nào là thật
Những hàng rào máu xương
Làm sử xanh cũng chật

Có những bức thư nhà
Vẽ ra đầy biên giới
Sóng hay ta xưng tội
Sao cứ vỗ như là . . .

Marianas, Marshall . . .

Những quần đảo này đã được Liên Hiệp Quốc giao cho Hoa Kỳ quản trị từ sau Đệ nhị Thế chiến.

Phát ngôn viên Tòa lãnh sự Hoa Kỳ tại Hong Kong, ông San Sreebny, tuyên bố:

"Sở dĩ Hoa Kỳ có quyết định tìm chọn một hòn đảo cho dân tị nạn Việt Nam, vì sợ rằng các quốc gia tạm dung Đông Nam Á có thể thi hành biện pháp cấm không cho thuyền nhân mới cập bến kể từ đầu tháng Bảy, 1990 này, như đã đe dọa".

Nguồn tin trong giới ngoại giao cho rằng Hoa Kỳ không muốn đặt trung tâm tạm cư trên lãnh thổ của mình vì sợ người Việt có thể dùng luật pháp Hoa Kỳ, để đòi hỏi quyền tị nạn của họ.

Ông Cao ủy trưởng Tị nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR), Thorvald Stolenberg, sẽ chính thức yêu cầu Hoa Kỳ đưa ra một giải pháp cụ thể cho vấn đề tị nạn Đông Dương, trong phiên họp đầu tháng Bảy này của Ủy ban Chỉ đạo Cao ủy Tị nạn tại Geneva, Thụy Sĩ.

Hòa đàm cộng sản Việt Nam, Trung Quốc tan vỡ

Cuộc họp cấp cao nhất của Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc — lần đầu tiên sau 11 năm đối đầu với nhau, từ sau khi cộng sản Việt Nam xua quân qua Căm Bốt hồi năm 1979 — đã tan vỡ hôm 14 tháng Sáu, sau hai ngày họp tại Hànội.

Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Xu Duxin, đứng đầu phái đoàn Bắc Kinh, gặp Trần Quang Cơ, Thứ trưởng Ngoại giao Hànội, đứng đầu phái đoàn cộng sản Việt Nam, đã không đạt đến được một giải pháp nào để cải thiện các mối bang giao giữa hai nước cũng như giải quyết các sự bất đồng trong cuộc chiến Căm Bốt.

Khi đến Bangkok, Thái Lan, Thứ trưởng Xu Duxin đã nói với các nhà báo tại đây, hôm 15 tháng Sáu, là:

"Dù rằng, phe chúng tôi đã đưa ra nhiều cố gắng lớn lao, các cuộc thảo luận với Việt Nam về vấn đề Căm Bốt đã không đi đến được bất cứ thỏa hiệp song phương nào cả. Sự cách biệt trong lập trường giữa Hànội và Bắc Kinh đã không hề được thu hẹp". . .

Các quan sát viên cho rằng chính trong lập trường đối chọi về Căm Bốt, trong khi Trung Quốc ủng hộ phe Khmer Đỏ và Hànội ủng hộ nhà cầm quyền Nam Vang, đã là nguyên do chính của các sự thất bại này.

Phe Khmer Đỏ đòi chia quyền trong một giải pháp chính trị tương lai cho Căm Bốt, trong khi nhà cầm quyền Nam Vang nhất định phủ nhận cộng sản Khmer Đỏ, là sự dị biệt chính hiện nay, trong lập trường giữa Trung Quốc và cộng sản Việt Nam.

Mặt trận Căm Bốt đã bắt đầu sôi động trở lại trong những ngày vừa qua, mặc dù một thỏa hiệp kêu gọi giới hạn các hoạt động quân sự đã được các phe lâm chiến ký kết tại Tokyo, Nhật Bản (ngoài trừ phe Khmer Đỏ tẩy chay hội nghị này, do Thái Lan yêu cầu Nhật Bản giúp tổ chức), hồi đầu tháng Sáu 1990.

Người ta cho rằng các cuộc giao chiến này có mục đích "giành dân, lấn đất" trước khi tiến đến một giải pháp chính trị thật sự cho Căm Bốt, trong thời gian tới đây.

Liên Sô cho tư nhân ra báo

Quốc hội Liên Sô hôm 12 tháng Sáu đã thông qua đạo luật về tự do báo chí, nhằm chấm dứt nhiều thập niên kiểm duyệt báo chí của nhà cầm quyền và cho phép các cá nhân có thể ra báo được.

Đạo luật mới này, đã được ca ngợi như là đạo luật đầu tiên trong lịch sử Liên Sô, đưa ra các bảo đảm đối với các người làm báo.

Nó cũng là bước tiến mới nhất trong chính sách "Glasnost" và "Perestroika" (cởi mở và đổi mới của Tổng thống Liên Sô Mikhail Gorbachev đưa ra từ bấy lâu nay.

Một trong những điều khoản trọng yếu của đạo luật . . . tân cách mạng này, theo như lời mô tả của một đại biểu Quốc hội Liên Sô, là nó đã nhấn mạnh đến điều:

"Báo chí và các phương tiện truyền thông khác đều được tự do. Việc kiểm duyệt sự thông tin của các cơ quan truyền thông không còn được cho phép. Các giới chức nào mà đe dọa các nhà báo hay tìm cách ngăn chận việc phổ biến các tin tức, đều có thể bị truy tố ra tòa và phạt tiền lên đến 800 Mỹ kim".

Điều đặc biệt là đạo luật cũng dành nhiều quyền hạn cho phóng viên, kể cả việc chối từ viết các bài báo "vi phạm đến lòng tin của người khác" (tức nôm na là "tuyên truyền rẻ tiền"!)

Các nhà báo cũng có thể yêu cầu rút lại tên của mình trên bất cứ bài nào do họ viết, vì nội dung bài báo — theo như sự suy nghĩ của họ, "đã bị chuyển đổi trong khi được tòa soạn biên tập lại". K

LÊ THỤY

Đấu cờ tướng

Truyện vừa

Đỗ Quán Anh
phóng tác

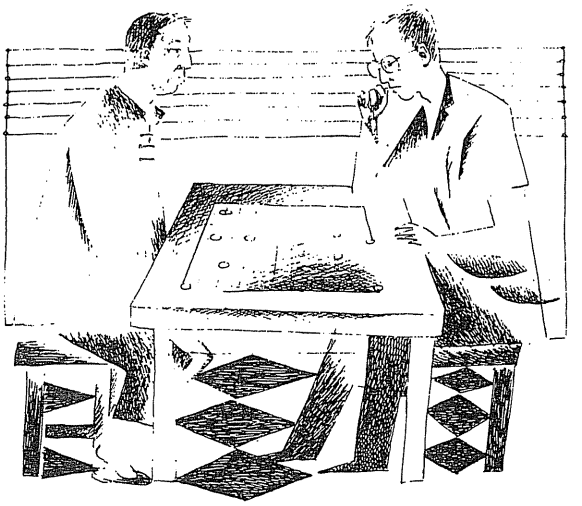

ĐẤU CỜ TƯỚNG *Câu chuyện về cuộc đấu cờ giữa tay vô địch Mã Kinh Lâm và ông Dương, phóng tác vào hoàn cảnh chúng ta năm 1976 để độc giả Việt dễ tiếp nhận và thưởng thức. Ông Dương đã bị biệt giam ở Sàigòn, bị hành hạ tinh thần đến mức muốn phát điên. Ông có được một cuốn sách cờ tướng để giải trí và cưỡng lại cơn khủng hoảng thần kinh. Liệu ông có thành công không? Những trang chót trong câu chuyện hấp dẫn của Stefan Zweig sẽ trả lời cho câu hỏi trên.*

Kỳ 4

Cái giọng thách đấu của nhà họ Lã làm cho tôi kinh sợ. Nghe như là một tay đấu võ sắp giáng đòn vào địch thủ, chứ không còn là một nhà kinh doanh lịch thiệp nữa. Cái đó không biết là do tánh hiếu thắng của hắn, hay là vì hắn tức khí trước thái độ khinh người của Mã Kinh Lâm? Hay là con người họ Lã đã lột xác rồi? Mặt đỏ lại càng đỏ hơn, gân máu phồng lên, lỗ mũi mở rộng, mồ hôi nhỉ trên trán, hắn bặm môi lại. Từ miệng đến cằm có một đường gấp hằn xuống. Trong đôi mắt hắn, tôi lo lắng nhìn thấy ngọn lửa đam mê hực lên như đôi mắt một tay đánh bài roulette đã đánh cùng một cửa đến lần thứ sáu hay thứ bẩy, mỗi lần đánh lại đặt tiền gấp đôi lần trước. Cứ điệu này thì hắn dám tiêu hết sản nghiệp đấu cờ tướng với Mã Kinh Lâm, đấu mãi cho đến bao giờ thắng một ván mới thôi. Mà nếu họ Mã kiên trì, hắn có thể tiếp tục đấu với Lã Xuân Hòa suốt từ nay cho đến tuần sau, kiếm vài trăm ngàn như không? Nhưng Mã Kinh Lâm vẫn lặng lẽ, nói từ tốn:

"Nếu ông muốn ván nữa, cũng được. Bây giờ đến lượt tôi đi trước."

Ván cờ thứ hai cũng bắt đầu chậm chạp như ván thứ nhất; chung quanh có thêm vài khách hiếu kỳ ghé vào những chúng tôi không ai có thì giờ chú ý. Lã Xuân Hòa nhìn chăm chắm vào mấy quân cờ như thể đang thôi miên chúng để chúng phải đi tới toàn thắng. Tôi có cảm tưởng hắn sẵn sàng vứt ra vài chục ngàn Mỹ kim chỉ để chờ lúc được kêu lên: "chiếu tướng," vào cái mặt tên đối thủ bất lịch sự của mình. Cơn đam mê của hắn lôi cuốn cả chúng tôi. Chúng tôi bàn bạc, cãi cọ một cách say sưa, và bao giờ cũng đợi hết mười phút mới quyết định đi nước cờ, rồi gõ ly báo cho Mã Kinh Lâm vào. Chúng tôi đã đi được 17 nước cờ, và tình thế có

vẻ thuận lợi. Dưới sự bảo vệ của quân xe, một con mã của chúng tôi đã sang sông, có thể ăn quân tượng của bên địch, trong khi pháo đầu sẵn sàng trợ chiến. Dù tình thế có vẻ thuận lợi rõ rệt, chúng tôi cũng không lấy gì làm yên tâm. Tất cả chúng tôi đều ngờ Mã Kinh Lâm đã tính các nước cờ đó từ lâu và đang lừa chúng tôi vào bẫy. Bàn cãi với nhau mãi mà chúng tôi cũng không hiểu được cái bẫy đó nó như thế nào.

Cuối cùng mười phút giới hạn đã đến, tất cả phe chúng tôi đồng ý cứ bắt quân tượng đã. Lã Xuân Hòa vừa đưa tay định nhấc quân mã lên thì bỗng nhiên có một bàn tay ở đâu thò ra nắm lấy cánh tay Hòa, và một người hối hả nói nhỏ: "Chết, đừng có bắt tượng!" Tất cả chúng tôi đều quay lại. Chúng tôi thấy một người đàn ông tuổi ngoại tứ tuần, mặt ốm và xương xẩu. Tôi đã gặp ông này ở hành lang một lần và chú ý ngay đến vẻ xanh xao yếu ớt của ông ta. Chắc ông ta đã bước vô phòng trong lúc tất cả chúng tôi chỉ chăm chú vào ván cờ. Cảm thấy tất cả mọi người chú mục nhìn mình, ông ta vội vàng giải thích: Các ông mà bắt con tượng thì quân xe của bên hắn sẽ phải kéo quân pháo qua đuổi. Thế là quân mã này của hắn hết bị cản, và chạy qua cản đường che mặt quân xe bên trái của các ông. Lúc đó thì dù các ông có chiếu tướng bằng quân mã, tướng của hắn sẽ có đường chạy sang đây. Nhưng cả quân mã lẫn pháo đầu của các ông sẽ ở chỗ vô dụng, trong khi đó quân xe kia của hắn sẽ rảnh tay tiến sang, rồi với quân pháo vẫn phục kích chỗ này, trong năm nước là các ông thua. Thế trận này giống hệt trận đấu giữa Hoàng Đình Phiên với Trần Thượng Côn ở Thượng Hải năm 1931, hồi tranh giải báo *Đồng Văn*.

Lã Xuân Hòa ngẩn người buông quân cờ xuống. Tất cả chúng tôi ngơ ngác nhìn vị hiệp khách không biết từ trên trời nào rớt xuống, như một cứu tinh. Tính trước được tám chín nước cờ sít sao như vậy thì chắc chắn phải là một đại kỳ thủ, cùng tầm cỡ với Mã Kinh Lâm, có khi đã đấu tranh giải với họ Mã rồi. Sự xuất hiện can dự vào bàn cờ của ông ta đúng là trời xui đất khiến. Lã Xuân Hoà là người tỉnh ra trước tiên, hắn thì thầm hỏi:

"Bây giờ mình đi thế nào?

"Đừng tấn quân mã tới nữa, không nên chạm địch trong lúc này. Bảo vệ kín đường xe không cho hắn chạy xuống. Hắn sẽ phải tấn công mình ở mặt kia, nhưng pháo ba của mình sẽ bình thất, vừa dọa quân tốt vừa chặn quân xe, lại có mã giữ. Đến lúc đó thì hai bên cứ việc giằng co, và nếu mình thủ cho kỹ thì sẽ đến nước hòa. Không thể hơn được, hòa là khá lắm rồi.

Chúng tôi càng sửng sốt hơn. Nhà hiệp khách tính những nước cờ vừa nhanh vừa chính xác làm chúng tôi bàng hoàng, coi bộ như ông ta vừa đọc các nước cờ trong một cuốn sách. Nhờ ông ta mà chúng tôi thấy ngay mình có cơ hội thủ hòa trận cờ tướng với nhà vô địch này, như một phép lạ. Tất cả chúng tôi chả ai bảo ai, dãn ra để ông ta nhìn kỹ bàn cờ hơn.

Lã Xuân Hoà nói:

"Thế thì mình kéo mã qua đây?"

"Đúng. Tránh đụng trận."

Lã nghe lời làm theo, và chúng tôi gõ cái ly để gọi Mã Kinh Lâm vô. Họ Mã bước vô một cách thong thả, ngó qua bàn cờ, nhìn quân mã của chúng tôi mới đi. Xong, hắn tấn quân xe ở phía tay mặt xuống, đúng như là nhà hiệp khách cứu tinh của chúng tôi đã tiên đoán. Khi hắn đi ra, nhà hiệp khách lại thì thào nói tiếp: "Đẩy xe qua, đẩy xe qua để hắn phải mang mã về cản, nhưng quân mã ở đó là chết kẹt. Lúc đó mình mới tấn quân pháo sang, không sợ gì nữa, rồi, thế là xong. Trận thế đúng như trận đấu báo *Đồng Văn* ở Thượng Hải hồi đó rồi. Mình không còn lo mặt thủ nữa, tha hồ tấn công."

Chúng tôi nghe ông ta nói mà tưởng như nói tiếng Á Rập, chẳng hiểu gì cả. Nhưng Lã Xuân Hòa đã hoàn toàn bị khuất phục, nhấc quân xe đi đúng như ông ta bảo. Tiếng gõ muỗng vào cái ly lại vang lên. Mã Kinh Lâm bước vào, và đây là lần đầu tiên hắn phải suy nghĩ một chút trước khi đi nước cờ. Nhìn bàn cờ giây lâu, họ Mã đi đúng quân mã mà vị cứu tinh của chúng tôi đã tiên đoán, đi xong quay ra ngoài.

(còn tiếp)

Pablo Neruda

Hai mươi bài thơ tình và một khúc ca tuyệt vọng

Bản dịch của Nguyễn Đăng Thường

Trình bày

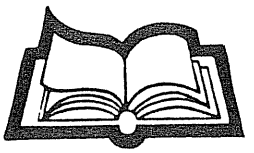

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Trong tháng qua, Thế Kỷ 21 có nhận được tác phẩm và tạp chí do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Xin cám ơn các tác giả, nhà xuất bản, và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Tạp chí NGƯỜI DÂN, số 6 tháng Sáu 1990. Trong một Thư ngỏ gửi cho bạn đọc ở số ra mắt những người chủ trương tạp chí *Người Dân* cho biết sự ra đời của tạp chí nhằm "mục đích tạo phương tiện cho những người dân bình thường nói lên sự suy nghĩ của mình về những mong ước, ưu tư đối với bản thân, đất nước" (Thư số 1), *Người Dân* là "diễn đàn chung của những "người trẻ học tập, làm ăn, đóng góp cho xứ sở cưu mang và hướng về việc quang phục quê hương" (Thư số 2). Trong lá thư hàng tháng của số tháng Sáu này, *Người Dân* gợi ý người đọc lưu tâm đến vấn đề pháp trị: "một hiến pháp tương lai phải như thế nào, và đất nước phải tuân theo luật lệ nào". Báo dày 50 trang, đề giá 1 đồng (NNA).

ĐỌC KINH, đoản văn của VŨ KHẮC KHOAN, AN TIÊM xuất bản 1990. Tranh bìa và phụ bản Bàn Tay Phật của Vĩnh Ấn. Sách dày 84 trang. Đề giá 6MK.

Đoản văn mang tên *Như Lai Vô Sở Thuyết* gồm bốn đoạn viết theo thời gian từ 1984 đến 1986. Đoạn IV chỉ chứa một giòng:

"Lâng lâng trong mù sương nơi ngưỡng cửa pháp hội. Một mình".

Cuốn sách được mở đầu bằng một bài viết ngắn lấy tên *Nhân Ngày Kỵ Họ Vũ* của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng và đóng lại bằng một bài *Thế Giới Vũ Khắc Khoan* của Mai Thảo. Tác phẩm là một cách "đọc kinh" của ông *Thần Tháp Rùa*. Sách in đẹp. Trình bày trang nhã. Và là cuốn sách mở đầu cho nhà An Tiêm tại hải ngoại. Thư từ và tác phẩm liên lạc theo một trong hai địa chỉ dưới đây

34, rue Alphonse Melun
94230 Cachan - France
hoặc
1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone (213) 559-0413

HOÀNG TỬ BÉ, truyện ANTOINE DE SAINT-EXUPERY, bản dịch BÙI GIÁNG, AN TIÊM xuất bản. Phụ lục là 10 bài thơ của Bùi Giáng Trung Niên tặng Saint-Exupery. Sách dày 116 trang. Đề giá 6MK.

Với tác giả quen thuộc người Pháp này nhà xuất bản An Tiêm đã in hai bản dịch: *Cõi Người Ta* (Terres des Hommes) và *Hoàng Tử Bé* (Le Petit Prince). *Hoàng Tử Bé*, hay *Cậu Hoàng Nhỏ* hay gì gì đó tùy theo cách hiểu của người đọc. Đối với chúng tôi đây là tác phẩm quan trọng nhất của sự nghiệp Saint-Ex. Cuốn sách chinh phục người đọc từ 7 tuổi đến 77 tuổi. Ở mỗi thời điểm của đời người, tác phẩm này của Saint Ex sẽ cho người đọc một cái nhìn khác nhau dưới một mẫu số chung là nhân bản, bởi vì như cách nói của ông trong lời đề tặng mở đầu cuốn sách, cho một người bạn tên Léon Werth. *Mọi người lớn đều đã từng là những đứa trẻ (nhưng ít người ghi nhớ được điều này!)* Điểm đặc biệt của *Le Petit Prince* là ngày nay, khi bước chân ngập ngừng đặt lên ngưỡng cửa thế kỷ 21, tác phẩm vẫn còn giá trị trong cái thế giới bị lôi cuốn dữ dội vào nhịp sống và bị tràn ngập bởi âm thanh và vật chất này, hơn bao giờ hết người ta vẫn còn cần đọc lại *Le Petit Prince*. "Cái cốt thiết, cái tinh thể, cái đó vô hình đối với hai con mắt". Người ta chỉ nhìn rõ khi nào người ta nhìn bằng trái tim của mình.

Bản dịch của Bùi Giáng rất là Bùi Giáng (!) (NNA)

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Anh VŨ NAM, ROMARINGEN, Tây Đức — *Thế Kỷ 21* đang đọc sáng tác của anh. Xin cảm ơn anh về những lời hỏi thăm. Chúc anh vui khỏe.

Anh PHAN KHẮC ANH, OKLAHAMA, OK — ĐSLH đã tới. Anh có thể gửi thêm cho *Thế Kỷ 21* vài sáng tác tiếp được không? Mong được thư và bài của anh.

Ông CAO TẤN TỈNH, POMONA, CA — Chúng tôi đã nhận đủ hai bài VMLN của ông. Xin cám ông. Mong được đọc các tiểu luận mới của ông.

Anh ĐOÀN TAM, LONG BEACH, CA — Chúng tôi vẫn thích bài NM mà anh đã gửi trước đây hơn. Tuy nhiên xin anh cứ tiếp tục. Mong được đọc đều bài của anh.

Anh NGUYỄN KỲ PHONG, GREENBELT, MD — Cám ơn bạn. Viết được gì cứ gửi xuống nhé. Chữ và Nghĩa sẽ dùng. Xuống Cali một chuyến chăng?

Anh THƠ TÍN, SAGAMIHARA-SHI, KANAGAWA, Japan — Bài Chập Chờn nhiều ý lạ. Chúng tôi đang đọc lại và muốn đọc thêm vài bài nữa của anh.

Ông TRẦN VĂN TỐ, QUẬN 13, PARIS — Chúng tôi đã gửi thư riêng đến ông. Người phụ trách mục Sách báo Trong tháng là Nguyễn Nam Anh. Xin cám ơn những cảm tình tốt đẹp mà ông đã dành cho *Thế Kỷ 21*.

Cô NHÃ ANH, DOLE, Pháp — Sẽ có thư riêng. Bài T.H. của cô gửi cho *Thế Kỷ 21* đã tới.

Ông TRẦN NGỌC, GARDEN GROVE, CA — Tòa soạn rất đồng ý về những nhận xét tinh tế của ông. Chúng tôi đang thực hiện dần những chỗ thiếu sót. Đa tạ ý kiến xây dựng.

Cô TRẦN THỊ HOÀNG OANH, SACRAMENTO, Cali — Trân Sa là một nhà văn (và nhà thơ) nữ, hiện đang sống và làm việc tại Toronto, Canada. Trong một số tới *Thế Kỷ 21* sẽ đi sáng tác mới nhất của Trân Sa có tên là *Cầu Cứu Những Vì Sao*. Mong cô hài lòng.

Ông ĐINH VĂN TRÁC, NSW, Úc Đại Lợi — Cám ơn ông đã khen ngợi về sự có mặt đều đặn của tờ báo. Các sáng tác và biên khảo của ông hiện đang được người phụ trách đọc và xin sẽ có thư riêng đến ông. Nữ họa sĩ Nguyễn Thị Hợp là người trình bày bìa cho *Thế Kỷ 21*. Phần lay-out bài vở trang trong là do một người trong tòa soạn thực hiện.

THƯ TRỊ SỰ

Sốt Ruột Vì Báo Ra Trễ

* *Thế Kỷ 21* số 14 chậm, mãi đến ngày 12 tháng Sáu 1990 mà tôi vẫn chưa nhận được. Xin lưu ý tôi đã phải nhịn bữa ăn tinh thần, rất là sốt ruột.

TRẦN ĐƯỢC
La Verne, California

* Tôi là một trong số những độc giả dài hạn của *Thế Kỷ 21*. Tôi có thói quen tháng nào cũng mong chờ *Thế Kỷ 21*. Thường thì báo đúng hạn, nhưng *Thế Kỷ 21* số tháng Sáu mãi đến nay 11 tây rồi mà vẫn chưa nhận được. Xin ông xem lại đã gửi cho tôi chưa? Rất cám ơn!

QUÁCH PHƯỢNG THẢO
Utica, New York

Tòa soạn thành thật xin lỗi cùng ông Trần Được và Quách Phượng Thảo và các bạn đọc thân mến về việc báo ra trễ. Chúng tôi đang sắp xếp để báo đến tay các bạn sớm như các số trước. Đa tạ.

Thơ và đoản văn

Bản dịch của Diễm Châu

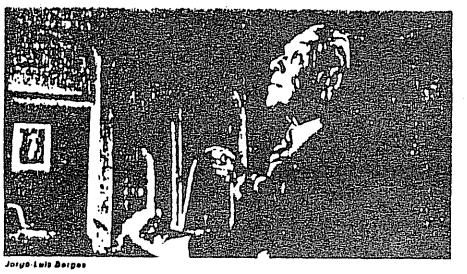

Jorge Luis Borges

Trình bày

Jorge Luis Borges

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

Tại **NHẬT BẢN:**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:

* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:

* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:

* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 650-1770

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:

* Tòa soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95100

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Phượng Hoàng
14354 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. 839-6481

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.
Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA

Bộ Chữ Việt Nam

©VN Labs 1984,1990

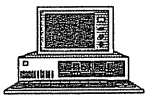

Trên IBM PC & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt và Bộ Chữ Quốc Tế.

Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word V4&V5
Norton Editor
PC-Write
Personal Editor
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter V1&2&3&4
VP-Planner
Wordstar V4&V5
WordPerfect V4&V5
Works V1&V2
Ventura Publisher V1&V2
vv..

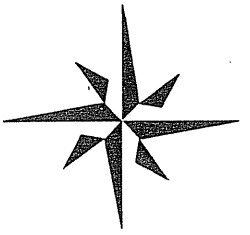

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường.

- ☐ **VN.COM version 7.5:** dùng tiếng Việt với Wordstar V4 & 5, Microsoft Word V4 & 5, Volkswriter V3 & 4, PC-Write, WordPerfect V4.2 & 5.0 & 5.1, Ventura Publisher V1.1 & 2.0, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ☐ **VN Labs Word Processor:** đầy đủ tiện nghi, menu tiếng Việt, dùng mouse.
- ☐ Nơi duy nhất có tiếng Việt đánh chữ trước, dấu sau trong các software thị trường, không bị hạn chế vào một word processor.
- ☐ Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt có thể in trên tất cả các loại máy in hiện đại, kể cả Postscript printers và phototypesetters.
- ☐ Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Đẹp, Sáng, Dân Việt, Khỏe Đẹp, Boat People Committee, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)
Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15
Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

VN FontsCD 55 kiểu chữ Việt tuyệt vời $195
Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher.

Đã Phát Hành Khắp Nơi

SA MẠC

Trong ý nghĩ Nguyễn Xuân Hoàng

SA MẠC

Dưới mắt nhìn Nguyễn Xuân Hoàng

SA MẠC

Qua ngòi bút Nguyễn Xuân Hoàng

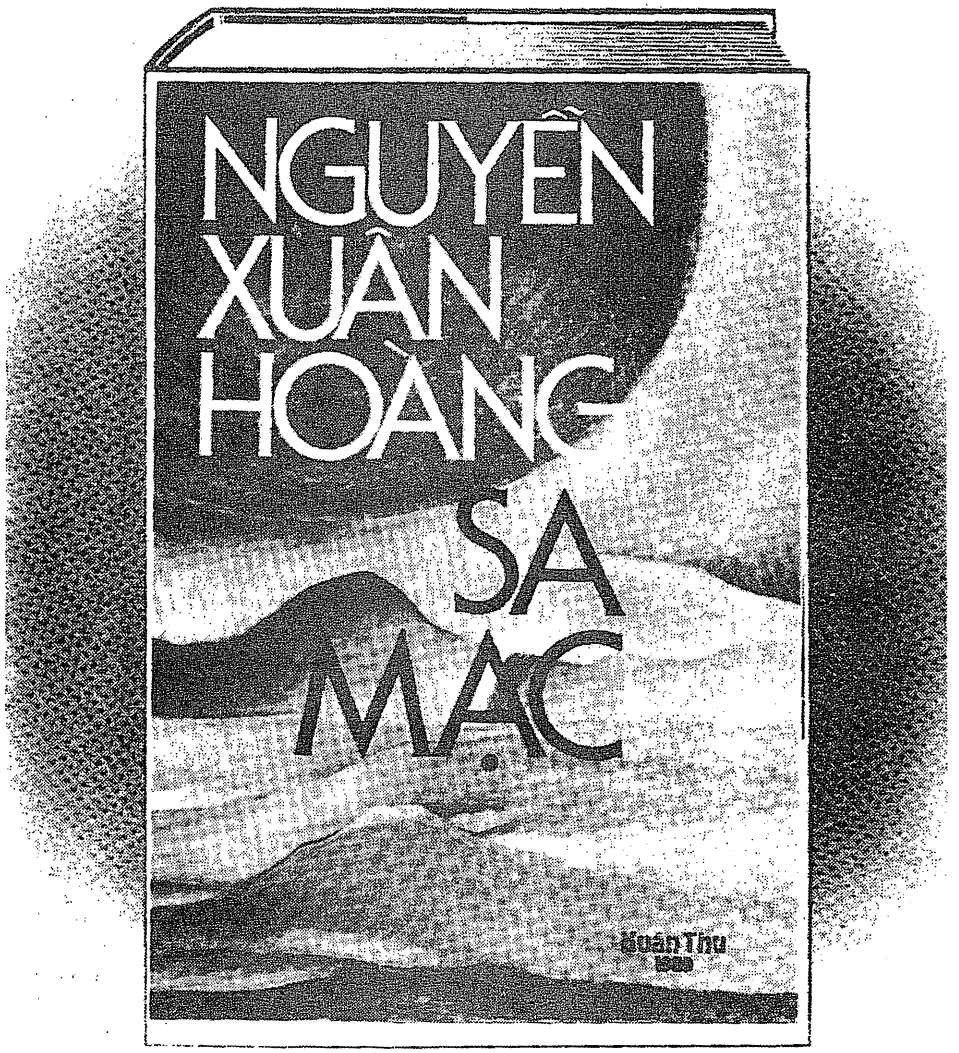

HỌC ANH NGỮ
VỚI
Speak to Me™

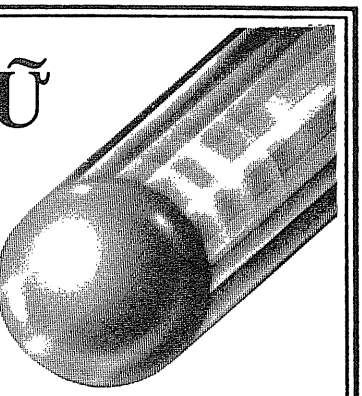

Tại sao chúng ta chọn **SPEAK TO ME**

Những người bận rộn như chúng ta cần học Anh ngữ nhanh chóng. Đó là lý do tại sao chúng ta chọn Speak To Me.
Người Việt Nam sẽ mau chóng, hứng thú và dễ dàng học Speak To Me. Trong điều kiện sống hàng ngày, dùng Speak To Me như một phương pháp thực dụng ở nhà, cửa tiệm, đường phố, nhà hàng khách sạn, và phi trường tại đất Mỹ để khả năng học Anh văn phát triển nhanh hơn trước.

Xin gọi
Cô HOÀNG PHAN
hoặc
Cô DIỆU LÊ

1-800-553-8282

AMERICAN VIDEO
LANGUAGE INSTITUTE, INC.
3909 N.E. 163rd STREET · SUITE 308 · NORTH MIAMI BEACH, FLORIDA 33160 U.S.A.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

AMERICAN BOARD OF OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.

Tốt Nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA
* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA
* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

HỌC BỔNG VÀ TRỢ CẤP TÀI CHÁNH

CHO CÁC NGÀNH, NGHỀ, ĐẠI HỌC, HOẶC ĐÃ TỐT NGHIỆP TRÊN TOÀN NƯỚC MỸ

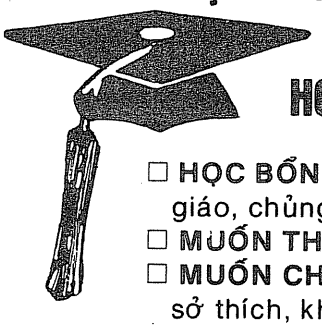

☐ **HỌC BỔNG** Công và tư (dựa trên ngành học, trường học, tôn giáo, chủng tộc, nghề nghiệp cha mẹ, sở thích...)
☐ **MUỐN THÊM 100 ĐIỂM S.A.T** (chúng tôi có cách giúp)
☐ **MUỐN CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG** (chúng tôi sẽ đúc kết sở thích, khả năng và thiên khiếu để gợi ý)

ĐẶC BIỆT
* Không cần phải là học sinh ưu tú hoặc lợi tức cha mẹ phải thấp
* Bảo đảm học sinh nào cũng có học bổng hoặc chúng tôi sẽ bù vào $100 US Saving Bond

Muốn biết thêm chi tiết xin đánh dấu vào ô trống phía trên và điền vào mẫu dưới đây gởi về:

SCHOLARSHIP GUIDANCE SERVICES
12103 S. Brookhurst, E 427,
Garden Grove, CA 92642 - 3065

Tên _____ Điện thoại _____
Địa chỉ: _____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip Code _____

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc: cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	A/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey # C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

TUYỂN TẬP Thi Viết Văn Hè 88

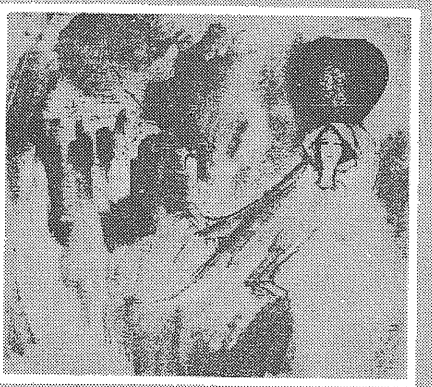

NGƯỜI VIỆT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

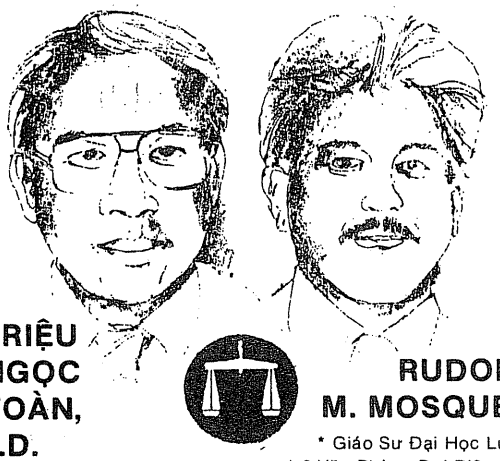

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.
* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA
* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH
  - Vì Xe Cộ:
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - Trượt Ngã Siêu Thị
  - Sơ Xuất Y Tế
- HÌNH LUẬT
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- LUẬT ĐỊA ỐC:
- DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:
- LUẬT THƯƠNG MẠI
- KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:
- LUẬT GIA ĐÌNH:
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- DI CHÚC THỪA KẾ

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ 2-7: 10AM-7PM
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: 1-800-331-4725

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683
(Cạnh Siêu Thị 99)

HẸN NHAU Ở

BI DA sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN
để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI
để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU
để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

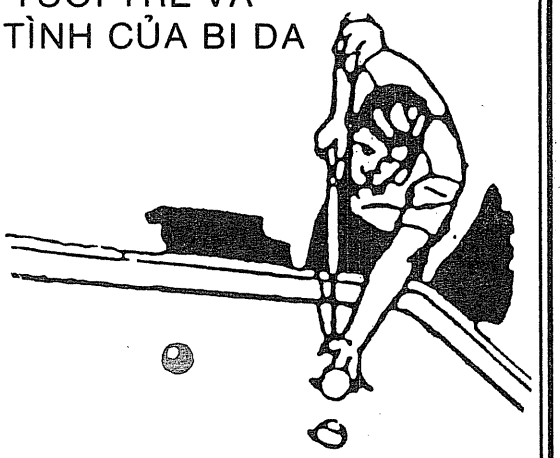

LITTLE SAIGON SUPERMARKET

小西貢超級市場

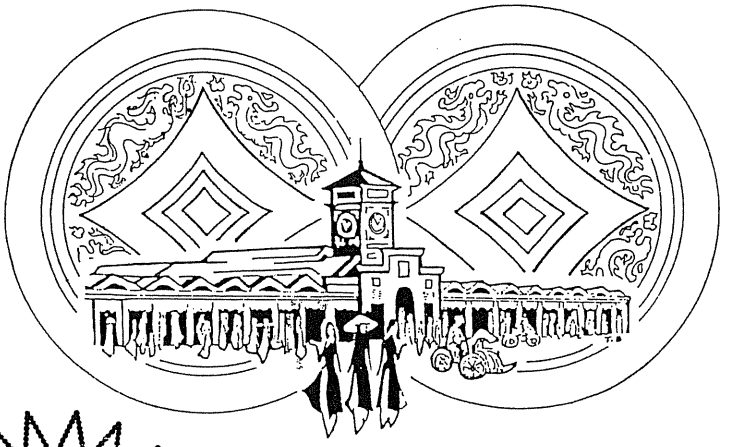

1990:
NỔ TUNG
THỊ TRƯỜNG
THỰC PHẨM

ĐANG ĐƯỢC
ĐỒNG HƯƠNG
ỦNG HỘ
MẠNH NHẤT!

CHỢ LITTLE SAIGON
CÓ 10 CÁI NHẤT

* Chợ lớn **NHẤT**
* Hàng nhiều **NHẤT**
* Thịt cá rau tươi **NHẤT**
* Đầy đủ các hàng thực dụng **NHẤT**
* Giá cả các loại hàng hạ **NHẤT**
* Đã có tặng phẩm nhiều **NHẤT**
* Tiếp đãi ân cần **NHẤT**
* Địa điểm thuận lợi **NHẤT**
* Bãi đậu xe an toàn **NHẤT**
* Và đã được mọi người thích **NHẤT**

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 Tel: (714) 531-7272

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD C. REID
2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648
(714) 536-4014
KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ
TAI NẠN

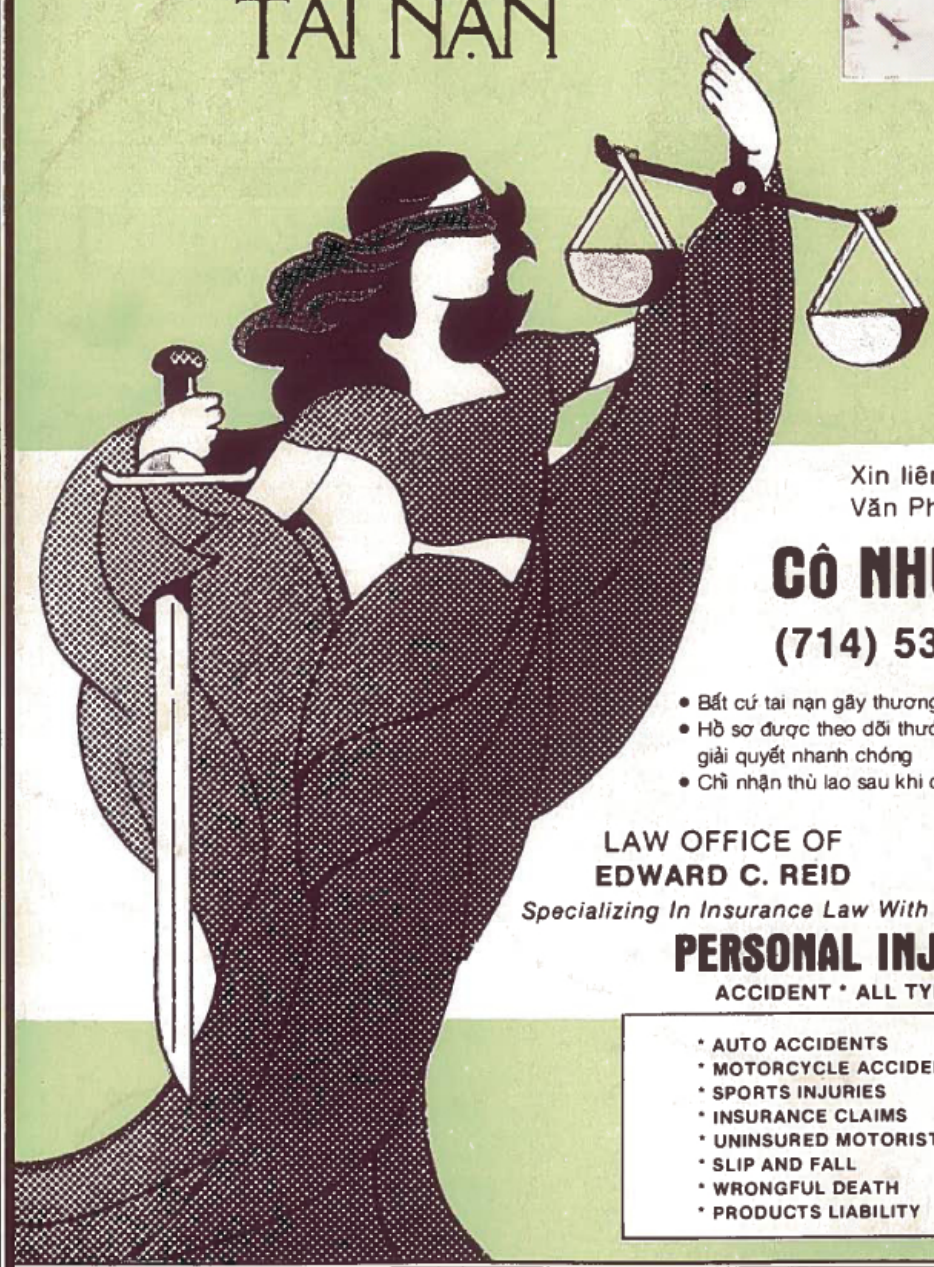

Xin liên lạc
Văn Phòng Chính:
CÔ NHƯ LAN
(714) 536-4014

- Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
- Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
- Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF
EDWARD C. REID
Specializing In Insurance Law With Emphasis On:
PERSONAL INJURY
ACCIDENT * ALL TYPES

* AUTO ACCIDENTS
* MOTORCYCLE ACCIDENTS
* SPORTS INJURIES
* INSURANCE CLAIMS
* UNINSURED MOTORIST CLAIMS
* SLIP AND FALL
* WRONGFUL DEATH
* PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION **NO RECOVERY — NO FEE**

Gia 3.00 MK Ngoai Hoa Ky them 1.00 MK